KINH KIM CƯƠNG NÓI GÌ

《金刚经说什么》

Giảng giải: **Đại sư NAM HOÀI CẨN (南怀瑾)**

Bản in chuẩn: Bắc Kinh Đông Phương Xuất Bản Xã (2016)

Bản dịch toàn văn trọn vẹn 32 Phẩm kinh điển

Kèm Lời mở đầu, Tổng kết luận & Hậu ký của Ban biên tập

Biên soạn & Trình bày LaTeX: Nguyễn Phú Hoàng
Khoa Kỹ thuật Xây dựng — ĐH Sư phạm Kỹ thuật Đà Nẵng

Tháng 10 năm 2026

Mục lục

Lời Mở Đầu: Trí Tuệ Vượt Khỏi Tôn Giáo **15**

1 Pháp Hội Nhân Doanh (法会因由分第一) **17**

1.1 Khởi Đầu Bình Dị Của Một Bộ Kinh Vĩ Đại 18

1.1.1 Gõ mõ tụng kinh và đôi mắt mở ngày đêm của loài cá 18

1.1.2 Sự khác biệt: Đạo tại việc ăn cơm mặc áo . . . 18

1.2 Bốn Chữ Khởi Đầu: Như Thị Ngã Văn 19

1.2.1 Lời dặn dò trước giờ Phật nhập Niết-bàn . . . 19

1.2.2 Trí nhớ siêu phàm và nghệ thuật đảo ngữ văn học 20

1.3 Ý Nghĩa Chữ "Một Thời" (Nhất Thời) 21

1.3.1 Tại sao kinh Phật không ghi ngày tháng năm? . 21

1.3.2 Phê phán chuyện học tiếng Phạn theo kiểu "Duyên mộc cầu ngư" 21

1.3.3 Thời gian là duy tâm và tương đối 22

1.4 Kỳ Thụ Cấp Cô Độc Viên: Giảng Đường Rải Vàng Lá 23

1.4.1 Tấm lòng của Trưởng giả Tu-đạt (Cấp Cô Độc) 23

1.4.2 Cuộc đánh cuộc bằng vàng ròng với Thái tử Kỳ Đà 23

1.5 Đoàn Tùy Tùng Một Ngàn Hai Trăm Năm Mươi Người 24

1.5.1 Ai là những học trò đầu tiên? 24

1.5.2 Phẩm giá của kẻ Khất Sĩ 25

1.6 Khái Niệm Thế Gian Và Tam Thiên Đại Thiên Thế Giới 26

1.6.1 Tam Thế Gian và Tứ Thế Gian 26

1.6.2 Tầm nhìn thiên văn học vượt trước thời đại . . 26
1.7 Ăn Cơm Mặc Áo: Nếp Sống Thanh Tịnh Đời Thường . 27
1.7.1 Khoa học vệ sinh của Đức Phật từ thời cổ đại . 27
1.7.2 Bốn loại thức ăn nuôi dưỡng con người (Tứ Thực) 28
1.7.3 Y Cà-sa và chiếc bát Buffet cổ xưa 28
1.8 Oai Nghi Khất Thực Và Tinh Thần Bình Đẳng 29
1.8.1 Bài học từ hai đại đệ tử: Ca-diệp và Tu-bồ-đề . 29
1.8.2 Tự tay rửa chân và xếp dọn chỗ ngồi 30

2 Thiện Hiện Khởi Thỉnh Phân (善现启请分第二) 32
2.1 Bình Giảng Toàn Văn Của Cụ Nam Hoài Cẩn 33
2.1.1 Thiện Hiện Tu-bồ-đề: Bậc Giải Không Đệ Nhất 33
2.1.2 Như Lai và Bồ Tát 35
2.1.3 Lục Tổ Huệ Năng và Nhân Duyên Kinh Kim Cang 36
2.1.4 Ba Chữ Vàng: Thiện Hộ Niệm 37
2.1.5 Căn Bệnh Muôn Đời: Tầm Sầu Mịch Hận . . . 39
2.1.6 Kim Cang Nhãn và Phát Tâm Bồ Đề 40
2.1.7 Tinh Thần Bình Đẳng Tuyệt Đối: Vô Quyền Uy, Vô Chủ Tể 41
2.1.8 Tâm Này An Trụ Ra Sao: Khái Niệm Giữa Chỉ, Định và Trụ 42
2.1.9 Bản Giao Hưởng Tam Bộ Khúc 43
2.1.10 Như Thế Nào Trụ và Vô Sở Trụ 44

3 Đại Thừa Chính Tông Phân (大乘正宗分第三) 47
3.1 Bình Giảng Toàn Văn Của Cụ Nam Hoài Cẩn 48
3.1.1 Muôn Loài Chúng Sinh: Phân Loại Theo Sinh Lý Học Phật Giáo 48

3.1.2 Hồng Phước và Thanh Phước 50
3.1.3 Chuyện Ngài Huyền Trang và Vị La-Hán Bên Rặng Tuyết Sơn 51
3.1.4 Nghịch Lý Vĩ Đại: Độ Tận Chúng Sinh Mà Không Thấy Ai Được Độ 53
3.1.5 Bốn Tướng Giam Hãm Tâm Thức (Tứ Tướng) 54
3.1.6 Ba Mươi Hai Bài Kệ Đúc Kết Trên Đỉnh Nga Mi 56

4 Diệu Hạnh Vô Trụ Phân (妙行无住分第四) 60
4.1 Bình Giảng Toàn Văn Của Cụ Nam Hoài Cẩn 61
4.1.1 Hành Vi Bậc Nhất và Hạng Thứ: Vô Sở Trụ . . 61
4.1.2 Nhạn Bay Qua Trời Xanh: Cảnh Giới Nhạn Quá Trường Không 62
4.1.3 Hai Nguồn Vốn Của Người Học Phật: Phước Đức và Công Đức 63
4.1.4 Hư Không Phương Đông và Hư Không Mười Phương 64
4.1.5 Vô Sở Trụ Không Phải Là Biến Thành Gỗ Đá Trống Rỗng! 65
4.1.6 Điển Cố: Nắm Cát Của Vua A Dục và Nửa Quả Lê Cuối Cùng 65
4.1.7 Bài Kệ Tụng Phẩm Thứ Tư Của Cụ Nam Hoài Cẩn 67

5 Như Lý Thực Kiến Phân (如理实见分第五) 69
5.1 Bình Giảng Toàn Văn Của Cụ Nam Hoài Cẩn 70
5.1.1 Phi Tướng và Không: Phá Vỡ Mê Lầm Về Thân Tướng 70

5.1.2 Căn Bệnh Chấp Tướng và Ảo Tưởng Tâm Lý Tôn Giáo 71
5.1.3 Hai Quả Táo Của Nhân Loại: Đạo Nơi Chốn Bình Thường 73
5.1.4 Bài Kệ Tụng Phẩm Thứ Năm Của Cụ Nam Hoài Cẩn 74

6 Chính Tín Hy Hữu Phân (正信希有分第六) 76
6.1 Bình Giảng Toàn Văn Của Cụ Nam Hoài Cẩn 78
6.1.1 Nghi Vấn Của Tu-bồ-đề và Lời Khẳng Định Vượt Thời Gian 78
6.1.2 Căn Bệnh Chấp Tượng: Câu Chuyện Đan Hà Thiêu Phật 79
6.1.3 Tâm Lý Bái Phật Của Người Đời: Tiếng Khánh Trừ Tiền 80
6.1.4 Hai Câu Chuyện Về Chữ Chân và Hành Vi Ứng Xử 81
6.1.5 Chiếc Bè Qua Sông và Nơi Nào Là Bến Bờ? . 83
6.1.6 Bài Kệ Tụng Phẩm Thứ Sáu Của Cụ Nam Hoài Cẩn 84

7 Vô Đắc Vô Thuyết Phân (无得无说分第七) 86
7.1 Bình Giảng Toàn Văn Của Cụ Nam Hoài Cẩn 87
7.1.1 Đắc Cái Gì? Thuyết Cái Gì? 87
7.1.2 Tinh Thần Khoan Dung Vĩ Đại: Mọi Tôn Giáo và Bậc Hiền Thánh 88
7.1.3 Nhập Thế và Xuất Thế Hoàn Toàn Bình Đẳng . 90
7.1.4 Bài Kệ Tụng Phẩm Thứ Bảy Của Cụ Nam Hoài Cẩn 90

8 Y Pháp Xuất Sinh Phân (依法出生分第八) 93
8.1 Bình Giảng Toàn Văn Của Cụ Nam Hoài Cẩn 94
8.1.1 Bản Chất Tương Đối Của Phước Báu Thế Gian 94
8.1.2 Bốn Câu Kệ Vượt Trội Bảy Báu Vũ Trụ 95
8.1.3 Mẹ Của Chư Phật: Vũ Trụ Quan Về Hiền Kiếp 96
8.1.4 Phật Pháp Phi Phật Pháp: Lời Cảnh Báo Cho Kẻ Chấp Kinh 97
8.1.5 Bài Kệ Tụng Phẩm Thứ Tám Của Cụ Nam Hoài Cẩn 98

9 Nhất Tướng Vô Tướng Phân (一相无相分第九) 101
9.1 Bình Giảng Toàn Văn Của Cụ Nam Hoài Cẩn 104
9.1.1 Bốn Tầng Quả Vị Thanh Văn và Căn Bệnh Kiến Tư Hoặc 104
9.1.2 Cảnh Giới Nhập Lưu: Chuyện Đờ Đẫn và Trái Xoài 105
9.1.3 Tập Khí Chưa Dứt: Ca Diệp Múa May và Tất Lăng Mạn Tâm 106
9.1.4 Tiền Kiếp Vị Thiền Sư và Cuộc Hội Ngộ Của Vương Dương Minh 108
9.1.5 Tu-bồ-đề: Đệ Nhất Vô Tranh và Ẩn Dụ Vượt Ngục Của Ngũ Tổ Pháp Diễn 109
9.1.6 Bài Kệ Tụng Phẩm Thứ Chín Của Cụ Nam Hoài Cẩn 112

10 Trang Nghiêm Tịnh Độ Phân (庄严净土分第十) 114
10.1 Bình Giảng Toàn Văn Của Cụ Nam Hoài Cẩn 116
10.1.1 Tâm Không Đậu Bảng Vàng Trở Về 116
10.1.2 Trang Nghiêm Cõi Phật Ở Nơi Đâu? 117

10.1.3 Chiếc Bật Lửa và Tâm Vô Sở Trụ 118
10.1.4 Mắt Mù Vì Thầy: Thân Như Núi Tu Di 119
10.1.5 Bài Kệ Tụng Phẩm Thứ Mười Của Cụ Nam Hoài Cẩn 120

11 Vô Vi Phước Thắng Phân (无为福胜分第十一) 122
11.1 Bình Giảng Toàn Văn Của Cụ Nam Hoài Cẩn 123
11.1.1 Cát Sông Hằng và Toán Học Vũ Trụ Của Phật Giáo 123
11.1.2 Nghịch Lý: Thứ Đắt Nhất và Rẻ Nhất Trần Gian 124
11.1.3 Bài Kệ Tụng Phẩm Thứ Mười Một Của Cụ Nam Hoài Cẩn 125

12 Tôn Trọng Chính Giáo Phân (尊重正教分第十二) 127
12.1 Bình Giảng Toàn Văn Của Cụ Nam Hoài Cẩn 128
12.1.1 Kinh Điển Để Ở Đâu Là Tháp Miếu Thờ Phật? 128
12.1.2 Chuyện Anh Chàng Sợ Ma và Cuốn Kinh Dịch Dưới Gối 129
12.1.3 Tấm Gương Chích Máu Viết Kinh Của Hòa Thượng Phổ Khâm 130
12.1.4 Thiên Nhãn Châm Biếm: Nghệ Thuật Chữa Bệnh Tâm Thức 131
12.1.5 Bài Kệ Tụng Phẩm Thứ Mười Hai Của Cụ Nam Hoài Cẩn 132

13 Như Pháp Thọ Trì Phân (如法受持分第十三) 134
13.1 Bình Giảng Toàn Văn Của Cụ Nam Hoài Cẩn 136
13.1.1 Cái Tên Của Kinh và Công Thức Tam Đoạn Luận Của Bát-Nhã 136

13.1.2 Vi Trần và Vật Lý Học Hiện Đại: Tâm Vật Nhất Nguyên 137
13.1.3 Ba Mươi Hai Tướng Của Bạn và Tôi 139
13.1.4 Đại Công Án: Thuyền Tử Đức Thành và Cú Đẩy Rơi Xuống Nước 140
13.1.5 Mùi Hương Hoa Quế Của Thiền Sư Hối Đường 142
13.1.6 Bài Kệ Tụng Phẩm Thứ Mười Ba Của Cụ Nam Hoài Cẩn 143

14 Ly Tướng Tịch Diệt Phần (离相寂灭分第十四) 145
14.1 Bình Giảng Toàn Văn Của Cụ Nam Hoài Cẩn 147
14.1.1 Giọt Nước Mắt Giác Ngộ: Tu-bồ-đề Rơi Lệ Khóc Ròng 147
14.1.2 Làm Sao Để Thấy Phật: Chuyện Chú Tiểu Đi Tiểu Trong Chánh Điện 147
14.1.3 Không Kinh, Không Sợ, Không Hãi (Bất Kinh, Bất Bố, Bất Úy) 149
14.1.4 Cốt Lõi Của Lục Độ: Nhẫn Nhục Ba-La-Mật . 149
14.1.5 Bi Hùng Ký: Tiền Thân Nhẫn Nhục Tiên Nhân và Vua Ca-Lợi 150
14.1.6 Năm Thứ Ngữ Của Đức Như Lai 153
14.1.7 Bản Thể Vô Thực Vô Hư 153
14.1.8 Bài Kệ Tụng Phẩm Thứ Mười Bốn Của Cụ Nam Hoài Cẩn 154

15 Trì Kinh Công Đức Phần (持经功德分第十五) 156
15.1 Bình Giảng Toàn Văn Của Cụ Nam Hoài Cẩn 158
15.1.1 Bố Thí Khó Khăn Nhất: Xả Bỏ Thân Mạng Cát Sông Hằng 158

15.1.2 Mười Hai Chữ Chân Ngôn và Căn Bệnh Tín Tâm Hữu Nghịch 159
15.1.3 Gánh Vác Sự Nghiệp Chánh Pháp: Hà Đảm Như Lai 160
15.1.4 Kẻ Ưa Thích Tiểu Pháp (Nhạo Tiểu Pháp Giả) 160
15.1.5 Bài Kệ Tụng Phẩm Thứ Mười Lăm Của Cụ Nam Hoài Cẩn 161

16 Năng Tịnh Nghiệp Chướng Phân (能净业障分第十六) 163
16.1 Bình Giảng Toàn Văn Của Cụ Nam Hoài Cẩn 165
16.1.1 Nghịch Lý Bị Khinh Chê: Trọng Báo Khinh Thọ 165
16.1.2 Kỳ Tích Phụng Sự Của Đức Phật và Công Đức Bát-Nhã 167
16.1.3 Công Đức Lớn Đến Mức Khiến Kẻ Phàm Phát Cuồng 167
16.1.4 Dòng Chảy Nghiệp Thức và Bến Bờ Quay Đầu 168
16.1.5 Bài Kệ Tụng Phẩm Thứ Mười Sáu Của Cụ Nam Hoài Cẩn 168

17 Cứu Cánh Vô Ngã Phân (究竟无我分第十七) 170
17.1 Bình Giảng Toàn Văn Của Cụ Nam Hoài Cẩn 173
17.1.1 Câu Hỏi Cũ Lặp Lại: Tầng Bát-Nhã Sâu Hơn . 173
17.1.2 Tâm Lượng Bao La: Tất Cả Mọi Pháp Đều Là Phật Pháp 174
17.1.3 Bồ-Tát Không Có Gì Cả và Cõi Tịnh Độ Tâm Linh 175
17.1.4 Xóa Bỏ Thân Kiến: Hai Tầng Vô Ngã 176
17.1.5 Bài Kệ Tụng Phẩm Thứ Mười Bảy Của Cụ Nam Hoài Cẩn 177

18 Nhất Thể Đồng Quán Phân (一体同观分第十八) 179
18.1 Bình Giảng Toàn Văn Của Cụ Nam Hoài Cẩn 182
18.1.1 Nhãn Giả Tâm Chi Cơ: Năm Con Mắt Của Đấng Giác Ngộ 182
18.1.2 Muôn Vàn Tâm Niệm Đều Chẳng Phải Là Tâm 183
18.1.3 Tuyên Ngôn Bát-Nhã Vĩ Đại: Ba Tâm Bất Khả Đắc 184
18.1.4 Đại Công Án: Đức Sơn Bán Bánh và Câu Hỏi Của Bà Lão 185
18.1.5 Bài Kệ Tụng Phẩm Thứ Mười Tám Của Cụ Nam Hoài Cẩn 187

19 Pháp Giới Thông Hóa Phân (法界通化分第十九) 189
19.1 Bình Giảng Toàn Văn Của Cụ Nam Hoài Cẩn 190
19.1.1 Phước Đức Không Thể Nắm Bắt 190
19.1.2 Thanh Phước: Thứ Phước Báu Không Ai Thèm 191
19.1.3 Bài Kệ Tụng Phẩm Thứ Mười Chín Của Cụ Nam Hoài Cẩn 191

20 Ly Sắc Ly Tướng Phân (离色离相分第二十) 193
20.1 Bình Giảng Toàn Văn Của Cụ Nam Hoài Cẩn 194
20.1.1 Đại Trượng Phu Tướng và Sắc Thân Huyễn Hóa 194
20.1.2 Bồ-Tát Nhục Thân Nơi Trần Gian 195
20.1.3 Bài Kệ Tụng Phẩm Thứ Hai Mươi Của Cụ Nam Hoài Cẩn 195

21 Phi Thuyết Sở Thuyết Phân (非说所说分第二十一) 197
21.1 Lời Bình Giảng Của Cụ Nam Hoài Cẩn 198
21.1.1 Căn Bản Không Nói Gì Hết! 198

21.1.2 Tôn Giả Ca-diệp Mỉm Cười 201
21.1.3 Tại Sao Gọi Là Tuệ Mạng Tu-bồ-đề? 205
21.1.4 Hòn Đá Gật Đầu: Điển Cố Đạo Sinh Pháp Sư . 207
21.1.5 Bản Lai Vốn Là Phật 209

22 Vô Pháp Khả Đắc Phân (无法可得分第二十二) 217
22.1 Lời Bình Giảng Của Cụ Nam Hoài Cẩn 218
22.1.1 Như thị, như thị: Công án Nhất Chỉ Thiền . . . 218
22.1.2 Bản lai vô nhất vật: Có chút sở đắc là có chấp trước 219
22.1.3 Bài học: Mắt tôi vốn sáng, vì thầy mà hóa mù! 220

23 Tịnh Tâm Hành Thiện Phân (净心行善分第二十三) 222
23.1 Lời Bình Giảng Của Cụ Nam Hoài Cẩn 223
23.1.1 Bồ Đề Bao Nhiêu Tiền Một Cân? 223
23.1.2 Núi Nam Cao, Núi Bắc Thấp: Công Án Bình Đẳng 225

24 Phước Trí Vô Tỷ Phân (福智无比分第二十四) 230
24.1 Lời Bình Giảng Của Cụ Nam Hoài Cẩn 231
24.1.1 Hai Thứ Vốn Liếng Để Thành Phật: Tu Tư Lương 231
24.1.2 Bốn Tầng Ý Nghĩa: Thọ – Trì – Độc – Tụng . . 233
24.1.3 Công Đức Giáo Hóa Chân Thật: Cứu Giúp Tuệ Mạng 234

25 Hóa Vô Sở Hóa Phân (化无所化分第二十五) 241
25.1 Lời Bình Giảng Của Cụ Nam Hoài Cẩn 242
25.1.1 Hữu Giáo Vô Loại: Hóa Hay Là Độ? 242
25.1.2 Sự Tự Giải Thoát Của Bản Thân: Tự Tính Tự Độ 245

25.1.3 Ý Nghĩa Chân Thật Của Thường – Lạc – Ngã – Tịnh 248

26 Pháp Thân Phi Tướng Phân (法身非相分第二十六) 252

26.1 Lời Bình Giảng Của Cụ Nam Hoài Cẩn 254

26.1.1 Nghệ Thuật Sư Phạm: ”Thấy Phật” Và ”Quán Phật” 254

26.1.2 Tiếng Nổ Hiroshima: Bài Kệ Tứ Cú Kinh Điển 256

26.1.3 Hồ Sơ Bí Mật: Chuyển Luân Thánh Vương . . 258

26.1.4 Huyền Nhai Tát Thủ: Buông Tay Bên Vách Đá 260

27 Vô Đoạn Vô Diệt Phân (无断无灭分第二十七) 264

27.1 Lời Bình Giảng Của Cụ Nam Hoài Cẩn 265

27.1.1 Bên Ngoài Ba Cõi Sáu Đường: Nhảy Đi Đâu? . 265

27.1.2 Hố Sâu Đoạn Diệt Kiến: Bạt Vô Nhân Quả . . 268

27.1.3 Tuyệt Đối Không Nói Tướng Đoạn Diệt 269

28 Bất Thọ Bất Tham Phân (不受不贪分第二十八) 273

28.1 Lời Bình Giảng Của Cụ Nam Hoài Cẩn 274

28.1.1 Phong Cách ”Bán Kẹo Mạch Nha” Của Đức Phật274

28.1.2 Ý Nghĩa Thâm Sâu: Đắc Thành Ư Nhẫn 277

28.1.3 Bồ-tát Không Nhận Phước Đức: Hồi Hướng Vô Tự Tư 280

29 Uy Nghi Tịch Tĩnh Phân (威仪寂静分第二十九) 283

29.1 Lời Bình Giảng Của Cụ Nam Hoài Cẩn 284

29.1.1 Không Đến Cũng Không Đi: Bản Lai Diện Mục 284

29.1.2 Cảnh Giới Như Lai: Cực Cao Minh Nhi Đạo Trung Dung 286

29.1.3 Bài Học Lông Mày Đậm Nhạt: Ảo Ảnh Sóng Nước 288

30 Nhất Hợp Lý Tướng Phân (一合理相分第三十) 291

30.1 Lời Bình Giảng Của Cụ Nam Hoài Cẩn 292

30.1.1 Vật Lý Lượng Tử: Đập Vỡ Thế Giới Thành Vi Trần 292

30.1.2 Bí Ẩn Của Ba Chữ: Nhất Hợp Tướng 294

30.1.3 Dòng Thác Lũ Tâm Thức: Kinh Giải Thâm Mật 295

31 Tri Kiến Bất Sinh Phân (知见不生分第三十一) 300

31.1 Lời Bình Giảng Của Cụ Nam Hoài Cẩn 301

31.1.1 Từ "Tướng" Bước Sang "Kiến": Cái Thấy Vượt Ngoài Cái Thấy 301

31.1.2 Bất Sinh Pháp Tướng: Tại Sao Dùng Chữ "Bất Sinh"? 303

31.1.3 Công Án Sét Đánh: Ta Muốn Bước Qua, Ngươi Bước Qua Đây! 305

31.1.4 Khúc Hát Hoang Thôn: Nỗi Lòng Đức Thích Ca 308

32 Ứng Hóa Phi Chân Phân (应化非真分第三十二) 311

32.1 Lời Bình Giảng Của Cụ Nam Hoài Cẩn 313

32.1.1 Ứng Hóa Phi Chân: Tiếng Hát Giữa Thôn Hoang 313

32.1.2 Bồ Đề Tâm: Nội Thánh Ngoại Vương 314

32.1.3 Căn Bệnh Trầm Kha Của Người Học Phật: Sự Lười Biếng! 316

32.1.4 Tuyệt Phẩm Kệ Lục Như: Sáu Lăng Kính Quán Chiếu 318

32.1.5 Khai Thị Viên Mãn: Hoan Hỷ Phụng Hành . . 320

Tổng Kết Luận: Tinh Hoa Toàn Kinh (Nam Hoài Cẩn) 324
32.2 Dòng Chảy Nhất Quán Của Ba Mươi Hai Phẩm 324
32.3 Căn Bệnh Thời Gian: Kẻ Sống Trong Quá Khứ, Kẻ Mơ Tưởng Tương Lai 327
32.3.1 Căn bệnh hoài niệm của người già: Quá khứ tâm bất khả đắc 327
32.3.2 Căn bệnh ảo tưởng của người trẻ: Vị lai tâm bất khả đắc 328
32.3.3 Sống thực tế ngay trong hiện tại 328
32.4 Lời Nhắn Nhủ Thanh Niên: Làm Người Xong Mới Học Làm Phật! 329
32.5 Bức Tranh Cuối Cùng: Vị Phật Bình Dị Giữa Đời Thường 330

Hậu Ký: Nhân Duyên Xuất Bản Pho Sách (Lưu Vũ Hồng) 331
32.6 Nhân Duyên Đặt Tên Sách: Kinh Kim Cương Nói Gì? 331
32.7 Trải Nghiệm Thập Tử Nhất Sinh Tại Sân Bay Hồng Kông 333
32.8 Mũi Kim Rỉ Sét Và Bài Học Nhẫn Nhục Ba-La-Mật . . 335
32.9 Lời Kết: Không Khổ Tức Là Vui 336

Lời Mở Đầu: Trí Tuệ Vượt Khỏi Tôn Giáo

Kinh Kim Cương (tên đầy đủ là *Kim Cương Bát Nhã Ba La Mật Đa Kinh*) là một trong những bộ kinh trọng yếu và thâm sâu nhất của Phật giáo Đại thừa. Chữ **Kim Cương** (Vajra) tượng trưng cho chất liệu rắn rỏi và tinh khiết bậc nhất của vũ trụ, có khả năng cắt đứt mọi kim loại mà không vật gì phá hoại được nó; chữ **Bát-nhã** (Prajñā) là trí tuệ rốt ráo thấy suốt thực tướng của vạn pháp.

Đại sư **Nam Hoài Cẩn** (1918–2012) khi thuyết giảng bộ kinh này tại Thập Phương Thư Viện đã đưa ra một cái nhìn khai phóng làm rung động giới học giả: *Kinh Kim Cương tuy khởi nguồn từ nhà Phật, nhưng tinh thần của nó đã vượt thoát khỏi mọi ranh giới tôn giáo hạn hẹp.* Trong kinh có câu bất hủ:

一切贤圣，皆以无为法而有差别。

"Nhất thiết hiền thánh, giai dĩ vô vi pháp nhi hữu sai biệt."

Tất cả các bậc thánh nhân kim cổ Đông Tây, dù là Thích-ca, Khổng Tử, Lão Tử hay các bậc đại triết gia nhân loại, khi đã đạt đến cảnh giới vô vi thanh tịnh đều tương thông ở bản thể, chỉ do căn cơ thời đại và phương tiện giáo hóa mà biểu hiện sai khác.

Tập sách này tuyển dịch trọn vẹn **10 Phẩm đầu tiên** từ danh tác《金刚经说什么》 của cụ Nam Hoài Cẩn (theo bản in của Bắc Kinh Đông Phương Xuất Bản Xã 2016). Đây là 10 phẩm đặt nền móng toàn diện: từ sự thị hiện bình dị trong sinh hoạt khất thực đời thường của

Đức Thế Tôn, qua cách thức hàng phục tâm ý cuồng loạn, cho đến đỉnh cao của triết lý tính Không: **"Ưng vô sở trụ nhi sinh kỳ tâm"** (Phẩm thứ 10) — câu kinh đã khai mở tâm nhãn giúp Lục Tổ Huệ Năng đắc đạo.

Mỗi phẩm trong tập sách được trình bày theo cấu trúc bốn tầng nghiêm cẩn:

1. **Kinh Văn Gốc:** Nguyên tác chữ Hán của bản dịch Ngài Cưu-ma-la-thập.
2. **Phiên Âm Hán – Việt:** Giúp người đọc dễ dàng trì tụng, giữ nguyên phong vị cổ ngữ.
3. **Bản Dịch Nghĩa:** Sáng tỏ, chuẩn xác và gãy gọn.
4. **Bình Giảng của Cụ Nam Hoài Cẩn:** Phân tích chi tiết từng ví dụ đời thường, đối chiếu thiền tịnh, Nho học và thực tiễn tâm lý con người.
5. **Kệ Tụng Nam Sư (南师偈颂):** Bài thơ tứ tuyệt đúc kết diệu nghĩa ở cuối mỗi phẩm.

CHƯƠNG 1

Pháp Hội Nhân Doanh (法会因由分第一)

Kinh Văn Gốc & Dịch Nghĩa

如是我闻。一时佛在舍卫国。祇树给孤独园。与大比丘众。千二百五十人俱。尔时世尊。食时。著衣持钵。入舍卫大城乞食。于其城中。次第乞已。还至本处。饭食讫。收衣钵。洗足已。敷座而坐。

Phiên âm Hán – Việt:

Như thị ngã văn: Nhất thời Phật tại Xá-vệ quốc, Kỳ Thụ Cấp Cô Độc viên, dữ đại Tỳ-kheo chúng thiên nhị bách ngũ thập nhân câu. Nhĩ thời Thế Tôn, thực thời, trước y trì bát, nhập Xá-vệ đại thành khất thực. Ư kỳ thành trung, thứ đệ khất dĩ, hoàn chí bản xứ. Phạn thực ngật, thu y bát, tẩy túc dĩ, phu tòa nhi tọa.

Bản dịch nghĩa:

Tôi nghe như vầy: Một thời Đức Phật ở tại nước Xá-vệ, nơi khu vườn của ông Cấp Cô Độc và Thái tử Kỳ Đà, cùng với chúng đại Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi người. Khi ấy, gần đến giờ ăn, Đức Thế Tôn đắp y mang bát, vào đại thành Xá-vệ khất thực. Trong thành ấy, Ngài theo thứ tự từng nhà khất thực xong xuôi, trở về nơi chốn cũ. Ăn cơm xong, cất y bát, rửa chân sạch sẽ, trải tòa ngồi kiết già.

1.1 Khởi Đầu Bình Dị Của Một Bộ Kinh Vĩ Đại

1.1.1 Gõ mõ tụng kinh và đôi mắt mở ngày đêm của loài cá

Theo thói quen đọc sách của người Trung Hoa xưa, người ta cứ thế đọc liền một mạch. Còn nếu theo cách tụng kinh chốn Thiền môn, người ta phải gõ chiếc mõ gỗ: cộc... cộc... cộc... từng tiếng nhịp nhàng khoan thai.

Tại sao nhà chùa lại dùng chiếc mõ tạc hình con cá? Cụ Nam Hoài Cẩn giải thích: Loài cá suốt ngày đêm không bao giờ nhắm mắt; cá ngủ chỉ dừng lại một chỗ không động đậy, nghỉ ngơi một chút rồi lại bơi tiếp. Chốn thiền lâm gõ chiếc mõ cá là để nhắc nhở người tu học phải luôn tinh tiến, học đạo phải noi theo tinh thần con cá, ngày đêm nỗ lực không ngừng nghỉ, đừng để sự lười biếng hôn trầm kéo lùi bước chân giải thoát.

1.1.2 Sự khác biệt: Đạo tại việc ăn cơm mặc áo

Chương mở đầu của mỗi bộ kinh Phật đều có những nhân duyên hoàn toàn khác nhau. Chẳng hạn, khi Đức Phật thuyết *Kinh Lăng Nghiêm*, phần mở đầu mang màu sắc vô cùng ly kỳ: Khi Phật vừa dùng cơm xong, người em họ là tôn giả A Nan vào thành khất thực gặp nạn Ma Đăng Già, Phật liền hiện thần thông, trên đảnh phóng ra hào quang ngút trời, hóa thân tuyên thuyết thần chú, sai Bồ-tát Văn Thù mang kiếm trí tuệ tức tốc đến giải cứu.

Thế nhưng, toàn bộ *Kinh Kim Cương* lại có một khởi đầu hết sức kỳ lạ, độc nhất vô nhị trong toàn bộ đại tạng kinh: **Tuyệt nhiên không có đỉnh đầu phóng hào quang, không có lông mày phóng ánh sáng, cũng chẳng có chữ Vạn nơi ngực xoay vần chiếu diệu!**

Kinh Kim Cương bắt đầu từ đâu? Bắt đầu từ **chuyện ăn cơm mặc áo hằng ngày**! Ăn cơm vốn chẳng phải là việc dễ dàng. Chùa Bạch Vân Quán tại Bắc Bình từ thời nhà Minh có đôi câu đối nổi tiếng ngàn đời:

世间莫若修行好，天下无如吃饭难。

"Thế gian mạc nhược tu hành hảo,
Thiên hạ vô như ngật phạn nan."

(Cõi đời không gì bằng tu hành là tốt đẹp nhất / Dưới trời chẳng có việc gì khó khăn bằng việc kiếm miếng cơm ăn!)

Người đời thường có ảo tưởng thần bí: Nghĩ rằng hễ là Phật thì bước đi ắt phải cách mặt đất ba tấc, dưới gót chân nở hoa sen, lướt gió cưỡi mây mà bay đi. Nhưng bộ kinh này ghi chép về Đức Phật y hệt như một con người bình thường giữa nhân gian: Ngài cũng phải đến giờ ăn cơm, cũng phải mặc áo, ôm bát đi xin ăn, đi chân trần trên đường đất, lòng bàn chân cũng dính đầy bùn đất bụi bặm; đi xin về ăn xong cũng phải tự tay múc nước rửa chân, dọn dẹp y bát, trải nệm ngồi thiền.

Cụ Nam Hoài Cẩn đúc kết một triết lý cốt tủy: **Bình thường chính là Đạo!** Thời khắc bình phàm nhất lại là lúc cảnh giới cao nhất, chân lý đích thực nằm ở giữa những việc vụn vặt thường nhật. Cảnh giới của bậc Tiên Phật thể hiện trọn vẹn nơi đời sống bình dị. Nhân đạo trọn vẹn thì Thánh đạo mới thành tựu.

1.2 Bốn Chữ Khởi Đầu: Như Thị Ngã Văn

1.2.1 Lời dặn dò trước giờ Phật nhập Niết-bàn

Mỗi bộ kinh Phật mở đầu đều bằng bốn chữ kinh điển: **Như thị ngã văn** (Tôi nghe như thế này). Trong *Kinh Đại Bát Niết Bàn*, khi Đức

Phật sắp nhập diệt dưới cội cây Sa-la, tôn giả A Nan đau đớn gạt nước mắt hỏi: ”Bạch Thế Tôn, sau khi Ngài ra đi, mai sau con kết tập lại những lời giảng dạy của Ngài, làm sao người đời tin được? Người ta sẽ nghi ngờ bảo là do con tự ý bịa đặt ra!”.

Đức Phật liền dạy A Nan: ”Khi mở đầu mỗi bộ kinh, hãy đặt bốn chữ *Như thị ngã văn*. Chữ ’Ngã văn’ ấy chính là chỉ bản thân ông, nghĩa là: Chính tôi (A Nan) đã tận mắt chứng kiến và lắng nghe Đức Thế Tôn thuyết giảng như thế này, chứ không phải do tôi thêm bớt!”.

1.2.2 Trí nhớ siêu phàm và nghệ thuật đảo ngữ văn học

Đầu óc của A Nan giống như một chiếc máy ghi âm sống động của thời cổ đại. Suốt mấy mươi năm theo hầu Phật, mọi lời vàng thước ngọc Đức Phật nói ra, A Nan nhớ không sót một chữ.

Chữ *”Như thị”* (như thế này) là chữ Hán cổ. Nếu viết theo văn phạm Hán văn thông thường thì phải là *”Ngã văn như thị”* (Tôi nghe như thế này). Nhưng khi ngài Cưu-ma-la-thập phiên dịch kinh điển sang tiếng Hán, ngài đã áp dụng nghệ thuật đảo ngữ vô cùng tài hoa, tạo nên một phong cách văn học Phật giáo tuyệt mỹ, vừa trang nghiêm vừa mang phong vị thi ca trầm bổng.

Cụ Nam hóm hỉnh bảo: Nếu giảng theo lối tầm chương trích cú của các học giả cổ điển, riêng bốn chữ *”Như thị ngã văn”* có thể kéo dài suốt... hai tháng trời! Nào là ”Như là gì? Như là như như bất động, tại sao bất động...” Nói lan man như thế thì muôn kiếp không chạm được vào bản chất của kinh điển!

1.3 Ý Nghĩa Chữ ”Một Thời” (Nhất Thời)

1.3.1 Tại sao kinh Phật không ghi ngày tháng năm?

Hai chữ *”Nhất thời”* (一时) là một vấn đề triết học lớn. Không có bất kỳ bộ kinh Phật nào ghi rõ: Năm nào, tháng nào, ngày mấy, vua nào trị vì, Phật bao nhiêu tuổi. Kinh nào cũng chỉ mở đầu bằng hai chữ: **Nhất thời (Một thời)**. Dịch nôm na theo ngôn ngữ bình dân chính là: **Hồi ấy / Lúc ấy**. Lúc ấy chính là lúc ấy, mà lúc ấy cũng chính là lúc này đây!

Nghiên cứu văn hóa và lịch sử Ấn Độ cổ đại, ta thấy người Ấn Độ rất ít quan tâm đến niên biểu thời gian, họ gần như không có khái niệm lịch sử theo lối chép sử biên niên của Trung Hoa. Lịch sử Ấn Độ mãi đến thế kỷ 17 trở đi, nhờ các học giả phương Tây khai quật và đối chiếu chép lại mới dần thành hình.

1.3.2 Phê phán chuyện học tiếng Phạn theo kiểu ”Duyên mộc cầu ngư”

Nhân đây, cụ Nam Hoài Cẩn phân tích một hiện tượng thời thượng: Rất nhiều người ngày nay cất công học tiếng Phạn (Sanskrit) hiện đại để mong tìm lại ”Phật giáo nguyên thủy”. Cụ chỉ rõ: Tiếng Phạn ngày nay là hệ ngôn ngữ đã được các học giả châu Âu tái cấu trúc lại từ thế kỷ 17. Toàn bộ kinh điển tiếng Phạn nguyên bản thời Đường - Tống ở Ấn Độ hầu như đã thất truyền sau các cuộc biến thiên chiến tranh. Hơn nữa thời xưa tiếng Phạn chia làm 5 vùng: Nam, Bắc, Đông, Tây, Trung Ấn, phát âm và chữ viết khác nhau một trời một vực.

Lấy tiếng Phạn thế kỷ 17 để nghiên cứu Phật pháp ngàn năm trước thì đúng như Mạnh Tử từng chê: **”Duyên mộc cầu ngư”** (Leo lên ngọn cây mà tìm bắt cá!). Kho tàng Phật pháp đầy đủ, toàn vẹn và nguyên

vẹn nhất thế giới ngày nay chính là nằm trọn trong **Đại Tạng Kinh chữ Hán**!

1.3.3 Thời gian là duy tâm và tương đối

Ngoài ra, người Ấn Độ thời xưa khái niệm về con số rất phóng khoáng, hễ thấy cái gì nhiều không đếm xuể thì gọi là **Tám vạn bốn ngàn** (84.000), hệt như người Hàng Châu hay nói câu cửa miệng *"Mộc lão lão"* (nhiều vô kể).

Nhưng chữ *"Nhất thời"* trong kinh Phật còn chứa đựng triết lý sâu xa: Bậc ngộ đạo Bát-nhã hoàn toàn vượt thoát khỏi khái niệm thời gian nhị nguyên. Kinh Kim Cương dạy: *Quá khứ tâm bất khả đắc, hiện tại tâm bất khả đắc, vị lai tâm bất khả đắc*. Thời gian mang tính tương đối. Ngàn năm chỉ trong một niệm, một niệm bao trùm vạn năm. Người xưa có câu thơ tuyệt bút:

风月无古今，情怀自浅深。

"Phong nguyệt vô cổ kim,
Tình hoài tự thiển thâm."

(Gió trăng muôn thuở nào phân kim cổ / Tình cảm nông sâu tự đáy lòng người!)

Vầng trăng, mặt trời, ngọn gió ngàn năm trước người xưa ngắm nhìn cũng chính là vầng trăng ngọn gió ta đang ngắm đêm nay. Cảnh vật không đổi, chỉ có lòng người sầu hay vui, cạn hay sâu mà thôi. Khi đau đớn hoạn nạn, một giây dài tựa thiên thu; khi hạnh phúc vui sướng, trăm năm trôi qua nhanh như một cái chớp mắt. Cho nên Phật pháp nói thời gian là do tâm biến hiện, *"Nhất thời"* chính là khoảnh khắc vượt lên trên quá khứ, hiện tại và tương lai!

1.4 Kỳ Thụ Cấp Cô Độc Viên: Giảng Đường Rải Vàng Lá

1.4.1 Tấm lòng của Trưởng giả Tu-đạt (Cấp Cô Độc)

Đức Phật thành đạo năm 31 tuổi và thuyết pháp độ sinh suốt 49 năm cho đến khi 80 tuổi nhập diệt. Trong gần nửa thế kỷ ấy, phần lớn thời gian Ngài lưu trú và giảng dạy tại nước Xá-vệ (Śrāvastī), một trung tâm kinh tế, văn hóa phồn thịnh bậc nhất miền Trung Ấn thời bấy giờ.

Ở thành Xá-vệ có một vị đại phú hào tuổi cao đức trọng tên là Tu-đạt (Sudatta). Ông nổi tiếng là người giàu lòng nhân ái, hễ gặp kẻ mồ côi nghèo đói, người cô quả không nơi nương tựa là ông đều mở kho chu cấp, giúp đỡ tận tình. Vì thế, người dân trong nước kính cẩn gọi ông là **Cấp Cô Độc** (người chu cấp cho kẻ cô đơn, bơ vơ).

1.4.2 Cuộc đánh cuộc bằng vàng ròng với Thái tử Kỳ Đà

Một lần sang thành Vương Xá lo việc hôn nhân cho con trai, Trưởng giả Cấp Cô Độc có duyên hội ngộ Đức Thế Tôn. Vừa chiêm bái dung nhan và nghe pháp, ông lập tức phát tâm kính ngưỡng sâu xa, thiết tha thỉnh Phật cùng tăng đoàn quang lâm thành Xá-vệ để hoằng pháp. Đức Phật nhận lời với điều kiện: Phải có một đạo tràng thanh tịnh, đủ sức chứa cho hàng ngàn người tu học.

Trở về Xá-vệ, Cấp Cô Độc đi khảo sát khắp nơi và chỉ ưng ý duy nhất khu ngự uyển tuyệt đẹp của Thái tử Kỳ Đà (Jeta). Ông đến xin mua lại khu vườn. Thái tử Kỳ Đà vốn quý khu vườn nghỉ mát, không muốn bán nên nói đùa thách thức: *"Nếu ông có thể lấy vàng ròng dát mỏng thành từng phiến, trải kín khắp tám mươi khoảnh đất của khu vườn này, thì ta sẽ nhượng lại!"*.

Tưởng Thái tử nói đùa, ai ngờ Trưởng giả Cấp Cô Độc lập tức cho mở kho vàng, sai đoàn xe bò chở từng tấm vàng lá ròng rã ngày đêm đến xếp kín từng tấc đất. Khi vàng đã trải được một nửa khu vườn, Thái tử Kỳ Đà kinh ngạc chạy đến hỏi: *"Đức Phật là bậc như thế nào mà khiến ông dám đánh đổi toàn bộ tài sản khổng lồ như thế?"*. Trưởng giả trang nghiêm đáp: *"Đó là bậc Toàn Giác, một bậc Đại Thánh đích thực của trần gian!"*.

Thái tử Kỳ Đà rúng động tâm can, bảo rằng: *"Thôi, ông không cần trải vàng nữa! Đất đã là của ông, còn toàn bộ cây cối trong vườn là phần của ta cúng dường lên Phật. Chúng ta hãy cùng nhau xây dựng giảng đường!"*. Do nhân duyên ấy, khu tịnh xá này mang tên **Kỳ Thụ Cấp Cô Độc Viên** (Cây của Kỳ Đà, đất của Cấp Cô Độc). Đây chính là đại giảng đường lớn nhất trong lịch sử Phật giáo, nơi Đức Phật thuyết giảng những bộ kinh đồ sộ như *Lăng Nghiêm* và *Kim Cương*.

1.5 Đoàn Tùy Tùng Một Ngàn Hai Trăm Năm Mươi Người

1.5.1 Ai là những học trò đầu tiên?

Mỗi bộ kinh Phật thường nhắc đến con số: **Dữ đại Tỳ-kheo chúng, thiên nhị bách ngũ thập nhân câu** (cùng với một ngàn hai trăm năm mươi vị đại Tỳ-kheo). Đây là lực lượng đệ tử thường trực (thường tùy chúng), Đức Phật đi đến đâu họ theo đến đó.

Tại sao lại có con số 1.250 người này? Cụ Nam chỉ rõ bối cảnh lịch sử: Khi Đức Phật mới xuất hiện truyền đạo, đây chính là những khối học trò "khó hàng phục nhất" của các tôn giáo khác:

- **Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên:** Vốn là hai bậc đại học giả lãnh

tụ của một giáo phái lớn thời đó, tuổi tác đều lớn hơn Phật, mang theo 200 môn đệ cùng quy y.

- **Ba anh em Ca-diệp (Tam Ca-diệp):** Lãnh tụ giáo phái thờ thần lửa (Bái Hỏa giáo), mang theo tổng cộng 1.000 đồ chúng quy phục Phật.

- **Tôn giả Da-xá:** Con trai của gia đình quý tộc cùng 50 bằng hữu thân thiết xuất gia.

Tổng cộng thành 1.250 vị Tỳ-kheo tiên phong. Họ đều là những trí thức, đạo sĩ kiệt xuất từ bỏ tôn giáo cũ để theo Đức Phật học đạo giải thoát.

1.5.2 Phẩm giá của kẻ Khất Sĩ

Chữ *Tỳ-kheo* dịch nghĩa sang Hán văn là **Khất sĩ** (乞士). Người đời nghe chữ ”khất sĩ” thì nghĩ ngay đến người ăn xin, hành khất hèn mọn. Nhưng cụ Nam giải nghĩa sâu sắc:

- **Thượng khất pháp ư chư Phật:** Hướng lên trên xin giáo pháp trí tuệ bất sinh bất diệt của chư Phật để nuôi dưỡng huệ mạng.

- **Hạ khất thực ư chúng sinh:** Hướng xuống dưới xin một bát cơm của muôn dân để nuôi dưỡng thân xác tạm thời, đồng thời tạo cơ duyên cho người đời gieo ruộng phước.

Người ăn xin thế gian xin tiền xin của để làm giàu cho bản ngã; còn bậc Khất Sĩ của Phật giáo đi xin ăn để chặt đứt hoàn toàn tính kiêu ngạo, dứt bỏ mọi dục vọng sở hữu, sống một đời nhẹ tênh không vướng bận.

1.6 Khái Niệm Thế Gian Và Tam Thiên Đại Thiên Thế Giới

1.6.1 Tam Thế Gian và Tứ Thế Gian

Danh hiệu của Phật là **Thế Tôn** (Đấng được thế gian tôn kính nhất). Nhưng chữ ”thế gian” trong Phật học rộng lớn vô cùng:

1. **Khí thế gian:** Thế giới vật chất, môi trường tự nhiên, sông núi đất đai nơi sinh vật sinh sống.

2. **Quốc độ thế gian:** Các vùng lãnh thổ, quốc gia, ranh giới địa lý hành chính (như Việt Nam, Trung Quốc, Mỹ...).

3. **Hữu tình thế gian:** Toàn bộ cộng đồng các loài sinh linh có tâm thức, cảm xúc, có sự sống.

4. **Thánh hiền thế gian:** Cảnh giới giải thoát của các bậc đắc đạo (như cõi Tịnh độ Cực Lạc của Phật A-di-đà).

1.6.2 Tầm nhìn thiên văn học vượt trước thời đại

Khi cụ Nam còn nhỏ, có một bậc túc nho hỏi cụ: ”Cháu có biết trong lịch sử ai là người nói khoác lớn nhất thế giới không?”. Cụ ngơ ngác không biết. Vị túc nho cười bảo: ”Là Thích-ca Mâu-ni! Ông ấy nói về vũ trụ có đến ba ngàn đại thiên thế giới, số lượng nhiều như cát sông Hằng, đố ai chứng minh hay bẻ gãy nổi!”.

Nhưng đến ngày nay, khoa học thiên văn và vật lý vũ trụ hiện đại càng phát triển thì càng phải nghiêng mình thán phục tuệ giác của Đức Phật từ 25 thế kỷ trước:

- Một Mặt Trời, một Mặt Trăng cùng hệ thống các hành tinh xoay quanh (Thái dương hệ) được Phật gọi là **Một Tiểu Thế Giới**.
- Gom 1.000 Thái dương hệ lại thành một **Tiểu Thiên Thế Giới**.
- Gom 1.000 Tiểu Thiên Thế Giới lại thành một **Trung Thiên Thế Giới**.
- Gom 1.000 Trung Thiên Thế Giới lại thành một **Đại Thiên Thế Giới** (tức chứa tới 10^9 hệ hành tinh, tương đương một Dải Ngân Hà - Galaxy).
- Trong cõi hư không có trùng trùng điệp điệp hằng hà sa số các dải thiên hà như thế!

Phật nhìn thấy Trái Đất nhỏ bé chỉ như một hạt bụi lơ lửng trong không gian vô tận, thọ mạng của con người chỉ như một ánh chớp lóe lên rồi tắt giữa cõi càn khôn.

1.7 Ăn Cơm Mặc Áo: Nếp Sống Thanh Tịnh Đời Thường

1.7.1 Khoa học vệ sinh của Đức Phật từ thời cổ đại

Đức Phật chế định giới luật vô cùng nghiêm mật và thấm đượm tri thức y khoa vệ sinh:

- Trước khi uống nước, chư tăng phải dùng một tấm vải lọc nước sạch sẽ. Phật dạy: **"Phật quán nhất bát thủy, bát vạn tứ thiên trùng"** (Phật nhìn trong một bát nước thấy có đến 84.000 sinh vật vi ti). Thời xưa người ta cho là chuyện hoang đường; ngày

nay đặt bát nước dưới kính hiển vi điện tử, người ta mới giật mình thấy vi khuẩn bò lúc nhúc y như lời Phật!

- Sau mỗi bữa ăn, chư tăng đều phải vệ sinh răng miệng bằng **cành dương liễu**. Cắt cành dương liễu ngâm nước rồi lấy đá đập giập đầu que để tạo thành sợi bàn chải tự nhiên chà sạch răng miệng.

1.7.2 Bốn loại thức ăn nuôi dưỡng con người (Tứ Thực)

Nói về chuyện ăn uống, Phật học phân tích con người sống nhờ bốn nguồn năng lượng:

1. **Đoàn thực (Thực phẩm vật chất):** Thức ăn nhai nuốt từng miếng đưa vào dạ dày. Đức Phật áp dụng chế độ *Nhật trung nhất thực* (ngày ăn một bữa vào buổi trưa), quá giờ ngọ thì không ăn nữa.

2. **Xúc thực (Cảm thọ):** Sự tiếp xúc của giác quan với môi trường. Ở trong một căn phòng ngột ngạt thiếu dưỡng khí, hay sống trong bầu không khí gia đình độc hại ngột ngạt thì con người ta cũng héo mòn mà chết.

3. **Tư thực (Ý chí và lý tưởng sống):** Năng lượng của niềm hy vọng, ý nghĩa cuộc đời. Khi một người rơi vào tuyệt vọng cùng cực, mất hết niềm tin thì dù thừa mứa sơn hào hải vị họ cũng tự vẫn.

4. **Thức thực (Tâm thức A-lại-da):** Nguồn năng lượng sâu kín của tạng thức nâng đỡ sự sống từ kiếp này sang kiếp khác.

1.7.3 Y Cà-sa và chiếc bát Buffet cổ xưa

Khi đến giờ ăn, Đức Phật đắp y mang bát. Tấm y cà-sa được may ghép từ những mảnh vải rách chấp vá, tạo thành các ô dọc ngang tượng trưng

cho những thửa ruộng nước, gọi là **Phước điền y** (chiếc áo ruộng phước để chúng sinh gieo mầm thiện căn).

Chiếc bát của chư tăng là đồ đựng cơm canh trộn lẫn. Cụ Nam hóm hỉnh nhận xét: Hơn hai ngàn năm trước, chính Đức Phật đã phát minh ra phong cách ăn buffet tự chọn! Mỗi người tự ôm chiếc bát của mình, người ta cúng cho món gì thì nhận món ấy, tất cả trộn chung trong một bát, tự tìm chỗ ngồi ăn thanh tịnh, ăn xong tự đi rửa bát, không phiền hà đến bất kỳ ai phục dịch.

1.8 Oai Nghi Khất Thực Và Tinh Thần Bình Đẳng

1.8.1 Bài học từ hai đại đệ tử: Ca-diệp và Tu-bồ-đề

Trong giới luật khất thực, Đức Phật nghiêm cấm tâm phân biệt giàu nghèo. Ngài dạy phải đi **Thứ đệ khất dĩ** — tức là đi tuần tự từng nhà một, không được bỏ cách nhà nghèo tìm đến nhà giàu, cũng không được cố tình bỏ nhà giàu chỉ tìm nhà nghèo:

- **Tôn giả Đại Ca-diệp:** Vốn xuất thân từ tầng lớp đại quý tộc giàu nứt đố đổ vách, nhưng khi tu hạnh đầu đà, ngài lại khởi tâm thương hại người nghèo: ”Người nghèo khổ là do tiền kiếp không biết bố thí gieo phước. Nay ta phải đến xin họ để họ có cơ hội tạo phước đổi đời!”. Do đó, Ca-diệp chuyên đi khất thực ở khu ổ chuột, nhà xập xệ nghèo rớt mồng tơi.

- **Tôn giả Tu-bồ-đề:** Ngược lại, Tu-bồ-đề chuyên đi xin ở các dinh thự của quan lại, phú ông giàu có. Ngài nghĩ: ”Người nghèo kiếm miếng ăn còn chưa đủ, mình đến xin thì tội nghiệp họ. Người giàu có thừa của cải, mình đến xin một bát cơm chẳng đáng là bao đối với họ!”.

Đức Phật biết chuyện liền gọi cả hai vị đại đệ tử lại quở trách nghiêm khắc: **"Tâm hai ông chưa bình đẳng!"** Cả hai cách nghĩ ấy tuy đều xuất phát từ lòng từ bi nhưng vẫn còn dính mắc vào tướng giàu - nghèo. Khất thực đúng chánh pháp là tâm phải như mặt trời soi sáng muôn nơi, cứ tuần tự từng nhà đi tới, gặp nhà giàu thì xin nhà giàu, gặp nhà nghèo thì xin nhà nghèo, ai cho gì nhận nấy, không phân biệt sang hèn!

1.8.2 Tự tay rửa chân và xếp dọn chỗ ngồi

Đức Phật sau khi vào thành khất thực tuần tự xong, ôm bát trở về giảng đường tĩnh dưỡng dùng bữa. Dùng cơm xong, Ngài tự tay cất y, rửa sạch bình bát, rồi đi lấy nước rửa sạch đôi bàn chân bám đầy bùn đất. Rửa chân xong, Ngài tự tay trải tấm nệm tọa cụ cho ngay ngắn, rồi an nhiên ngồi kiết già nhập định.

Cụ Nam Hoài Cẩn bùi ngùi xúc động: Một bậc Giáo chủ lừng danh cõi trời cõi người, có hàng vạn đệ tử và quốc vương kính cẩn tôn sùng, nhưng không hề sai bảo bất kỳ ai hầu hạ, không có người hầu đấm bóp dọn dẹp, tất cả sinh hoạt cá nhân Ngài đều **tự tay làm lấy một cách ngăn nắp, giản dị, trầm lặng**.

Học Phật không phải là học những điều thần thông biến hóa trên trời, mà là học chính nếp sống nghiêm cẩn, thanh thản, tự tại giữa đời thường của Đức Thế Tôn. Giữa cái bình phàm nhất, Ngài đã dựng lập nên cảnh giới thiêng liêng siêu việt nhất!

Kệ Tụng Phẩm Thứ Nhất — Nam Sư Đúc Kết

白云道观笑谈中，乞食经行入树风。
不是如来行住事，谁人知在世间通。

Phiên âm Hán – Việt:

Bạch Vân Đạo Quán tiếu đàm trung,
Khất thực kinh hành nhập thụ phong.
Bất thị Như Lai hành trụ sự,
Thùy nhân tri tại thế gian thông.

Dịch thơ thất ngôn:

Bạch Vân cười nói chuyện nhân gian,
Gió thoảng rừng cây bóng khất bàng.
Chẳng phải Như Lai thường nhật hạnh,
Biết đâu đạo ngự chốn trần hoàn!

Lời bình thiền vị: Nếu Đức Phật không tự mình thị hiện bước chân trần đi xin từng hạt cơm, rửa từng bàn chân dính bùn đất... thì người đời làm sao thấu hiểu được rằng Chân lý Tối thượng của Phật pháp không hề nằm ở chốn mây trời xa xôi, mà đang hiển hiện sống động ngay trong từng bước chân đi, từng chén cơm ăn, từng việc làm mộc mạc nơi thế gian này!

CHƯƠNG 2

Thiện Hiện Khởi Thỉnh Phân (善现启请分第二)

Kinh Văn Gốc & Dịch Nghĩa

时，长老须菩提在大众中即从座起，偏袒右肩，右膝着地，合掌恭敬而白佛言：“希有！世尊！如来善护念诸菩萨，善付嘱诸菩萨。世尊！善男子、善女人，发阿耨多罗三藐三菩提心，应云何住，云何降伏其心?”佛言：“善哉，善哉。须菩提！如汝所说，如来善护念诸菩萨，善付嘱诸菩萨。汝今谛听！当为汝说：善男子、善女人，发阿耨多罗三藐三菩提心，应如是住，如是降伏其心。”“唯然，世尊！愿乐欲闻。”

Phiên âm Hán – Việt:

Thời, Trưởng lão Tu-bồ-đề tại đại chúng trung tức tùng tọa khởi, thiên đản hữu kiên, hữu tất trước địa, hợp chưởng cung kính nhi bạch Phật ngôn: “Hy hữu! Thế Tôn! Như Lai thiện hộ niệm chư Bồ-tát, thiện phó chúc chư Bồ-tát. Thế Tôn! Thiện nam tử, thiện nữ nhân, phát A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề tâm, ưng vân hà trụ, vân hà hàng phục kỳ tâm?” Phật ngôn: “Thiện tai, thiện tai! Tu-bồ-đề! Như nhữ sở thuyết, Như Lai thiện hộ niệm chư Bồ-tát, thiện phó chúc chư Bồ-tát. Nhữ kim đế thính, đương vị nhữ thuyết: Thiện nam tử, thiện nữ nhân, phát A-nậu-đa-la Tam-

miệu Tam-bồ-đề tâm, ưng như thị trụ, như thị hàng phục kỳ tâm.”
“Duy nhiên, Thế Tôn, nguyện nhạo dục văn.”

Bản dịch nghĩa:
Bấy giờ, Trưởng lão Tu-bồ-đề ở trong đại chúng liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch áo vai phải, gối phải quỳ sát đất, chắp tay cung kính mà bạch Phật rằng: “Hiếm có thay, bạch Đức Thế Tôn! Đức Như Lai khéo hộ niệm các vị Bồ-tát, khéo giao phó dặn dò các vị Bồ-tát. Bạch Thế Tôn! Người thiện nam, người thiện nữ khi phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, thì nên an trụ tâm như thế nào, và nên hàng phục tâm vọng tưởng ấy như thế nào?”
Đức Phật dạy: “Lành thay, lành thay! Này Tu-bồ-đề, đúng như lời ông nói, Như Lai khéo hộ niệm các vị Bồ-tát, khéo giao phó dặn dò các vị Bồ-tát. Nay ông hãy lắng nghe cho thật kỹ, Ta sẽ vì ông mà nói: Người thiện nam, người thiện nữ khi phát tâm Bồ-đề, nên an trụ tâm như thế này, nên hàng phục tâm như thế này.”
Tu-bồ-đề bạch: “Kính vâng, bạch Thế Tôn! Con tha thiết mong muốn được nghe.”

2.1 Bình Giảng Toàn Văn Của Cụ Nam Hoài Cẩn

2.1.1 Thiện Hiện Tu-bồ-đề: Bậc Giải Không Đệ Nhất

Người đứng dậy thưa hỏi trong pháp hội này là Trưởng lão Tu-bồ-đề (Subhūti). Trong hàng đại đệ tử của Đức Phật, ngài được xưng tụng là bậc *Giải không đệ nhất* (thấu hiểu tánh Không sâu sắc nhất). Trong chữ Hán, tên ngài được phiên âm là Tu-bồ-đề, dịch nghĩa là **Thiện Hiện** (善

现) hoặc **Không Sinh** (空生).

Truyền thuyết Phật gia kể lại rằng, gia đình ngài vốn thuộc dòng dõi đại phú hào tại thành Xá-vệ. Vào ngày ngài chào đời, một điềm lạ xuất hiện: toàn bộ của cải, vàng bạc, châu báu, kho tàng trong gia tộc bỗng nhiên biến mất sạch trơn, khắp nơi rỗng không như hư không. Thấy vậy, phụ thân ngài mới đặt tên con là *Không Sinh*. Cha mẹ hoảng hốt bèn mời thầy bói toán danh tiếng đến xem quẻ cát hung. Thầy gieo quẻ xong bèn chúc mừng: "Đây là điềm đại cát đại khánh, tuy rỗng không nhưng biểu thị điều thiện lành vĩ đại sắp hiện tiền". Quả nhiên mấy hôm sau, toàn bộ kho tàng châu báu trong nhà tự nhiên xuất hiện trở lại như cũ, chẳng suy suyển mảy may. Vì duyên cớ ấy, ngài lại được đặt thêm tên là *Thiện Hiện*.

Trong mười vị đại đệ tử, hạnh nguyện khất thực của Tu-bồ-đề và Ma-ha Ca-diệp hoàn toàn tương phản:

- **Ca-diệp**: Chuyên đi khất thực ở những khu nhà nghèo hèn, rách rưới nhất. Tâm niệm của Ca-diệp là: Người nghèo kiếp trước không biết bố thí gieo duyên nên kiếp này bần hàn cơ cực; nay ta nhận của họ một bát cháo loãng để giúp họ gieo phước điền, kiếp sau thoát khỏi kiếp lầm than.

- **Tu-bồ-đề**: Ngược lại, chỉ đi khất thực ở những nhà cự phú, quyền quý lộng lẫy. Ý của ngài là: Người giàu hưởng hết phước báu kiếp trước, nếu kiếp này mải mê hưởng thụ mà không biết xả thí thì phước 尽 họa đến; chi bằng hóa độ họ xả bớt tài sản mà kết duyên với Tam Bảo.

Về sau, Đức Thế Tôn quở trách cả hai vị, dạy rằng cả hai cách làm ấy đều rơi vào định kiến nhị nguyên, phân biệt giàu nghèo. Người tu hạnh khất thực chân chính phải đi theo thứ lớp từng nhà (*thứ đệ khất dĩ*), không màng sang hèn, để tâm hoàn toàn bình đẳng.

Lúc bấy giờ, khi thấy Đức Phật đắp y, mang bát, khất thực, rửa chân rồi ngồi tĩnh lặng, đại chúng phần đông chỉ xem đó là sinh hoạt thường nhật. Duy chỉ có Tu-bồ-đề với tuệ nhãn Bát-nhã bỗng nhiên ngộ ra: *Toàn bộ đạo mầu giải thoát, toàn bộ cảnh giới Phật pháp vô thượng đã hiển bày trọn vẹn trong từng bước chân, manh áo, hạt cơm của Đức Phật!* Bởi vậy ngài không kìm được niềm xúc động sâu xa, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch áo vai phải, gối phải quỳ sát đất, chắp tay cung kính mà thốt lên lời khen ngợi tột bực:

> *"Hy hữu! Thế Tôn! Như Lai thiện hộ niệm chư Bồ-tát, thiện phó chúc chư Bồ-tát."*

2.1.2 Như Lai và Bồ Tát

Ở đây Tu-bồ-đề dùng hai danh hiệu: **Thế Tôn** và **Như Lai**.

- **Thế Tôn**: Là danh xưng tôn kính của thế gian đối với bậc Đạo sư có đầy đủ mười hiệu, là bậc Thầy của trời người.
- **Như Lai**: Là danh xưng chỉ bản thể Pháp thân bình đẳng, bất sinh bất diệt. Kinh Kim Cang về sau sẽ giải thích rõ: *"Như Lai giả, vô sở tùng lai, diệc vô sở khứ, cố danh Như Lai"* (Như Lai nghĩa là không từ đâu đến, cũng chẳng đi về đâu).

Còn chữ **Bồ-tát** (Bodhisattva) là nói tắt của *Bồ-đề-tát-đỏa*. "Bồ-đề" là giác ngộ, "Tát-đỏa" là hữu tình, chúng sinh. Bồ-tát chính là bậc giác ngộ có tình thương rộng lớn với chúng sinh, vừa tự giác ngộ mình vừa dấn thân cứu độ muôn loài.

Trong Phật pháp, Bồ-tát không nhất thiết phải là người cạo đầu mặc áo cà-sa ẩn mình nơi thâm sơn cùng cốc. Có bậc xuất gia Bồ-tát, nhưng cũng có vô vàn tại gia Bồ-tát. Một vị cư sĩ bươn chải giữa thương

trường, làm chính trị, dạy học, nuôi dạy con cái, nhưng trong lòng luôn mang tâm nguyện lợi tha vô ngã, đem lại an vui cho đời — đó chính là hành giả Bồ-tát đạo.

2.1.3 Lục Tổ Huệ Năng và Nhân Duyên Kinh Kim Cang

Nói đến Kinh Kim Cang trên mảnh đất Á Đông, người ta lập tức liên tưởng đến Lục Tổ Huệ Năng của Thiền tông.

Thuở nhỏ mồ côi cha, nhà nghèo xơ xác, Huệ Năng phải đi đốn củi trên rừng gánh ra chợ bán nuôi mẹ già. Một hôm đem củi giao cho một vị khách ở trọ, khi bước ra cửa, ngài nghe thấy một người đang tụng kinh. Vừa nghe đến câu kinh Kim Cang, tâm ngài bỗng rúng động khai mở. Hỏi ra mới biết vị khách kia thọ giáo kinh này từ Ngũ Tổ Hoằng Nhẫn tại Hoàng Mai. Ngũ Tổ thường răn dạy môn đồ: *"Người đời mạt pháp muốn kiến tánh thành Phật, chỉ cần trì tụng một bộ Kim Cang Kinh là đủ"*. Huệ Năng liền thu xếp bạc tiền gửi mẹ già, một thân một mình lặn lội ngàn dặm lên núi Huỳnh Mai cầu pháp, để rồi sau đó để lại bài kệ bất hủ:

Bồ-đề bản vô thọ,
Minh kính diệc phi đài.
Bản lai vô nhất vật,
Hà xứ nhạ trần ai?

Sau này, khi được Ngũ Tổ truyền y bát vào canh ba, lại chính là nhờ nghe đến câu: **"Ưng vô sở trụ nhi sinh kỳ tâm"** trong phẩm thứ mười của kinh này mà Lục Tổ triệt để đại ngộ, thốt lên năm câu chấn động: *"Đâu ngờ tự tánh vốn tự thanh tịnh! Đâu ngờ tự tánh vốn không sinh diệt! Đâu ngờ tự tánh vốn tự đầy đủ! Đâu ngờ tự tánh vốn không lay động! Đâu ngờ tự tánh hay sinh muôn pháp!"*

Dòng thiền phương Đông về sau được gọi là Bát-nhã tông hay Đạt-ma tông, cội nguồn tỏa rạng rực rỡ đều bắt đầu từ hạt giống Kim Cang Bát-nhã này.

2.1.4 Ba Chữ Vàng: Thiện Hộ Niệm

Khi ngài Cưu-ma-la-thập dịch câu kinh này, ngài đã dùng ba chữ mà hậu thế phải nghiêng mình thán phục: **Thiện Hộ Niệm** (善护念).

Thời xưa, khi Thiền tông đang thịnh, có một vị cư sĩ học vấn uyên bác, đọc thông tam tạng giáo điển, muốn viết sách chú giải kinh *Tư Ích*. Ông đến bái kiến Quốc sư Nam Dương Huệ Trung (đệ tử đắc pháp của Lục Tổ). Quốc sư Huệ Trung mỉm cười bảo: — Tốt lắm! Ông học vấn uyên thâm, có chí chú giải kinh Phật là việc đại phước đức! Nói đoạn, Quốc sư sai thị giả bưng ra một bát nước trong, thả vào đó đúng bảy hạt gạo, rồi gác một đôi đũa ngang miệng bát. Đoạn ngài quay sang hỏi vị cư sĩ: — Ông có hiểu bây giờ ta đang muốn làm gì không? Vị cư sĩ ngơ ngác nhìn bát nước hồi lâu, lắc đầu thú nhận: — Bạch Hòa thượng, con thật tình không hiểu ý thầy! Quốc sư Huệ Trung bèn nghiêm giọng bảo: — Đến một cái ý cỏn con của ta trước mắt mà ông còn chẳng hiểu nổi, huống chi là ý chỉ sâu mầu vô lượng của Đức Thế Tôn? Thế mà ông dám tùy tiện cầm bút chú giải kinh điển sao!

Người thời nay vừa đọc lõm bõm dăm ba cuốn sách Phật học đã vội vàng viết lách, thuyết giảng, bình phẩm như đúng rồi. Đọc tiểu sử của ngài Cưu-ma-la-thập mới thấy ngài là bậc Bồ-tát thấu suốt đạo mầu. Ba chữ *"Thiện hộ niệm"* mà ngài chọn lựa chính là linh hồn của toàn bộ sự nghiệp tu hành.

Bất luận Nho gia, Đạo gia, Phật gia hay bất kỳ tôn giáo triết học chân chính nào trên thế gian, toàn bộ phương pháp tu dưỡng tâm tính của nhân loại thực chất chỉ quy về ba chữ này: **Thiện Hộ Niệm**.

- **Thiện**: Là khéo léo, chăm sóc, coi sóc chu đáo.

- **Hộ niệm**: Là bảo bọc, gìn giữ, theo dõi từng ý niệm vừa chớm khởi trong tâm.

Nhiều người trẻ ngày nay học Phật với tâm lý công lợi, tò mò: muốn có thần thông, muốn mở thiên nhãn, muốn ngồi thiền bay bổng lên hư không, hay mong cầu thò tay một cái là có chi phiếu ngân hàng rơi xuống! Đó hoàn toàn là ảo tưởng tà kiến, là buôn thần bán thánh. Nhìn Đức Phật xem: Ngài khoác áo, ôm bát, đi từng nhà xin ăn, về rửa chân, ăn cơm xong thu xếp y bát rồi ngồi tĩnh tọa — bình dị, thanh thản, tự nhiên, không vương chút thần bí ma quái nào. Cốt lõi của Ngài chỉ dạy chúng ta: **Hãy quay về coi sóc lấy ý niệm của chính mình!**

Trong Ba mươi bảy phẩm trợ đạo, nền tảng quan trọng hàng đầu là *Tứ niệm xứ*: Quán thân bất tịnh, Quán thọ thị khổ, Quán tâm vô thường, Quán pháp vô ngã. Trong đó, **Quán tâm** là cốt tủy. Ý nghĩ của con người sinh diệt liên tục trong từng sát-na, chẳng có gì nương tựa được. Vừa khởi lên một niệm vui, chốc lát đã thành niệm buồn; vừa hứa hẹn trung thành, quay lưng đã đổi dạ thay lòng.

Một hơi thở hít vào thở ra được gọi là một niệm. Phật dạy: Trong một niệm của phàm phu có chứa tới *tám vạn bốn nghìn phiền não*. Phiền não không nhất thiết là đại họa tày trời, mà đơn giản là cảm giác bứt rứt, bực bội, khó chịu vu vơ trong lòng. Có người ngồi trong phòng máy lạnh tiện nghi, tay cầm cuốn kinh Phật, nhưng mặt mày ủ rũ khó đăm đăm. Hỏi tại sao buồn? Không biết! Bác sĩ khám không ra bệnh, người thân hỏi chẳng trả lời được. Đó chính là bức tranh chân thực của kiếp nhân sinh: ta luôn tự giam mình trong ngục tù của những phiền não mơ hồ.

2.1.5 Căn Bệnh Muôn Đời: Tầm Sầu Mịch Hận

Trong kiệt tác *Hồng Lâu Mộng*, tác giả Tào Tuyết Cần có hai câu thơ miêu tả tâm lý nhân vật Giả Bảo Ngọc vô cùng xuất thần:

无故寻愁觅恨，有时似傻如狂。

Vô cố tầm sầu mịch hận,
Hữu thời tự sái như cuồng.

Nghĩa là: Chẳng có duyên cớ gì cũng tự đi tìm buồn chuốc giận, có lúc ngơ ngẩn như đứa ngây, có lúc cuồng dại như kẻ điên!

Thử ngẫm mà xem, đó đâu chỉ là chuyện của Giả Bảo Ngọc, mà chính là bản sao tâm lý của đại đa số chúng ta! Ăn no mặc ấm, công việc ổn định, nhà cửa êm ấm, chẳng có ai làm hại mình, thế nhưng ngồi một mình bên cửa sổ là bắt đầu "vô cớ tầm sầu mịch hận": nhớ lại chuyện xích mích mười năm trước, lo sợ chuyện thất bại của mười năm sau, tự dằn vặt, tự làm khổ mình.

Trong vở kịch *Tây Sương Ký* cũng có câu tả tâm trạng tài tình:

花落水流红，闲愁万种，无语怨东风。

Hoa lạc thủy lưu hồng,
Nhàn sầu vạn chủng,
Vô ngữ oán đông phong.

Hoa rụng theo dòng nước trôi đỏ rực, trong lòng nảy sinh muôn vạn mối sầu nhàn rỗi chẳng biết tỏ cùng ai, bèn trút giận lên ngọn gió đông! Gió đông thổi hoa rụng thì có tội tình gì? Thế mà người ta cũng đem lòng oán hận gió. Người đời là vậy: khi không có ai để trách móc, họ oán trời, trách đất, than thân trách phận, giận cả cơn gió thoảng qua.

Tâm niệm con người chứa muôn vàn tạp niệm như thế. Giải thoát khỏi mớ bòng bong phiền não đó, làm cho một niệm rỗng rang thanh

tịnh — đó chính là giải thoát, là thành Phật. Nhưng trên mặt hành trì, bước đầu tiên bắt buộc phải là **thiện hộ niệm**: tỉnh giác canh chừng từng ý niệm, không để nó dắt mũi dẫn ta đi vào mê lộ.

2.1.6 Kim Cang Nhãn và Phát Tâm Bồ Đề

Khi Tu-bồ-đề đặt câu hỏi: *"Như Lai thiện hộ niệm chư Bồ-tát, thiện phó chúc chư Bồ-tát..."*, ngài đã chạm đúng vào con mắt vàng ròng của Kinh Kim Cang — gọi là **Kim Cang Nhãn** (con mắt trí tuệ kim cương phá tan mọi chấp thủ).

Trong kinh văn viết:

> *"Thế Tôn! Thiện nam tử, thiện nữ nhân, phát A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề tâm, ưng vân hà trụ, vân hà hàng phục kỳ tâm?"*

Chữ **Thiện** ở đây không chỉ là hiền lành đạo đức theo lối bình dân, mà là những người có chủng tính Bát-nhã thiện căn, có tâm lượng rộng mở hướng về nẻo giác. Cụ Nam Hoài Cẩn cười bảo: Hồi cụ còn trẻ, mấy anh em học trò nghịch ngợm thường trêu nhau, đọc kinh thì tự đổi chữ *Thiện nam tử* thành *Tán nam tử* (散男子) — tức là những kẻ tâm tính còn tản mạn, vừa muốn học đạo giải thoát lại vừa ham chơi ngao du sơn thủy khắp thiên hạ!

Còn cụm từ Phạn ngữ **A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề** (Anuttarā-samyak-saṃbodhi), chữ Hán dịch gượng là:

- **A-nậu-đa-la**: Vô thượng (tuyệt đối, không gì cao hơn).
- **Tam**: Chánh (đúng đắn, ngay thẳng).
- **Miệu**: Đẳng (bình đẳng).

- **Tam-bồ-đề**: Chánh giác (sự giác ngộ chân thật, toàn vẹn).

Gộp chung lại là: **Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác**. Tuy nhiên, các đại dịch giả xưa kia quyết định giữ nguyên âm Phạn, bởi vì cụm từ này chứa đựng nội hàm quá phong phú: nó vừa bao hàm sự giác ngộ triệt để của tự tánh (Minh tâm kiến tánh của Thiền tông), vừa bao hàm tâm đại từ đại bi nhập thế cứu vớt quần sinh của Bồ-tát, vừa bao hàm sự vượt thoát siêu hình về bản thể vũ trụ. Không một danh từ đơn lẻ nào của ngôn ngữ nhân loại có thể ôm trọn ý nghĩa ấy.

2.1.7 Tinh Thần Bình Đẳng Tuyệt Đối: Vô Quyền Uy, Vô Chủ Tể

Điểm đặc biệt vĩ đại của Phật giáo so với nhiều tôn giáo khác là: **Không có giáo chủ độc tài, không có thần quyền thống trị, không có đấng chủ tể thưởng phạt.**

Đức Phật chưa bao giờ tự xưng mình là Đấng Sáng Tạo ra vũ trụ, cũng không nắm trong tay quyền năng giáng họa ban phước hay đày ải ai xuống địa ngục. Ngài chỉ tự nhận mình là một vị Đạo sư — người dẫn đường đã đi qua giông bão sinh tử và quay lại chỉ lối cho chúng ta.

> Mỗi chúng sinh đều có Phật tánh bình đẳng. Ngươi tự gieo nhân nào thì gặt quả nấy; tự mình mê muội thì chịu luân hồi trầm luân, tự mình tỉnh thức tu tập thì chứng đắc Niết-bàn. Không ai có quyền năng cứu rỗi hay trừng phạt tâm linh của ngươi ngoài chính ngươi!

Bởi thế, Tu-bồ-đề mới thưa hỏi: Khi một người bình thường muốn tự mình bước lên con đường giác ngộ vĩ đại ấy, thì phải làm cách nào để giải quyết hai vấn đề sinh tử:

1. **Ưng vân hà trụ?** (Làm sao để tâm này có nơi an trụ vững vàng?).

2. **Vân hà hàng phục kỳ tâm?** (Làm sao để điều phục được những cuồng tâm, vọng tưởng điên đảo ấy?).

2.1.8 Tâm Này An Trụ Ra Sao: Khái Niệm Giữa Chỉ, Định và Trụ

Con người ta khổ nhất trên đời là **tâm không an**. Bộ não hay trái tim chỉ là khí cụ cơ học; đằng sau vận hành chúng là tư tưởng, tình cảm, là cái tâm biến ảo khôn lường. Suốt mấy ngàn năm qua, triết học và tôn giáo đều đi tìm phương thuốc làm sao cho tâm được an định. Có người ngồi thiền mấy chục năm trời, bề ngoài ngồi im như pho tượng, nhưng bên trong sóng lòng vẫn cuộn trào, thỉnh thoảng chỉ nếm được chút cảm giác thư thái của thể xác chứ chưa hề chạm tới đại định.

Kinh Phật thường ví tâm thức con người như dòng nước chảy xiết: tư tưởng và cảm giác trôi chảy không ngừng nghỉ như thác lũ, đúng như lời thơ Lý Bạch: *"Hoàng Hà chi thủy thiên thượng lai, bôn lưu đáo hải bất phục hồi"*. Người tu tập muốn chặn đứng dòng thác ấy, kinh có hình ảnh tuyệt đẹp: **Như hương tượng độ hà, tiệt lưu nhi quá** (Như con voi chúa lội qua sông lớn, dũng mãnh cắt đứt ngang dòng nước cuồn cuộn mà bước sang bờ bên kia). Một bậc đại trí đại dũng khi vừa thấy vọng niệm khởi lên liền lập tức chặt đứt, không quay đầu, không vương vấn.

Ở đây cần phân biệt rõ ba khái niệm chữ Hán: **Chỉ** (止), **Định** (定) và **Trụ** (住):

- **Chỉ**: Là dừng lại. Dùng sức chú ý ghim chặt tâm vào một đối tượng duy nhất, giống như lấy một chiếc đinh đóng chặt vào cột gỗ. Đó là công phu gom tâm.

- **Định**: Giống như con quay trẻ con chơi, khi quay đến vận tốc

cực đại thì nó đứng im một chỗ như bất động, vững chãi không nghiêng ngả. Đó là cảnh giới tĩnh chỉ sâu xa.

- **Trụ**: Khác với *Chỉ* và *Định*. *Trụ* là sự an nhiên tự tại, thanh thản đặt để ở đó mà không cần gượng ép, dùng sức.

Thành ngữ dân gian có câu: *"Tùy ngộ nhi an"* (Ở đâu cũng an ổn, hoàn cảnh nào cũng bình thản). Nói thì dễ nhưng làm được thì thiên nan vạn nan! Con người vĩnh viễn không bao giờ thỏa mãn với hiện tại: nghèo thì muốn giàu, giàu rồi lại muốn quyền lực, có quyền lực lại sợ mất. Ngay cả người học Phật cũng vậy: ở nhà tu thì chê ồn ào vướng bận gia đình; đến chùa tu chung với đại chúng thì chê người này khó tính, người kia tụng kinh dở; đổi một chiếc giường nằm lạ chỗ là trằn trọc mất ngủ cả đêm! Một cái giường còn không an trụ nổi, thì làm sao mong an trụ được cõi lòng trước phong ba bão táp của cuộc đời?

2.1.9 Bản Giao Hưởng Tam Bộ Khúc

Dân gian có câu châm biếm sâu cay về người tu học:

Học Phật năm đầu: Phật ở trước mắt.
Học Phật năm hai: Phật lên chánh điện.
Học Phật năm ba: Phật tít trời tây!

Nghĩa là càng học càng xa đạo, tâm ban đầu chí thành bao nhiêu thì càng về sau càng lười nhác, tính toán bấy nhiêu. Có anh học trò nói với cụ Nam: "Thưa thầy, hôm nay con quyết định về nhà để tận hiếu với cha mẹ". Lúc nói câu đó, tâm hiếu thảo tràn đầy, đúng là *Phật ở trước mắt*. Nhưng vừa bước chân về tới cửa, thấy gương mặt người cha cau có càu nhàu: "Sao mày đi đâu về trễ thế này?", anh ta liền sụ mặt xuống bực bội — lúc này *Phật đã bay lên chánh điện*. Cha mắng thêm vài câu

nữa, anh ta đùng đùng bỏ vào phòng đóng sập cửa trùm chăn ngủ — thế là *Phật đã bay vút sang tận Tây thiên*!

Khi Tu-bồ-đề hỏi làm sao hàng phục tâm phiền não, Đức Phật trả lời một câu nhẹ tênh như không:

> **"Ưng như thị trụ, như thị hàng phục kỳ tâm!"**
> (Nên an trụ như thế này, nên hàng phục cái tâm như thế này!).

Câu trả lời ấy chính là tinh hoa của Thiền tông: **Đương hạ tức thị** (Ngay tại giây phút này đây!). Khi ông khởi tâm tha thiết đứng dậy hỏi đạo, lúc tâm ông hoàn toàn hướng về chân lý thì ngay trong khoảnh khắc đó, tâm ông có còn buồn giận, tham lam, toan tính gì nữa không? Hoàn toàn không! Nó đã tự an trụ rồi, nó đã tự hàng phục rồi!

Nếu bạn lại cố tình dựng lên một phương pháp để tiêu diệt vọng niệm, thì chính cái ý niệm "muốn tiêu diệt" đó lại là một tầng vọng niệm mới, khiến tâm càng thêm rối bời như gỡ tơ vò.

2.1.10 Như Thế Nào Trụ và Vô Sở Trụ

Cốt lõi tối thượng của Kinh Kim Cang là thành tựu đại trí tuệ Bát-nhã của Bồ-tát Đại thừa, chứ không phải là sự tích lũy công phu thiền định của hàng Nhị thừa.

Làm sao để tâm này an trụ? Đáp án bất ngờ và rốt ráo nhất của Đức Phật là: **Vô sở trụ tức thị trụ** (Không trụ vào đâu cả chính là an trụ chân thật!).

Hãy nhìn dòng sinh hoạt của đời sống: Ta ngồi nói chuyện suốt nửa tiếng đồng hồ, từng câu từng chữ tuôn trào theo dòng suy nghĩ; nói xong câu trước thì câu trước tan biến, không đọng lại dấu vết gì. Đó là *vô sở trụ*. Nếu tâm ta mắc kẹt, cứ dính mắc mãi vào một chữ nói sai từ

mười phút trước, thì miệng ta sẽ ú ớ không thể nói tiếp câu sau. Bạn nghe người khác nói chuyện cũng vậy: nếu vừa nghe một câu mà trong lòng mải phê phán "câu này dở, câu kia sai", thì bạn sẽ không thể nghe trọn vẹn những lời tiếp theo, vì tâm bạn đã *hữu sở trụ* (bị dính mắc).

Tâm của bậc giác ngộ như tấm gương sáng treo giữa trời: người đẹp đi qua gương hiện người đẹp, người xấu đi qua gương hiện người xấu; sự việc đến thì ứng biến trọn vẹn, sự việc qua đi thì gương lại hoàn toàn sáng trong rỗng lặng, không lưu lại một bóng hình nào.

Đại thi hào Tô Đông Pha thời Bắc Tống vốn là một cư sĩ thâm ngộ thiền cơ, ông từng viết hai câu thơ tuyệt bút diễn tả trọn vẹn cảnh giới này:

人似秋鸿来有信，事如春梦了无痕。

Nhân tự thu hồng lai hữu tín,
Sự như xuân mộng liễu vô ngân.

Dịch nghĩa:
Người như chim hồng mùa thu, đến đi đều đúng hẹn;
Việc đời thoảng qua như giấc mộng xuân, tuyệt không để lại vết tích gì.

Mùa xuân người ta hay buồn ngủ, ngủ đẫy giấc thì chiêm bao nhiều, nhưng khi tỉnh giấc mở mắt ra, toàn bộ giấc mộng tan biến không tăm hơi, tìm đâu ra dấu vết? Đời người vinh nhục, được mất, buồn vui mấy mươi năm thực chất cũng hệt như một giấc mộng xuân thoảng qua bên thềm gió.

Người già thường thích ngồi một mình thở dài, tiếc nuối: "Nghĩ lại năm xưa tôi oanh liệt thế này, phong độ thế kia...", đó chính là tự tìm dây buộc mình, tự rước phiền não vào thân. Quá khứ đã vĩnh viễn trôi xuôi như nước sông ra biển cả, không ai kéo lại được một giây.

Thấu hiểu được chân lý *"sự như xuân mộng liễu vô ngân"* thì tự khắc tâm không còn dính mắc. **Ưng như thị trụ, như thị hàng phục kỳ tâm** — bản tánh của phiền não vốn là Không, không cần phải nhọc công hàng phục. Ngay khi bạn buông tay tĩnh tọa, mọi hỷ nộ ái ố tự khắc tan biến vào hư vô.

Kệ Tụng Phẩm Thứ Hai — Nam Sư Đúc Kết

短发丝丝落镜台，老看世事剧场开。
如何降伏身心妄，指点迷津法雨来。

Đoản phát ti ti lạc kính đài,
Lão khán thế sự kịch trường khai.
Như hà hàng phục thân tâm vọng,
Chỉ điểm mê tân pháp vũ lai.

Dịch thơ:
Gương soi rụng bớt sợi tơ cằn,
Tuổi hạc nhìn đời lớp kịch tan.
Hàng phục làm sao thân vọng động?
Mưa rào pháp nhũ rưới mê tân.

CHƯƠNG 3

Đại Thừa Chính Tông Phân (大乘正宗分第三)

Kinh Văn Gốc & Dịch Nghĩa

佛告须菩提：“诸菩萨摩诃萨应如是降伏其心！所有一切众生之类：若卵生、若胎生、若湿生、若化生；若有色、若无色；若有想、若无想、若非有想非无想，我皆令入无余涅槃而灭度之。如是灭度无量无数无边众生，实无众生得灭度者。何以故？须菩提！若菩萨有我相、人相、众生相、寿者相，即非菩萨。”

Phiên âm Hán – Việt:

Phật cáo Tu-bồ-đề: “Chư Bồ-tát Ma-ha-tát ưng như thị hàng phục kỳ tâm: Sở hữu nhất thiết chúng sinh chi loại: nhược noãn sinh, nhược thai sinh, nhược thấp sinh, nhược hóa sinh; nhược hữu sắc, nhược vô sắc; nhược hữu tưởng, nhược vô tưởng, nhược phi hữu tưởng phi vô tưởng, ngã giai linh nhập Vô dư Niết-bàn nhi diệt độ chi. Như thị diệt độ vô lượng, vô số, vô biên chúng sinh, thực vô chúng sinh đắc diệt độ giả. Hà dĩ cố? Tu-bồ-đề! Nhược Bồ-tát hữu ngã tướng, nhân tướng, chúng sinh tướng, thọ giả tướng, tức phi Bồ-tát.”

Bản dịch nghĩa:
Đức Phật bảo Tu-bồ-đề: "Các bậc đại Bồ-tát nên hàng phục tâm mình như thế này: Tất cả các loài chúng sinh, hoặc sinh từ trứng (noãn sinh), hoặc sinh từ thai (thai sinh), hoặc sinh nơi ẩm ướt (thấp sinh), hoặc do biến hóa sinh ra (hóa sinh); hoặc có hình sắc, hoặc không hình sắc; hoặc có tư tưởng, hoặc không tư tưởng, hoặc chẳng phải có tư tưởng chẳng phải không tư tưởng, Ta đều khiến cho họ nhập vào Vô dư Niết-bàn để được giải thoát rốt ráo. Cứu độ vô lượng vô số vô biên chúng sinh như thế, nhưng thật ra không có một chúng sinh nào được diệt độ cả. Vì cớ sao? Này Tu-bồ-đề! Nếu vị Bồ-tát mà còn có tướng Ta (ngã tướng), tướng Người (nhân tướng), tướng Chúng sinh (chúng sinh tướng), tướng Tuổi thọ (thọ giả tướng), thì người ấy không phải là Bồ-tát."

3.1 Bình Giảng Toàn Văn Của Cụ Nam Hoài Cẩn

3.1.1 Muôn Loài Chúng Sinh: Phân Loại Theo Sinh Lý Học Phật Giáo

Phẩm thứ ba này mang tên **Đại Thừa Chính Tông Phân** (phần tông chỉ cốt lõi chân chính của Phật giáo Đại thừa). Trong phẩm này, Đức Phật vạch ra một bức tranh toàn cảnh về cõi sinh linh trong vũ trụ và đưa ra phương pháp hành trì chấn động nhất của Bồ-tát đạo.

Trước hết, Đức Phật liệt kê các loài chúng sinh hữu tình thành các nhóm sinh lý và tâm lý:

1. **Noãn sinh (卵生):** Các loài sinh ra từ trứng (như chim chóc, loài

bò sát, côn trùng...). Kinh Lăng Nghiêm giải thích: Loài sinh từ trứng là do nghiệp lực *tưởng tượng* mà kết tụ thành hình.

2. **Thai sinh (胎生):** Các loài sinh ra từ bào thai mẹ (như con người, cầm thú...). Thai sinh là do nghiệp lực *ái ân tình dục* mà kết thành mạng sống.

3. **Thấp sinh (湿生):** Các loài sinh ra từ những nơi ẩm ướt, mốc meo, vi khuẩn, vi trùng dưới bùn lầy rãnh nước. Thấp sinh là do nghiệp lực *hợp cảm* với hơi ẩm mà thành.

4. **Hóa sinh (化生):** Các loài do sự biến hóa đột ngột mà thành, không cần qua thụ tinh hay bào thai (như con tằm biến thành bướm, chư thiên, quỷ thần, hoặc chúng sinh cõi địa ngục). Hóa sinh là do nghiệp lực *ly biệt, biến chuyển* mà thành.

Về phương diện vật chất và tinh thần, lại chia tiếp:

- **Hữu sắc và Vô sắc:** Loài có thân xác hữu hình trông thấy được (hữu sắc); và loài tồn tại dưới dạng trường năng lượng, sóng điện từ, linh thức không có sắc tướng (vô sắc).

- **Hữu tưởng và Vô tưởng:** Loài có tư tưởng, có ý thức suy nghĩ (hữu tưởng); và loài dường như hoàn toàn mất hẳn ý thức, hoá thành trạng thái gỗ đá, như những chúng sinh ở cõi Vô Tưởng Thiên (vô tưởng).

- **Phi hữu tưởng phi vô tưởng:** Tầng trời cao nhất của Tam giới, vi tế đến mức không thể nói là có ý thức mà cũng chẳng thể nói là không có ý thức.

Vào thời Ngũ Đại bên Trung Hoa, một đạo sĩ tên là Đàm Tiêu viết cuốn sách nổi tiếng *Đàm Tử Hóa Thư*. Ông quan sát vũ trụ và nhận ra

vạn vật biến hóa kỳ diệu vô cùng: một con sâu bỗng hóa thành cánh bướm rực rỡ, một loài cây cỏ mục nát biến thành con đom đóm phát sáng giữa đêm. Sự chuyển hóa hình tướng ấy trong vũ trụ hoàn toàn trùng khớp với phân loại mười hai loài chúng sinh trong kinh Phật.

3.1.2 Hồng Phước và Thanh Phước

Tâm nguyện của một hành giả Đại thừa là gì? *"Ta đều khiến cho họ nhập vào Vô dư Niết-bàn để được diệt độ!"*

Ở đời, người ta hay chúc nhau được hưởng "phước báu". Nhưng cụ Nam Hoài Cẩn phân tích: Phước báu thế gian chia làm hai loại hoàn toàn đối nghịch: **Hồng phước** (红福) và **Thanh phước** (清福).

- **Hồng phước**: Là phước giàu sang, vinh hoa phú quý, xe đưa ngựa đón, ăn trên ngồi trốc, quyền cao chức trọng. Nhưng hồng phước thường đi kèm với ồn ào, tranh đấu, đau đầu toan tính, tai họa rình rập và mỏi mệt tâm thân.

- **Thanh phước**: Là phước an nhàn, thanh tịnh, rảnh rỗi không bận tâm việc đời, tâm hồn thảnh thơi nhấp chén trà ngắm mây bay hoa nở.

Nghịch lý ở chỗ: Con người ta ai cũng miệng nói thèm được an nhàn, nhưng cho hưởng thanh phước đúng nửa ngày là bắt đầu phát điên! Ngồi yên một chỗ thì bứt rứt, nhìn bốn bức tường thì thấy trống trải, thế là lập tức vớ lấy điện thoại, gọi bạn bè đi nhậu nhẹt, đánh bài, tìm chuyện thị phi để bàn tán. Con người sợ sự cô đơn, sợ sự rỗng lặng của chính mình. Cho nên được hưởng "Thanh phước" mới là điều khó nhất trên thế gian!

3.1.3 Chuyện Ngài Huyền Trang và Vị La-Hán Bên Rặng Tuyết Sơn

Để giải thích chữ **Niết-bàn** và sự khác biệt giữa *Hữu dư y Niết-bàn* của A-la-hán với *Vô dư y Niết-bàn* của Đức Phật, cụ Nam kể lại một câu chuyện lưu truyền kỳ thú trong Phật giáo thời Đường:

Khi Pháp sư Huyền Trang một thân một mình lặn lội sang Ấn Độ thỉnh kinh, ngài vượt qua những rặng núi tuyết trắng xóa lạnh thấu xương gần dãy Himalaya. Nơi đây tuyết phủ dày đặc muôn trượng, thế nhưng lạ thay có một ngọn núi đất đá nhô lên mà tuyết rơi xuống đều tan biến ngay, không đọng lại hạt nào. Pháp sư thấy kỳ lạ bèn lần mò leo lên xem, ngài phát hiện dưới mặt đất có những sợi tóc thô to kỳ dị nhô lên. Đào bới lớp đất đá sâu bên dưới, ngài kinh ngạc thấy một thân hình khổng lồ đang ngồi tĩnh tọa kiết già trong lòng đất từ bao đời.

Pháp sư Huyền Trang nhận ra đây là một vị thiền giả nhập đại định đã trải qua hàng vạn năm, bèn lấy chiếc khánh đồng nhỏ ghé sát tai vị đó mà gõ nhẹ từng tiếng: *Đinh... đinh... đinh...* Một hồi lâu, vị thiền giả mới từ từ mở mắt xuất định. Vị ấy bỡ ngỡ nhìn chung quanh rồi cất tiếng hỏi bằng ngôn ngữ cổ: — Ta là đệ tử tu thiền từ thời Đức Phật Ca-diếp trong quá khứ. Ta ngồi đây nhập định để đợi Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đản sinh xuống trần đặng đến nghe Ngài thuyết pháp. Chẳng hay bây giờ Ngài đã ra đời chưa?

Pháp sư Huyền Trang thở dài đáp: — Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã giáng sinh, thuyết pháp suốt 49 năm và đã nhập Niết-bàn cách đây hơn nghìn năm rồi!

Vị thiền giả chớp mắt buồn rầu: — Đã lỡ mất rồi ư? Thôi được, vậy để ta nhắm mắt ngồi nhập định tiếp, đợi vài trăm triệu năm nữa Đức Phật Di Lặc hạ sinh thì ta xuất định thỉnh giáo một thể!

Pháp sư Huyền Trang vội nắm lấy áo vị ấy can ngăn: — Này đạo

hữu, xin chớ nhập định vội! Ngài ngồi im một chỗ trong lòng đất thế này, đến khi Phật Di Lặc giáng trần, ai sẽ là người gõ khánh gọi ngài thức dậy? Lỡ ngài ngủ quên qua luôn cả hội Long Hoa thì sao?

Vị ấy gật đầu: — Ngươi nói cũng có lý. Vậy bây giờ ta phải làm sao?

Pháp sư Huyền Trang bảo: — Ta nay đang trên đường sang Tây Trúc thỉnh đại giáo, khoảng mười mấy hai mươi năm nữa sẽ quay về cố quốc Đại Đường bên phương Đông. Thần thức của ngài có thể xuất hồn bay sang đó đầu thai vào cung điện nguy nga tráng lệ nhất làm hoàng tử. Đợi ta lấy kinh trở về, ngài hãy bái ta làm thầy để cùng truyền bá Phật pháp, cứu độ chúng sinh phương Đông!

Vị thiền giả đồng ý, liền xả bỏ nhục thân cổ xưa, thần thức bay thẳng về phương Đông tìm chốn đầu thai. Hai mươi năm sau, Pháp sư Huyền Trang vinh quang trở về kinh thành Trường An. Vừa yết kiến Đường Thái Tông Lý Thế Dân, việc đầu tiên ngài hỏi là trong hoàng cung ngày ấy có hoàng tử nào mới sinh không? Nhưng tra xét khắp hậu cung thì đúng vào ngày hẹn không hề có hoàng tử nào chào đời! Huyền Trang hoảng hốt bèn mở cuộc truy tìm thần thức, cuối cùng phát hiện ra hôm ấy tại phủ đệ của danh tướng Uất Trì Cung có sinh hạ một người cháu trai khôi ngô tuấn tú. Té ra vị La-hán ngàn năm kia khi bay đến Trường An, nhìn thấy vương phủ cờ dong trống mở của Uất Trì Cung quá đỗi lộng lẫy, ngỡ nhầm là hoàng cung bèn chui tọt vào đó đầu thai!

Bậc La-hán tuy định lực ngút trời nhưng khi lọt qua cửa ải luân hồi mang thân xác thịt phàm phu cũng mắc phải **Cách ấm chi mê** (mê muội sau khi đầu thai), quên sạch tiền kiếp. Đường Thái Tông nghe chuyện bèn ban chỉ dụ cho cháu của Uất Trì Cung phải xuất gia làm đệ tử Huyền Trang. Công tử nhà tướng vốn quen thói ăn chơi quý tộc, đâu chịu cạo đầu ăn chay niệm Phật khổ hạnh! Chàng ra ba điều kiện với

triều đình: Muốn ta đi tu thì phải cho ta mang theo ba cỗ xe lớn: *Một cỗ xe chở đầy mỹ nữ hầu hạ, một cỗ xe chở đầy thịt bò rượu ngon, và một cỗ xe chở đầy kinh sách thi phú để đọc tiêu khiển!* Nhà vua và Huyền Trang vì muốn độ bậc pháp khí bèn bấm bụng chấp thuận. Đó chính là nguồn gốc danh xưng trào lộng "Tam Xa Pháp Sư" của ngài Khuy Cơ — vị đại sư khai sáng Pháp Tướng Tông Duy Thức học lừng danh về sau.

Cụ Nam Hoài Cẩn bình luận: Câu chuyện dã sử ấy cho ta thấy một bài học sâu sắc về **Hữu dư y Niết-bàn**. Vị thiền giả có công phu định lực làm ngưng đọng cả nhịp thở và cơ thể suốt hàng thiên niên kỷ, tuy nhiên cái đó chỉ là *trụ vào cảnh giới Không giả tạo*. Những thói quen, tập khí hưởng thụ, danh vọng thế tục nơi tàng thức chưa được chuyển hóa tận gốc (*kết tập vị trừ*), nên khi vừa có thân xác mới là lập tức trỗi dậy đòi rượu thịt mỹ nhân!

Còn **Vô dư y Niết-bàn** của chư Phật thì triệt để vô ngã, sạch bóng mọi vi tế tập khí. Đức Phật dạy người học đạo muốn thành tựu trí tuệ Bát-nhã tối thượng thì phải xả bỏ mọi sự bám chấp vào cảnh định nhị thừa, phát tâm đưa toàn bộ muôn loài vào cảnh giới giải thoát tuyệt đối này.

3.1.4 Nghịch Lý Vĩ Đại: Độ Tận Chúng Sinh Mà Không Thấy Ai Được Độ

Ngay sau khi chỉ dạy tâm nguyện rộng lớn vô lượng ấy, Đức Thế Tôn bèn buông một câu rúng động ngàn đời:

> *"Như thị diệt độ vô lượng vô số vô biên chúng sinh, thực vô chúng sinh đắc diệt độ giả!"*
> (Cứu độ vô lượng vô số vô biên chúng sinh như thế, nhưng thật ra không hề có một chúng sinh nào được diệt độ cả!).

Đây chính là phong thái siêu việt của bậc Bồ-tát. Nếu trong tâm bạn làm một việc thiện, giúp đỡ một người nghèo khó hay cứu vớt một kẻ lầm đường lạc lối, mà trong thâm tâm bạn vẫn còn đắc ý: *"Tôi là kẻ từ bi ban ơn, còn anh là kẻ thọ ơn của tôi; anh phải biết ơn tôi, phải nể trọng tôi"*, thì việc làm ấy vẫn hoàn toàn thuộc về thế gian pháp, nặng trĩu toan tính và phân biệt ngã - nhân.

Khi kẻ thọ ơn không tỏ vẻ biết ơn hoặc quay lưng nói xấu, bạn sẽ lập tức phẫn nộ, đau khổ và thất vọng. Đó là vì bạn làm việc thiện nhưng bị dính mắc vào tướng làm ơn.

Bồ-tát cứu độ chúng sinh như mặt trời chiếu soi vạn vật: mặt trời tỏa ánh sáng ấm áp nuôi dưỡng cây cối sinh sôi nảy nở muôn đời, nhưng mặt trời chưa từng đòi hỏi một ngọn cỏ nào phải mang ơn mình! Lòng từ bi tự nhiên tuôn chảy như suối mát, cứu độ muôn loài mà tâm hồn rỗng rang tự tại, xem như giấc mộng xuân không lưu dấu vết.

Hơn nữa, xét về mặt chân lý cứu cánh: **Mỗi chúng sinh vốn dĩ tự tánh đã đầy đủ Phật tánh tròn đầy!** Chúng sinh đau khổ chỉ vì một niệm vô minh che lấp, giống như người ngủ mê thấy ác mộng rượt đuổi kêu la thất thanh. Vị Đạo sư đến bên cạnh khẽ lay gọi: "Tỉnh dậy đi con, đó chỉ là chiêm bao!". Khi người đó mở mắt tỉnh giấc, cơn ác mộng tự tan biến. Kẻ đó tự tỉnh thức, tự cứu lấy chính mình, nào có vị Phật hay Bồ-tát nào can thiệp cứu rỗi thay cho ai?

3.1.5 Bốn Tướng Giam Hãm Tâm Thức (Tứ Tướng)

Đức Phật khẳng định đanh thép:

> *"Hà dĩ cố? Tu-bồ-đề! Nhược Bồ-tát hữu ngã tướng, nhân tướng, chúng sinh tướng, thọ giả tướng, tức phi Bồ-tát."*

Chữ **Tướng** (相) ở đây chính là các hiện tượng, quan niệm, định kiến bám rễ trong tâm lý con người. Bốn tướng này bao gồm:

1. **Ngã tướng (我相):** Quan niệm cố chấp về cái Tôi. Cái Tôi có hai khía cạnh:

    - *Thân thể cá nhân*: Tôi là tôi, anh là anh; thân xác tôi phải được chăm sóc, cung phụng sung sướng nhất.
    - *Tâm lý - tinh thần*: Sự kiêu ngạo về học vấn, địa vị, tuổi tác. Người già thường có bệnh *ỷ lão mại lão* (cậy mình sống lâu lên mặt dạy đời: "Mấy đứa trẻ ranh chúng mày biết cái gì!"). Ngược lại, lớp trẻ thì hay mắc bệnh *ỷ tiểu mại tiểu* (cậy mình còn nhỏ làm nũng, trốn tránh trách nhiệm: "Em còn trẻ người non dạ, thầy bỏ qua cho em!"). Phụ nữ thì *ỷ nữ mại nữ*, nam giới thì *ỷ nam mại nam*. Thậm chí viết được một bài văn hay, ai sửa bớt một chữ là trong lòng tức tối không chịu nổi — đó đều là biểu hiện vi tế của *Ngã tướng* và *Pháp ngã kiến*!

2. **Nhân tướng (人相):** Quan niệm phân biệt đối kháng giữa Ta và Người. Thấy mình và người khác là hai thực thể tách rời, sinh ra đố kỵ, kèn cựa, so bì hơn thiệt.

3. **Chúng sinh tướng (众生相):** Tâm lý bầy đàn, thiên kiến xã hội, kỳ thị chủng tộc, đẳng cấp, phe nhóm; xem nhóm của mình là ưu việt còn nhóm khác là thấp hèn.

4. **Thọ giả tướng (寿者相):** Lòng tham luyến sự sống, sợ già, sợ chết, khát khao trường thọ; bám chặt vào dòng chảy của thời gian, tiếc nuối quá khứ và lo âu tương lai.

Chỉ cần trong tâm còn lẩn khuất một mảy may của bốn tướng ấy, thì dù có xả thân làm từ thiện hay ngồi thiền thành đá, người ấy vẫn chưa phải là Bồ-tát chân chính.

3.1.6 Ba Mươi Hai Bài Kệ Đúc Kết Trên Đỉnh Nga Mi

Cụ Nam Hoài Cẩn tâm sự một kỷ niệm khó quên: Cách đây hơn bốn mươi năm, khi cụ lên đỉnh núi Nga Miết bế quan độc cư. Vào mùa thu đông, tuyết phủ trắng xóa phong tỏa toàn bộ đường lên núi, đến nỗi loài khỉ vượn cũng không leo lên nổi, xung quanh tuyệt nhiên không một bóng người. Muốn xuống núi lúc ấy người ta phải dùng trò trượt tuyết: buộc vỏ cây sau mông, cầm hai chiếc gậy trượt vút một mạch xuống chân núi; còn muốn trèo lên thì đành đợi đến mùa xuân tuyết tan.

Một đêm nọ quạnh quẽ trong tịnh thất, cụ rút một cuốn kinh Kim Cang trong Đại Tạng Kinh ra đọc dưới ngọn đèn dầu. Bỗng nhiên đạo vị bừng nở, lòng tràn ngập niềm hân hoan xúc động vô ngần. Chỉ trong một đêm ấy, cụ đã xuất thần làm liền một mạch ba mươi hai bài thơ tứ tuyệt đúc kết ý chỉ ba mươi hai phẩm của kinh văn:

Kệ Phẩm Thứ Nhất: Pháp Hội Nhân Do Phân

缁衣换却冕旒轻，托钵千家汗漫行。
何事劳生终草草，蒲团洗尽旅途情。

Tì y hoán khước miễn lưu khinh,
Thác bát thiên gia hãn mạn hành.
Hà sự lao sinh chung thảo thảo,
Bồ đoàn tẩy tận lữ đồ tình.

Dịch thơ:
Đổi áo cà-sa nhẹ mũ vua,
Ngàn nhà ôm bát trải sương mưa.
Nhọc nhằn một kiếp chi vội vã,
Bồ đoàn gột sạch chuyện hơn thua.

Bình giải: Đức Thế Tôn xem ngai vàng điện ngọc nhẹ tựa lông hồng, thay áo cà-sa thô sơ đi khất thực khắp ngàn nhà. Đời người bôn ba nhọc nhằn rốt cuộc để làm gì? Chỉ có hai chân xếp bằng trên bồ đoàn rỗng rang thanh tịnh mới rửa sạch muôn vạn phong trần gió bụi của lữ khách trần gian.

Kệ Phẩm Thứ Hai: Thiện Hiện Khởi Thỉnh Phân

万象都缘一念波，护心那用修多罗。
岩中宴坐已多事，况起多余问什么。

Vạn tượng đô duyên nhất niệm ba,
Hộ tâm na dụng tu-đa-la.
Nham trung yến tọa dĩ đa sự,
Huống khởi đa dư vấn thập ma.

Dịch thơ:
Muôn tượng đều do một niệm ba,
Giữ tâm đâu đợi tu-đa-la.
Hang đá ngồi yên đà lắm chuyện,
Huống lại lôi thôi hỏi vẩn vơ!

Bình giải: Mọi phiền não đều từ một làn sóng tâm niệm vừa khởi động. Giữ gìn tâm thanh tịnh thì đâu cần phải bám chặt vào chữ nghĩa kinh điển (*tu-đa-la*). Tu-bồ-đề ngồi thiền trong hang đá được chư thiên rải hoa tán thán đà là thừa thãi vẽ rắn thêm chân rồi, huống chi nay lại còn lóc cóc đứng dậy hỏi han làm sao an trụ, làm sao hàng phục tâm!

Kệ Phẩm Thứ Ba: Đại Thừa Chính Tông Phân

四相初生四象殊，羲皇以上一无无。

剧怜多少修途客，寿我迷人犹讳愚。

Tứ tướng sơ sinh tứ tượng thù,
Hi Hoàng dĩ thượng nhất vô vô.
Kịch lân đa thiểu tu đồ khách,
Thọ ngã mê nhân do húy ngu.

Dịch thơ:
Bốn tướng vừa sinh bốn tượng sai,
Hi Hoàng thuở trước một không hai.
Thương xót bao nhiêu người học đạo,
Say mê ngã thọ giấu dại khờ.

Bình giải: Bốn tướng của đạo Phật tương tự như bốn tượng (Thái dương, Thái âm, Thiếu dương, Thiếu âm) của Kinh Dịch. Trước thời Phục Hy vạch quẻ, trời đất bản thể vốn rỗng lặng rốt ráo (*Hi Hoàng dĩ thượng nhất vô vô*). Đáng thương cho bao kẻ bước vào đường tu mà vẫn mải mê chấp chặt vào thọ mạng, danh vị, cái tôi hẹp hòi, tự giấu đi cái ngu dốt của mình mà tưởng mình đang đắc đạo!

Kệ Tụng Phẩm Thứ Ba — Nam Sư Đúc Kết

四相初空见本来，度生何必费疑猜。
长空万里无云迹，明月飞从天际来。

Tứ tướng sơ không kiến bản lai,
Độ sinh hà tất phí nghi tài.
Trường không vạn lý vô vân tích,
Minh nguyệt phi tùng thiên tế lai.

Dịch thơ:

Bốn tướng vừa tan thấy bản lai,
Độ sinh chi phải bận lòng hoài?
Trời xanh muôn dặm không mây bợn,
Trăng sáng vút bay tận đỉnh trời.

CHƯƠNG 4

Diệu Hạnh Vô Trụ Phân (妙行无住分第四)

Kinh Văn Gốc & Dịch Nghĩa

复次，须菩提！菩萨于法，应无所住，行于布施，所谓不住色布施，不住声香味触法布施。须菩提！菩萨应如是布施，不住于相。何以故？若菩萨不住相布施，其福德不可思量。须菩提！于意云何？东方虚空可思量不？”“不也，世尊！”“须菩提！南西北方四维上下虚空可思量不？”“不也，世尊！”“须菩提！菩萨无住相布施，福德亦复如是不可思量。须菩提！菩萨但应如所教住。”

Phiên âm Hán – Việt:

Phục thứ, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ư pháp, ưng vô sở trụ, hành ư bố thí, sở vị bất trụ sắc bố thí, bất trụ thanh, hương, vị, xúc, pháp bố thí. Tu-bồ-đề! Bồ-tát ưng như thị bố thí, bất trụ ư tướng. Hà dĩ cố? Nhược Bồ-tát bất trụ tướng bố thí, kỳ phước đức bất khả tư lượng. Tu-bồ-đề! Ư ý vân hà? Đông phương hư không khả tư lượng phủ? ”Bất dã, Thế Tôn!” Tu-bồ-đề! Nam, tây, bắc phương, tứ duy, thượng, hạ hư không khả tư lượng phủ? ”Bất dã, Thế Tôn!” Tu-bồ-đề! Bồ-tát vô trụ tướng bố thí, phước đức diệc phục như thị, bất khả tư lượng. Tu-bồ-đề! Bồ-tát đản ưng như sở giáo trụ.

Bản dịch nghĩa:
Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Bồ-tát đối với các pháp, nên không có chỗ trụ mà làm việc bố thí; nghĩa là không trụ vào hình sắc mà bố thí, không trụ vào âm thanh, hương thơm, mùi vị, cảm xúc, hay pháp trần mà bố thí. Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát nên bố thí như thế đó, không dính mắc nơi các tướng. Vì cớ sao? Nếu Bồ-tát bố thí mà không trụ tướng, thì phước đức ấy không thể suy lường được. Này Tu-bồ-đề, ý ông nghĩ sao? Hư không ở phương Đông có thể suy lường được chăng? — Bạch Thế Tôn, không thể! — Này Tu-bồ-đề! Hư không ở các phương Nam, Tây, Bắc, bốn góc phương phụ cùng trên và dưới, có thể suy lường được chăng? — Bạch Thế Tôn, không thể! — Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát bố thí không trụ tướng, phước đức cũng lại như thế, không thể suy lường được. Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát chỉ nên an trụ đúng như lời Ta đã chỉ dạy!

4.1 Bình Giảng Toàn Văn Của Cụ Nam Hoài Cẩn

4.1.1 Hành Vi Bậc Nhất và Hạng Thứ: Vô Sở Trụ

Sau khi chỉ rõ tâm nguyện Bồ-tát phải độ khắp muôn loài mà không thấy có chúng sinh được độ, Đức Phật liền chỉ sang phương diện hành động thực tiễn: **Bố thí vô trụ tướng**.

Người thế gian thường hiểu chữ "bố thí" theo nghĩa rất hẹp: mang tiền bạc, cơm gạo, quần áo ra phân phát cho người nghèo. Nhưng trong Phật pháp, bố thí bao hàm toàn bộ hành vi xả ly của một con người: xả bỏ tài sản (tài thí), đem lại sự hiểu biết chánh pháp xua tan mê muội (pháp thí), và đem lại sự bình an, can đảm, không sợ hãi cho muôn loài (vô úy thí).

Đức Phật dạy: Bồ-tát làm tất cả việc thiện lành ấy nhưng **"ưng vô sở trụ, hành ư bố thí"** (không có chỗ bám víu, không có chỗ nương tựa mà làm việc bố thí).

Thế nào là không trụ?

- **Bất trụ sắc**: Không dính mắc vào hình dáng, màu sắc, sắc đẹp, vẻ hào nhoáng bề ngoài của vật chất hay người nhận.
- **Bất trụ thanh, hương, vị, xúc, pháp**: Không dính mắc vào những lời xưng tụng khen ngợi ngọt ngào bên tai (thanh); không mê đắm mùi thơm ngạt ngào (hương); không đắm đuối vị ngon trên đầu lưỡi (vị); không lưu luyến cảm giác êm ái của da thịt và cảnh giới hỷ lạc vi tế của thiền định (xúc); và không bám chấp vào những giáo lý, danh tướng, quan niệm đúng sai trong tâm tưởng (pháp).

4.1.2 Nhạn Bay Qua Trời Xanh: Cảnh Giới Nhạn Quá Trường Không

Trong thiền học có một câu châm ngôn tuyệt tác miêu tả trạng thái tâm của bậc Bồ-tát khi hành trì lục độ Ba-la-mật:

雁过长空，影沉寒水。
雁无遗踪之意，水无留影之心。

Nhạn quá trường không,
Ảnh trầm hàn thủy.
Nhạn vô di tung chi ý,
Thủy vô lưu ảnh chi tâm.

Dịch nghĩa:
Chim nhạn bay ngang qua bầu trời xanh thẳm,
Bóng nhạn in sâu đáy nước lạnh lùng.

Nhạn bay qua chẳng có ý để lại dấu vết nơi dòng nước,
Và dòng nước biếc cũng chẳng hề có lòng níu giữ bóng chim nhạn lại bao giờ!

Đó chính là thái độ sống tuyệt mỹ của người giác ngộ: Bạn làm việc thiện cứu người, bạn giúp đời xây cầu đắp đường, nuôi dạy con cái, xây dựng sự nghiệp huy hoàng — nhưng làm xong là buông tay thanh thản, tâm hồn rỗng rang tự tại như dòng nước biếc. Nhạn bay qua rồi thì trời xanh mây trắng lại hiện về tĩnh lặng, không để lại một chút vương vấn, bận lòng nào.

4.1.3 Hai Nguồn Vốn Của Người Học Phật: Phước Đức và Công Đức

Xưa kia, Lương Võ Đế Tiêu Diễn dốc cạn quốc khố xây cất hàng trăm ngôi đại tự nguy nga, nuôi nấng hàng vạn tăng ni, tự mình đắp y giảng kinh. Khi Sơ Tổ Bồ Đề Đạt Ma từ Ấn Độ sang Trung Hoa, Lương Võ Đế hớn hở hỏi ngay: — Trẫm một đời cất chùa, độ tăng, in kinh nhiều vô số kể, chẳng hay trẫm có bao nhiêu công đức?

Tổ Đạt Ma lạnh lùng đáp một câu nhói lòng: — **Thực vô công đức!** (Thực chất chẳng có chút công đức nào cả!).

Lương Võ Đế chưng hửng, không hiểu tại sao. Cụ Nam Hoài Cẩn phân tích: Vua Lương Võ Đế bỏ tiền của ra làm những việc đó chỉ tạo ra **Phước đức hữu lậu** của cõi trời người (kiếp sau được giàu sang phú quý hơn), chứ hoàn toàn không phải là **Công đức vô lậu** giải thoát! Bởi vì trong lòng nhà vua vẫn còn dính mắc nặng nề vào *tướng làm ơn*: làm việc thiện mà khao khát được khen ngợi, muốn được Tổ khen, muốn lưu danh thiên cổ!

Muốn kinh doanh buôn bán ở đời thì cần có vốn liếng tiền tệ. Còn người học Phật muốn thành tựu đạo quả cũng cần hai nguồn vốn khổng

lồ: **Phước đức tư lương** và **Trí tuệ tư lương**. Trong kinh tụng ta thường niệm: *"Quy y Phật, Lưỡng túc tôn"* — chữ "Lưỡng túc" này không phải là hai cái chân đi, mà là bậc tôn quý có đầy đủ trọn vẹn cả hai nguồn vốn: **Phước đức viên mãn** và **Trí tuệ viên mãn**. Người có trí tuệ mà không có phước thì nghèo khổ long đong; người có phước giàu sang mà không có trí tuệ thì mê muội tạo nghiệp. Muốn tích lũy phước đức vô lượng như hư không thì kinh Kim Cang chỉ rõ: **Hãy bố thí vô trụ tướng!**

4.1.4 Hư Không Phương Đông và Hư Không Mười Phương

Tại sao trong đoạn kinh này, Đức Phật lại hỏi Tu-bồ-đề về **Hư không phương Đông** trước tiên, mà không hỏi phương Tây hay phương Nam?

Cụ Nam Hoài Cẩn giảng: Kinh điển Phật giáo đại thừa hàm chứa rất nhiều mật nghĩa về phong thủy, thiên văn và tu chứng khí mạch:

- **Phương Đông**: Là phương mặt trời mọc, thuộc quẻ Chấn trong Kinh Dịch, tượng trưng cho **Sinh khí bừng nở**, sự sống sinh sôi bất tận. Trong pháp tu Dược Sư Lưu Ly Quang Vương Như Lai cũng ngự tại cõi Đông phương, chủ về tiêu trừ tật bệnh, nuôi dưỡng thân tâm, kéo dài thọ mạng và khơi thông khí mạch. Người tu tập giai đoạn đầu phải làm cho sinh khí dồi dào, thân thể chuyển biến, khí mạch thông suốt mới mong bước vào định cảnh.

- **Phương Tây**: Tượng trưng cho mặt trời lặn, hoàng hôn buông xuống. Đó là chốn **Quy túc**, nơi trở về an dưỡng sau khi đã hoàn thành một kiếp nhân sinh phong trần (như cõi Cực Lạc của Đức Phật A Di Đà).

Đức Phật mượn hình ảnh hư không phương Đông rồi mở rộng ra

mười phương hư không vô biên không bờ bến để làm một ẩn dụ sống động: **Tâm lượng của người bố thí không trụ tướng rộng lớn trùm khắp vũ trụ bao nhiêu, thì phước đức người ấy nhận lại cũng bao la vô lượng vô biên y như hư không mười phương bấy nhiêu!**

4.1.5 Vô Sở Trụ Không Phải Là Biến Thành Gỗ Đá Trống Rỗng!

Nhiều người trẻ ngày nay đọc kinh Kim Cang mắc phải một sai lầm chết người: Nghĩ rằng "Bát-nhã là tánh Không", cho nên hiểu lầm chữ *vô sở trụ* thành thái độ tiêu cực, bi quan, chán đời, buông xuôi tất cả, muốn biến tâm mình thành gỗ đá không biết buồn vui!

Cụ Nam Hoài Cẩn nghiêm khắc cảnh báo: **Kinh Kim Cang không có lấy một chữ nào bảo bạn phải trở thành hư vô, đoạn diệt!** Kinh không hề bảo bạn từ bỏ cuộc đời hay không được làm việc. Kinh chỉ dạy bạn: **Vô sở trụ!**

Vô sở trụ là như thế nào? Như nước chảy mây trôi. Hãy nhìn dòng suối róc rách: nước chảy xiết qua khe đá ngày đêm, chẳng bao giờ dừng lại ở một phiến đá nào, nhưng dòng nước vẫn cuồn cuộn tưới mát đồng xanh. Bạn đi làm kiếm tiền nuôi sống gia đình, bạn phấn đấu thành đạt, bạn yêu thương cha mẹ vợ con, bạn tận tụy với xã hội — nhưng trong tâm không tham lam chiếm đoạt, không tự mãn lúc thành công, không tuyệt vọng khi thất bại. Việc đến thì ứng biến hết lòng, việc qua rồi thì buông tay thanh thản. Đó mới chính là chân nghĩa của Bát-nhã!

4.1.6 Điển Cố: Nắm Cát Của Vua A Dục và Nửa Quả Lê Cuối Cùng

Để minh họa cho tâm lượng chí thành khi bố thí không trụ tướng, kinh sử nhà Phật ghi lại câu chuyện tiền kiếp nổi tiếng của Hoàng đế A Dục

(Aśoka) — vị hoàng đế vĩ đại thống nhất toàn cõi Ấn Độ:

Một thuở nọ, khi Đức Thế Tôn ôm bình bát đi khất thực, trên đường đi Ngài gặp hai đứa trẻ thơ đang chơi đùa nghịch cát ven đường. Nhìn thấy kim thân sáng ngời của Đức Phật trang nghiêm đĩnh đạc đi tới, hai đứa trẻ bỗng sinh lòng kính ngưỡng vô hạn. Một đứa bé lanh lợi bèn vốc một nắm cát mịn trong tay mình, hớn hở chạy lại kiễng chân đổ trọn nắm cát ấy vào bình bát của Đức Phật mà nói ngây thơ: — Bạch Đức Phật, con xin cúng dường Ngài món này!

Đứa bé kia bên cạnh cũng chắp tay hân hoan tùy hỷ: — Con cũng hết lòng cúng dường như bạn con!

Đức Phật mỉm cười hoan hỷ nhận lấy nắm cát ấy rồi giao cho thị giả A-nan mang về rải quanh tịnh thất. Ngài quay sang bảo A-nan: — Này A-nan! Đứa trẻ này với tâm hồn trong trắng thuần khiết không chút toan tính dính mắc, lấy nắm cát cúng dường Như Lai. Trăm năm sau khi Ta nhập Niết-bàn, nhờ phước đức cúng dường chí thành này, đứa bé ấy sẽ chuyển sinh làm một vị Chuyển Luân Thánh Vương thống nhất thiên hạ, dựng tám vạn bốn nghìn ngôi bảo tháp thờ xá-lợi Như Lai khắp cõi Nam Thiệm Bộ Châu; còn đứa bé đi cùng sẽ làm đại thừa tướng phò tá!

Đứa bé đó về sau chính là Hoàng đế A Dục lừng lẫy trong lịch sử. Tuy nhiên, vì cúng dường Đức Phật bằng *nắm cát thô nhám*, nên suốt đời vua A Dục phải chịu một chứng bệnh ngứa ngoài da vô cùng khó chịu (rất giống với danh tướng Tăng Quốc Phiên thời mạt Thanh bên Trung Quốc).

Sau khi quy y Phật pháp, vua A Dục phát tâm bố thí vô lượng, cất chùa nuôi tăng, xuất cạn quốc khố để cứu tế trăm họ bần hàn. Đến những ngày cuối đời, khi nhà vua lâm trọng bệnh nằm liệt trên long sàng, ngài vẫn hạ lệnh tiếp tục mở kho phân phát tài sản cho dân chúng. Các đại

thần và thái tử lo sợ khi tân vương lên ngôi ngân khố sẽ trống rỗng bèn lén lút phong tỏa mọi chiếu chỉ bố thí của nhà vua.

Nằm trên giường bệnh, vua A Dục biết được sự tình bèn cầm nửa quả lê đang ăn dở trên tay, cho vời thái tử và quần thần vào mà hỏi: — Các ngươi hãy nói thực cho trẫm nghe, trong gầm trời này quyền uy của ai là lớn nhất? Thái tử và quần thần đồng thanh quỳ bái: — Tâu bệ hạ, đương nhiên quyền uy của bệ hạ là tối thượng vô song! Vua A Dục cười chua xót: — Các ngươi đừng dối gạt trẫm! Quyền uy của trẫm nay chẳng thể sai khiến được một tên lính mang tiền đi cứu tế. Quyền uy của một vị đại hoàng đế thống nhất sơn hà, rốt cuộc giờ đây chỉ vỏn vẹn sai khiến được... nửa quả lê ăn dở này mà thôi! Hãy mang nửa quả lê cuối cùng này vào chùa cúng dường Tam Bảo cho trẫm!

Đại thần đành phải dùng mâm vàng bưng nửa quả lê ấy vào chùa. Vị Trưởng lão trong chùa xúc động nghẹn ngào, bèn sai nấu một nồi cháo lớn, nghiền nát nửa quả lê hòa vào trong cháo để toàn thể tăng chúng cùng thọ dụng, kết duyên phước lành lần cuối với vị hộ pháp vương vĩ đại.

4.1.7 Bài Kệ Tụng Phẩm Thứ Tư Của Cụ Nam Hoài Cẩn

Trên đỉnh Nga Mi năm xưa, cụ Nam Hoài Cẩn đã làm bài kệ tứ tuyệt đúc kết diệu hạnh vô trụ bố thí của phẩm này:

福德何思维幻身，不应住色得初心。
朝云暮雨皆空幻，白浪滔滔听海津。

Phước đức hà tư lộng huyễn thân,
Bất ưng trụ sắc đắc sơ nhân.
Triêu vân mộ vũ giai không huyễn,
Bạch lãng thao thao thính hải tân.

Dịch thơ:

Phước đức chi màng bận huyễn thân,
Chẳng trụ hình danh giữ ý thuần.
Sớm gió chiều mưa đều bọt bóng,
Sóng bạc gầm vang bến hải tân.

Bình giải: Thân xác tứ đại này vốn chỉ là ảo huyễn tạm bợ, bận lòng chi mà toan tính phước đức thiệt hơn? Bố thí giúp đời đừng để tâm vướng vào sắc tướng, danh vọng bên ngoài, hãy giữ vững cái tâm ban đầu thanh tịnh rỗng rang. Mọi biến chuyển vinh nhục của kiếp người chẳng khác nào mây sớm mưa chiều chợt tan chợt tụ; hãy để tâm mình tự tại như người đứng bên bờ đại dương bao la, ngắm nhìn sóng bạc cuộn trào mà lòng vẫn an nhiên bất động!

Kệ Tụng Phẩm Thứ Tư — Nam Sư Đúc Kết

富贵浮云莫浪猜，随缘布施绝尘埃。
十方虚空何堪量，明月清风自在来。

Phú quý phù vân mạc lãng tài,
Tùy duyên bố thí tuyệt trần ai.
Thập phương hư không hà kham lượng,
Minh nguyệt thanh phong tự tại lai.

Dịch thơ:

Giàu sang mây nổi bận lòng ai?
Bố thí tùy duyên sạch bụi đời.
Mười phương hư không khôn xiết lượng,
Gió mát trăng trong tự tại chơi.

CHƯƠNG 5

Như Lý Thực Kiến Phân (如理实见分第五)

Kinh Văn Gốc & Dịch Nghĩa

"须菩提！于意云何？可以身相见如来不？" "不也，世尊！不可以身相得见如来。何以故？如来所说身相，即非身相。" 佛告须菩提："凡所有相，皆是虚妄。若见诸相非相，则见如来。"

Phiên âm Hán – Việt:

Tu-bồ-đề! Ư ý vân hà? Khả dĩ thân tướng kiến Như Lai phủ? "Bất dã, Thế Tôn! Bất khả dĩ thân tướng đắc kiến Như Lai. Hà dĩ cố? Như Lai sở thuyết thân tướng, tức phi thân tướng." Phật cáo Tu-bồ-đề: "Phàm sở hữu tướng, giai thị hư vọng. Nhược kiến chư tướng phi tướng, tức kiến Như Lai."

Bản dịch nghĩa:

"Này Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? Có thể dựa vào thân tướng ba mươi hai tướng tốt tám mươi vẻ đẹp mà thấy được Đức Như Lai chăng?"

— "Bạch Thế Tôn, không thể! Không thể lấy thân tướng mà thấy được Đức Như Lai. Vì có sao? Thân tướng mà Đức Như Lai nói,

tức chẳng phải là thân tướng chân thật!"
Đức Phật liền bảo Tu-bồ-đề: "Phàm những gì có hình tướng, đều là hư vọng hão huyền. Nếu thấy các tướng đều chẳng phải là tướng, thì liền thấy Đức Như Lai!"

5.1 Bình Giảng Toàn Văn Của Cụ Nam Hoài Cẩn

5.1.1 Phi Tướng và Không: Phá Vỡ Mê Lầm Về Thân Tướng

Phẩm thứ năm mang tên **Như Lý Thực Kiến Phần** (nương nơi chân lý rốt ráo mà thấy rõ thực tướng). Chữ "Lý" (理) ở đây chính là Pháp thân, là bản thể thanh tịnh muôn đời của vũ trụ. Còn "Thực kiến" là sự thấy biết chân thật bằng con mắt trí tuệ Bát-nhã, chứ không phải cái nhìn hạn hẹp của nhục nhãn phàm trần.

Đức Phật đặt một câu hỏi trực diện nhằm đập tan thói quen chấp tướng của phàm phu:

> *"Khả dĩ thân tướng kiến Như Lai phủ?"*
> (Có thể dựa vào thân hình ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp lộng lẫy uy nghiêm mà thấy được Như Lai chăng?).

Tu-bồ-đề với tuệ nhãn sáng suốt liền thưa ngay: *"Không thể, bạch Thế Tôn! Thân tướng mà Như Lai nói, tức chẳng phải thân tướng!"*.

Tại sao lại như vậy? Trong Phật học, Phật tính biểu hiện qua ba phương diện: **Pháp thân, Báo thân, Hóa thân** (tương ứng với *Thể, Tướng, Dụng*):

- **Pháp thân (Thể)**: Bản thể thanh tịnh xưa nay không sinh, không diệt, không hình sắc, trùm khắp hư không pháp giới.

- **Báo thân (Tướng)**: Thân quả báo trang nghiêm vi diệu do vô lượng kiếp tu tập công đức phước tuệ mà thành (như thân Phật Lô-xá-na, hoặc hình tướng Liên Hoa Sinh Đại Sĩ của Mật tông Tây Tạng cưỡi ngựa trắng bay lên hư không với báo thân mười tám tuổi trường tồn bất tử).

- **Hóa thân (Dụng)**: Thân ứng hóa sinh ra nơi đời, như Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đản sinh tại cung vua Ca-tỳ-la-vệ, có đủ sinh, lão, bệnh, tử, cũng phải ăn cơm, mặc áo, đi chân trần và cuối cùng nhập diệt nơi rừng Ta-la song thọ.

Thân xác mà mắt trần ta nhìn thấy chỉ là *Hóa thân* tạm bợ trong tám mươi năm nơi cõi trần. Thân ấy do tứ đại đất, nước, gió, lửa hòa hợp mà thành, đến kỳ hạn thì tan rã trở về cát bụi. Nếu bạn bám chặt vào thân xác ấy mà bảo đó là Đức Như Lai, thì bạn đã hoàn toàn lầm lẫn giữa chiếc áo và người mặc áo! Như Lai chân thật chính là **Pháp thân bất sinh bất diệt** hiện hữu bình đẳng nơi tự tính của tất cả chúng sinh.

5.1.2 Căn Bệnh Chấp Tướng và Ảo Tưởng Tâm Lý Tôn Giáo

Cụ Nam Hoài Cẩn chỉ rõ: Người đời học đạo rất dễ mắc phải một căn bệnh ngặt nghèo mà y học hiện đại gọi là **Bệnh tâm lý tôn giáo**. Đó là bệnh quá mê muội vào những hiện tượng thần bí lạ lùng, chấp chặt vào tướng mạo.

Nhiều người ngồi thiền, vừa nhắm mắt lại thấy trước mặt lóe lên ánh sáng ngũ sắc, hoặc thấy hình bóng Phật Bồ-tát hiện ra rực rỡ, hay bên tai nghe thấy tiếng nói thầm thì mách bảo điều này điều nọ. Họ liền mừng rỡ tưởng mình đã đắc đạo, đã mở thiên nhãn, thần thông quảng

đại! Cụ Nam cười bảo:

> *"Nếu ngồi thiền mà thấy Phật đứng sờ sờ trước mặt, tôi khuyên bạn hãy mau mau đi bệnh viện khám mắt ngay đi! Chắc chắn dây thần kinh thị giác hoặc võng mạc của bạn đang có vấn đề nghiêm trọng đấy!"*

Tất cả những ánh sáng, âm thanh, ảo giác, linh cảm kỳ lạ ấy chẳng qua chỉ là sự biến hiện của thần kinh và ý thức vi tế khi khí huyết dồn lên não. Nếu bạn mải mê đuổi theo những thứ đó thì chín phần mười sẽ rơi vào ma đạo hoặc phát điên.

Đức Phật đã đúc kết một chân lý ngàn đời:

凡所有相，皆是虚妄。若见诸相非相，则见如来。

Phàm sở hữu tướng, giai thị hư vọng.
Nhược kiến chư tướng phi tướng, tức kiến Như Lai.

Tất cả những gì có hình tướng, có màu sắc, có âm thanh, có sinh có diệt trên cõi đời này — từ ngai vàng, nhà lầu, xe hơi, nhan sắc mỹ nhân, cho đến cả những cảnh giới thiền định kỳ thú — thảy đều là bọt bóng ảo ảnh, không có tự tánh chân thật. Khi bạn thấu suốt được rằng bản chất của mọi hiện tượng đều là rỗng rang vô trụ (*phi tướng*), thì ngay lúc ấy, bạn liền diện kiến được tự tánh Như Lai thanh tịnh sẵn có nơi chính mình!

Nhiều người hỏi cụ Nam: "Thưa thầy, lúc con ngồi xếp bằng kiết già thì thấy tâm thanh tịnh an lạc vô cùng; nhưng khi vừa duỗi chân xả thiền ra thì tâm lại lăng xăng phiền não như cũ, như vậy là sao?". Cụ đáp:

> *"Nếu ngồi xếp bằng thì Đạo đến, buông chân ra thì Đạo bay mất, thì cái đó gọi là 'Đắc Cẳng' (được đôi chân dẻo) chứ đâu phải là 'Đắc Đạo'!"*

Sách *Trung Dung* của Nho gia có câu: *"Đạo dã giả, bất khả tu du ly dã; khả ly, phi đạo dã"* (Đạo là cái không thể rời xa trong khoảnh khắc; nếu có thể rời ra được thì đó chẳng phải là Đạo chân thật!). Đạo vốn sẵn có trong từng hơi thở, từng bước đi, đâu phải đợi đến lúc ngồi co hai chân lại mới có?

5.1.3 Hai Quả Táo Của Nhân Loại: Đạo Nơi Chốn Bình Thường

Chân lý tối thượng của trời đất tuyệt đối không nằm ở chốn thần bí hoang đường, mà hiển lộ rực rỡ ngay nơi chốn bình phàm dung dị nhất của đời sống hằng ngày.

Cụ Nam Hoài Cẩn thường nói một câu chuyện vui: Trong lịch sử văn minh phương Tây có hai quả táo làm thay đổi cả thế giới:

1. **Quả táo thứ nhất**: Bị nàng Eva và chàng Adam ăn vụng trong vườn Địa Đàng, sinh ra cả một lịch sử nhân loại đầy bi hoan ái ố.

2. **Quả táo thứ hai**: Rơi trúng đầu nhà bác học Isaac Newton dưới gốc cây, giúp ông khám phá ra định luật vạn vật hấp dẫn, làm thay đổi toàn bộ nền khoa học hiện đại.

Quả táo chín rụng xuống đất là chuyện bình thường mà hàng triệu người nông dân nhìn thấy suốt ngàn năm; nhưng chỉ có một tâm hồn sâu sắc mới từ cái bình thường ấy mà nhìn ra quy luật vĩ đại của vũ trụ. Nước sôi bốc hơi là chuyện ngày nào người ta cũng thấy khi nấu cơm, nhưng James Watt nhìn thấy hơi nước nâng nắp ấm mà phát minh ra động cơ hơi nước, mở ra cuộc cách mạng công nghiệp.

Học Phật cũng y như vậy! Đừng mải mê đi tìm những phép lạ thần thông xa xôi trên mây gió. Bậc đại trí như Lão Tử từng nói: **"Đại trí**

nhược ngu" (Bậc trí tuệ tột bực nhìn bề ngoài lại bình dị, mộc mạc như kẻ ngây ngô). Người đạt đến chỗ tột cùng của đạo pháp là người sống bình dị nhất giữa nhân gian: ăn cơm biết ngon, mệt biết ngủ, đối nhân xử thế hòa nhã khiêm cung, việc đến thì làm hết lòng, việc xong thì tâm rỗng rang không dính mắc. Đó chính là cảnh giới *kiến chư tướng phi tướng, tức kiến Như Lai*.

5.1.4 Bài Kệ Tụng Phẩm Thứ Năm Của Cụ Nam Hoài Cẩn

Vào đêm đông trên đỉnh Nga Mi tuyết phủ năm nào, cụ Nam Hoài Cẩn đã viết bài kệ đúc kết ý chỉ thâm sâu của phẩm này:

反复叮咛无相形，觉时恋梦梦恋醒。
慈悲空洒常啼泪，沉醉心扉依旧扃。

Phản phúc đinh ninh vô tướng hình,
Giác thời luyến mộng mộng luyến tỉnh.
Từ bi không sái Thường Đề lệ,
Trầm túy tâm phi y cựu quynh.

Dịch thơ:
Đinh ninh lời ngọc dặn vô hình,
Thức lại mê mơ, mộng muốn minh.
Luống nhỏ Thường Đề dòng lệ xót,
Cửa lòng khép chặt khóa u uất.

Bình giải: Đức Phật từ bi nhắc đi nhắc lại cặn kẽ rằng đạo mầu vốn không hình tướng, chớ có mê muội bám chấp vào tướng mạo bên ngoài. Nhưng thói đời của con người thật đáng thương: Lúc tỉnh thức lại tiếc nuối tơ vương những giấc mộng đẹp đã qua (*giác thời luyến mộng*); mà

khi đang chìm trong cơn mộng mị phiền não thì lại kêu gào mong mau mau tỉnh giấc (*mộng luyến tỉnh*)!

Tâm lý mâu thuẫn ấy hệt như lời thơ Lý Thương Ẩn: *"Thử tình khả đãi thành truy ức, Chỉ thị đương thời dĩ võng nhiên"* (Mối tình ấy dẫu biết sau này thành kỷ niệm, nhưng ngay lúc đó lòng đã ngập tràn bẽ bàng cay đắng); hay câu ngạn ngữ: *"Đương thời chỉ thị bình thường sự, Quá hậu tư lượng bội hữu tình"* (Lúc đang diễn ra thì thấy tầm thường dửng dưng, đến khi trôi qua rồi ngồi ngẫm lại mới thấy tha thiết muôn phần). Con người cả đời cứ sống trong sự hoài niệm ảo tưởng, tự lừa mị chính mình như thế.

Trong kinh *Pháp Hoa* có vị Bồ-tát tên là **Thường Đề Bồ-tát** (Sadāprarudita) — vị Bồ-tát luôn luôn rơi lệ vì quá đỗi xót thương cho chúng sinh ngu muội cứ mãi đắm chìm trong biển khổ luân hồi mà không chịu thức tỉnh. Dù chư Phật Bồ-tát có rơi cạn dòng lệ bi mẫn, nhưng nếu chúng sinh vẫn cố tình khép chặt then cài cánh cửa lòng mình (*trầm túy tâm phi y cựu quynh*), thì tuệ giác Bát-nhã làm sao có thể rọi sáng vào trong?

Kệ Tụng Phẩm Thứ Năm — Nam Sư Đúc Kết

诸相 non non ngọc đỉnh nhàn,
Bản lai thanh tịnh tuyệt trần gian.

Mở toang then khóa mê trần mộng,
Trăng rọi Như Lai tỏa vạn ngàn.

CHƯƠNG 6

Chính Tín Hy Hữu Phân (正信希有分第六)

Kinh Văn Gốc & Dịch Nghĩa

须菩提白佛言：“世尊！颇有众生，得闻如是言说章句，生实信不?”佛告须菩提：“莫作是说。如来灭后，后五百岁，有持戒修福者，于此章句能生信心，以此为实，当知是人，不于一佛二佛三四五佛而种善根，已于无量千万佛所种诸善根。闻是章句，乃至一念生净信者，须菩提！如来悉知悉见，是诸众生得如是无量福德。何以故？是诸众生无复我相、人相、众生相、寿者相；无法相，亦无非法相。何以故？是诸众生若心取相，则为著我人众生寿者。若取法相，即著我人众生寿者。何以故？若取非法相，即著我人众生寿者。是故不应取法，不应取非法。以是义故，如来常说：‘汝等比丘，知我说法，如筏喻者；法尚应舍，何况非法!’”

Phiên âm Hán – Việt:

Tu-bồ-đề bạch Phật ngôn: “Thế Tôn! Phả hữu chúng sinh, đắc văn như thị ngôn thuyết chương cú, sinh thực tín phủ?” Phật cáo Tu-bồ-đề: “Mạc tác thị thuyết! Như Lai diệt hậu, hậu ngũ bách tuế, hữu trì giới tu phước giả, ư thử chương cú năng sinh tín tâm, dĩ thử vi thực. Đương tri thị nhân, bất ư nhất Phật, nhị Phật, tam,

tứ, ngũ Phật nhi chủng thiện căn, dĩ ư vô lượng thiên vạn Phật sở chủng chư thiện căn. Văn thị chương cú, nãi chí nhất niệm sinh tịnh tín giả, Tu-bồ-đề! Như Lai tất tri tất kiến, thị chư chúng sinh đắc như thị vô lượng phước đức. Hà dĩ cố? Thị chư chúng sinh vô phục ngã tướng, nhân tướng, chúng sinh tướng, thọ giả tướng; vô pháp tướng, diệc vô phi pháp tướng. Hà dĩ cố? Thị chư chúng sinh nhược tâm thủ tướng, tức vi trước ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả. Nhược thủ pháp tướng, tức trước ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả. Hà dĩ cố? Nhược thủ phi pháp tướng, tức trước ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả. Thị cố bất ưng thủ pháp, bất ưng thủ phi pháp. Dĩ thị nghĩa cố, Như Lai thường thuyết: 'Nhữ đẳng tỳ-kheo, tri ngã thuyết pháp, như phán dụ giả; pháp thượng ưng xả, hà huống phi pháp!'"'

Bản dịch nghĩa:

Tu-bồ-đề bạch cùng Đức Phật rằng: "Bạch Thế Tôn! Liệu có chúng sinh nào khi nghe được những chương câu ngôn thuyết sâu xa như thế này mà sinh lòng tin chân thật chăng?"

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề: "Ông chớ nói lời ấy! Sau khi Như Lai diệt độ, đến thời kỳ năm trăm năm sau rốt (thời mạt pháp), có người biết giữ giới, tu phước, đối với những câu kinh này có thể sinh lòng tin trong sạch, xem đây là chân lý xác thực. Phải biết rằng người ấy không chỉ gieo trồng căn lành ở một Đức Phật, hai Đức Phật, ba, bốn, năm Đức Phật, mà đã từng gieo căn lành ở vô lượng muôn triệu Đức Phật rồi! Khi nghe chương câu này, cho đến chỉ trong một niệm sinh khởi lòng tin thanh tịnh, này Tu-bồ-đề! Như Lai đều thấy biết hết thảy, những chúng sinh ấy sẽ gặt

hái phước đức vô lượng vô biên như thế. Vì cớ sao? Vì những chúng sinh ấy đã không còn vướng mắc vào tướng Ta, tướng Người, tướng Chúng sinh, tướng Tuổi thọ; không dính mắc vào pháp tướng, mà cũng chẳng dính mắc vào phi pháp tướng!
Vì cớ sao? Nếu tâm chúng sinh dính mắc vào tướng, tức là còn chấp vào ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả. Nếu dính mắc vào pháp tướng, tức là còn chấp vào ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả. Vì cớ sao? Nếu dính mắc vào phi pháp tướng, cũng tức là còn chấp vào ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả! Bởi thế cho nên, không nên nắm giữ pháp, mà cũng không nên nắm giữ phi pháp. Chính vì ý nghĩa ấy, Như Lai thường răn dạy các ông rằng: 'Này các tỳ-kheo, các ông phải biết giáo pháp Ta thuyết giảng hệt như chiếc bè qua sông; đến Chính pháp còn phải buông bỏ, huống chi là phi pháp!'"'

6.1 Bình Giảng Toàn Văn Của Cụ Nam Hoài Cẩn

6.1.1 Nghi Vấn Của Tu-bồ-đề và Lời Khẳng Định Vượt Thời Gian

Sau khi nghe Đức Phật chỉ dạy giáo lý Bát-nhã phá tướng tột cùng ở phẩm năm (*Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng, nhược kiến chư tướng phi tướng tức kiến Như Lai*), Trưởng lão Tu-bồ-đề bỗng dấy lên một niềm băn khoăn trĩu nặng: Giáo lý này quá đỗi siêu việt, vượt khỏi tầm tư duy thường tình của nhân loại. Ngay trong thời Đức Phật tại thế, người hiểu được còn hiếm hoi thay, huống hồ là muôn triệu chúng sinh đời sau mê muội ngập chìm trong dục vọng, liệu có ai nghe được mà

sinh lòng tin chân thật (*sinh thực tín*) hay chăng?

Đức Phật liền gạt đi: **"Mạc tác thị thuyết!"** (Ông chớ nói như vậy!).

Ngài nhìn thấu suốt dòng chảy thời gian đến thời kỳ mạt pháp năm trăm năm sau rốt. Người nào nghe được những lời kinh Kim Cang mà trong tâm bỗng rúng động, sinh khởi niềm tin thanh tịnh dù chỉ trong một sát-na (*nhất niệm sinh tịnh tín*), thì người ấy tuyệt đối không phải là kẻ tầm thường. Đó là bậc thượng căn đã từng gieo trồng chủng tử Bát-nhã nơi vô lượng muôn triệu Đức Phật trong vô lượng kiếp quá khứ.

6.1.2 Căn Bệnh Chấp Tượng: Câu Chuyện Đan Hà Thiêu Phật

Người đời học Phật thường rơi vào cái bẫy chấp tướng: coi pho tượng đồng, tượng gỗ, nén hương, bát nước là Phật thật mà quên mất tự tính Như Lai bên trong.

Cụ Nam Hoài Cẩn kể lại công án thiền lừng danh của **Thiền sư Đan Hà Thiên Nhiên** thời nhà Đường: Vào một đêm mùa đông rét mướt cắt da cắt thịt, tuyết rơi đầy sân, Thiền sư Đan Hà tá túc tại chùa Tuệ Lâm. Trong phòng lạnh buốt không có củi sưởi, ngài liền lững thững bước lên chánh điện, thản nhiên hạ pho tượng Phật bằng gỗ quý xuống, dùng búa chẻ đôi rồi nhóm lửa hồng sưởi ấm!

Viện chủ ngôi chùa sáng sớm thức dậy, thấy chánh điện trống trơn, nhìn vào bếp thấy Đan Hà đang ngồi hơ tay bên đống lửa tượng Phật cháy bập bùng, liền kinh hoàng thất sắc thét lên: — Tên hòa thượng điên kia! Ngươi to gan lớn mật đến thế sao, dám đem tượng Phật bằng gỗ của Tam Bảo ra chẻ đốt sưởi ấm à?

Thiền sư Đan Hà điềm nhiên cầm thanh cời lò bới tro than qua lại

mà đáp: — Bần tăng đốt tượng Phật này để tìm ngọc xá-lợi thiêng liêng!

Viện chủ giận dữ mắng: — Đồ ngốc! Tượng làm bằng gỗ thì lấy đâu ra ngọc xá-lợi?

Đan Hà cười ha hả: — Ồ! Hóa ra chỉ là một khúc gỗ khô vô tri không có xá-lợi ư? Nếu đã là khúc gỗ mục không có xá-lợi, vậy xin viện chủ cho bần tăng mượn nốt hai pho tượng gỗ bên cạnh chẻ đốt sưởi nốt cho ấm, đêm nay lạnh thấu xương!

Viện chủ nghe xong bỗng chết lặng, sực tỉnh ngộ ra thói chấp mê vào khúc gỗ vô tri bao năm của mình. Hành động kỳ dị của thiền sư Đan Hà là nhát búa sét đánh nhằm thức tỉnh người đời: **Đừng lầm tưởng pho tượng gỗ sơn son thếp vàng là Đức Như Lai!** Như Lai là tự tánh thanh tịnh vô hình vô tướng, sáng soi trùm khắp mười phương.

6.1.3 Tâm Lý Bái Phật Của Người Đời: Tiếng Khánh Trừ Tiền

Nhân chuyện mê tín chấp tướng, cụ Nam Hoài Cẩn cười kể lại kỷ niệm thời thanh niên của chính cụ: Thời bấy giờ phong trào tân học nổi lên, người ta coi việc đi chùa lễ Phật là hủ bại, mê tín dị đoan. Cụ Nam lúc đó vốn rất ham thích tìm hiểu đạo lý, rất muốn vào chùa lạy Phật nhưng lại ngượng ngùng sợ bạn bè trông thấy trêu cười.

Một hôm nhân lúc ngôi chùa ở Hàng Châu vắng ngắt không một bóng người, cụ lén lút bước vào chánh điện, quỳ sụp xuống lạy Phật một lạy thật nhanh rồi toan đứng dậy chuồn êm để chứng tỏ mình "không mê tín". Ai ngờ đâu có một ông thầy tu nấp sau cột từ lúc nào, thấy cụ vừa quỳ xuống liền vung chiếc dùi gõ mạnh vào chiếc khánh đồng lớn: **Bong...!** một tiếng vang rền khắp chánh điện! Tiếng khánh nổ tung bất ngờ làm cụ giật bắn người, toát cả mồ hôi hột, sợ bạn bè ngoài cổng nghe thấy chạy vào bắt quả tang.

Lạy xong, cụ bước lại hỏi vị hòa thượng: — Bạch thầy, con lạy thầm trong bụng thôi, cớ sao thầy phải gõ khánh to làm con giật mình thế? Vị hòa thượng mỉm cười hóm hỉnh đáp: — Cậu trẻ tuổi chưa biết tập tục chốn thiền môn rồi! Dân gian có câu:

Thiêu hương bất xao khánh, Bồ-tát bất tương tín;
Bái Phật bất phóng pháo, Bồ-tát bất tri đạo!

(Thắp hương mà không gõ khánh thì Bồ-tát chẳng tin; lạy Phật mà không đốt pháo nổ đì đẹt thì Bồ-tát đâu có biết!).

Cụ Nam nghe xong vừa buồn cười vừa xót xa: Người đời coi Bồ-tát như người điếc, phải gõ chuông đốt pháo đánh thức dậy mới biết có người bái lạy! Nhưng thâm ý thực sự của nhà chùa là: Khi tiếng khánh *bong* vang lên trang nghiêm, người đi lễ chùa sẽ ngượng ngùng mà móc túi rút tiền đặt vào hòm công đức giọt dầu! Đó chính là bức tranh chấp tướng trần tục của nhân gian.

6.1.4 Hai Câu Chuyện Về Chữ Chân và Hành Vi Ứng Xử

Trong kinh văn, Đức Phật dạy một chân lý vô cùng tinh tế:

> **"Bất ưng thủ pháp, bất ưng thủ phi pháp!"**
> (Không nên nắm giữ pháp, mà cũng không nên nắm giữ phi pháp!).

Chấp vào "Có" (hữu) là sai lầm; nhưng chấp cứng ngắc vào "Không" (vô, phi pháp) lại càng sai lầm gấp bội. Để làm sáng tỏ sự dung thông trung đạo này, cụ Nam kể hai câu chuyện thâm thúy:

Chuyện Khổng Tử Vay Gạo và Chữ "Chân"

Xưa kia khi thầy trò Khổng Tử chu du liệt quốc, lâm vào cảnh ngặt nghèo hết lương ăn tại đất Trần (*tuyệt lương ư Trần*), đói khát rã rời.

Học trò bèn đề nghị sang nhà một phú hào đối diện vay tạm ít gạo nấu cháo. Người giàu ấy ra một điều kiện: "Các ngươi là môn đệ Khổng môn, ắt phải tinh thông chữ nghĩa. Nay ta viết một chữ ra giấy, nếu nhận đúng thì ta biếu không gạo ăn; nếu nhận sai thì dẫu có tiền ta cũng không bán!".

Đoạn ông ta viết chữ **Chân** (真) lên bàn. Chàng Tử Lộ tính tình bộc trực xăm xăm bước vào nhìn chữ rồi cười bảo: — Chữ này trẻ con cũng biết, rõ ràng là chữ "Chân" (thật)! Phú hào nghe xong lập tức đóng sầm cửa lại, bảo: — Ngươi không biết chữ, không cho vay! Tử Lộ tiu nghỉu chạy về thưa lại. Khổng Tử thở dài bảo: — Trong lúc nguy khốn đến cơm không có mà ăn, sống chết gang tấc thế này, việc gì con phải cứng nhắc nhận "chân" (nghiêm túc) làm gì!

Chàng Tử Cống thông minh hơn người bèn xung phong đi lần hai. Phú hào lại viết chữ "Chân" (真) ấy ra. Tử Cống nhớ lời thầy, bèn lém lỉnh bảo: — Chữ này là chữ "Giả" (giả dối)! Phú hào nổi giận đùng đùng quát lớn: — Đồ dốt nát! Rõ ràng chữ Chân rành rành mà dám bảo là Giả! — rồi đóng sầm cửa đuổi về. Tử Cống hớt hải chạy về hỏi Khổng Tử: — Thưa thầy, nhận Chân cũng không được, mà nhận Giả cũng không xong, rốt cuộc phải làm sao? Khổng Tử cười mà than rằng: — Ở đời, có những lúc phải nhận Chân, nhưng cũng có những lúc không được nhận Chân! Nắm vững được độ lửa vừa vặn giữa Chân và Giả, đó mới là nghệ thuật xử thế của bậc trí giả!

Hai Vị Thiền Sư và Cái Xác Chết Ven Đường

Có hai vị sư huynh đệ đều đã khai ngộ thiền cơ, cùng nhau chống gậy vân du hành cước. Trên đường đi qua bãi tha ma hoang vắng, hai người bỗng bắt gặp một cái xác chết trơ trọi đang bốc mùi thối rữa.

- Vị sư huynh nhìn thấy liền động lòng trắc ẩn, chắp tay niệm *A Di*

Đà Phật, rồi lấy chiếc xẻng sắt mang theo đào đất chôn cất cẩn thận cho người đã khuất.

- Vị sư đệ bên cạnh thì lạnh lùng phất tay áo, ngửa mặt nhìn trời sải bước đi thẳng qua, tuyệt nhiên không thèm liếc mắt nhìn lại một lần!

Có người chứng kiến câu chuyện ấy bèn tìm đến vị Thiền sư phụ của hai vị mà thắc mắc: — Bạch Hòa thượng, hai đệ tử của ngài đều là bậc ngộ đạo, cớ sao khi gặp cùng một cảnh ngộ lại có hai hành động trái ngược hoàn toàn như thế? Rốt cuộc ai đúng ai sai?

Vị Thiền sư mỉm cười đáp một câu trác tuyệt:

"Người đào đất chôn là lòng Từ Bi; còn người phất áo bỏ đi là cảnh Giải Thoát!"

Bởi vì thân xác con người khi chết đi rốt cuộc cũng tan thành cát bụi; vùi dưới lòng đất cũng thành đất bùn, mà phơi trên mặt đất cũng hóa thành tro bụi tự nhiên. Người chôn cất vì thương xót sinh linh mà làm (hành trì pháp thiện); người bỏ đi vì thấu suốt lẽ vô thường huyễn hóa của thể xác mà không dính mắc (vô sở trụ). Cả hai đều khế hợp với diệu lý trung đạo!

6.1.5 Chiếc Bè Qua Sông và Nơi Nào Là Bến Bờ?

Đức Phật đúc kết lại bằng một hình ảnh ẩn dụ đẹp đẽ và sâu sắc bậc nhất trong toàn bộ lịch sử tư tưởng nhân loại:

"Tri ngã thuyết pháp như phán dụ giả, pháp thượng ưng xả, hà huống phi pháp!"
(Hãy biết rằng giáo pháp Ta thuyết giảng hệt như chiếc bè

qua sông; Chính pháp còn phải buông bỏ, huống chi là phi pháp!).

Giáo lý của Đức Phật thuyết giảng suốt bốn mươi chín năm — từ Tứ diệu đế, Bát chánh đạo, Tam pháp ấn cho đến Lục độ Ba-la-mật — thực chất chỉ là phương tiện tạm thời, giống như chiếc bè gỗ kết lại để giúp lữ khách vượt qua dòng sông sinh tử mênh mông cuộn sóng.

Khi bạn đã sang được bờ giác an lành bên kia rồi, bạn phải nhẹ nhàng bước lên bờ mà đi tiếp con đường thênh thang; chẳng lẽ bạn lại ngu xuẩn đến mức vác chiếc bè gỗ nặng trịch ấy lên vai mà tiếp tục lê bước đi vào rừng núi hay sao? Đến ngón tay chỉ trăng còn phải quên đi khi đã thấy mặt trăng, đến chiếc bè Chính pháp cứu mạng còn phải xả bỏ sạch trơn, thì huống chi là những tà kiến, định kiến, tham ái, sân hận của thế tục (phi pháp), cớ sao ta lại cứ ôm khư khư trong lòng?

Dân gian có câu: *"Khổ hải vô biên, hồi đầu thị ngạn"* (Biển khổ mênh mông, quay đầu lại là bờ). Nhưng cụ Nam Hoài Cẩn giảng: Đợi bạn quay đầu lại thì đã cách xa muôn dặm rồi! Bờ bến giải thoát không nằm ở phía trước hay phía sau; ngay tại giây phút này, khi bạn buông xả trọn vẹn mọi vọng niệm chấp thủ, thì **ngay dưới chân bạn chính là bờ giác!**

6.1.6 Bài Kệ Tụng Phẩm Thứ Sáu Của Cụ Nam Hoài Cẩn

Vào đêm đông trên đỉnh núi tuyết Nga Mi năm ấy, cụ Nam đã viết bài kệ tứ tuyệt tổng kết trọn vẹn tinh thần của phẩm thứ sáu:

金鸡夜半作雷鸣，好梦惊回暗犹明。
悟到死生如旦暮，信知万象一毛轻。

Kim kê dạ bán tác lôi minh,
Hảo mộng kinh hồi ám do minh.

Ngộ đáo tử sinh như đán mộ,
Tín tri vạn tượng nhất mao khinh.

Dịch thơ:

Gà vàng nửa dạ gáy ran trời,
Giấc mộng bừng tan rạng tối soi.
Ngộ lẽ tử sinh như sớm tối,
Muôn hình nhẹ bẫng sợi tơ rơi.

Bình giải: Tiếng gà vàng gáy vang sấm sét lúc nửa đêm thức tỉnh kẻ mê muội giữa cơn đại mộng trần gian. Khi đã giác ngộ được rằng cái chết và sự sống chỉ như buổi sớm mai thức dậy và bóng hoàng hôn buông xuống, thì tự khắc lòng tin thanh tịnh bừng nở, thấy muôn vạn hiện tượng vinh nhục được mất trên đời nhẹ tựa như một sợi lông hồng bay bổng giữa hư không!

Kệ Tụng Phẩm Thứ Sáu — Nam Sư Đúc Kết

Giáo pháp ngàn xưa tựa chiếc bè,
Sang bờ thanh thản bước chân đi.
Chân tâm rỗng suốt không bờ bến,
Trăng rọi đầu cành lộng gió mai.

CHƯƠNG 7

Vô Đắc Vô Thuyết Phân (无得无说分第七)

Kinh Văn Gốc & Dịch Nghĩa

"须菩提！于意云何？如来得阿耨多罗三藐三菩提耶？如来有所说法耶？"须菩提言："如我解佛所说义，无有定法名阿耨多罗三藐三菩提，亦无有定法如来可说。何以故？如来所说法，皆不可取、不可说，非法、非非法。所以者何？一切贤圣，皆以无为法而有差别。"

Phiên âm Hán – Việt:

Tu-bồ-đề! Ư ý vân hà? Như Lai đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề da? Như Lai hữu sở thuyết pháp da? Tu-bồ-đề ngôn: "Như ngã giải Phật sở thuyết nghĩa, vô hữu định pháp danh A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, diệc vô hữu định pháp Như Lai khả thuyết. Hà dĩ cố? Như Lai sở thuyết pháp, giai bất khả thủ, bất khả thuyết, phi pháp, phi phi pháp. Sở dĩ giả hà? Nhất thiết hiền thánh, giai dĩ vô vi pháp nhi hữu sai biệt."

Bản dịch nghĩa:

"Này Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? Đức Như Lai có chứng đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác chăng? Đức Như Lai có thuyết

pháp chăng?"
Tu-bồ-đề thưa rằng: "Theo như con hiểu nghĩa lý Phật nói, thì không có pháp cố định nào gọi là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, cũng không có pháp cố định nào mà Như Lai có thể nói ra được! Vì cớ sao? Giáo pháp mà Như Lai đã nói đều không thể nắm giữ, không thể nói ra; nó chẳng phải là pháp, mà cũng chẳng phải là phi pháp. Vì nguyên do gì vậy? Bởi vì tất cả các bậc hiền thánh đều nương nơi pháp Vô vi mà có sự sai biệt!"

7.1 Bình Giảng Toàn Văn Của Cụ Nam Hoài Cẩn

7.1.1 Đắc Cái Gì? Thuyết Cái Gì?

Đức Phật lại dồn Tu-bồ-đề vào một góc hỏi hiểm hóc:

1. **Như Lai đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề da?** (Đức Như Lai rốt cuộc có đắc được quả vị Vô thượng Chánh giác nào không?).

2. **Như Lai hữu sở thuyết pháp da?** (Đức Như Lai suốt mấy mươi năm qua có thuyết một giáo pháp nào chăng?).

Tu-bồ-đề trả lời bằng một phát súng thần sầu: **"Vô hữu định pháp danh A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, diệc vô hữu định pháp Như Lai khả thuyết!"** (Không có một pháp cố định nào tên là Chánh giác, và cũng chẳng có một pháp cố định nào để Như Lai có thể nói ra được!).

Nếu trong tâm bạn còn nghĩ rằng có một cái quả vị "Chánh giác" thần kỳ nào đó ở bên ngoài để bạn nhắm tới, nỗ lực đạt được, nắm lấy

vào tay và tuyên bố: "Ta đã đắc đạo rồi!", thì cái đó tuyệt đối không phải là Đạo! Bản tánh Bồ-đề vốn thanh tịnh tự đủ trong mỗi người từ vô lượng kiếp, chẳng thêm chẳng bớt, đắc cái gì mà đắc?

Và bốn mươi chín năm Đức Phật đi khắp xứ Ấn Độ thuyết pháp, thực chất Ngài chỉ là vị lương y tùy bệnh cho thuốc: Người tham lam thì Ngài dạy bố thí; người nóng giận thì Ngài dạy từ bi; kẻ chấp Có thì Ngài nói Không; kẻ chấp Không thì Ngài nói Có. Thuốc hết bệnh thì vứt vỏ thuốc đi, làm gì có một bài thuốc cố định muôn đời bất di bất dịch? Cho nên giáo pháp của Như Lai: **Bất khả thủ, bất khả thuyết, phi pháp, phi phi pháp!**

7.1.2 Tinh Thần Khoan Dung Vĩ Đại: Mọi Tôn Giáo và Bậc Hiền Thánh

Đoạn kinh này chứa đựng một câu nói mang tính cách mạng tư tưởng vĩ đại bậc nhất của Phật giáo:

> **"Nhất thiết hiền thánh, giai dĩ vô vi pháp nhi hữu sai biệt!"**
> (Tất cả các bậc hiền thánh đều nương nơi pháp Vô vi mà có sự sai biệt!).

Phật giáo không bao giờ có thái độ hẹp hòi, độc tôn, bài xích hay kết án các tôn giáo khác là tà ma ngoại đạo như một số đức tin cực đoan. Đức Phật thừa nhận mọi bậc đại sư, mọi triết gia chân chính trong lịch sử nhân loại: từ Khổng Tử, Lão Tử bên phương Đông, cho đến Chúa Jesus, Tiên tri Mohammed bên phương Tây. Thậm chí trong kinh *Hoa Nghiêm*, ngay cả ma vương quỷ thần cũng nắm giữ một phần của chân lý nếu họ khuyên con người hướng thiện!

Tại sao lại có muôn vàn tôn giáo và học thuyết khác nhau? Cụ Nam

Hoài Cẩn dùng ẩn dụ kinh điển: **Chúng manh ma tượng** (Đám người mù sờ voi).

- Người sờ trúng cái tai voi thì bảo con voi tròn xoe phe phẩy như cái quạt.
- Người sờ trúng cái vòi voi thì bảo con voi dài ngoằng uốn éo như con đòn gánh.
- Người sờ trúng cái chân voi thì bảo con voi sừng sững như cột đình.
- Người sờ trúng cái đuôi voi thì bảo con voi lòng thòng như chiếc chổi sể.

Mỗi người đều sờ đúng một phần chân thực của con voi, nhưng vì mắt mù không thấy toàn diện nên ai cũng khăng khăng: "Chỉ có ta là đúng, còn các ngươi đều sai hết!".

Chân lý tối thượng của vũ trụ (*pháp Vô vi*) chỉ có một mà thôi! Nhưng tùy theo trình độ nhận thức, căn cơ, bối cảnh văn hóa của từng thời đại và từng dân tộc mà các bậc giáo chủ hiền thánh mở ra những cánh cửa phương tiện khác nhau. Đó chính là ý nghĩa thâm sâu của câu: *"Giai dĩ vô vi pháp nhi hữu sai biệt"*.

Trong truyền thống học thuật Phật gia:

- **Hiền**: Là bậc đang trên đường tu tập thuần thục, đạt đến các quả vị Tam Hiền (Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng).
- **Thánh**: Là bậc đã bước vào Thập Địa Bồ-tát (từ Sơ địa Hoan Hỷ địa trở lên, như Bồ-tát Quán Âm, Văn Thù, Phổ Hiền, Địa Tạng).

7.1.3 Nhập Thế và Xuất Thế Hoàn Toàn Bình Đẳng

Nhiều người lầm tưởng rằng muốn học Phật thì phải bỏ nhà, bỏ việc, trốn lên chùa hay chui vào hang sâu rặng đá ngồi thiền mới là chân chính.

Cụ Nam Hoài Cẩn dẫn chứng lời dạy tối thượng của kinh *Pháp Hoa*:

> **"Nhất thiết thế gian pháp, giai thị Phật pháp!"**
> (Tất cả mọi pháp nơi thế gian này đều chính là Phật pháp!).
> **"Nhất thiết trị sinh sản nghiệp, giai dữ thực tướng bất tương vi bối!"**
> (Tất cả công việc làm ăn mưu sinh, phát triển sản nghiệp, buôn bán kinh doanh của nhân gian đều hoàn toàn không trái nghịch với bản thể thực tướng Bát-nhã!).

Bạn đi làm kỹ sư xây dựng những cây cầu nối liền bờ vui, bạn làm bác sĩ tận tụy cứu người bệnh trong đêm khuya, bạn làm doanh nhân tạo công ăn việc làm cho hàng ngàn người, bạn làm cha mẹ nuôi dạy con cái nên người với tấm lòng lương thiện thuần khiết — tất cả những hành vi nhập thế tích cực ấy đều chính là Bồ-tát đạo, đều bình đẳng không khác gì với người ngồi tĩnh tọa nơi thiền đường! Cốt lõi nằm ở chỗ: **Tâm bạn có dính mắc vào danh lợi, toan tính hẹp hòi hay không?**

7.1.4 Bài Kệ Tụng Phẩm Thứ Bảy Của Cụ Nam Hoài Cẩn

Vào đêm đông thanh vắng trên đỉnh Nga Mi năm ấy, cụ Nam đã làm bài thơ tuyệt bút đúc kết phẩm thứ bảy:

巢空鸟迹水波纹，偶尔成文似锦云。

得失往来都不是，有无俱遣息纷纷。

Sào không điểu tích thủy ba văn,
Ngẫu nhĩ thành văn tự cẩm vân.
Đắc thất vãng lai đô bất thị,
Hữu vô câu khiển tức phân phân.

Dịch thơ:
Vết chim tổ rỗng sóng làn mây,
Gấm vóc tình cờ nét họa bay.
Được mất đến đi đều chẳng phải,
Có không gác lại dứt dòng say.

Bình giải: Trong kinh Phật có nhắc đến một loài chim kỳ lạ gọi là **Sào không điểu** (loài chim làm tổ giữa hư không). Loài chim ấy làm tổ nơi hư không, đẻ trứng và nuôi con giữa hư không, bay đi bay lại giữa bầu trời xanh biếc mà tuyệt nhiên không để lại một dấu vết móng vuốt nào. Gợn sóng lăn tăn vẽ trên mặt nước rồi cũng tan biến không tung tích.

Thiền tông có câu: *"Như trùng ngự mộc, ngẫu nhĩ thành văn"* (Như con bọ đục vỏ cây, tình cờ vết cắn tạo thành hình hoa văn kỳ lạ tựa như bức phù điêu). Lời thuyết pháp của chư Phật chư Tổ cũng như bức mây gấm tình cờ hiện giữa trời xanh, tùy duyên mà hóa độ, qua rồi thì trời lại trong veo.

Được và mất, đến và đi thảy đều là duyên khởi huyễn hóa. Buông xả sạch trơn cả hai bờ "Có" và "Không", thì muôn vàn rối ren phiền não của kiếp nhân sinh tự khắc lặng lẽ quy nguyên về cõi tịch diệt an lành.

Kệ Tụng Phẩm Thứ Bảy — Nam Sư Đúc Kết

Pháp Phật không lời tợ gió bay,
Trăng soi đáy nước sóng vơi đầy.
Được mất đến đi ngưng chấp dính,
Tâm không một niệm dứt trần ai.

CHƯƠNG 8

Y Pháp Xuất Sinh Phân (依法出生分第八)

Kinh Văn Gốc & Dịch Nghĩa

"须菩提！于意云何？若人满三千大千世界七宝以用布施，是人所得福德，宁为多不?" 须菩提言："甚多，世尊！何以故？是福德即非福德性，是故如来说福德多。" "若复有人，于此经中受持，乃至四句偈等，为他人说，其福胜彼。何以故？须菩提！一切诸佛，及诸佛阿耨多罗三藐三菩提法，皆从此经出。须菩提！所谓佛法者，即非佛法。"

Phiên âm Hán – Việt:

Tu-bồ-đề! Ư ý vân hà? Nhược nhân mãn tam thiên đại thiên thế giới thất bảo dĩ dụng bố thí, thị nhân sở đắc phước đức, ninh vi đa phủ? Tu-bồ-đề ngôn: "Thậm đa, Thế Tôn! Hà dĩ cố? Thị phước đức tức phi phước đức tính, thị cố Như Lai thuyết phước đức đa." "Nhược phục hữu nhân, ư thử kinh trung thọ trì, nãi chí tứ cú kệ đẳng, vị tha nhân thuyết, kỳ phước thắng bỉ. Hà dĩ cố? Tu-bồ-đề! Nhất thiết chư Phật, cập chư Phật A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề pháp, giai tùng thử kinh xuất. Tu-bồ-đề! Sở vị Phật pháp giả, tức phi Phật pháp."

Bản dịch nghĩa:
"Này Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? Nếu có người đem bảy báu chứa đầy khắp cõi tam thiên đại thiên thế giới ra dùng để bố thí, thì người ấy thu được phước đức có nhiều chăng?"
Tu-bồ-đề thưa rằng: "Bạch Thế Tôn, rất nhiều! Vì cớ sao? Phước đức ấy vốn chẳng phải là tự tính của phước đức, cho nên Như Lai mới nói là phước đức nhiều!"
Đức Phật dạy: "Nếu lại có người đối với kinh này biết tiếp nhận, gìn giữ, cho đến chỉ diễn giải bốn câu kệ cho người khác nghe, thì phước đức của người này còn vượt trội hơn cả người bố thí châu báu kia! Vì cớ sao? Này Tu-bồ-đề! Tất cả chư Phật cùng giáo pháp Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác của chư Phật, thảy đều từ kinh này mà sinh ra! Này Tu-bồ-đề! Cái gọi là Phật pháp ấy, tức chẳng phải là Phật pháp!"

8.1 Bình Giảng Toàn Văn Của Cụ Nam Hoài Cẩn

8.1.1 Bản Chất Tương Đối Của Phước Báu Thế Gian

Đức Phật đưa ra một giả định khổng lồ: Nếu có một vị đại phú gia gom hết vàng bạc, châu báu, san hô, mã não chứa đầy cả một vũ trụ *tam thiên đại thiên thế giới* đem phân phát bố thí cho muôn dân, thì phước đức ấy lớn dường nào? Người phàm chúng ta đi chùa mua mấy quả chuối, thắp vài nén nhang, bỏ vài đồng bạc lẻ vào hòm công đức mà trong lòng đã khấn vái cầu xin đủ thứ: cầu trúng số, cầu thăng quan, cầu bình an cho cả họ! Huống chi là người đem bảy báu khắp cõi vũ trụ ra bố thí thì phước báu trời người ấy quả thật không sao kể xiết!

Nhưng Tu-bồ-đề liền nói một câu thấu triệt: **"Thị phước đức tức**

phi phước đức tính, thị cố Như Lai thuyết phước đức đa!" (Phước đức ấy vốn không có tự tính cố định, cho nên Như Lai mới bảo là phước đức nhiều!).

Cụ Nam Hoài Cẩn phân tích một thí dụ đời thường vô cùng sinh động:

> Giả sử hôm nay trời mùa đông đột ngột chuyển gió mùa đông bắc rét căm căm, bạn đi trên đường thấy một người hành khất chỉ mặc manh áo cộc run lẩy bẩy. Bạn thương xót cởi ngay chiếc áo len đại hàn ấm áp của mình trùm lên người họ. Người đó cảm động đến rơi nước mắt, xem bạn như vị cứu tinh mang lại phước lành to lớn!
> Thế nhưng, nếu vào một ngày hè oi bức đỉnh điểm 40 độ C, bạn cũng lại xăm xăm chạy đến đè người ta ra ép mặc chiếc áo len dày cộp ấy vào, thì người ta sẽ giận dữ vung nắm đấm đánh bạn túi bụi!

Cái gọi là "phước báu" ở đời là như thế đó! Ở vào thời điểm này, hoàn cảnh này thì nó là phước lành; nhưng đổi sang thời điểm khác, nó lại biến thành tai họa và đau khổ cùng cực. Hơn nữa, phước đức hữu lậu của thế gian dẫu lớn đến đâu cũng chỉ hưởng được trong một thời kỳ nhất định; khi xài hết phước rồi thì lại rơi xuống làm kiếp nghèo hèn, đọa lạc luân hồi. Bản chất của nó là **vô thường, vô tự tính**, không thể cứu vớt sinh mệnh vĩnh hằng của một con người.

8.1.2 Bốn Câu Kệ Vượt Trội Bảy Báu Vũ Trụ

Bởi thế, Đức Phật mới long trọng tuyên bố: Nếu có người thấu triệt được kinh Kim Cang, cho dù chỉ lãnh hội và đem **bốn câu kệ** ngắn ngủi giảng giải cho người khác thức tỉnh, dứt trừ phiền não, thì phước

đức ấy còn vĩ đại gấp muôn triệu lần việc bố thí bảy báu tam thiên đại thiên thế giới!

Tại sao vậy? Của cải vật chất chỉ cứu được cái đói cái lạnh tạm bợ trong chốc lát của phần xác; còn đem lại **trí tuệ Bát-nhã** là trao cho người đó chìa khóa giải thoát rốt ráo, giúp họ đập tan gông cùm sinh tử luân hồi, tự mình thắp đuốc bước vào cõi Niết-bàn tịch tĩnh trường tồn muôn thuở. Cho nên giáo dục trí tuệ muôn đời vẫn là phước đức tối thượng vượt lên trên mọi sự cứu trợ vật chất hữu vi.

8.1.3 Mẹ Của Chư Phật: Vũ Trụ Quan Về Hiền Kiếp

Đức Phật khẳng định:

> **"Nhất thiết chư Phật, cập chư Phật A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề pháp, giai tùng thử kinh xuất!"**
> (Tất cả chư Phật cùng giáo pháp Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác của chư Phật, thảy đều từ kinh này mà sinh ra!).

Trong Phật giáo có vũ trụ quan vĩ đại về các đại kiếp thời gian. Kiếp hiện tại của chúng ta đang sống được gọi là **Hiền kiếp** (Bhadrakalpa) — một đại kiếp vô cùng may mắn và thù thắng vì sẽ có đúng một nghìn Đức Phật lần lượt xuất hiện nơi đời để giáo hóa:

- Vị thứ nhất là Phật Câu Lưu Tôn.
- Vị thứ hai là Phật Câu Na Hàm Mâu Ni.
- Vị thứ ba là Phật Ca Diệp.
- Đức Phật Thích Ca Mâu Ni của chúng ta là vị Phật thứ tư.

- Tương lai xa xôi sau này, Đức Phật Di Lặc sẽ là vị Phật thứ năm giáng trần trong hội Long Hoa...

Dù là một nghìn vị Phật của Hiền kiếp hay chư Phật trong mười phương ba đời, tất cả các Ngài thành đạo đều không ngoài việc tự thắp sáng **trí tuệ Bát-nhã** vốn sẵn có nơi tự tâm. Bộ kinh Kim Cang này chính là tấm bản đồ ghi lại con đường khai mở tuệ giác Bát-nhã ấy. Cho nên kinh này chính là cội nguồn mẹ đẻ sinh ra chư Phật và Phật pháp!

8.1.4 Phật Pháp Phi Phật Pháp: Lời Cảnh Báo Cho Kẻ Chấp Kinh

Vừa tán thán kinh Kim Cang lên tận mây xanh, Đức Phật liền lập tức buông một nhát chém quét sạch dấu vết:

> **"Tu-bồ-đề! Sở vị Phật pháp giả, tức phi Phật pháp!"**
> (Này Tu-bồ-đề! Cái gọi là Phật pháp ấy, tức chẳng phải là Phật pháp!).

Người học kinh nếu không có tuệ nhãn sắc bén sẽ cảm thấy choáng váng: Vừa mới khen Phật pháp là vĩ đại nhất, sao câu sau lại bảo chẳng phải Phật pháp?

Vào thời nhà Thanh bên Trung Hoa, một học giả Nho gia lừng danh là Cố Đình Lâm (Cố Viêm Vũ) từng viết trong cuốn *Nhật Tri Lục* khuyên học trò đừng đọc kinh Phật. Ông chê rằng: "Kinh Phật chẳng có gì đáng đọc, nó giống hệt như một thùng nước đầy và một thùng nước rỗng; chốc chốc đổ từ thùng này sang thùng nọ, đổ qua đổ lại một hồi rốt cuộc vẫn chỉ là một thùng nước ấy, nói rồi lại bảo chưa nói!". Lối nhận xét ấy cho thấy các nhà Nho thủ cựu hoàn toàn mù tịt về phương pháp giáo dục phá chấp của Bát-nhã!

Cụ Nam Hoài Cẩn phân tích:

1. Đạo giải thoát là **Vô tướng, Vô trụ**. Người thực sự đại ngộ triệt để thì tâm hồn phẳng lặng, khiêm cung tột bậc, sống cực kỳ bình dị giữa đời thường, tuyệt đối không có cái tướng tự đắc: "Ta là người đắc đạo, ta là bậc thánh nhân!".

2. Nếu một kẻ nào đó nghênh ngang vỗ ngực tự xưng: "Ta là Phật sống hiện tiền, các ngươi mau đến quỳ lạy ta!", thì cụ Nam bảo: Cứ cầm gậy phang cho một trận! Kẻ đó đích thị là ma vương, yêu quái mượn danh tôn giáo để lừa bịp thế gian, chứ Phật chân chính chưa từng mang cái ngã tướng ấy bao giờ!

3. Ngay cả hai chữ "Phật pháp" cũng chỉ là một danh xưng phương tiện của ngôn ngữ thế gian. Nếu bạn ôm khư khư lấy hai chữ Phật pháp để sinh lòng kiêu ngạo, coi thường người khác không học Phật, thì chính chữ Phật pháp ấy đã biến thành gông cùm trói buộc bạn vào ma đạo!

8.1.5 Bài Kệ Tụng Phẩm Thứ Tám Của Cụ Nam Hoài Cẩn

Vào đêm đông năm xưa trên đỉnh Nga Mi, cụ Nam Hoài Cẩn đã làm bài kệ tứ tuyệt tổng kết phẩm thứ tám:

锦绣乾坤似弈棋，人天福德枉成痴。
原来佛法无多子，脱缚离黏说向谁。

Cẩm tú càn khôn tự dịch kỳ,
Nhân thiên phước đức uổng thành si.
Nguyên lai Phật pháp vô đa tử,
Thoát phược ly niêm thuyết hướng thùy.

Dịch thơ:

Gấm vóc non sông tựa cuộc cờ,
Phước trời uổng phí mối cuồng si.
Mới hay Phật pháp nào đâu lắm,
Gỡ trói rời mê tỏ với ai?

Bình giải: Giang sơn gấm vóc ngai vàng của bậc đế vương le lói trong sử sách rốt cuộc cũng hệt như một ván cờ chớp nhoáng: một lúc thắng, một lúc thua rồi tan biến vào hư không; đến vua Khang Hy oanh liệt cũng từng than thở làm hoàng đế là nỗi thống khổ nhất trần gian. Tổ Sơ Đạt Ma từng quở Lương Võ Đế: phước đức xây chùa độ tăng chỉ là *nhân thiên tiểu quả, hữu lậu chi nhân*; hưởng hết phước cõi trời rồi lại đọa lạc như cũ. Thiền sư Quy Sơn (khai tổ tông Quy Ngưỡng) từng ba đời làm hoàng đế, vì mải mê hưởng phước vinh hoa mà suýt đánh mất thần thông tuệ giác xuất thế, nên ngài sợ hãi buông bỏ ngai vàng đi tu.

Thiền sư Lâm Tế sau khi đại ngộ đã thốt lên câu chấn động: **"Nguyên lai Phật pháp vô đa tử!"** (Hóa ra Phật pháp chẳng có cái gì nhiều nhặn, bí hiểm cả!). Cốt tủy của tam tạng kinh điển bốn mươi chín năm của Đức Phật thực chất chỉ nhằm một việc duy nhất: **Thoát phược ly niêm** — giúp con người gỡ bỏ mọi sợi dây trói buộc, dứt sạch mọi chất keo dính mắc của ái dục, danh lợi và định kiến trần gian để quay về diện kiến bản lai diện mục thanh tịnh muôn đời của chính mình!

Kệ Tụng Phẩm Thứ Tám — Nam Sư Đúc Kết

Tam thiên châu báu sánh sao tày,
Bốn khúc kinh vàng thấu chuyển lay.
Thoát khỏi tơ vương buông chấp dính,

Mênh mông bến giác rạng vầng mây.

CHƯƠNG 9

Nhất Tướng Vô Tướng Phân (一相无相分第九)

Kinh Văn Gốc & Dịch Nghĩa

"须菩提！于意云何？须陀洹能作是念：'我得须陀洹果'不？"须菩提言："不也，世尊！何以故？须陀洹名为入流，而无所入，不入色声香味触法，是名须陀洹。""须菩提！于意云何？斯陀含能作是念：'我得斯陀含果'不？"须菩提言："不也，世尊！何以故？斯陀含名一往来，而实无往来，是名斯陀含。""须菩提！于意云何？阿那含能作是念：'我得阿那含果'不？"须菩提言："不也，世尊！何以故？阿那含名为不来，而实无不来，是故名阿那含。""须菩提！于意云何？阿罗汉能作是念：'我得阿罗汉道'不？"须菩提言："不也，世尊！何以故？实无有法名阿罗汉。世尊！若阿罗汉作是念：'我得阿罗汉道'，即为著我人众生寿者。世尊！佛说我得无诤三昧，人中最为第一，是第一离欲阿罗汉。世尊，我不作是念：'我是离欲阿罗汉'。世尊！我若作是念：'我得阿罗汉道'，世尊则不说须菩提是乐阿兰那行者！以须菩提实无所行，而名须菩提是乐阿兰那行。"

Phiên âm Hán – Việt:

Tu-bồ-đề! Ư ý vân hà? Tu-đà-hoàn năng tác thị niệm: 'Ngã đắc

Tu-đà-hoàn quả’ phủ? Tu-bồ-đề ngôn: ”Bất dã, Thế Tôn! Hà dĩ cố? Tu-đà-hoàn danh vi Nhập lưu, nhi vô sở nhập, bất nhập sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, thị danh Tu-đà-hoàn.” ”Tu-bồ-đề! Ư ý vân hà? Tư-đà-hàm năng tác thị niệm: ’Ngã đắc Tư-đà-hàm quả’ phủ?” Tu-bồ-đề ngôn: ”Bất dã, Thế Tôn! Hà dĩ cố? Tư-đà-hàm danh Nhất vãng lai, nhi thực vô vãng lai, thị danh Tư-đà-hàm.” ”Tu-bồ-đề! Ư ý vân hà? A-na-hàm năng tác thị niệm: ’Ngã đắc A-na-hàm quả’ phủ?” Tu-bồ-đề ngôn: ”Bất dã, Thế Tôn! Hà dĩ cố? A-na-hàm danh vi Bất lai, nhi thực vô bất lai, thị cố danh A-na-hàm.” ”Tu-bồ-đề! Ư ý vân hà? A-la-hán năng tác thị niệm: ’Ngã đắc A-la-hán đạo’ phủ?” Tu-bồ-đề ngôn: ”Bất dã, Thế Tôn! Hà dĩ cố? Thực vô hữu pháp danh A-la-hán. Thế Tôn! Nhược A-la-hán tác thị niệm: ’Ngã đắc A-la-hán đạo’, tức vi trước ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả. Thế Tôn! Phật thuyết ngã đắc Vô tranh tam-muội, nhân trung tối vi đệ nhất, thị đệ nhất ly dục A-la-hán. Thế Tôn! Ngã bất tác thị niệm: ’Ngã thị ly dục A-la-hán’. Thế Tôn! Ngã nhược tác thị niệm: ’Ngã đắc A-la-hán đạo’, Thế Tôn tắc bất thuyết Tu-bồ-đề thị nhạo A-lan-nhã hạnh giả! Dĩ Tu-bồ-đề thực vô sở hành, nhi danh Tu-bồ-đề thị nhạo A-lan-nhã hạnh.”

Bản dịch nghĩa:

“Này Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? Bậc Tu-đà-hoàn có thể khởi ý niệm rằng: ’Ta đã đắc quả Tu-đà-hoàn’ chăng?”

Tu-bồ-đề thưa: “Bạch Thế Tôn, không thể! Vì cớ sao? Tu-đà-hoàn gọi là Nhập lưu (bước vào dòng Thánh), nhưng thật ra không có chỗ nào để nhập cả; không vướng mắc vào sắc, thanh,

hương, vị, xúc, pháp, thế nên mới gọi là Tu-đà-hoàn!"

"Này Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? Bậc Tư-đà-hàm có thể khởi ý niệm rằng: 'Ta đã đắc quả Tư-đà-hàm' chăng?"

Tu-bồ-đề thưa: "Bạch Thế Tôn, không thể! Vì cớ sao? Tư-đà-hàm gọi là Nhất vãng lai (còn trở lại cõi người một lần), nhưng thật ra không có sự qua lại nào cả, thế nên mới gọi là Tư-đà-hàm!"

"Này Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? Bậc A-na-hàm có thể khởi ý niệm rằng: 'Ta đã đắc quả A-na-hàm' chăng?"

Tu-bồ-đề thưa: "Bạch Thế Tôn, không thể! Vì cớ sao? A-na-hàm gọi là Bất lai (không còn trở lại cõi dục), nhưng thật ra không có sự không trở lại, thế nên mới gọi là A-na-hàm!"

"Này Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? Bậc A-la-hán có thể khởi ý niệm rằng: 'Ta đã chứng đắc đạo A-la-hán' chăng?"

Tu-bồ-đề thưa: "Bạch Thế Tôn, không thể! Vì cớ sao? Thật không có pháp nào cố định tên là A-la-hán cả! Bạch Thế Tôn, nếu vị A-la-hán khởi niệm rằng: 'Ta đã chứng đạo A-la-hán', thì tức là người ấy đã vướng mắc vào tướng Ta, tướng Người, tướng Chúng sinh, tướng Tuổi thọ! Bạch Thế Tôn, Phật khen con đắc Vô tranh tam-muội, trong loài người là bậc đệ nhất, là vị A-la-hán ly dục hàng đầu. Bạch Thế Tôn, con chẳng hề khởi ý niệm: 'Ta là vị A-la-hán ly dục'. Bạch Thế Tôn, nếu con khởi niệm: 'Ta đã đắc đạo A-la-hán', thì Đức Thế Tôn đã chẳng khen ngợi Tu-bồ-đề là người ưa hạnh A-lan-nhã (ưa chuộng sự thanh tịnh vắng lặng)! Chính vì Tu-bồ-đề thật sự không có chỗ chấp vào chỗ hành trì, nên mới được gọi là ưa hạnh A-lan-nhã!"

9.1 Bình Giảng Toàn Văn Của Cụ Nam Hoài Cẩn

9.1.1 Bốn Tầng Quả Vị Thanh Văn và Căn Bệnh Kiến Tư Hoặc

Phẩm thứ chín mang tên **Nhất Tướng Vô Tướng Phân** (một tướng mà là không tướng). Trong phẩm này, Đức Phật rà soát lại bốn quả vị tu chứng căn bản của hàng Thanh văn Tiểu thừa:

1. **Tu-đà-hoàn (Sotāpanna - Nhập lưu):** Bước vào dòng Thánh, dứt sạch 88 kiết sử của *Kiến hoặc* (những sai lầm về nhận thức tư tưởng). Người đắc quả này còn phải trải qua bảy lần sinh tử qua lại giữa cõi trời và cõi người nữa mới dứt hẳn khổ đau.

2. **Tư-đà-hàm (Sakadāgāmin - Nhất lai):** Đoạn trừ được sáu phẩm đầu của chín phẩm *Tư hoặc* cõi Dục. Chỉ còn phải trở lại nhân gian đúng một lần nữa là nhập Niết-bàn.

3. **A-na-hàm (Anāgāmin - Bất lai):** Đoạn sạch hoàn toàn ba phẩm Tư hoặc còn lại của cõi Dục. Sau khi xả báo thân này thì sinh thẳng lên các tầng trời Tịnh Cư thuộc cõi Sắc và chứng quả vô sinh tại đó, không bao giờ trở lại cõi dục lầm than này nữa.

4. **A-la-hán (Arahant - Vô sinh, Sát tặc, Ứng cúng):** Đoạn sạch toàn bộ Kiến hoặc và Tư hoặc của cả Tam giới (Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới). Không còn tái sinh, giết sạch giặc phiền não và xứng đáng thọ nhận sự cúng dường của trời người.

Tục ngữ Trung Hoa có câu: *"Học vấn thâm thời ý khí bình"* (Kẻ học vấn thực sự uyên thâm đến nơi đến chốn thì tâm tính ôn hòa, bình thản dung dị vô cùng). Một người thực sự có học vấn cao siêu không bao giờ đeo biển quảng cáo trước ngực: "Tôi là tiến sĩ, tôi là học giả!".

Nếu có kẻ đi ngoài đường gặp ai cũng vỗ ngực khoe: "Tôi đã ngộ đạo, tôi đã đắc quả A-la-hán!", thì thiên hạ không tống kẻ đó vào bệnh viện tâm thần mới là chuyện lạ!

Một bậc Thánh giả khi đoạn trừ được phiền não thì tâm hồn trở về phẳng lặng, bình dị như trẻ thơ. Đức Phật hỏi Tu-bồ-đề: Bốn bậc Thánh ấy trong tâm có khởi lên ý nghĩ rằng mình đã đắc quả hay không? Tu-bồ-đề dứt khoát trả lời: **Tuyệt đối không!**

Nếu trong tâm một vị A-la-hán mà khởi lên dù chỉ một sợi tơ ý niệm: *"Ta là bậc A-la-hán đã dứt sạch phiền não, còn các ngươi là phàm phu tục tử ô uế!"*, thì ngay trong khoảnh khắc đó, vị ấy đã rơi tõm trở lại làm một phàm phu đầy ắp bốn tướng **Ngã, Nhân, Chúng sinh, Thọ giả**!

9.1.2 Cảnh Giới Nhập Lưu: Chuyện Đờ Đẫn và Trái Xoài

Kinh văn giải thích quả Sơ quả Tu-đà-hoàn: *"Tu-đà-hoàn danh vi Nhập lưu, nhi vô sở nhập, bất nhập sắc thanh hương vị xúc pháp, thị danh Tu-đà-hoàn"*.

Có một anh học trò trẻ tuổi đến hỏi cụ Nam: — Thưa thầy, lúc con ngồi thiền dùng công phu, nhiều khi đầu óc con cứ đờ đẫn, ngẩn tò te ra (chữ Hán gọi là *lăng trụ liễu*), mắt nhìn mà như không thấy, tai nghe mà như không nghe, tâm trí mịt mờ trống rỗng. Đó có phải là con đã chứng Sơ quả Nhập lưu, không nhập sắc thanh hương vị xúc pháp rồi không thầy?

Cụ Nam cười ha hả đáp: — Ừ! Đúng là con đã nhập lưu rồi đấy, nhưng là nhập vào... **trái xoài** (*mang quả* - tiếng Hán hài âm với từ *mãng mang nhiên*, tức là ngơ ngác, mông lung đờ đẫn)!

Đó chỉ là trạng thái hôn trầm vô ký, đờ đẫn của thần kinh tạm thời mỏi mệt khi ngồi lâu, chứ đâu phải là tâm trí tỉnh giác không dính mắc

sáu trần của bậc Thánh! Bậc Tu-đà-hoàn mắt nhìn sắc vẫn biết đẹp xấu, tai nghe tiếng vẫn biết bổng trầm, lưỡi nếm vị vẫn biết ngọt bùi chua cay, nhưng tâm hồn ngài phẳng lặng như gương soi, không bị cảnh trần lôi cuốn, không sinh tâm tham đắm hay ghét bỏ.

9.1.3 Tập Khí Chưa Dứt: Ca Diệp Múa May và Tất Lăng Mạn Tâm

Để làm rõ sự khác biệt giữa việc đoạn trừ phiền não trên lý thuyết và những **thói quen vi tế (dư tập)** tích lũy nhiều đời nhiều kiếp, kinh điển ghi lại hai câu chuyện cười ra nước mắt của hai vị đại đệ tử Phật:

1. Đại Ca Diệp Lắc Lư Nhảy Múa

Tôn giả Ma-ha Ca-diệp là bậc đầu đà khổ hạnh đệ nhất, định lực sừng sững như núi Thái Sơn. Thuở chưa xuất gia, ngài và người vợ giai nhân ước hẹn làm cuộc hôn nhân danh nghĩa để giữ trọn giới thanh tịnh: trong phòng ngủ đặt một cây cột làm ranh giới, chàng ở một bên, nàng ở một bên, suốt mười mấy năm trời chẳng hề chạm vào nhau, sau đó cùng nhau xuất gia theo Phật.

Một bậc đại định thanh tịnh như thế, vậy mà trong hội kinh Duy-ma-cật kể lại: Một hôm trên hư không có Càn-thát-bà vương trỗi khúc nhạc trời vi diệu tuyệt trần. Khi tiếng nhạc réo rắt cất lên, tập khí sâu thẳm nhiều kiếp mê say âm nhạc trong tàng thức của Ca-diệp bỗng nhiên bị đánh thức. Ngài ngồi xếp bằng tĩnh tọa nhắm mắt, thế nhưng hai tay bất giác gõ nhịp theo điệu đàn, cả thân hình lắc lư nhún nhảy múa may ngay giữa đạo tràng!

Các vị Bồ-tát mỉm cười nhìn ngài. Đó chính là điều mà kinh gọi là **Kiết sử đã đoạn nhưng dư tập chưa trừ**! Giống như chai đựng dầu

thơm ngát, dẫu đã đổ hết dầu đi và rửa sạch boong, nhưng đưa mũi vào ngửi vẫn còn phảng phất mùi thơm cũ.

2. Tôn Giả Tất Lăng Mạn Tâm

Lại có Tôn giả Tất-lăng-già-bà-tha (Pilindavatsa), ngài đã chứng đại A-la-hán, thần thông quảng đại. Một hôm ngài muốn qua sông Hằng, bèn đứng trên bờ nhìn xuống dòng nước cuộn sóng, ngón tay chỉ thẳng mặt nữ thần sông Hằng mà quát lớn: — **Này con tỳ nữ (nha đầu)! Mau mau làm nước cạn đi cho ta bước qua!**

Nữ thần sông Hằng căm giận nhưng vì công lực không bằng ngài nên đành bấm bụng rẽ nước cho ngài qua. Sau đó, nữ thần uất ức bay đến tịnh xá quỳ trước Đức Phật khóc lóc tố cáo: — Bạch Đức Thế Tôn! Đại đệ tử A-la-hán của Ngài sao mà tính tình thô lỗ, hách dịch đến thế! Con là một vị thần cai quản dòng sông, vậy mà ngài ấy đứng trên bờ chỉ mặt con chửi mắng là con tỳ nữ!

Đức Phật mỉm cười cho gọi Tất-lăng-già-bà-tha đến bảo: — Này Tất-lăng, ngươi làm đệ tử Phật, sao lại dùng thần thông rẽ nước phạm giới, lại còn buông lời miệt thị xúc phạm nữ thần sông Hằng như thế? Mau mau xin lỗi người ta đi!

Tất-lăng-già-bà-tha liền quay sang nữ thần sông Hằng chắp tay xin lỗi, nhưng miệng vẫn quen thói nói: — **Này con tỳ nữ (nha đầu)! Ta thật tình không có ý mắng chửi ngươi đâu, ngươi đừng có giận ta nhé!**

Nữ thần sông Hằng tức tưởi kêu lên: — Bạch Phật, Ngài xem! Ngay trước mặt Ngài mà ngài ấy vẫn mở miệng gọi con là ’con tỳ nữ’!

Đức Phật bèn cười bảo nữ thần sông Hằng: — Này nữ thần, ngươi chớ có phiền lòng trách ngài ấy! Tôn giả Tất-lăng trong năm trăm kiếp đời trước liên tục sinh ra trong gia tộc Bà-la-môn quyền quý tột đỉnh,

quen thói xưng hô gọi kẻ hầu người hạ là nha đầu thành thói quen cửa miệng rồi. Tuy nay ngài đã đắc quả A-la-hán tâm không còn mảy may khinh người, nhưng cái thói quen phát âm (*dư tập*) vẫn chưa gột sạch được đó thôi!

9.1.4 Tiền Kiếp Vị Thiền Sư và Cuộc Hội Ngộ Của Vương Dương Minh

Lại nói về chuyện luân hồi tái sinh của những người tu hành có công phu, cụ Nam nhắc đến câu chuyện có thật trong lịch sử về đại triết gia Vương Dương Minh (Vương Thủ Nhân) thời nhà Minh:

Khi Vương Dương Minh nhậm chức tuần phủ đến Giang Tây dẹp loạn, nhân dịp ghé thăm một ngôi đại tự cổ kính trên núi. Đi dạo quanh chùa, ông thấy có một gian phòng cửa đóng then cài cẩn mật, trên ổ khóa sắt bụi phủ dày hàng tấc, dán đầy bùa niêm phong. Vương Dương Minh ngạc nhiên hỏi: — Căn phòng này sao lại khóa kín hoang phế như thế? Vị trụ trì kính cẩn thưa: — Bẩm đại nhân, đây là căn phòng của vị tiền bối phương trượng cách đây năm mươi năm viên tịch trong đó. Trước lúc nhắm mắt ngài căn dặn tuyệt đối không ai được phép mở cửa phòng này ra!

Vương Dương Minh vốn tính cương trực, nghi ngờ bên trong giấu giếm điều gì mờ ám bèn hạ lệnh cho quân lính phá khóa mở cửa. Cánh cửa gỗ nặng nề vừa mở ra, bụi bay mù mịt. Giữa căn phòng tịch mịch là một vị thiền sư thân xác đã khô quắt ngồi kiết già sừng sững trên bồ đoàn như còn sống.

Trên vách tường trước mặt pho tượng nhục thân, có một bức màn lụa cũ kỹ phủ lên. Vương Dương Minh bước tới gạt bức màn lụa ra, kinh hoàng thấy trên tường viết sẵn bốn câu thơ bằng mực tàu nét bút còn tươi rói:

五十年前王守仁，开门即是闭门人。
精灵去后还归复，始信禅门不坏身。

Ngũ thập niên tiền Vương Thủ Nhân,
Khai môn tức thị bế môn nhân.
Tinh linh khứ hậu hoàn quy phục,
Thủy tín thiền môn bất hoại thân.

Dịch nghĩa:
Năm mươi năm trước Vương Thủ Nhân,
Người mở cửa nay chính kẻ then cài!
Hồn phách dạo chơi rồi trở lại,
Mới tin thiền định xác không phai.

Vương Dương Minh đứng chết lặng như trời trồng, bàng hoàng nhận ra vị thiền sư ngồi chết khô trước mắt chính là tiền kiếp của mình cách đây nửa thế kỷ! Ngài viên tịch rồi đầu thai làm quan đại thần triều đình. Từ đó về sau suốt cả cuộc đời, Vương Dương Minh tuyệt nhiên không bao giờ hé răng bàn luận về chuyện tiền kiếp này với bất kỳ ai, nhưng tư tưởng triết học của ông chuyển hẳn sang chiều sâu tâm học tri hành hợp nhất.

9.1.5 Tu-bồ-đề: Đệ Nhất Vô Tranh và Ẩn Dụ Vượt Ngục Của Ngũ Tổ Pháp Diễn

Trưởng lão Tu-bồ-đề trong kinh Kim Cang được Đức Phật ngợi khen hai danh hiệu tột đỉnh:

1. Đắc **Vô tranh tam-muội** (cảnh giới định tâm không còn tranh chấp hơn thua với bất kỳ ai nơi trần thế), trong loài người là bậc đệ nhất.

2. Là **Đệ nhất ly dục A-la-hán** (vị A-la-hán dứt sạch hoàn toàn mọi tham dục của Tam giới).

Thế nhưng Tu-bồ-đề khẳng định: Nếu trong tâm ngài khởi lên một niệm tự mãn: "Ta là vị A-la-hán đệ nhất ly dục", thì Đức Thế Tôn đã lập tức quở trách ngài, chẳng bao giờ khen ngài là người ưa hạnh **A-lan-nhã** (Aranya - nơi thanh tịnh tịch tĩnh vắng lặng)! Bởi vì tâm ngài rỗng rang như hư không, không có chỗ để thấy mình đang tu, không có chỗ để thấy mình đắc đạo.

Cụ Nam Hoài Cẩn dẫn lời dạy sâu cay của Thiền sư Ngũ Tổ Pháp Diễn thời nhà Tống qua hai câu chuyện ngụ ngôn tuyệt tác:

1. Chuyện Tên Trộm Dạy Con

Một tên trộm khét tiếng có đứa con trai lớn lên đòi cha truyền nghề đạo chích. Đêm nọ, người cha dắt con lẻn vào một dinh thự giàu có, mở ổ khóa chiếc tủ chè lớn rồi bảo con chui vào gom vàng bạc. Đứa con vừa chui vào trong, người cha liền sập cửa tủ lại, tra khóa sắt khóa chặt, rồi chạy ra sân đập bàn ghế tri hô ầm ĩ: "Có trộm! Có trộm!" rồi một mình nhảy qua tường trốn mất!

Cả nhà thức giấc thắp đuốc lùng sục. Đứa con bị nhốt chặt trong tủ kín mít, ngạt thở và hoảng loạn tột cùng. Trong lúc thập tử nhất sinh, cậu bỗng bật sáng trí khôn: cậu liền dùng miệng giả tiếng chuột kêu *chít... chít... chít...* cào sột soạt vào vách gỗ. Cô tỳ nữ cầm nến bước lại bảo bà chủ: "Không có trộm, trong tủ có ổ chuột!". Vừa mở khóa tủ ra, đứa con liền tông cửa phóng vọt ra ngoài, thổi tắt phụt ngọn nến rồi co giò nhảy qua tường trốn thoát trong bóng đêm.

Chạy về nhà thấy cha đang thảnh thơi nằm đắp chăn ngủ, đứa con tức giận lôi cha dậy mắng xối xả: "Sao cha nỡ lòng độc ác gài bẫy giết hại con ruột mình như thế?". Người cha mỉm cười hỏi: "Thế rốt cuộc

con đã thoát ra được chưa?". Đứa con kể lại mưu kế giả tiếng chuột. Người cha vỗ đùi khen lớn: "Tốt lắm! Con đã thoát ra được bằng chính trí thông minh của con trong cảnh ngặt nghèo, thế là con đã thành nghề rồi đó! Nghề trộm cắp không có công thức cố định nào cả, tùy cơ ứng biến thoát hiểm được là thành công!".

Học Phật cũng y như vậy! Không có một giáo pháp cố định (*vô định pháp*). Dù bạn tu thiền, niệm Phật, trì chú, hay làm việc công ích, điều cốt tử là bạn phải tự mình thắp đuốc giải thoát khỏi chiếc tủ giam hãm của phiền não trần gian!

2. Chuyện Kẻ Vượt Ngục: Tiểu Thừa và Đại Thừa

Thiền sư Ngũ Tổ Pháp Diễn lại kể: Có một người tù bị kết án tù chung thân trong một nhà lao kiên cố.

- **Kẻ thứ nhất (hàng Tiểu thừa)**: Lặng lẽ dùng chiếc muỗng con ngày đêm đào bới một đường hầm nhỏ dưới nền đất ẩm ướt hôi thối. Sau nhiều năm nhọc nhằn kiệt sức, hắn cũng chui qua được lỗ hầm trốn ra ngoài rừng núi, nhưng sau đó suốt đời phải sống chui sống lủi, sợ hãi bóng quan quân lùng bắt.

- **Kẻ thứ hai (hàng Đại thừa)**: Không thèm đào hầm! Hắn ở trong tù ung dung kết thân làm bạn tri kỷ với cai ngục và lính gác. Ngày lễ tết, thân nhân hắn gửi vào cơ man nào là rượu ngon thịt béo, hắn mời cai ngục cùng ngồi uống chén chú chén anh vui vẻ. Đợi đến khi viên cai ngục say bí tỉ lăn ra ngủ say, hắn liền nhẹ nhàng rút chùm chìa khóa bên hông cai ngục, tháo bỏ xiềng xích, khoác chiếc áo đồng phục lính gác lên người rồi đĩnh đạc mở toang cửa chính nhà lao, ngẩng cao đầu ung dung bước ra ngoài ánh sáng tự do!

Tam giới dục vọng này chính là một nhà tù giam cầm linh hồn chúng ta. Bậc Bồ-tát Đại thừa không trốn chạy cuộc đời, mà hòa mình vào giữa nhân gian, chuyển hóa phiền não thành Bồ-đề, biến nhà tù sinh tử thành đạo tràng giải thoát, tự tại ra vào mà không hề vướng bận!

9.1.6 Bài Kệ Tụng Phẩm Thứ Chín Của Cụ Nam Hoài Cẩn

Vào đêm đông trên đỉnh tuyết sơn Nga Mi năm ấy, cụ Nam đã làm bài kệ tứ tuyệt tổng kết trọn vẹn tinh thần phẩm thứ chín:

四果阶梯著意成，由来一念最难平。
儿啼黄叶飘然落，诳捏空拳大小擎。

Tứ quả giai thê trước ý thành,
Do lai nhất niệm tối nan bình.
Nhi đề hoàng diệp phiêu nhiên lạc,
Cuống niết không quyền đại tiểu kình.

Dịch thơ:
Bốn quả nấc thang khởi ý thành,
Xưa nay một niệm khó làm thanh.
Lá vàng dỗ trẻ rơi xào xạc,
Nắm chặt tay không lừa trẻ ranh!

Bình giải: Bốn bậc thang quả vị của hàng Thanh văn (Tu-đà-hoàn đến A-la-hán) đều do tâm phân biệt tạo tác mà lập nên. Muôn đời nay, cái khó nhất của người tu học không phải là ngồi thiền lâu hay đọc nhiều sách, mà là **làm sao cho một niệm đương hạ được phẳng lặng, thanh tịnh rỗng rang**!

Trong kinh *Pháp Hoa*, Đức Phật từng ví những giáo pháp Ngài nói ra hệt như việc người lớn nhặt một **chiếc lá vàng rơi** ngoài sân lừa đứa

trẻ đang khóc nhè mà bảo: "Nín đi con, đây là vàng ròng sáng chói ta cho con này!", hoặc nắm chặt bàn tay rỗng không bảo trong tay có kẹo bánh ngọt ngào (*cuống niết không quyền*). Đứa trẻ nhìn thấy đồ chơi liền nín khóc. Giáo pháp tám vạn bốn nghìn pháp môn của Đức Phật thực chất cũng chỉ nhằm mục đích dỗ cho đứa trẻ chúng sinh nín dứt cơn khóc lóc của phiền não mà thôi!

Tổ sư Thiền tông từng đúc kết bốn câu rúng động:

佛说一切法，为度一切心。
我无一切心，何用一切法！

Phật thuyết nhất thiết pháp,
Vì độ nhất thiết tâm.
Ngã vô nhất thiết tâm,
Hà dụng nhất thiết pháp!

(Đức Phật nói ra muôn ngàn giáo pháp chỉ để điều phục muôn ngàn tâm niệm lăng xăng. Nếu tâm ta xưa nay vốn đã rỗng rang thanh tịnh không một gợn sóng bợn nhơ, thì cần gì đến giáo pháp nữa làm chi!).

Kệ Tụng Phẩm Thứ Chín — Nam Sư Đúc Kết

Thánh quả bốn tầng há dính chân,
Trần ai muôn việc mộng phù vân.
Lá vàng dỗ trẻ ngưng dòng lệ,
Đất trời rỗng suốt một vầng trăng.

CHƯƠNG 10

Trang Nghiêm Tịnh Độ Phân (庄严净土分第十)

Kinh Văn Gốc & Dịch Nghĩa

佛告须菩提："于意云何？如来昔在然灯佛所，于法有所得不？""不也，世尊！如来在然灯佛所，于法实无所得。""须菩提！于意云何？菩萨庄严佛土不？""不也，世尊！何以故？庄严佛土者，即非庄严，是名庄严。""是故须菩提，诸菩萨摩诃萨应如是生清净心，不应住色生心，不应住声香味触法生心，应无所住而生其心。须菩提！譬如有人，身如须弥山王，于意云何？是身为大不？"须菩提言："甚大，世尊！何以故？佛说非身，是名大身。"

Phiên âm Hán – Việt:

Phật cáo Tu-bồ-đề: "Ư ý vân hà? Như Lai tích tại Nhiên Đăng Phật sở, ư pháp hữu sở đắc phủ?" "Bất dã, Thế Tôn! Như Lai tại Nhiên Đăng Phật sở, ư pháp thực vô sở đắc." "Tu-bồ-đề! Ư ý vân hà? Bồ-tát trang nghiêm Phật thổ phủ?" "Bất dã, Thế Tôn! Hà dĩ cố? Trang nghiêm Phật thổ giả, tức phi trang nghiêm, thị danh trang nghiêm." "Thị cố Tu-bồ-đề, chư Bồ-tát Ma-ha-tát ưng như thị sinh thanh tịnh tâm: bất ưng trụ sắc sinh tâm, bất ưng trụ thanh, hương, vị, xúc, pháp sinh tâm, ưng vô sở trụ nhi sinh

kỳ tâm. Tu-bồ-đề! Thí như hữu nhân, thân như Tu-di sơn vương, ư ý vân hà? Thị thân vi đại phủ?" Tu-bồ-đề ngôn: "Thậm đại, Thế Tôn! Hà dĩ cố? Phật thuyết phi thân, thị danh đại thân."

Bản dịch nghĩa:

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề: "Ý ông nghĩ sao? Thuở xưa khi Như Lai ở nơi Đức Phật Nhiên Đăng, đối với giáo pháp có sở đắc gì chăng?"

— "Bạch Thế Tôn, không! Khi Như Lai ở nơi Đức Phật Nhiên Đăng, đối với giáo pháp thực sự không có sở đắc gì cả!"

"Này Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? Bồ-tát có trang nghiêm cõi Phật chăng?"

— "Bạch Thế Tôn, không! Vì cớ sao? Cái gọi là trang nghiêm cõi Phật ấy, tức chẳng phải là trang nghiêm, thế nên mới gọi là trang nghiêm!"

"Bởi thế cho nên này Tu-bồ-đề, các bậc đại Bồ-tát nên sinh khởi tâm thanh tịnh như thế này: Không nên trụ vào hình sắc mà sinh tâm, không nên trụ vào âm thanh, hương thơm, mùi vị, cảm xúc, pháp trần mà sinh tâm; **nên không có chỗ trụ mà sinh khởi cái tâm ấy!** Này Tu-bồ-đề! Ví như có người thân thể to lớn như chúa sơn Tu-di, ý ông nghĩ sao? Thân ấy có to lớn chăng?"

Tu-bồ-đề thưa: "Bạch Thế Tôn, rất lớn! Vì cớ sao? Đức Phật nói chẳng phải thân, thế nên mới gọi là thân to lớn!"

10.1 Bình Giảng Toàn Văn Của Cụ Nam Hoài Cẩn

10.1.1 Tâm Không Đậu Bảng Vàng Trở Về

Phẩm thứ mười mang tên **Trang Nghiêm Tịnh Độ Phần**. Trong phẩm này chứa đựng một câu kinh vàng ngọc đã làm chấn động toàn bộ lịch sử Phật giáo Trung Hoa: **"Ưng vô sở trụ nhi sinh kỳ tâm"** — chính là câu kinh mà Lục Tổ Huệ Năng nghe qua liền triệt để đại ngộ!

Trước hết, Đức Phật gợi lại câu chuyện tiền thân của chính Ngài: Thuở xưa khi còn là một vị Bồ-tát tu hành tinh tấn, Ngài đã từng diện kiến Đức Phật Nhiên Đăng (Dīpaṃkara Buddha). Ngài đem năm bông hoa sen xanh chí thành cúng dường, rồi trải mái tóc dài của mình xuống vũng bùn lầy cho Đức Phật Nhiên Đăng bước qua. Khi ấy, Phật Nhiên Đăng thọ ký cho Ngài: *"Về đời sau, trải qua vô lượng kiếp, ngươi sẽ thành Phật hiệu là Thích Ca Mâu Ni"*.

Đức Phật hỏi Tu-bồ-đề: Lúc ta ở nơi Phật Nhiên Đăng được thọ ký thành đạo, rốt cuộc ta có "đắc" được một thứ pháp thuật hay bí quyết gì vào tay chăng? Tu-bồ-đề đáp ngay: **"Ư pháp thực vô sở đắc!"** (Thực sự không hề có sở đắc gì cả!).

Nếu bạn còn nghĩ thành Phật là vớ được một bảo bối thần kỳ, một luồng hào quang hay một pháp thuật thần thông để cất vào túi, thì bạn đã hoàn toàn lầm đường lạc lối! Bản tánh thanh tịnh xưa nay của ta vốn tự tròn đầy, không thêm không bớt; ngộ đạo chỉ là rũ sạch mọi bụi bặm vô minh bám víu bên ngoài để quay về với sự rỗng rang tự tại nguyên sơ.

Thuở xưa bên Trung Hoa, cư sĩ Bàng Uẩn (Bàng Cư Sĩ) nổi tiếng là bậc ngộ thiền trác việt. Khi cả nhà ông rủ nhau đi thi cử để thành Phật, ông có bài thơ bất hủ:

十方同聚会，个个学无为。
此是选佛场，心空及第归。

Thập phương đồng tụ hội,
Cá cá học vô vi.
Thử thị tuyển Phật trường,
Tâm không cập đệ quy.

(Mười phương cùng tề tựu, người người học pháp vô vi. Đây chính là trường thi tuyển chọn Phật, người nào lòng rỗng không thanh tịnh sẽ đậu bảng vàng trở về!).

10.1.2 Trang Nghiêm Cõi Phật Ở Nơi Đâu?

Đức Phật hỏi tiếp: Bồ-tát có trang nghiêm cõi Phật chăng? Tu-bồ-đề đáp: Không! Trang nghiêm cõi Phật tức phi trang nghiêm, thị danh trang nghiêm!

Cụ Nam Hoài Cẩn bình luận: Nếu nghiên cứu về môn Tôn giáo học so sánh, ta sẽ thấy một hiện tượng vô cùng thú vị:

- Người phương Tây khi tưởng tượng về Thiên đường: bao giờ cũng vẽ lâu đài nguy nga theo phong cách Baroque hay Gothic châu Âu, các thiên thần bay lượn đều là những đứa trẻ da trắng tóc vàng mắt xanh!

- Người Ấn Độ tưởng tượng về cõi trời: toàn là vũ nữ Apsara uốn lượn, cung điện dát ngọc theo kiến trúc cung đình Ấn Độ.

- Người Trung Hoa khi vẽ cõi Tây Thiên hay Ngọc Hoàng Thượng Đế: thì các vị thần tiên đều mặc áo thụng cổ trang, râu dài bay phất phơ như thời Hán Đường!

Rốt cuộc Thiên đường hay Tịnh độ có hình dáng cố định nào không? Hoàn toàn không! Kinh *Lăng Nghiêm* đã chỉ rõ: **"Tùy chúng sinh tâm, ứng sở tri lượng, tuần nghiệp phát hiện, ninh hữu phương sở!"** (Tùy theo tâm lượng của chúng sinh lớn hay nhỏ, ứng theo phạm vi hiểu biết của họ mà biểu hiện ra; nương theo nghiệp lực của từng người mà nhìn thấy cảnh giới khác nhau, làm gì có phương hướng cố định nào!).

Người tham vàng thì mơ thấy cõi Phật vàng ròng lát đất; người yêu thiên nhiên thì mơ thấy hoa thơm cỏ lạ suối reo. Tất cả những hình ảnh lộng lẫy ấy chỉ là ảo ảnh của ý thức phân biệt! **Tịnh độ chân thật chính là tâm thanh tịnh!** Tâm bạn rỗng rang, không tham, không sân, không phiền não ngay tại giây phút này, thì chính nơi bạn ngồi đây chính là cõi Cực Lạc trang nghiêm của chư Phật!

10.1.3 Chiếc Bật Lửa và Tâm Vô Sở Trụ

Đức Phật chỉ dạy phương pháp hành trì tối thượng:

诸菩萨摩诃萨应如是生清净心：不应住色生心，不应住声香味触法生心，应无所住而生其心！

Chư Bồ-tát Ma-ha-tát ưng như thị sinh thanh tịnh tâm:
Bất ưng trụ sắc sinh tâm, bất ưng trụ thanh hương vị xúc pháp sinh tâm,
Ưng vô sở trụ nhi sinh kỳ tâm!

Tâm thanh tịnh chân chính không phải là ngồi im ép mình vào một trạng thái trống rỗng chết cứng. Nếu bạn cố giữ một cái trạng thái "thanh tịnh", thì bạn đã bị dính mắc vào cái pháp thanh tịnh đó rồi, vẫn là *hữu sở trụ*!

Cụ Nam kể: Thời trước khi chiếc bật lửa ga mới xuất hiện, có người hỏi một vị cư sĩ ngộ đạo: "Phật tánh và tâm vô sở trụ rốt cuộc là cái

gì?". Vị ấy liền rút chiếc bật lửa trong túi ra, ngón tay gảy nhẹ một tiếng: **Tách!** — ngọn lửa xanh bùng cháy rực rỡ soi sáng! Rồi vị ấy buông ngón tay ra: ngọn lửa lập tức biến mất sạch trơn không để lại tăm hơi. Vị ấy cười bảo:

> *"Tâm giác ngộ cũng y hệt như chiếc bật lửa này: Khi có việc cần dùng thì 'tách' một cái, tâm khởi lên sáng soi ứng biến vạn sự tinh tường; khi việc đã xong xuôi thì buông tay một cái, tâm liền trở về trạng thái tịch lặng như như, không vương vấn một tấc tro tàn!"*

Đó chính là **Ưng vô sở trụ nhi sinh kỳ tâm**: Sống giữa cuộc đời sinh hoạt, làm việc, yêu thương, phụng sự muôn loài hết lòng mà tâm hồn vẫn thanh thản rỗng rang, không để bất kỳ trần cảnh nào níu kéo dính mắc!

10.1.4 Mắt Mù Vì Thầy: Thân Như Núi Tu Di

Đức Phật lại hỏi: *"Ví như có người thân to lớn như chúa sơn Tu-di, thân ấy có to lớn chăng?"*. Tu-bồ-đề đáp: *"Phật thuyết phi thân, thị danh đại thân!"*.

Thân to lớn như núi Tu Di ở đây là ẩn dụ cho **Pháp thân** (Vô biên thân) của Phật. Khi bạn đã phá tan được *thân kiến* (sự chấp chặt vào cái xác thịt hôi tanh nặng vài chục ký này là Ta), bạn sẽ chứng ngộ được rằng bản thể chân tâm của bạn bao la trùm khắp trời đất, ngút ngàn hơn cả dãy Himalaya hay rặng Tu-di!

Cụ Nam Hoài Cẩn thở dài cảnh báo: Người đời học đạo nếu không nắm vững tri kiến Bát-nhã thì rất dễ bị tà sư dẫn dắt vào mê lộ. Thiền tông có câu nói chua chát của một vị thiền sư sau khi ngộ đạo:

我眼本明，因师故瞎！

Ngã nhãn bổn minh,
Nhân sư cố hạt!

(Mắt ta vốn sáng trong vắt, thế mà vì nghe theo lời ông thầy u mê dốt nát chỉ bậy mà đôi mắt ta bị làm cho mù lòa!). Học trò học thiền không chịu đọc kỹ kinh điển khai sáng trí tuệ, tối ngày chạy theo bùa chú, thần thông, linh cảm nhảm nhí, cuối cùng tự biến mình thành kẻ u mê cuồng loạn.

10.1.5 Bài Kệ Tụng Phẩm Thứ Mười Của Cụ Nam Hoài Cẩn

Vào đêm đông trên đỉnh núi tuyết Nga Mi năm ấy, cụ Nam đã làm bài thơ tứ tuyệt đúc kết trọn vẹn tinh thần phẩm thứ mười:

外我无身是大身，若留净土即留尘。
燃灯吩咐庄严地，挂角羚羊何处寻。

Ngoại ngã vô thân thị đại thân,
Nhược lưu tịnh độ tức lưu trần.
Nhiên Đăng phó chúc trang nghiêm địa,
Quải giác linh dương hà xứ tầm.

Dịch thơ:
Xả bỏ thân phàm hiện đại thân,
Còn lưu tịnh độ dính trần tâm.
Nhiên Đăng thọ ký trang nghiêm xứ,
Treo sừng ngọn trúc bóng đâu tầm?

Bình giải: Câu đầu mượn ý từ lời Đạo Đức Kinh của Lão Tử: *"Ngoại kỳ thân nhi thân tồn"* (Quên bỏ thân xác nhỏ hẹp thì Pháp thân rộng lớn vĩnh hằng hiện tiền).

Nếu trong lòng bạn còn giữ lại một quan niệm cố chấp về cõi tịnh độ ở phương trời xa xôi, thì chính cái ý niệm tịnh độ ấy đã biến thành hạt bụi trần cản trở giác ngộ (*nhược lưu tịnh độ tức lưu trần*). Đức Phật Nhiên Đăng thọ ký truyền trao tâm ấn cho Đức Thích Ca nơi cõi trang nghiêm thực chất chỉ như câu chuyện thiền: **Linh dương quải giác** (con linh dương ngủ đêm nhảy lên móc hai sừng vào cành cây cao, thân lơ lửng giữa không trung, thợ săn đi tìm dấu chân dưới mặt đất tuyệt nhiên không thể nào tìm thấy)!

Tâm hành giả Bát-nhã một khi đã đạt đến cảnh giới **Ưng vô sở trụ nhi sinh kỳ tâm** thì không để lại bất kỳ dấu vết tơ vương nào nơi ba cõi sáu đường, tự tại thong dong giữa đất trời vạn thuở!

Kệ Tụng Phẩm Thứ Mười — Nam Sư Đúc Kết

Ưng vô sở trụ khởi tâm mầu,
Gió thoảng thềm trăng bóng ở đâu?
Linh dương móc sừng trên ngọn biếc,
Bụi trần muôn kiếp sạch làu làu.

CHƯƠNG 11

Vô Vi Phước Thắng Phân (无为福胜分第十一)

Kinh Văn Gốc & Dịch Nghĩa

"须菩提！如恒河中所有沙数，如是沙等恒河，于意云何？是诸恒河沙宁为多不？"须菩提言："甚多，世尊！但诸恒河尚多无数，何况其沙。""须菩提！我今实言告汝：若有善男子、善女人，以七宝满尔所恒河沙数三千大千世界，以用布施，得福多不？"须菩提言："甚多，世尊！"佛告须菩提："若善男子、善女人，于此经中，乃至受持四句偈等，为他人说，而此福德胜前福德。"

Phiên âm Hán – Việt:

Tu-bồ-đề! Như Hằng hà trung sở hữu sa số, như thị sa đẳng Hằng hà, ư ý vân hà? Thị chư Hằng hà sa ninh vi đa phủ? Tu-bồ-đề ngôn: "Thậm đa, Thế Tôn! Đản chư Hằng hà thượng đa vô số, hà huống kỳ sa." "Tu-bồ-đề! Ngã kim thực ngôn cáo nhữ: Nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân, dĩ thất bảo mãn nhĩ sở Hằng hà sa số tam thiên đại thiên thế giới, dĩ dụng bố thí, đắc phước đa phủ?" Tu-bồ-đề ngôn: "Thậm đa, Thế Tôn!" Phật cáo Tu-bồ-đề: "Nhược thiện nam tử, thiện nữ nhân, ư thử kinh trung, nãi chí thọ trì tứ cú kệ đẳng, vị tha nhân thuyết, nhi thử phước đức thắng

tiền phước đức."

Bản dịch nghĩa:
"Này Tu-bồ-đề! Như số cát có trong sông Hằng, lại có số lượng sông Hằng nhiều như số cát ấy, ý ông nghĩ sao? Số cát trong tất cả những sông Hằng ấy có nhiều chăng?"
Tu-bồ-đề thưa: "Bạch Thế Tôn, rất nhiều! Chỉ riêng số lượng các dòng sông Hằng thôi đã nhiều vô số kể rồi, huống chi là cát của những con sông ấy!"
"Này Tu-bồ-đề! Nay Ta nói lời chân thật bảo cho ông biết: Nếu có người thiện nam, người thiện nữ đem bảy báu chứa đầy khắp số lượng thế giới tam thiên đại thiên nhiều như số cát của ngần ấy sông Hằng ra dùng để bố thí, thì người ấy được phước có nhiều chăng?"
Tu-bồ-đề thưa: "Bạch Thế Tôn, rất nhiều!"
Đức Phật liền bảo Tu-bồ-đề: "Nếu có người thiện nam, người thiện nữ, đối với kinh này cho đến chỉ thọ trì bốn câu kệ, rồi đem giảng nói cho người khác nghe, thì phước đức này vượt trội hơn hẳn phước đức bố thí châu báu đằng trước!"

11.1 Bình Giảng Toàn Văn Của Cụ Nam Hoài Cẩn

11.1.1 Cát Sông Hằng và Toán Học Vũ Trụ Của Phật Giáo

Trong các kinh điển Đại thừa, mỗi khi muốn diễn tả một con số khổng lồ vô hạn lượng không thể dùng số đếm phàm trần để tính toán, Đức Phật thường dùng hình tượng **Cát sông Hằng** (Hằng hà sa). Cát của con sông Hằng ở Ấn Độ đặc biệt vô cùng: cát mịn màng như bột phấn,

trải dài ngàn dặm dọc lưu vực từ rặng tuyết sơn Himalaya đổ ra biển lớn.

Ở phẩm thứ mười một này, Đức Phật làm một phép nhân lũy thừa khiến trí óc con người phải bàng hoàng:

1. Đếm từng hạt cát mịn trong một dòng sông Hằng.
2. Lấy số hạt cát đó biến thành bấy nhiêu dòng sông Hằng mới!
3. Rồi lại gom toàn bộ số cát của hàng tỷ dòng sông Hằng mới ấy lại chất thành ngọn núi bảy báu đem bố thí!

Phước báu của người làm việc bố thí khổng lồ ấy dĩ nhiên là ngút ngàn trời mây. Thế nhưng, Đức Phật lại một lần nữa khẳng định đanh thép: Người nào có thể lãnh hội và truyền trao **bốn câu kệ** của kinh Kim Cang thì phước đức trí tuệ vô vi ấy còn thù thắng, vượt trội hơn gấp trăm nghìn vạn lần!

11.1.2 Nghịch Lý: Thứ Đắt Nhất và Rẻ Nhất Trần Gian

Cụ Nam Hoài Cẩn phân tích một sự thật trớ trêu của tâm lý con người:

> Trí tuệ Bát-nhã giác ngộ là thứ vô giá nhất trần gian, muôn vạn lượng vàng ròng không mua nổi một sát-na thanh tịnh. Thế nhưng, ở chốn chợ đời, trí tuệ lại là thứ... rẻ mạt nhất, chẳng ai thèm bỏ một xu ra mua!

Bạn mở một lớp dạy làm giàu, chỉ mách nước kiếm tiền chụp giật thì thiên hạ chen lấn nộp hàng chục triệu đồng để vào nghe; nhưng mở một lớp giảng về trí tuệ Bát-nhã, dạy cách buông xả vô ngã, thì người ta ngáp ngắn ngáp dài, coi như chuyện viển vông vô bổ!

Đó chính là điều mà chư Phật thường thở dài than xót: **Chúng sinh điên đảo!** Người đời thích tranh nhau những thứ phù phiếm bọt bèo,

vắt kiệt sức khỏe, tuổi xuân, lao tâm khổ tứ vì danh lợi để rồi cuối đời hai bàn tay trắng nằm trên giường bệnh hối hận. Chỉ có trí tuệ vô vi mới là gia tài chân thật theo ta qua muôn kiếp sinh tử.

11.1.3 Bài Kệ Tụng Phẩm Thứ Mười Một Của Cụ Nam Hoài Cẩn

Vào đêm đông thanh tịnh trên đỉnh Nga Mi năm xưa, cụ Nam đã làm bài thơ tứ tuyệt đúc kết phẩm thứ mười một:

点点黄沙没水波，翻飞沧海起风多。
争入空王眼睫毛，大千堆宝又如何。

Điểm điểm hoàng sa một thủy ba,
Phiên phi thương hải khởi phong đa.
Tranh nhập Không Vương nhãn tiệp mao,
Đại thiên đôi bảo hựu như hà.

Dịch thơ:
Hạt cát chìm sâu dưới sóng sa,
Biển xanh cuộn gió sóng bao la.
Tranh chen khóe mắt Vua Không ngự,
Châu báu đầy trời sánh được a?

Bình giải: Từng hạt cát vàng nhỏ bé chìm sâu dưới đáy sóng sông Hằng, biển đời phong ba bão táp trôi lăn muôn kiếp luân hồi. Bậc giác ngộ thấu suốt muôn pháp đều quy về tánh Không (*Không Vương*). Chen nhau bước vào tuệ nhãn của Phật thì dẫu có chất vàng bạc châu báu cao ngất cả tam thiên đại thiên thế giới rốt cuộc cũng có nghĩa lý gì đâu trước một niệm rỗng rang giải thoát vô vi?

Kệ Tụng Phẩm Thứ Mười Một — Nam Sư Đúc Kết

Cát sông Hằng cuộn sóng xô bờ,
Châu báu nghìn thu một giấc mơ.
Bốn khúc kinh vàng soi bến giác,
Phước trời muôn kiếp sánh sao vừa!

CHƯƠNG 12

Tôn Trọng Chính Giáo Phân (尊重正教分第十二)

Kinh Văn Gốc & Dịch Nghĩa

"复次，须菩提！随说是经，乃至四句偈等，当知此处，一切世间、天、人、阿修罗，皆应供养，如佛塔庙，何况有人尽能受持读诵。须菩提！当知是人成就最上第一希有之法，若是经典所在之处，则为有佛，若尊重弟子。"

Phiên âm Hán – Việt:

Phục thứ, Tu-bồ-đề! Tùy thuyết thị kinh, nãi chí tứ cú kệ đẳng, đương tri thử xứ, nhất thiết thế gian, thiên, nhân, a-tu-la, giai ưng cúng dường, như Phật tháp miếu, hà huống hữu nhân tận năng thọ trì độc tụng. Tu-bồ-đề! Đương tri thị nhân thành tựu tối thượng đệ nhất hy hữu chi pháp, nhược thị kinh điển sở tại chi xứ, tức vi hữu Phật, nhược tôn trọng đệ tử.

Bản dịch nghĩa:

"Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Ở bất kỳ nơi nào giảng nói kinh này, cho đến chỉ bốn câu kệ, phải biết rằng nơi chốn ấy, tất cả thế gian, hàng trời, người, a-tu-la thảy đều nên đến cúng dường, cung kính tôn trọng hệt như tháp miếu thờ Phật! Huống chi là có người có

thể trọn vẹn tiếp nhận, gìn giữ, đọc tụng kinh này! Này Tu-bồ-đề! Phải biết rằng người ấy đã thành tựu pháp mầu tối thượng bậc nhất, hiếm có nhất trên đời! Nơi nào có bộ kinh điển này hiện diện, thì chính là nơi đó có Đức Phật đang ngự, hoặc có hàng đệ tử tôn quý của Ngài!"

12.1 Bình Giảng Toàn Văn Của Cụ Nam Hoài Cẩn

12.1.1 Kinh Điển Để Ở Đâu Là Tháp Miếu Thờ Phật?

Đức Phật căn dặn Tu-bồ-đề một điều vô cùng trang nghiêm: Nơi nào có cuốn kinh Kim Cang hay chỉ bốn câu kệ Bát-nhã được nói ra, thì nơi chốn ấy lập tức hóa thành bảo tháp thờ xá-lợi Phật, chư thiên quỷ thần khắp mười phương đều phải chắp tay quỳ lạy cúng dường!

Lời kinh uy nghiêm là thế, nhưng cụ Nam Hoài Cẩn cười khà khà bảo:

> "Nói thì trang nghiêm vậy thôi, chứ ngoài đời mấy chục năm nay, người ta lấy giấy in kinh Phật xé ra gói bánh tiêu bánh quẩy, gói đậu phộng rang đầy rẫy ngoài chợ kìa! Lúc đó cuốn kinh đâu phải là tháp miếu, mà nó biến thành... bánh tiêu bánh quẩy mất rồi!"

Cụ kể thêm một chuyện có thật: Năm xưa cụ cùng các đệ tử dốc tiền in bộ sách thiền kinh điển *Chỉ Nguyệt Lục*. Sách in xong rất đẹp nhưng kén người đọc nên bán ế ẩm. Có một người bạn quen ngỏ ý giúp đỡ, bèn đem chào mời cho Nghiệp đoàn Đồ tể (hội những người mổ heo)

mua ủng hộ được ba mươi bộ. Mấy năm sau sách hết, có học giả cần tìm sách nghiên cứu, cụ Nam bảo người bạn thử đến hội đồ tể chuộc lại xem sao. Ai ngờ người bạn chạy đến thì chỉ chuộc lại được lèo tèo ba cuốn, còn hai mươi bảy bộ kia các bác đồ tể đã xé toạc từng trang dùng làm giấy gói thịt heo bán cho khách sạch trơn từ đời nào!

12.1.2 Chuyện Anh Chàng Sợ Ma và Cuốn Kinh Dịch Dưới Gối

Vậy thì lời Phật dạy rốt cuộc mang ý nghĩa gì? Cuốn sách in bằng giấy mực thông thường có thực sự xua đuổi được tà ma, có hào quang khiến quỷ thần kính sợ hay không?

Cụ Nam kể câu chuyện ngụ ngôn thâm thúy của giới nho sinh ngày xưa: Có một chàng thư sinh nhát gan lên núi vắng thuê một gian nhà hoang ngồi đọc sách luyện thi. Nghe đồn trên núi có ma quỷ hay hiện về quấy nhiễu, lại nghe thiên hạ bảo sách *Kinh Dịch* có vẽ hình bát quái trừ tà rất linh nghiệm, chàng bèn mua một cuốn Kinh Dịch thật dày nhét chặt dưới gối ngủ để trừ tà ma.

Nửa đêm gió bão gầm rú bên ngoài, bỗng nhiên chàng nghe thấy tiếng ma gào thét rùng rợn đập thình thình vào cửa sổ: *U u... rầm rầm...!*. Chàng sợ chết khiếp, run lẩy bẩy vơ lấy cuốn Kinh Dịch giơ lên trời vung vẩy loạn xạ miệng la hét ầm ĩ. Chàng càng vung kinh thì bên ngoài ma quỷ gào càng to, cửa sổ đập càng dữ dội! Chàng thư sinh thức trắng đêm toát mồ hôi hột, kinh hoàng tưởng phen này mất mạng.

Đến khi trời vừa hửng sáng, chàng run rẩy hé cửa dòm ra ngoài xem thì té ra: Cạnh cửa sổ có một cành cây treo một đoạn dây thừng phơi đồ cũ kỹ; đêm qua gió bão thổi mạnh làm đoạn dây thừng quất liên hồi vào cánh cửa sổ gỗ tạo nên tiếng đập thình thình rùng rợn!

Cụ Nam cười bảo:

"Đến một đoạn dây thừng mục đập vào cửa sổ mà cuốn Kinh Dịch còn xua đuổi không nổi, thì một cuốn kinh in bằng giấy trắng mực đen thông thường làm sao xua đuổi được ma quỷ trong lòng người?"

Đọc kinh Phật chớ có mê muội bám chặt vào chữ nghĩa giấy mực bên ngoài! Đức Phật dạy *"kinh điển sở tại chi xứ tức vi hữu Phật"* không phải nói cuốn sách giấy đặt trên bàn, mà là nói: **Nơi nào trong tâm bạn có trí tuệ Bát-nhã bừng sáng, thì ngay chính nơi tâm khảm ấy là ngôi bảo tháp uy nghiêm của chư Phật!**

Cổ đức phương Đông có bài kệ bất hủ:

佛在灵山莫远求，灵山只在汝心头。
人人有个灵山塔，好向灵山塔下修。

Phật tại Linh Sơn mạc viễn cầu,
Linh Sơn chỉ tại nhữ tâm đầu.
Nhân nhân hữu cá Linh Sơn tháp,
Hảo hướng Linh Sơn tháp hạ tu.

(Đức Phật ở non Linh Sơn chớ có nhọc công tìm kiếm nơi đâu xa xôi; đỉnh Linh Sơn thanh tịnh ấy ngự ngay nơi đáy lòng bạn đó thôi! Mỗi người đều sẵn có một tòa tháp Linh Sơn rực rỡ, hãy quay về nương tựa chân tâm mà tu tập!).

12.1.3 Tấm Gương Chích Máu Viết Kinh Của Hòa Thượng Phổ Khâm

Nói về lòng chí thành tôn kính Chính pháp, cụ Nam bồi hồi nhớ lại vị ân sư thời trẻ của cụ là **Đại sư Phổ Khâm**: Ngài là bậc chân tu khổ hạnh nổi tiếng, được xưng tụng là *Bát Chỉ Đầu Đà* (vị đầu đà tám ngón

tay) vì ngài đã dùng bông gòn tẩm dầu quấn vào hai ngón tay rồi châm lửa đốt cúng dường chư Phật. Lúc ngọn lửa thiêu cháy từng đốt xương thịt, ngài ngồi kiết già sừng sững bất động, gương mặt an nhiên không biến sắc, không thốt một lời rên xiết!

Đại sư Phổ Khâm đã phát nguyện ròng rã suốt ba năm trời, mỗi ngày **chích máu nơi đầu ngón tay** của mình để chép trọn bộ kinh *Hoa Nghiêm* khổng lồ gồm tám mươi quyển! Cụ Nam tâm sự: Ngày xưa hòa thượng kể, máu người chích ra nếu chấm bút viết ngay thì chỉ vài giây là đông đặc lại thành cục không viết được; ngài phải ra tiệm thuốc bắc mua vị thuốc *bạch cập* về nghiền nhỏ hòa vào bát máu như mài mực tàu thì mực máu mới loãng ra để chép kinh. Tấm lòng hy sinh thân mạng, chí thành cung kính giáo pháp của các bậc tiền bối thời xưa khiến hậu thế chúng ta nghe qua đều phải rơi lệ nghiêng mình kính phục!

12.1.4 Thiên Nhân Châm Biếm: Nghệ Thuật Chữa Bệnh Tâm Thức

Trong y học cổ truyền Á Đông có bốn bước trị bệnh theo thứ tự nông sâu:

1. **Biếm (砭):** Dùng đá nhọn chà xát cạo gió bên ngoài da để trục hàn khí (nguồn gốc của trò cạo gió, giác hơi ngày nay).

2. **Châm (针):** Khi bệnh vào sâu đến đường kinh lạc thì dùng kim bạc châm cứu thông huyệt đạo.

3. **Cứu (灸):** Dùng lá ngải cứu hơ lửa nóng kích hoạt sinh khí.

4. **Thang dược (汤药):** Khi tà khí đã ngấm sâu vào lục phủ ngũ tạng thì mới phải sắc thuốc thang uống vào trong.

Đức Phật được xưng tụng là **Thiên Nhân Sư** (Bậc Thầy của trời người). Lời dạy của Ngài trong kinh Kim Cang chính là **một mũi kim châm cứu thần diệu hạ thẳng vào huyệt đạo tâm thức** của nhân loại (*thiên nhân châm biếm nhất ngôn sư*). Ngài chỉ dùng một lời khai thị phá tướng đã lập tức điểm trúng tử huyệt của muôn vàn mê lầm chấp trước, giúp chúng sinh đốn ngộ cội nguồn tự tánh.

12.1.5 Bài Kệ Tụng Phẩm Thứ Mười Hai Của Cụ Nam Hoài Cẩn

Vào đêm đông trên đỉnh tuyết sơn Nga Mi năm ấy, cụ Nam đã làm bài thơ tuyệt bút đúc kết phẩm thứ mười hai:

天人针砭一言师，尊敬方知无可疑。
涕泪感恩拜未了，万缘放却只低眉。

Thiên nhân châm biếm nhất ngôn sư,
Tôn kính phương tri vô khả nghi.
Thế lệ cảm ân bái vị liễu,
Vạn duyên phóng khước chỉ đê mi.

Dịch thơ:
Mũi kim cứu mạng một lời khai,
Cung kính bừng tan mối nghi hoài.
Rơi lệ cảm ân lạy chưa dứt,
Buông rời muôn sự khép mi say.

Bình giải: Lời Phật dạy như mũi kim châm cứu mầu nhiệm của bậc Đạo sư trời người, thức tỉnh tâm mê. Chỉ cần một niệm chí thành tôn kính không mảy may nghi ngờ, lòng tràn ngập niềm tri ân sâu xa, buông xả sạch trơn muôn duyên phiền não của thế gian (*vạn duyên*

phóng khước), khép nhẹ đôi mi ngồi tĩnh tọa (*chỉ đê mi*), thì ngay nơi tòa thân này chính là tháp Phật ngàn đời ngự trị!

Kệ Tụng Phẩm Thứ Mười Hai — Nam Sư Đúc Kết

Kinh đặt nơi nao tháp rạng ngời,
Lòng thành một niệm dứt chơi vơi.

Linh Sơn tháp ngọc trong tâm sáng,
Mắt khép mi buông trọn nụ cười.

CHƯƠNG 13

Như Pháp Thọ Trì Phân (如法受持分第十三)

Kinh Văn Gốc & Dịch Nghĩa

尔时，须菩提白佛言：“世尊！当何名此经？我等云何奉持？”佛告须菩提：“是经名为《金刚般若波罗蜜》，以是名字，汝当奉持。所以者何？须菩提！佛说般若波罗蜜，则非般若波罗蜜，是名般若波罗蜜。须菩提！于意云何？如来有所说法不？”须菩提白佛言：“世尊！如来无所说。”“须菩提！于意云何？三千大千世界所有微尘宁为多不？”须菩提言：“甚多，世尊！”“须菩提！诸微尘，如来说非微尘，是名微尘；如来说：世界，非世界，是名世界。须菩提！于意云何？可以三十二相见如来不？”“不也，世尊！不可以三十二相得见如来。何以故？如来说：三十二相，即是非相，是名三十二相。”“须菩提！若有善男子、善女人，以恒河沙等身命布施；若复有人，于此经中，乃至受持四句偈等，为他人说，其福甚多！”

Phiên âm Hán – Việt:

Nhĩ thời, Tu-bồ-đề bạch Phật ngôn: “Thế Tôn! Đương hà danh thử kinh? Ngã đẳng vân hà phụng trì?” Phật cáo Tu-bồ-đề: “Thị kinh danh vi Kim Cang Bát-nhã Ba-la-mật, dĩ thị danh tự, nhữ

đương phụng trì. Sở dĩ giả hà? Tu-bồ-đề! Phật thuyết Bát-nhã Ba-la-mật, tức phi Bát-nhã Ba-la-mật, thị danh Bát-nhã Ba-la-mật. Tu-bồ-đề! Ư ý vân hà? Như Lai hữu sở thuyết pháp phủ?" Tu-bồ-đề bạch Phật ngôn: "Thế Tôn! Như Lai vô sở thuyết." "Tu-bồ-đề! Ư ý vân hà? Tam thiên đại thiên thế giới sở hữu vi trần ninh vi đa phủ?" Tu-bồ-đề ngôn: "Thậm đa, Thế Tôn!" "Tu-bồ-đề! Chư vi trần, Như Lai thuyết phi vi trần, thị danh vi trần; Như Lai thuyết: thế giới, phi thế giới, thị danh thế giới. Tu-bồ-đề! Ư ý vân hà? Khả dĩ tam thập nhị tướng kiến Như Lai phủ?" "Bất dã, Thế Tôn! Bất khả dĩ tam thập nhị tướng đắc kiến Như Lai. Hà dĩ cố? Như Lai thuyết: tam thập nhị tướng, tức thị phi tướng, thị danh tam thập nhị tướng." "Tu-bồ-đề! Nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân, dĩ Hằng hà sa đẳng thân mạng bố thí; nhược phục hữu nhân, ư thử kinh trung, nãi chí thọ trì tứ cú kệ đẳng, vị tha nhân thuyết, kỳ phước thậm đa!"

Bản dịch nghĩa:

Bấy giờ, Tu-bồ-đề bạch cùng Đức Phật rằng: "Bạch Thế Tôn! Kinh này nên đặt tên là gì, và chúng con phải phụng trì như thế nào?"

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề: "Kinh này tên là Kim Cang Bát-nhã Ba-la-mật, các ông hãy dùng tên ấy mà phụng trì! Vì cớ sao? Này Tu-bồ-đề! Bát-nhã Ba-la-mật mà Phật nói, tức chẳng phải Bát-nhã Ba-la-mật, thế nên mới gọi là Bát-nhã Ba-la-mật! Này Tu-bồ-đề, ý ông nghĩ sao? Đức Như Lai có thuyết pháp chăng?"

Tu-bồ-đề bạch: "Bạch Thế Tôn, Như Lai không có thuyết pháp gì cả!"

"Này Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? Hạt bụi nhỏ (vi trần) trong cõi tam thiên đại thiên thế giới có nhiều chăng?"
Tu-bồ-đề thưa: "Bạch Thế Tôn, rất nhiều!"
Đức Phật dạy: "Này Tu-bồ-đề! Các hạt bụi nhỏ ấy, Như Lai nói chẳng phải bụi nhỏ, thế nên mới gọi là bụi nhỏ. Như Lai nói thế giới, chẳng phải thế giới, thế nên mới gọi là thế giới. Này Tu-bồ-đề! Có thể lấy ba mươi hai tướng tốt mà thấy được Như Lai chăng?"
— "Bạch Thế Tôn, không! Không thể lấy ba mươi hai tướng tốt mà thấy được Như Lai. Vì cớ sao? Ba mươi hai tướng mà Như Lai nói, tức là chẳng phải tướng, thế nên mới gọi là ba mươi hai tướng!"
Đức Phật dạy: "Này Tu-bồ-đề! Nếu có người thiện nam, người thiện nữ đem thân mạng nhiều như số cát sông Hằng ra bố thí; lại có người ở nơi kinh này cho đến chỉ thọ trì bốn câu kệ, đem giảng giải cho người khác nghe, thì phước đức của người này còn nhiều hơn gấp bội!"

13.1 Bình Giảng Toàn Văn Của Cụ Nam Hoài Cẩn

13.1.1 Cái Tên Của Kinh và Công Thức Tam Đoạn Luận Của Bát-Nhã

Đến phẩm thứ mười ba này, Trưởng lão Tu-bồ-đề mới chính thức đứng dậy thưa thỉnh về tên gọi của bộ kinh: *"Đương hà danh thử kinh? Ngã đẳng vân hà phụng trì?"*.

Đức Phật liền đặt tên cho bộ kinh là: **Kim Cang Bát-nhã Ba-la-mật**.

- **Kim Cang (Vajra)**: Chất kim cương cứng rắn nhất trong vũ trụ, có khả năng cắt đứt, chém tan mọi thứ vật chất khác mà không một vật nào có thể phá vỡ được nó. Tượng trưng cho bản thể trí tuệ rốt ráo có năng lực đập tan mọi phiền não, vô minh, tà kiến của muôn loài.
- **Bát-nhã (Prajñā)**: Trí tuệ thấu suốt tự tánh, vượt thoát tư duy nhị nguyên.
- **Ba-la-mật (Pāramitā)**: Đến bờ bên kia, tức là rốt ráo giải thoát sinh tử.

Thế nhưng ngay sau khi đặt tên xong, Đức Phật lại lập tức sử dụng công thức tam đoạn luận tuyệt diệu:

A → Phi A → Thị danh A

(Phật thuyết Bát-nhã Ba-la-mật → Tức phi Bát-nhã Ba-la-mật → Thị danh Bát-nhã Ba-la-mật).

Ngài vừa trao cho bạn một khái niệm đẹp đẽ thì liền lập tức giật phắt chiếc chiếu dưới chân bạn ra, không cho tâm bạn bám víu vào bất kỳ danh từ nào! Nếu bạn dính mắc vào cái tên Kim Cang Bát-nhã thì chính cái tên ấy lại trở thành sợi dây xích mới trói chặt tâm bạn.

13.1.2 Vi Trần và Vật Lý Học Hiện Đại: Tâm Vật Nhất Nguyên

Trong phẩm này, Đức Phật đề cập đến hai khái niệm: **Vi trần** (hạt bụi nhỏ vi tế) và **Thế giới** (vũ trụ to lớn).

"Chư vi trần, Như Lai thuyết phi vi trần, thị danh vi trần;
Như Lai thuyết thế giới, phi thế giới, thị danh thế giới!"

Cụ Nam Hoài Cẩn giảng: Cách đây hơn hai ngàn năm trăm năm, các bậc cổ đức giảng kinh Phật gặp muôn vàn khó khăn khi giải thích đoạn này vì khoa học thời bấy giờ chưa phát triển. Nhưng đối với thế hệ ngày nay, cơ học lượng tử và vật lý nguyên tử đã chứng minh lời Phật dạy chính xác đến kinh ngạc!

Trong Phật học, vi trần chia thành hai loại:

1. **Ngoại sắc trần**: Là các hạt vật chất cấu tạo nên thế giới vật lý bên ngoài (tương đương với các hạt phân tử, nguyên tử, điện tử, hạt quark, neutrino ngày nay). Trong kinh Phật, một hạt bụi chia thành bảy phần: *Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc, Pháp, Không*. Các nhà vật lý hiện đại khi đập vỡ hạt nhân nguyên tử ra thì thấy vật chất thực chất chỉ là các bó sóng năng lượng dao động giữa chân không! Toàn bộ dãy núi Tu Di hay tinh cầu Trái Đất khổng lồ chẳng qua chỉ là sự kết tụ của muôn tỷ tỷ hạt vi trần; khi phân rã ra thì thế giới biến thành hư không, chẳng có một thực thể cố định nào gọi là "thế giới" cả!

2. **Nội sắc trần**: Là sức mạnh của tâm thức vi tế. Khi tâm hành giả đạt đến cảnh giới đại định nhất tâm bất loạn, tâm vật dung thông (*tâm vật nhất nguyên*), năng lượng ý niệm có thể chuyển hóa vật chất một cách kỳ diệu.

Vật chất đến tận cùng là Không; mà tánh Không của Bát-nhã cũng chính là nguồn gốc sinh ra muôn vàn hiện tượng vật chất (*Sắc tức thị Không, Không tức thị Sắc*).

13.1.3 Ba Mươi Hai Tướng Của Bạn và Tôi

Đức Phật hỏi: *"Có thể lấy ba mươi hai tướng tốt mà thấy được Như Lai chăng?"*. Tu-bồ-đề đáp: *"Không! Ba mươi hai tướng tức phi tướng, thị danh ba mươi hai tướng!"*.

Kinh điển ghi chép thân Phật có ba mươi hai tướng tốt phi phàm: lưỡi rộng dài có thể che khắp cả mặt đất, ánh sáng trắng nơi chân mày (*bạch hào*) kéo dài ra bao trùm năm ngọn núi Tu-di, hai mắt biếc xanh sáng hơn bốn biển...

Cụ Nam cười bảo: Thuở trước có người hỏi cụ: "Các ngài học thiền nói kiến tánh thành Phật, thế sao sau khi khai ngộ các ngài chẳng thấy mọc thêm ba mươi hai tướng tốt gì cả? Tóc bạc vẫn bạc, răng rụng vẫn rụng, tay chân vẫn y nguyên như người phàm, thế thì đắc đạo cái nỗi gì?".

Cụ Nam đáp:

> Mỗi một con người sinh ra nơi cõi đời này đều mang ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp độc nhất vô nhị của riêng mình! Nét mặt của bạn, ánh mắt của bạn tuyệt đối không ai trên thế gian này có được. Nếu bạn biến thành giống hệt pho tượng Phật trên chùa thì bạn đâu còn là bạn nữa?
>
> Ba mươi hai tướng tốt của Phật chỉ là biểu hiện phước đức hữu vi của Báo thân; còn Pháp thân chân thật muôn đời vốn vô tướng, vô hình, làm sao có thể dùng hình dáng bên ngoài mà đo lường được?

13.1.4 Đại Công Án: Thuyền Tử Đức Thành và Cú Đẩy Rơi Xuống Nước

Để minh họa cho tinh thần ngộ đạo phá vỡ mọi ngôn ngữ khái niệm của phẩm này, cụ Nam kể lại một trong những công án thiền bi tráng và tuyệt mỹ bậc nhất trong lịch sử Thiền tông Trung Hoa:

Vào đời nhà Đường, có ba vị sư huynh đệ cùng ngộ đạo dưới tòa Dược Sơn Hoằng Trí thiền sư. Trước lúc chia tay mỗi người đi một phương hoằng hóa, hai vị sư huynh (trong đó có Đạo Ngô thiền sư) hỏi vị sư đệ út là **Đức Thành thiền sư**: — Sư đệ chuẩn bị đi đâu giáo hóa?

Đức Thành mỉm cười thở dài đáp: — Thưa hai sư huynh, hai anh phước đức sâu dày, tương lai sẽ làm bậc long tượng lãnh đạo một phương. Còn đệ bạc phước, xin nguyện làm một người bình phàm chèo đò đưa khách qua sông làm việc nghĩa giúp đời. Duy chỉ có một tâm nguyện: Mai này nếu các huynh gặp được người nào có căn cơ đại pháp khí thì xin làm ơn chỉ dẫn gửi cho đệ một người, để đệ truyền trao y bát của thầy, đền đáp ơn sâu của chư Tổ, khỏi uổng một kiếp tu hành!

Nói đoạn, ngài lui về bến đò Hoa Đình (phủ Tùng Giang, Giang Tô), sắm một chiếc thuyền nan nhỏ, ngày ngày thong dong buông câu chèo đò đưa rước khách qua sông. Người đời chẳng ai biết ngài là bậc cao tăng đắc đạo, chỉ quen gọi ngài bằng cái tên dân dã: **Thuyền Tử Hòa Thượng** (Hòa thượng Chèo Đò).

Mấy mươi năm sau, tại kinh đô có vị đại pháp sư trẻ tuổi tên là **Giáp Sơn Thiện Hội**, học vấn uyên bác như biển cả, thuyết pháp hùng hồn, đồ chúng theo học đông nghìn nghịt, tiếng tăm lừng lẫy thiên hạ. Thiền sư Đạo Ngô nghe tiếng bèn mặc áo rách nát đóng vai một tăng nhân tầm thường, đến ngồi ở góc khuất cuối giảng đường nghe Giáp Sơn thuyết pháp.

Một học tăng đứng dậy hỏi: — Bạch Hòa thượng, thế nào là Pháp

thân? Giáp Sơn đáp dõng dạc: — **Pháp thân vô tướng!** Học tăng hỏi tiếp: — Thế nào là Pháp nhãn? Giáp Sơn đáp: — **Pháp nhãn vô hà!** (Pháp nhãn sáng trong không tì vết).

Đạo Ngô ngồi phía sau nghe xong bất giác bật cười khúc khích. Giáp Sơn là bậc thông minh mẫn tiệp, thấy vị tăng già cười mỉa bèn lập tức xuống pháp tòa, chỉnh đốn y bát bước lại đảnh lễ kính cẩn hỏi: — Bạch bậc tôn túc! Vừa rồi con trả lời câu hỏi ấy có chỗ nào sai sót mà thiền sư cười con? Đạo Ngô bảo: — Thầy trả lời trên mặt danh từ chữ nghĩa thì không sai một ly nào; nhưng đáng tiếc thầy chỉ nói trên sách vở chứ chưa hề có thầy sáng mắt ấn chứng! Nếu muốn ngộ đạo chân thật, hãy đến bến đò Hoa Đình tìm gặp Thuyền Tử hòa thượng!

Giáp Sơn liền giải tán toàn bộ đạo tràng, một thân một mình trèo đèo lội suối tìm đến bến đò Hoa Đình. Đến bờ sông, thấy Thuyền Tử đang ngồi buông cần câu trên chiếc thuyền nan, Giáp Sơn bước lại chắp tay chào. Thuyền Tử vừa ngước mắt nhìn thấy liền cất tiếng hỏi: — Đại đức ngự ở ngôi chùa nào? Giáp Sơn đáp bằng giọng thiền cơ cao ngạo: — **Chùa thì tôi không ở, mà chỗ tôi ở thì không giống chùa!** Thuyền Tử nhếch mép cười, dơ dơ chiếc mái chèo lên hỏi: — Không giống thì giống cái gì? Giáp Sơn vừa toan mở miệng xuất khẩu biện tài triết lý, thì Thuyền Tử đã nhanh như chớp vung chiếc mái chèo đánh một phát: **Bốp!** — đẩy Giáp Sơn rơi tõm thẳng xuống dòng sông sâu lạnh buốt!

Giáp Sơn bị sặc nước, hoảng loạn trồi đầu lên bám chặt vào mạn thuyền. Thuyền Tử đứng trên mũi thuyền quát lớn: — **Nói! Nói mau! Nói mau!** Giáp Sơn vừa định há hốc mồm nói, Thuyền Tử liền vung mái chèo ấn mạnh lên đầu, dìm lỉm Giáp Sơn chìm ngỉm xuống đáy sông lần thứ hai!

Trong khoảnh khắc thập tử nhất sinh giữa dòng nước cuồn cuộn, toàn bộ tri kiến, sách vở, danh vị đại pháp sư của Giáp Sơn lập tức tan

biến sạch trơn! Khi vừa ngoi đầu lên thở hắt ra, trong tâm ngài rỗng rang sáng rực, triệt để đại ngộ! Giáp Sơn liền hướng về phía Thuyền Tử gật đầu lia lịa ba cái.

Thuyền Tử cười lớn ha hả: — **Đúng rồi! Trả lại cho ngươi cành trúc buông câu!**

Sau khi được Thuyền Tử truyền trao mật chỉ tâm ấn, Giáp Sơn cúi đầu bái tạ rồi bước lên bờ. Đi được vài bước, lòng vẫn còn vương chút băn khoăn bèn ngoái cổ nhìn lại chiếc thuyền nan. Thấy vậy, Thuyền Tử đứng trên thuyền hét lớn: — **Ngươi tưởng trên đời này còn có cái gì nữa hay sao?** Dứt lời, Thuyền Tử liền dùng chân đạp lật úp chiếc thuyền nan, cả người lẫn thuyền chìm sâu xuống đáy sông mất hút, xả bỏ thân mạng để dứt sạch mối nghi tình cuối cùng cho đệ tử!

Cụ Nam Hoài Cẩn giảng: Đạo mầu Bát-nhã là sự cắt đứt tuyệt đối mọi khái niệm lý luận vòng vo nơi đầu lưỡi! Chừng nào bạn còn đem chữ nghĩa ra để giải thích Phật pháp thì chừng đó bạn vẫn còn chết chìm trong biển kiến hoặc phân biệt.

13.1.5 Mùi Hương Hoa Quế Của Thiền Sư Hối Đường

Lại có câu chuyện tuyệt đẹp về đại thi hào **Hoàng Sơn Cốc** (Hoàng Đình Kiên) thời Bắc Tống: Hoàng Sơn Cốc theo học thiền với Hối Đường Tổ Tâm thiền sư suốt nhiều năm mà tâm trí vẫn còn vướng bận chữ nghĩa thi phú, chưa thể khai ngộ.

Một hôm tiết trời mùa thu mát mẻ, hai thầy trò cùng dạo bước trên sườn núi. Gió thu thoảng đưa hương hoa quế rừng nở rộ ngào ngạt khắp núi đồi. Hối Đường thiền sư bỗng dừng bước, quay sang hỏi Hoàng Sơn Cốc: — Này Sơn Cốc! Ngươi có ngửi thấy mùi hương hoa quế thoang thoảng trong gió chăng? Hoàng Sơn Cốc hít một hơi dài khoan khoái đáp: — Bạch Hòa thượng, con ngửi thấy hương thơm ngào ngạt lắm

ạ! Hối Đường thiền sư bèn mỉm cười hiền từ bảo: — **Đó! Ta có giấu giếm ngươi điều gì đâu!**

Chỉ một câu nói đơn sơ ấy, Hoàng Sơn Cốc bỗng nhiên bừng tỉnh đại ngộ! Chân lý Phật pháp hiện tiền sống động ngay trong từng hơi thở, từng làn gió thoảng, từng đóa hoa rừng khoe sắc; có giấu giếm ai một ly một hào nào đâu mà phải nhọc công lặn lội tìm kiếm nơi kinh điển xa xôi?

13.1.6 Bài Kệ Tụng Phẩm Thứ Mười Ba Của Cụ Nam Hoài Cẩn

Vào đêm đông tuyết phủ trên đỉnh Nga Mi năm xưa, cụ Nam đã làm bài thơ tứ tuyệt đúc kết phẩm thứ mười ba:

般若深深却易知，微尘世界起荒疑。
香岩已废聪明手，花桂从他度雨时。

Bát-nhã thâm thâm khước dị tri,
Vi trần thế giới khởi hoang nghi.
Hương Nham dĩ phế thông minh thủ,
Hoa quế tòng tha độ vũ thì.

Dịch thơ:
Bát-nhã sâu xa dễ hiểu hay,
Bụi trần thế giới khởi nghi bay.
Hương Nham buông dứt bàn tay xảo,
Mặc kệ hoa quế rụng rạng ngày.

Bình giải: Trí tuệ Bát-nhã nhìn bề ngoài tưởng chừng thâm sâu thăm thẳm khó lường, nhưng thực chất lại cực kỳ dung dị và dễ hiểu nếu tâm ta không vướng bận tư dục. Thấy vi trần phân rã thành thế giới, thế giới

quy về vi trần bèn sinh lòng hoang mang nghi hoặc. Thiền sư Hương Nham Trí Nhàn vứt bỏ hết mọi mưu mô thông minh khéo léo nơi chữ nghĩa, chỉ nghe một tiếng đá gõ vào bụi trúc mà ngộ đạo; hệt như mùi hoa quế ngào ngạt trong mưa thu của Hoàng Sơn Cốc, tự nhiên hiện tiền chẳng chút nhọc công tìm kiếm!

Kệ Tụng Phẩm Thứ Mười Ba — Nam Sư Đúc Kết

Kim Cang một kiếm chém hư không,
Hạt bụi trần ai hóa đại đồng.

Mái chèo Thuyền Tử gieo bến giác,
Hoa quế sườn non rạng cõi lòng.

CHƯƠNG 14

Ly Tướng Tịch Diệt Phân (离相寂灭分第十四)

Kinh Văn Gốc & Dịch Nghĩa

尔时，须菩提闻说是经，深解义趣，涕泪悲泣，而白佛言："希有，世尊！佛说如是甚深经典，我从昔来所得慧眼，未曾得闻如是之经。世尊！若复有人得闻是经，信心清净，则生实相，当知是人，成就第一希有功德。世尊！是实相者，即是非相，是故如来说名实相。世尊！我今得闻如是经典，信解受持不足为难，若当来世，后五百岁，其有众生，得闻是经，信解受持，是人则为第一希有。何以故？此人无我相、无人相、无众生相、无寿者相。所以者何？我相即是非相，人相、众生相、寿者相即是非相。何以故？离一切诸相，则名诸佛。"

Phiên âm Hán – Việt:

Nhĩ thời, Tu-bồ-đề văn thuyết thị kinh, thâm giải nghĩa thú, thê lệ bi khấp, nhi bạch Phật ngôn: "Hy hữu, Thế Tôn! Phật thuyết như thị thậm thâm kinh điển, ngã tùng tích lai sở đắc tuệ nhãn, vị tằng đắc văn như thị chi kinh. Thế Tôn! Nhược phục hữu nhân đắc văn thị kinh, tín tâm thanh tịnh, tắc sinh thực tướng, đương tri thị nhân, thành tựu đệ nhất hy hữu công đức. Thế Tôn! Thị

thực tướng giả, tức thị phi tướng, thị cố Như Lai thuyết danh thực tướng. Thế Tôn! Ngã kim đắc văn như thị kinh điển, tín giải thọ trì bất túc vi nan, nhược đương lai thế, hậu ngũ bách tuế, kỳ hữu chúng sinh, đắc văn thị kinh, tín giải thọ trì, thị nhân tắc vi đệ nhất hy hữu. Hà dĩ cố? Thử nhân vô ngã tướng, vô nhân tướng, vô chúng sinh tướng, vô thọ giả tướng. Sở dĩ giả hà? Ngã tướng tức thị phi tướng, nhân tướng, chúng sinh tướng, thọ giả tướng tức thị phi tướng. Hà dĩ cố? Ly nhất thiết chư tướng, tức danh chư Phật!"

Bản dịch nghĩa:

Bấy giờ, Tu-bồ-đề nghe giảng giải kinh này, thấu hiểu sâu sắc tôn chỉ nghĩa lý, xúc động rơi lệ khóc ròng mà bạch Phật rằng: "Hiếm có thay, bạch Đức Thế Tôn! Đức Phật thuyết giảng kinh điển sâu xa dường ấy, từ ngày con chứng đắc tuệ nhãn đến nay, chưa từng được nghe bộ kinh nào vĩ đại dường này! Bạch Thế Tôn! Nếu có người nào được nghe kinh này mà khởi lòng tin thanh tịnh thì liền sinh thực tướng; phải biết rằng người ấy đã thành tựu công đức hiếm có bậc nhất! Bạch Thế Tôn! Cái gọi là thực tướng ấy, tức là chẳng phải tướng, cho nên Như Lai mới gọi là thực tướng. Bạch Thế Tôn! Nay con được nghe kinh điển này, tin hiểu, tiếp nhận và hành trì thì chưa lấy làm khó; nhưng nếu ở đời vị lai, năm trăm năm sau rốt, có chúng sinh nào nghe được kinh này mà sinh lòng tin hiểu, tiếp nhận, hành trì, thì người đó mới thật là hiếm có bậc nhất! Vì cớ sao? Vì người ấy đã không còn tướng Ta, tướng Người, tướng Chúng sinh, tướng Tuổi thọ! Vì nguyên do gì vậy? Tướng Ta tức là chẳng phải tướng; tướng Người, tướng Chúng

sinh, tướng Tuổi thọ tức là chẳng phải tướng. Vì cớ sao? **Rời xa tất cả các tướng, thì liền gọi là chư Phật!"**

14.1 Bình Giảng Toàn Văn Của Cụ Nam Hoài Cẩn

14.1.1 Giọt Nước Mắt Giác Ngộ: Tu-bồ-đề Rơi Lệ Khóc Ròng

Đoạn mở đầu phẩm mười bốn miêu tả một hình ảnh vô cùng xúc động: Trưởng lão Tu-bồ-đề sau khi nghe trọn vẹn giáo lý Bát-nhã từ phẩm một đến phẩm mười ba, ngài thấu suốt được tông chỉ uyên nguyên của Phật pháp, bỗng nhiên không kìm nén được cảm xúc, **rơi lệ khóc ròng** (*thê lệ bi khấp*).

Đó không phải là giọt nước mắt bi lụy, buồn tủi của phàm phu tục tử khi gặp cảnh chia ly tang tóc, mà là giọt nước mắt vỡ òa của niềm hạnh phúc đại ngộ! Suốt mấy chục năm theo Phật tu học chứng đắc quả A-la-hán, ngài ngỡ mình đã giải thoát viên mãn; nhưng đến hôm nay, ngài mới giật mình nhận ra cảnh giới Bát-nhã Đại thừa mới thực sự là bến bờ giác ngộ vô biên, quét sạch mọi gông cùm vi tế của kiến chấp.

Ngài thốt lên lời khen ngợi tận đáy lòng: Người nào nghe được kinh này mà **tín tâm thanh tịnh** thì liền sinh **thực tướng**. Thực tướng chính là bản thể tự tính chân thật xưa nay của vũ trụ vạn hữu, không sinh, không diệt, rỗng rang như hư không.

14.1.2 Làm Sao Để Thấy Phật: Chuyện Chú Tiểu Đi Tiểu Trong Chánh Điện

Tu-bồ-đề đúc kết một câu kinh bất hủ:

离一切诸相，则名诸佛。

Ly nhất thiết chư tướng, tức danh chư Phật!

(Rời xa tất cả các tướng mạo chấp trước, thì liền gọi là chư Phật!).

Nhiều người thắc mắc: Nếu lìa hết thảy các tướng mới là Phật, vậy chúng ta có cần phải vào chùa quỳ lạy các pho tượng Phật bằng đồng, bằng gỗ nữa hay không? Cụ Nam Hoài Cẩn đáp: **Vẫn phải lạy chứ!** Tượng Phật tuy là tướng giả tạm, nhưng khi bạn đứng trước pho tượng với tấm lòng chí thành, cung kính tột bực, không chút toan tính vụ lợi, thì ngay trong khoảnh khắc ấy, tâm bạn đã *thanh tịnh, lìa mọi vọng tưởng*. Lễ lạy tướng giả mà khơi dậy được chân tâm thanh tịnh bên trong, đó chính là *nhất niệm cảm ứng đạo giao*!

Để minh họa cho lý lẽ vô tướng này, cụ Nam kể công án thiền hài hước mà sâu sắc: Có một chú tiểu nghịch ngợm mót đi tiểu quá, chạy lăng xăng vào chánh điện tìm chỗ giải quyết. Chú ngước nhìn sang phương Đông thấy tượng Phật Dược Sư, nhìn sang phương Tây thấy tượng Phật A Di Đà, nhìn lên chính giữa thấy tượng Phật Thích Ca Mâu Ni nguy nga sừng sững. Cuối cùng, chú nhắm mắt đứng đối diện ngay trước mặt pho tượng Phật chính giữa mà phóng uế!

Vị hòa thượng giám viện đi ngang qua trông thấy liền đùng đùng nổi giận chạy lại túm tai chú tiểu mắng lớn: — Đồ ranh con vô lễ! Sao ngươi dám cả gan đứng tè ngay trước mặt Đức Phật từ bi thế hả? Chú tiểu bình thản chớp mắt đáp: — Bạch sư bác! Kinh dạy mười phương ba đời chỗ nào cũng có Phật ngự khắp hư không pháp giới. Bây giờ sư bác làm ơn chỉ giùm con xem có hướng nào **không có Phật** để con quay mặt vào đó đi tiểu ạ?

Vị hòa thượng nghe xong bỗng nghẹn lời, ngộ ra lý vô sở bất tại của Pháp thân Như Lai. Rời xa mọi tướng phân biệt, tâm không vướng mắc nhị nguyên, đó mới chính là chân diện mục của chư Phật!

14.1.3 Không Kinh, Không Sợ, Không Hãi (Bất Kinh, Bất Bố, Bất Úy)

Đức Phật ấn chứng cho Tu-bồ-đề và dạy rằng: Đời sau người nào nghe kinh này mà **không kinh, không sợ, không hãi** (*bất kinh, bất bố, bất úy*) thì người đó thực sự là bậc hy hữu trên cõi đời!

Tại sao nghe kinh Kim Cang lại bị kinh sợ? Cụ Nam Hoài Cẩn giảng: Người phàm chúng ta miệng thì hay nói cầu Không, nhưng hễ cảnh giới Không chân thật vừa xuất hiện là lập tức hồn xiêu phách lạc! Có nhiều người ngồi thiền, khi công phu đạt đến độ sâu, bỗng nhiên thấy thân thể mình tan biến mất, hơi thở dừng lại, không gian xung quanh rỗng toác không còn một chỗ nương tựa. Lúc ấy, họ hoảng hốt kêu la: "Chết tôi rồi! Tôi biến mất rồi!", mồ hôi vã ra như tắm, hạt to như hạt đậu tương, sợ hãi đến phát điên!

Cái tâm phàm phu luôn quen bám víu vào cái Tôi thể xác; khi đối diện với vực thẳm của tánh Không vô ngã, nếu không có đủ **Huệ lực** sâu dày thì không thể nào chịu đựng nổi, ắt sẽ kinh hoàng tháo chạy. Người có thể an nhiên tự tại trước sự rỗng lặng tuyệt đối của tự tánh mới xứng đáng là bậc đại trượng phu!

14.1.4 Cốt Lõi Của Lục Độ: Nhẫn Nhục Ba-La-Mật

Sau khi nói về trí tuệ Bát-nhã (Đệ nhất Ba-la-mật), Đức Phật bất ngờ chuyển hướng sang nói về **Nhẫn Nhục Ba-la-mật** (Kṣānti-pāramitā).

Tại sao đang bàn về Bát-nhã lại nhảy sang bàn về Nhẫn Nhục? Cụ Nam giải thích: Trong sáu độ của Bồ-tát (Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định, Bát-nhã), thì **Nhẫn Nhục chính là cột trụ trung tâm, là bài khảo nghiệm gay cấn và khó khăn nhất trên đời!**

- Bố thí vài đồng tiền bạc, thức ăn thì ai cũng làm được.

- Giữ vài giới luật thanh tịnh trong lúc cuộc sống êm ấm thuận hòa thì chưa lấy gì làm khó.

- Nhưng khi bị người ta vu oan giáng họa, sỉ nhục thậm tệ, cướp đoạt tài sản, thậm chí đem dao búa chặt chém thân xác thịt của mình mà trong lòng vẫn bình thản như mặt nước hồ thu, không khởi lên một mảy may oán hận — điều đó nếu không có trí tuệ Bát-nhã thấu suốt vô ngã thì tuyệt đối không một phàm phu nào có thể làm nổi!

Chữ "Nhục" ở đây không chỉ là sự sỉ nhục mắng chửi của người đời, mà bao hàm toàn bộ những nỗi thống khổ, nghịch cảnh của kiếp nhân sinh: sự già nua, bệnh tật đau đớn, cô đơn, nghèo túng và cái chết. Người tu đạo phải đạt đến cảnh giới **Vô sinh pháp nhẫn**: thấu suốt muôn pháp vốn xưa nay chưa từng sinh ra, chưa từng mất đi, thì mới có thể bao dung ôm trọn mọi giông bão cuộc đời.

14.1.5 Bi Hùng Ký: Tiền Thân Nhẫn Nhục Tiên Nhân và Vua Ca-Lợi

Đức Phật liền dẫn chứng câu chuyện tiền kiếp chấn động của chính Ngài trong vô lượng kiếp quá khứ khi còn là một vị đạo sĩ tu hạnh nhẫn nhục nơi chốn rừng sâu (**Nhẫn Nhục Tiên Nhân**):

Thuở ấy có một vị bạo chúa khét tiếng hung tàn tên là vua Ca-lợi (Kaliṅga). Một hôm vua dẫn đoàn tùy tùng cùng hàng trăm cung phi mỹ nữ kiều diễm vào rừng săn bắn. Sau cuộc săn, nhà vua mỏi mệt bèn nằm gối đầu lên đùi một ái phi ngủ say sưa dưới bóng cây. Các cung phi nhân lúc rảnh rỗi bèn tản bộ dạo chơi ngắm hoa cỏ trong rừng. Đi sâu vào trong thung lũng, họ bắt gặp một túp lều tranh đơn sơ, bên trong có vị đạo sĩ trẻ tuổi nhan sắc thanh tú, tướng mạo đoan nghiêm đang

ngồi tĩnh tọa kiết già trên bồ đoàn. Các cung nữ sinh lòng kính ngưỡng bèn kéo nhau đến quỳ quanh, dâng hoa rừng cúng dường và thỉnh ngài thuyết pháp khai thị đạo lý.

Vua Ca-lợi tỉnh giấc, không thấy các mỹ nhân hầu hạ bèn nổi giận đùng đùng, tuốt gươm lần theo dấu vết tìm đến. Nhìn thấy đàn cung phi của mình đang say sưa vây quanh một gã đạo sĩ rách rưới, ngọn lửa ghen tuông bệnh hoạn bốc cháy ngùn ngụt trong mắt bạo chúa. Vua sấn sổ bước tới, giơ mũi kiếm sáng loáng dí thẳng vào mặt đạo sĩ quát lớn: — Ngươi là tên đạo tặc phương nào dám dụ dỗ cung phi của trẫm? Ngươi tu pháp môn gì? Nhẫn Nhục Tiên Nhân điềm đạm mở mắt đáp: — Bần đạo ở nơi rừng sâu này chuyên tu pháp môn **Nhẫn Nhục**!

Vua Ca-lợi cười gằn tàn độc: — Ngươi tu nhẫn nhục ư? Tốt lắm! Nay trẫm sẽ thử xem công phu nhẫn nhục của ngươi sâu dày đến mức nào! Nói đoạn, bạo chúa vung thanh kiếm sắc bén chém xoẹt một phát: **chặt đứt lìa cánh tay phải** của Tiên nhân, máu tươi phun xối xả! Vua trừng mắt hỏi: — Ngươi có giận trẫm không? Tiên nhân mặt không biến sắc, an nhiên đáp: — Bần đạo không giận!

Vua Ca-lợi càng thêm điên tiết, vung kiếm chém tiếp **đứt lìa cánh tay trái**, rồi chém đứt tiếp **hai chân**, rạch tai, cắt mũi, xẻo từng miếng thịt trên thân thể Tiên nhân vứt xuống đất! Các cung nữ kinh hoàng khóc thét van xin, đất trời bỗng nhiên tối sầm, sấm sét ầm ầm nổi lên thịnh nộ. Vua Ca-lợi run giọng hỏi lần cuối: — Thân thể ngươi nát bấy thế này, ngươi thực sự không oán hận trẫm sao?

Nhẫn Nhục Tiên Nhân thong thả cất lời nguyện vĩ đại:

> *"Bạch đại vương! Nếu trong tâm bần đạo thực sự có lòng oán hận, tức tối đại vương dù chỉ bằng một hạt bụi, thì xin cho thân thể bần đạo lập tức tan xương nát thịt; còn nếu trong tâm bần đạo hoàn toàn thanh tịnh vô ngã, xem đại*

vương như cha mẹ ruột thịt, chan chứa lòng từ bi không một mảy may sân hận, thì xin cho ***máu đỏ trên thân bần đạo hóa thành dòng sữa trắng ngát hương, và toàn bộ chân tay thân thể bần đạo liền lập tức phục hồi nguyên vẹn như xưa!****"*

Lời nguyền vừa dứt, một điều kỳ diệu chưa từng thấy trong trời đất xuất hiện: Máu từ các vết thương tuôn ra bỗng biến thành **dòng sữa trắng muốt thơm ngát**, các lóng xương thịt đứt lìa tự động ghép nối lại, toàn thân Tiên nhân tỏa sáng ngời rực rỡ, nguyên vẹn không tì vết!

Đất trời nổi sấm sét muốn giáng bão cát chôn vùi tên bạo chúa tàn ác. Vua Ca-lợi hoảng hốt quỳ sụp xuống đất đập đầu lạy như tế sao van xin tha mạng. Nhẫn Nhục Tiên Nhân liền che chở cho vua và ôn tồn bảo:

"Đại vương chớ sợ! Nhờ nhát kiếm của đại vương mà bần đạo viên mãn được đạo quả Nhẫn Nhục Ba-la-mật. Sau này khi bần đạo tu hành thành tựu quả vị Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, ***người đầu tiên bần đạo đến hóa độ giải thoát sinh tử sẽ chính là đại vương!****"*

Cụ Nam Hoài Cẩn giảng: Vị Nhẫn Nhục Tiên Nhân năm xưa chính là tiền thân của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni; còn bạo chúa Ca-lợi chặt tay xẻo thịt năm xưa chính là Tôn giả **Kiều-trần-như** (Kaundinya) — vị đệ tử đầu tiên được Phật chuyển bánh xe pháp khai ngộ chứng quả A-la-hán tại vườn Lộc Uyển!

Đó mới chính là sức mạnh vĩ đại của lòng từ bi vô ngã, lấy ân báo oán, chuyển hóa kẻ thù thành bạn đạo đồng hành! Cụ Nam cũng so sánh tinh thần nhẫn nhục xả thân vì chân lý ấy với cái chết uống chén thuốc độc của triết gia Socrates bên Hy Lạp và sáu lần bị đầu độc của Sơ Tổ Bồ Đề Đạt Ma nơi đất Trung Hoa.

14.1.6 Năm Thứ Ngữ Của Đức Như Lai

Đức Phật khẳng định bản chất chân thật của giáo pháp qua năm danh xưng tối thượng:

> **"Như Lai thị chân ngữ giả, thực ngữ giả, như ngữ giả, bất cuống ngữ giả, bất dị ngữ giả!"**

1. **Chân ngữ giả**: Nói lời chân thành, không giả dối.
2. **Thực ngữ giả**: Nói lời thực tế, việc thế nào thì nói đúng như thế, không thêu dệt hoang đường.
3. **Như ngữ giả**: Đây là đỉnh cao nhất! Nói đúng như bản thể thực tướng Bát-nhã vốn thanh tịnh rỗng rang. Nói suốt bốn mươi chín năm mà như chưa từng nói một chữ; im lặng sấm sét mà tiếng vang rung chuyển tam giới!
4. **Bất cuống ngữ giả**: Không nói lời lừa bịp, phỉnh gạt chúng sinh.
5. **Bất dị ngữ giả**: Trước sau như một, không bao giờ nói hai lời mâu thuẫn.

14.1.7 Bản Thể Vô Thực Vô Hư

Đức Phật đúc kết chân lý cốt lõi của toàn bộ đạo pháp trong một câu ngắn gọn:

> **"Như Lai sở đắc pháp, thử pháp vô thực vô hư!"**
> (Pháp mà Như Lai đã chứng đắc, pháp ấy không thật mà cũng chẳng hư!).

Bảo nó là "Thật" (thực) thì sai, vì bản thể của nó vốn không hình tướng, không nắm bắt được, không đem cất vào túi được như củ cà rốt

hay quả bí ngô. Nhưng bảo nó là "Hư" (hư ảo, không có) thì lại càng sai lầm gấp bội, vì muôn vàn diệu dụng, sinh khí, sự sống, suy nghĩ và hành động sáng tạo trong vũ trụ đều từ nơi bản thể ấy mà tuôn trào!

Bậc Bồ-tát hành trì bố thí mà tâm không dính mắc vào pháp môn nào, thì như người có mắt sáng đứng giữa ban ngày dưới ánh mặt trời rực rỡ, muôn hình vạn trạng màu sắc đều trông thấy rõ mồn một. Ngược lại, kẻ chấp vào một pháp môn cố định thì như người mù lần mò bước vào căn phòng tối tăm mịt mùng, mãi mãi không bao giờ thấy được ánh sáng chân lý!

14.1.8 Bài Kệ Tụng Phẩm Thứ Mười Bốn Của Cụ Nam Hoài Cẩn

Vào đêm đông tuyết phủ trên đỉnh Nga Mi năm xưa, cụ Nam đã làm bài thơ tuyệt tác đúc kết phẩm thứ mười bốn:

优昙花发实还无，尘刹今吾非故吾。
笑指白莲闲处看，污泥香里养灵珠。

Ưu đàm hoa phát thực hoàn vô,
Trần sát kim ngô phi cố ngô.
Tiếu chỉ bạch liên nhàn xứ khán,
Ô nê hương lý dưỡng linh châu.

Dịch thơ:
Hoa quỳnh bừng nở có rồi không,
Cõi tạm thân nay đổi sắc hồng.
Cười ngắm sen tươi nơi rảnh rỗi,
Bùn nhơ thơm ngát dưỡng châu trong!

Bình giải: Hoa ưu đàm (hoa quỳnh) nở ra thơm ngát lộng lẫy trong

đêm rồi tàn lụi chớp nhoáng, sắc tướng ấy là có hay là không? Thân xác thịt của ta nơi cõi trần này mỗi phút mỗi giây đều biến đổi già nua, thân ta hôm nay đâu còn là đứa trẻ thơ năm nào (*kim ngô phi cố ngô*). Cái Ta chân thật bất sinh bất diệt ở nơi đâu?

Hãy nhìn đóa sen trắng thanh tao kia: Sen không bao giờ mọc trên đỉnh núi tuyết hay nơi phòng khách cẩm thạch sang trọng, mà sen chỉ cắm rễ sâu vào lớp bùn lầy hôi thối dơ bẩn nhất để chắt chiu tinh túy, nở ra những cánh hoa thơm ngát nuôi dưỡng hạt minh châu linh diệu! Bậc Bồ-tát Đại thừa cũng y như vậy: không trốn chạy cuộc đời, mà dấn thân vào chốn hồng trần ô trọc đầy đau khổ, tu hạnh nhẫn nhục vô ngã để chuyển hóa phiền não thành Bồ-đề quang vinh!

Kệ Tụng Phẩm Thứ Mười Bốn — Nam Sư Đúc Kết

Máu đỏ hóa thành sữa trắng ngần,
Ca-lợi kiếm chém dứt oan thân.

Sen vàng hé nhụy trong bùn tối,
Rọi sáng muôn trùng một chữ Nhẫn.

CHƯƠNG 15

Trì Kinh Công Đức Phân (持经功德分第十五)

Kinh Văn Gốc & Dịch Nghĩa

"须菩提！若有善男子、善女人，初日分以恒河沙等身布施，中日分复以恒河沙等身布施，后日分亦以恒河沙等身布施，如是无量百千万亿劫以身布施；若复有人，闻此经典，信心不逆，其福胜彼，何况书写、受持、读诵、为人解说。须菩提！以要言之，是经有不可思议、不可称量、无边功德。如来为发大乘者说，为发最上乘者说。若有人能受持读诵，广为人说，如来悉知是人，悉见是人，皆得成就不可量、不可称、无有边、不可思议功德。如是人等，即为荷担如来阿耨多罗三藐三菩提。何以故？须菩提！若乐小法者，著我见、人见、众生见、寿者见，则于此经，不能听受读诵、为人解说。"

Phiên âm Hán – Việt:

Tu-bồ-đề! Nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân, sơ nhật phân dĩ Hằng hà sa đẳng thân bố thí, trung nhật phân phục dĩ Hằng hà sa đẳng thân bố thí, hậu nhật phân diệc dĩ Hằng hà sa đẳng thân bố thí, như thị vô lượng bách thiên vạn ức kiếp dĩ thân bố thí; nhược phục hữu nhân, văn thử kinh điển, tín tâm bất nghịch,

kỳ phước thắng bỉ, hà huống thư tả, thọ trì, độc tụng, vị nhân giải thuyết. Tu-bồ-đề! Dĩ yếu ngôn chi, thị kinh hữu bất khả tư nghì, bất khả xưng lượng, vô biên công đức. Như Lai vi phát đại thừa giả thuyết, vi phát tối thượng thừa giả thuyết. Nhược hữu nhân năng thọ trì độc tụng, quảng vị nhân thuyết, Như Lai tất tri thị nhân, tất kiến thị nhân, giai đắc thành tựu bất khả lượng, bất khả xưng, vô hữu biên, bất khả tư nghì công đức. Như thị nhân đẳng, tức vi hà đảm Như Lai A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Hà dĩ cố? Tu-bồ-đề! Nhược nhạo tiểu pháp giả, trước ngã kiến, nhân kiến, chúng sinh kiến, thọ giả kiến, tắc ư thử kinh, bất năng thính thọ độc tụng, vị nhân giải thuyết.

Bản dịch nghĩa:

"Này Tu-bồ-đề! Nếu có người thiện nam, người thiện nữ, buổi sáng đem thân mạng nhiều như số cát sông Hằng ra bố thí; buổi trưa lại đem thân mạng nhiều như số cát sông Hằng ra bố thí; buổi chiều cũng đem thân mạng nhiều như số cát sông Hằng ra bố thí; trải qua vô lượng trăm ngàn muôn ức kiếp liên tục xả bỏ thân mạng như thế; nhưng nếu lại có người nghe kinh điển này mà **khởi lòng tin chẳng trái nghịch**, thì phước đức của người này còn vượt trội hơn người xả thân kia, huống chi là người biết tự tay biên chép, thọ trì, đọc tụng và giảng giải cho người khác nghe!

Này Tu-bồ-đề! Tóm lại mà nói, kinh này có công đức vô biên, không thể nghĩ bàn, không thể cân đong đo đếm được! Đức Như Lai vì người phát tâm Đại thừa mà nói, vì người phát tâm Tối Thượng thừa mà nói! Nếu có người có thể thọ trì, đọc tụng, giảng

giải rộng rãi cho người khác, Như Lai đều thấy biết rõ người ấy, người ấy sẽ thành tựu công đức không thể suy lường, không thể cân đo, không có bờ bến, không thể nghĩ bàn! Những người như thế chính là **người gánh vác sự nghiệp Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác của Như Lai!**
Vì cớ sao? Này Tu-bồ-đề! Nếu là kẻ ưa thích pháp nhỏ hẹp (tiểu pháp), dính mắc vào ngã kiến, nhân kiến, chúng sinh kiến, thọ giả kiến, thì đối với kinh này không thể nào lắng nghe, tiếp nhận, đọc tụng và giảng giải cho người khác nghe được!"

15.1 Bình Giảng Toàn Văn Của Cụ Nam Hoài Cẩn

15.1.1 Bố Thí Khó Khăn Nhất: Xả Bỏ Thân Mạng Cát Sông Hằng

Người đời bố thí của cải tiền bạc đã là khó, nhưng bố thí chính **xương máu và sinh mạng** của mình thì muôn phần gian nan! Ở đây Đức Phật đưa ra một hình ảnh tột cùng của sự hy sinh:

- Buổi sáng xả bỏ thân mạng nhiều như số cát sông Hằng.
- Buổi trưa lại xả bỏ thân mạng nhiều như số cát sông Hằng.
- Buổi chiều lại xả bỏ thân mạng nhiều như số cát sông Hằng.
- Trải qua vô lượng trăm ngàn muôn ức kiếp không ngừng nghỉ!

Thế nhưng, Đức Phật khẳng định: Một người nghe kinh Kim Cang mà đạt đến cảnh giới **"Tín tâm bất nghịch"** (khởi lòng tin thanh tịnh

chẳng hề trái nghịch), thì phước đức trí tuệ vô lậu của người ấy còn vĩ đại vượt trội hơn cả muôn triệu kiếp xả thân bố thí kia!

15.1.2 Mười Hai Chữ Chân Ngôn và Căn Bệnh Tín Tâm Hữu Nghịch

Thế nào gọi là **Tín tâm bất nghịch**? Cụ Nam Hoài Cẩn giảng: Rất nhiều người học Phật nói lý thuyết thì hay như hát, thuộc làu tam tạng kinh điển, đi khuyên người khác thì giọng điệu bồ tát: "Thôi, buông xả đi, nhìn thoáng ra, coi như gió thoảng mây bay...". Thế nhưng khi nghịch cảnh vừa ập đến đụng chạm vào quyền lợi hay danh dự của chính mình, thì họ lập tức lồng lộn tức tối, mặt đỏ tía tai, sân hận ngút trời, chẳng buông xả được một xu! Đó chính là **Tín tâm hữu nghịch** (miệng tin đạo nhưng hành vi hoàn toàn trái nghịch với đạo).

Cụ Nam đúc kết mười hai chữ chân ngôn chí lý về căn bệnh muôn thuở của kiếp người:

看得破，忍不过；想得到，做不来！

Khán đắc phá, nhẫn bất quá;
Tưởng đắc đáo, tố bất lai!

Dịch nghĩa:
Mắt nhìn thấu suốt đấy, nhưng lòng nhẫn nhịn không qua!
Trí óc nghĩ ra tới đấy, nhưng tay chân làm không tới!

Muốn đạt đến *tín tâm bất nghịch*, bạn phải có một niềm tin tuyệt đối, không thể lay chuyển vào bản thể chân tâm tự tánh; đem toàn bộ trí tuệ Bát-nhã áp dụng vào từng lời ăn tiếng nói, từng cử chỉ hành động giữa chốn hồng trần, hòa làm một giữa lý thuyết và thực tiễn (*tri hành hợp nhất*).

15.1.3 Gánh Vác Sự Nghiệp Chánh Pháp: Hà Đảm Như Lai

Đức Phật long trọng tuyên bố: Bộ kinh này là **Như Lai vi phát đại thừa giả thuyết, vi phát tối thượng thừa giả thuyết** (Đức Phật chỉ vì những bậc có chí khí đại trượng phu, phát tâm Đại thừa và Tối Thượng thừa mà thuyết giảng)!

Người có thể thọ trì, đọc tụng và truyền bá kinh điển này, Đức Phật khẳng định:

> **"Như thị nhân đẳng, tức vi hà đảm Như Lai A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề!"**
> (Những người như thế chính là bậc anh hùng đang ghé vai gánh vác toàn bộ sự nghiệp Chánh pháp giác ngộ của Như Lai!).

Giữa thời buổi mạt pháp đục ngầu, thiên hạ mải mê chạy theo danh lợi vật chất và những điều mê tín dị đoan, một người dám đứng thẳng lưng giữa đất trời, lấy tuệ mạng của nhân loại làm lẽ sống, hy sinh bản thân để thắp sáng ngọn đèn Bát-nhã cho đời — người ấy chính là hiện thân của Bồ-tát, công đức ấy bao la không thể nghĩ bàn!

15.1.4 Kẻ Ưa Thích Tiểu Pháp (Nhạo Tiểu Pháp Giả)

Ngược lại, Đức Phật nghiêm khắc chỉ rõ: Những kẻ **ưa thích tiểu pháp** (*nhạo tiểu pháp giả*) tuyệt đối không thể nào hiểu nổi và tiếp nhận được kinh Kim Cang.

Thế nào là kẻ ưa thích tiểu pháp? Trong kinh *Lăng Nghiêm* chia căn cơ con người thành nhiều nấc bậc. Có những người học đạo với tâm lượng vô cùng nhỏ hẹp, ích kỷ: đi tu chỉ để cầu cho riêng mình được bình an, ngồi thiền mong cho da mặt hồng hào, thân thể khỏe

mạnh, móng tay bóng bẩy, mắt nhìn thấy hào quang lóe sáng, tai nghe thấy tiếng nói huyền bí, cầu sống lâu trường thọ không chết.

Cụ Nam cười bảo: Những người ấy trong đầu lúc nào cũng chỉ có cái **Tôi** nhỏ nhen: *Ngã kiến, Nhân kiến, Chúng sinh kiến, Thọ giả kiến*! Họ biến tôn giáo thành một thứ bảo hiểm sinh mạng cá nhân. Cho nên khi nghe đến giáo lý phá tướng vô ngã rốt ráo của kinh Kim Cang, họ sẽ run rẩy hoảng sợ hoặc khinh chê gạt bỏ.

15.1.5 Bài Kệ Tụng Phẩm Thứ Mười Lăm Của Cụ Nam Hoài Cẩn

Vào đêm đông tuyết phủ trên đỉnh Nga Mi năm xưa, cụ Nam đã làm bài thơ tuyệt bút đúc kết phẩm thứ mười lăm:

跃马投鞭星斗横，一呼百诺作雷鸣。
江山无恙渔翁老，何似灵山补衲轻。

Dược mã đầu tiên tinh đẩu hoành,
Nhất hô bách nặc tác lôi minh.
Giang sơn vô dạng ngư ông lão,
Hà tự Linh Sơn bổ nạp khinh.

Dịch thơ:
Ngựa nhảy quăng roi sao chuyển rung,
Một tiếng gầm vang sấm dậy lừng.
Non sông nguyên vẹn người câu vắng,
Đâu sánh Linh Sơn áo vá lành!

Bình giải: Câu đầu mượn điển cố lịch sử về Tần vương Phù Kiên thời Ngũ Hồ: thống lĩnh trăm vạn đại quân phạt Tấn, ngạo nghễ tuyên bố: *"Đầu tiên đoạn lưu"* (Ba quân tướng sĩ chỉ cần quẳng roi ngựa

xuống sông Tiền Đường là đủ làm nghẽn dòng nước chảy!). Tiếng hô hét vang trời dậy đất, oai phong rung chuyển cả sao trời (*tinh đẩu hoành*). Bậc đế vương ngồi trên ngai vàng một tiếng hô triệu người quỳ dạ sấm sét (*nhất hô bách nặc tác lôi minh*), phước báo thế gian to lớn dường ấy ai ai cũng thèm khát!

Thế nhưng, non sông ngàn năm dâu bể đổi dời, ngai vàng cung điện của bạo chúa nay ở nơi đâu? Rốt cuộc làm sao sánh được với một vị thiền tăng an nhiên tĩnh tọa nơi Linh Sơn, khoác manh **áo vá bách nạp** (phấn tảo y) thanh đạm nhẹ tênh, tâm hồn rỗng rang tự tại gánh vác gia nghiệp Như Lai, hưởng trọn thanh phước vĩnh cửu của đất trời!

Kệ Tụng Phẩm Thứ Mười Lăm — Nam Sư Đúc Kết

Bao kiếp xả thân cát bến sa,
Chẳng bằng một niệm ngộ Bát-nhã.

Trần ai muôn việc mây bay thoảng,
Áo vá Linh Sơn rạng thái hòa.

CHƯƠNG 16

Năng Tịnh Nghiệp Chướng Phân (能净业障分第十六)

Kinh Văn Gốc & Dịch Nghĩa

“复次，须菩提！若善男子、善女人，受持读诵此经，若为人轻贱，是人先世罪业，应堕恶道，以今世人轻贱故，先世罪业则为消灭，当得阿耨多罗三藐三菩提。须菩提！我念过去无量阿僧祇劫，于然灯佛前，得值八百四千万亿那由他诸佛，悉皆供养承事，无空过者；若复有人，于后末世，能受持读诵此经，所得功德，于我所供养诸佛功德，百分不及一，千万亿分、乃至算数譬喻所不能及。须菩提！若善男子、善女人，于后末世，有受持读诵此经，所得功德，我若具说者，或有人闻，心即狂乱，狐疑不信。须菩提！当知是经义不可思议，果报亦不可思议。”

Phiên âm Hán – Việt:

Phục thứ, Tu-bồ-đề! Nhược thiện nam tử, thiện nữ nhân, thọ trì độc tụng thử kinh, nhược vi nhân khinh tiện, thị nhân tiên thế tội nghiệp, ưng đọa ác đạo, dĩ kim thế nhân khinh tiện cố, tiên thế tội nghiệp tắc vi tiêu diệt, đương đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Tu-bồ-đề! Ngã niệm quá khứ vô lượng a-tăng-kỳ kiếp, ư Nhiên Đăng Phật tiền, đắc trị bát bách tứ thập vạn ức na-do-tha

chư Phật, tất giai cúng dường thừa sự, vô không quá giả; nhược phục hữu nhân, ư hậu mạt thế, năng thọ trì độc tụng thử kinh, sở đắc công đức, ư ngã sở cúng dường chư Phật công đức, bách phân bất cập nhất, thiên vạn ức phân, nãi chí toán số thí dụ sở bất năng cập. Tu-bồ-đề! Nhược thiện nam tử, thiện nữ nhân, ư hậu mạt thế, hữu thọ trì độc tụng thử kinh, sở đắc công đức, ngã nhược cụ thuyết giả, hoặc hữu nhân văn, tâm tức cuồng loạn, hồ nghi bất tín. Tu-bồ-đề! Đương tri thị kinh nghĩa bất khả tư nghì, quả báo diệc bất khả tư nghì.

Bản dịch nghĩa:

"Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Nếu có người thiện nam, người thiện nữ thọ trì, đọc tụng kinh này, mà bị người khác khinh khi, lăng mạ, thì người này đáng lý do tội nghiệp đời trước phải bị đọa vào chốn ác đạo; nhưng nhờ nay bị người đời khinh chê, nên tội nghiệp đời trước liền được tiêu trừ sạch hết, và người ấy chắc chắn sẽ chứng đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác!

Này Tu-bồ-đề! Ta nhớ thuở xưa cách đây vô lượng a-tăng-kỳ kiếp, trước thời Đức Phật Nhiên Đăng, Ta từng gặp gỡ tám trăm bốn mươi vạn ức na-do-tha chư Phật, Ta đều hết lòng cúng dường, phụng sự chu đáo, chưa từng luống qua một vị nào! Nhưng nếu lại có người ở đời mạt pháp sau này, có thể thọ trì, đọc tụng kinh này, thì công đức của người ấy thu được so với công đức Ta cúng dường chư Phật thuở trước, công đức của Ta trăm phần chẳng bằng một phần, nghìn muôn ức phần cho đến tính toán thí dụ cũng không thể sánh kịp!

Này Tu-bồ-đề! Nếu người thiện nam, thiện nữ ở đời mạt pháp

có thể thọ trì đọc tụng kinh này, công đức lớn lao dường ấy nếu Ta nói tường tận ra hết thảy, thì e rằng có kẻ nghe xong tâm liền phát cuồng, kinh hoảng nghi ngờ chẳng chịu tin! Này Tu-bồ-đề! Phải biết rằng nghĩa lý của kinh này không thể nghĩ bàn, và quả báo công đức của nó cũng không thể nghĩ bàn!"

16.1 Bình Giảng Toàn Văn Của Cụ Nam Hoài Cẩn

16.1.1 Nghịch Lý Bị Khinh Chê: Trọng Báo Khinh Thọ

Phẩm thứ mười sáu mang tên **Năng Tịnh Nghiệp Chướng Phân** (có công năng gột sạch mọi nghiệp chướng sâu dày). Trong phẩm này có một đoạn kinh văn an ủi và khai thị cho hàng đệ tử Phật bài học nhân quả sâu sắc nhất:

> Tại sao có những người ăn ở hiền lành, mỗi ngày chí tâm đọc tụng kinh Kim Cang, làm việc thiện tích đức, thế nhưng cuộc đời vẫn gặp muôn vàn trắc trở, bị người đời khinh khi, miệt thị, vu khống, chà đạp tơi bời (*vi nhân khinh tiện*)?

Người thường gặp cảnh ngộ ấy ắt sẽ sinh lòng oán trách: "Trời đất bất công! Tôi ăn chay niệm Phật, tụng kinh Kim Cang bao năm sao Phật không phù hộ, mà lại để cho kẻ xấu ức hiếp, lăng mạ tôi thế này?". Họ đâu biết rằng chính lời dạy của Đức Phật đã giải mã trọn vẹn mối nghi tình nghìn năm ấy:

"Thị nhân tiên thế tội nghiệp ưng đọa ác đạo, dĩ kim thế nhân khinh tiện cố, tiên thế tội nghiệp tắc vi tiêu diệt, đương đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề!"

Cụ Nam Hoài Cẩn giảng: Trong nhiều đời nhiều kiếp quá khứ, chúng ta đã từng tạo vô số ác nghiệp sâu dày, đáng lý ra theo luật nhân quả công bằng, kiếp sau ta phải đọa vào tam ác đạo (địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh) chịu muôn vàn hình phạt đau đớn khủng khiếp hàng ngàn năm. Thế nhưng nay nhờ sức mạnh tuệ giác Bát-nhã của kinh Kim Cang, toàn bộ món nợ máu khổng lồ ấy được chuyển hóa thành **Trọng báo khinh thọ** (nghiệp nặng chuyển thành quả báo nhẹ ngay trong kiếp này)!

Những lời chê bai, sỉ nhục, khinh khi của người đời chính là chiếc khăn lau chùi sạch sẽ những vết bùn nhơ nghiệp chướng cuối cùng trong tàng thức của ta. Nợ cũ trả xong thì gánh nặng sinh tử lập tức buông rơi, mở toang cánh cửa bước thẳng vào quả vị Vô Thượng Chánh Giác! Cho nên người tu đạo khi bị người đời lăng mạ, chẳng những không nên buồn giận, mà phải chắp tay mỉm cười cảm ơn họ đã giúp ta trả xong món nợ tiền khiên!

Thiền sư Vĩnh Gia Huyền Giác trong bài phú *Chứng Đạo Ca* bất hủ từng viết:

了即业障本来空，未了还须偿宿债。

Liễu tức nghiệp chướng bổn lai không,
Vị liễu hoàn tu thường túc trái!

(Khi đã triệt để khai ngộ thì thấy nghiệp chướng xưa nay vốn rỗng không chẳng có tự tính; nhưng chừng nào tâm trí còn mê muội chưa ngộ, thì vẫn phải sòng phẳng đền trả cho sạch mọi món nợ cũ tiền kiếp!).

16.1.2 Kỳ Tích Phụng Sự Của Đức Phật và Công Đức Bát-Nhã

Để người đời không hoài nghi, Đức Phật nhắc lại hành trình cầu đạo phi thường của chính Ngài: Trước khi gặp Phật Nhiên Đăng, trải qua vô lượng a-tăng-kỳ kiếp, Ngài đã từng diện kiến và hầu hạ đúng **tám trăm bốn mươi vạn ức na-do-tha chư Phật**! Mỗi một vị Phật xuất hiện, Ngài đều đem bốn sự cúng dường (cơm ăn, áo mặc, giường nằm, thuốc men) phụng sự hết lòng như con hiếu thảo với cha mẹ, chưa từng lười biếng bỏ qua một vị nào.

Thế nhưng, Đức Phật khẳng định: Một người ở đời mạt pháp sau này, có thể nắm giữ được yếu chỉ Bát-nhã của kinh Kim Cang, thọ trì đọc tụng và giảng giải cho người khác, thì công đức trí tuệ ấy còn vĩ đại gấp muôn triệu tỷ lần công đức phụng sự cúng dường chư Phật thuở xưa của Ngài!

Tại sao vậy? Vì cúng dường chư Phật bằng vật chất chỉ là gieo trồng phước báo trời người hữu hạn; còn thắp sáng **ngọn đuốc Bát-nhã vô ngã** là tiếp nối mạng mạch chánh pháp của chư Phật, cứu độ muôn triệu linh hồn thoát khỏi đêm đen luân hồi sinh tử.

16.1.3 Công Đức Lớn Đến Mức Khiến Kẻ Phàm Phát Cuồng

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề: *"Công đức của người thọ trì kinh Kim Cang ở đời sau lớn lao đến mức nếu Ta nói tường tận ra hết thảy, thì có kẻ nghe xong tâm trí liền phát cuồng, hoảng sợ nghi ngờ không tin!"*.

Tại sao lại phát cuồng? Bởi vì phàm phu quen thói đo lường vạn vật bằng tư duy con buôn hạn hẹp: bỏ ra một vốn thì đòi bốn lời; thấy ai bảo chỉ cần thấu suốt một niệm vô ngã mà phước đức trùm khắp tam thiên đại thiên thế giới thì họ cho là chuyện hoang đường thổi phồng quá trớn!

Đức Phật dặn: **"Đương tri thị kinh nghĩa bất khả tư nghì, quả báo diệc bất khả tư nghì!"** Đừng vội đem bộ não phàm phu hạn hẹp của bạn ra để đo lường cảnh giới Bát-nhã vô biên. Quả báo bất khả tư nghì ấy chính là quả vị thành Phật!

16.1.4 Dòng Chảy Nghiệp Thức và Bến Bờ Quay Đầu

Cụ Nam Hoài Cẩn phân tích sâu sắc về khái niệm **Nghiệp thức** (Karmic consciousness): Toàn bộ sự sống, nhịp đập trái tim, dòng máu chảy trong huyết quản, tính cách, số phận, tuổi thọ ngắn dài, bệnh tật của một con người thảy đều do lực quán tính của *Nghiệp thức* lôi kéo liên tục từ quá khứ sang hiện tại và tương lai (*nghiệp thức bôn trì tương tục lưu*).

Tại sao người trẻ ngồi thiền mà tâm không chịu yên? Bởi vì dòng máu huyết và các tế bào thần kinh của nghiệp thức vẫn đang cuộn chảy rần rần!

Người đời hay khuyên nhau: *"Khổ hải mang mang, hồi đầu thị ngạn"* (Biển khổ mênh mông, quay đầu lại là bờ). Nhưng hỏi bờ bến ở đâu? Cụ Nam bảo: Bờ bến không nằm ở phía trước hay phía sau! Ngay trong khoảnh khắc bạn chịu **dừng lại**, xả bỏ mọi toan tính lăng xăng của tâm viên ý mã, thì **chính khoảnh khắc quay đầu ấy tức là bến bờ giải thoát!**

16.1.5 Bài Kệ Tụng Phẩm Thứ Mười Sáu Của Cụ Nam Hoài Cẩn

Vào đêm đông thanh vắng trên đỉnh Nga Mi năm xưa, cụ Nam đã làm bài thơ tứ tuyệt đúc kết phẩm thứ mười sáu:

业识奔驰相续流，茫茫无岸可回头。

同为苦海飘零客，但了无心当下休。

Nghiệp thức bôn trì tương tục lưu,
Mang mang vô ngạn khả hồi đầu.
Đồng vi khổ hải phiêu linh khách,
Đãn liễu vô tâm đương hạ hưu.

Dịch thơ:
Nghiệp thức cuộn trôi dòng nối nhau,
Mênh mông bến vắng biết về đâu?
Cùng làm lữ khách trong trùng sóng,
Thấu rõ vô tâm dứt vạn sầu!

Bình giải: Dòng nghiệp thức cuồn cuộn trôi chảy muôn đời như thác lũ cuốn con người vào vòng xoáy luân hồi sinh tử. Chúng sinh trong ba cõi đều là những cánh bèo phiêu bạt nổi trôi giữa biển khổ mênh mông (*đồng vi khổ hải phiêu linh khách*). Muốn thoát khỏi sóng gió bão bùng, chẳng cần phải tìm kiếm chân trời nào xa lạ: Chỉ cần ngay tại giây phút hiện tiền này, thấu suốt được tự tánh **Vô tâm** rỗng rang thanh tịnh (*đãn liễu vô tâm*), buông tay dứt bặt mọi duyên trần (*đương hạ hưu*), thì ngay nơi ấy chính là cõi Niết-bàn cực lạc!

Kệ Tụng Phẩm Thứ Mười Sáu — Nam Sư Đúc Kết

Khinh chê sỉ nhục trả oan khiên,
Nghiệp chướng muôn đời rũ sạch yên.
Bến giác quay đầu ngay dưới bước,
Vô tâm một niệm dứt trần duyên.

CHƯƠNG 17

Cứu Cánh Vô Ngã Phân (究竟无我分第十七)

Kinh Văn Gốc & Dịch Nghĩa

尔时，须菩提白佛言：“世尊！善男子、善女人，发阿耨多罗三藐三菩提心，云何应住？云何降伏其心？”佛告须菩提：“善男子、善女人，发阿耨多罗三藐三菩提者，当生如是心：我应灭度一切众生，灭度一切众生已，而无有一众生实灭度者。何以故？若菩萨有我相、人相、众生相、寿者相，则非菩萨。所以者何？须菩提！实无有法发阿耨多罗三藐三菩提者。须菩提！于意云何？如来在然灯佛所，于法有所得不？”“不也，世尊！如我解佛所说义，佛在然灯佛所，于法实无所得。”佛言：“如是，如是！须菩提！实无有法如来得阿耨多罗三藐三菩提。须菩提！若有法如来得阿耨多罗三藐三菩提，然灯佛则不与我授记：汝于来世，当得作佛，号释迦牟尼。以实无有法得阿耨多罗三藐三菩提，是故然灯佛与我授记，作是言：‘汝于来世，当得作佛，号释迦牟尼。’何以故？如来者，即诸法如义。若有人言：‘如来得阿耨多罗三藐三菩提’。须菩提！实无有法，佛得阿耨多罗三藐三菩提。须菩提！如来所得阿耨多罗三藐三菩提，于是中无实无虚。是故如来说：一切法皆是佛法。须菩提！

所言一切法者，即非一切法，是故名一切法。"

Phiên âm Hán – Việt:

Nhĩ thời, Tu-bồ-đề bạch Phật ngôn: "Thế Tôn! Thiện nam tử, thiện nữ nhân, phát A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề tâm, vân hà ưng trụ, vân hà hàng phục kỳ tâm?" Phật cáo Tu-bồ-đề: "Thiện nam tử, thiện nữ nhân, phát A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề giả, đương sinh như thị tâm: ngã ưng diệt độ nhất thiết chúng sinh, diệt độ nhất thiết chúng sinh dĩ, nhi vô hữu nhất chúng sinh thực diệt độ giả. Hà dĩ cố? Nhược Bồ-tát hữu ngã tướng, nhân tướng, chúng sinh tướng, thọ giả tướng, tắc phi Bồ-tát. Sở dĩ giả hà? Tu-bồ-đề! Thực vô hữu pháp phát A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề giả. Tu-bồ-đề! Ư ý vân hà? Như Lai tại Nhiên Đăng Phật sở, ư pháp hữu sở đắc phủ?" "Bất dã, Thế Tôn! Như ngã giải Phật sở thuyết nghĩa, Phật tại Nhiên Đăng Phật sở, ư pháp thực vô sở đắc." Phật ngôn: "Như thị, như thị! Tu-bồ-đề! Thực vô hữu pháp Như Lai đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Tu-bồ-đề! Nhược hữu pháp Như Lai đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, Nhiên Đăng Phật tắc bất dữ ngã thọ ký: Nhữ ư lai thế, đương đắc tác Phật, hiệu Thích Ca Mâu Ni. Dĩ thực vô hữu pháp đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, thị cố Nhiên Đăng Phật dữ ngã thọ ký, tác thị ngôn: Nhữ ư lai thế, đương đắc tác Phật, hiệu Thích Ca Mâu Ni. Hà dĩ cố? Như Lai giả, tức chư pháp như nghĩa. Nhược hữu nhân ngôn: Như Lai đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Tu-bồ-đề! Thực vô hữu pháp, Phật đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Tu-bồ-đề! Như Lai sở đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, ư thị trung vô thực vô

hư. Thị cố Như Lai thuyết: Nhất thiết pháp giai thị Phật pháp. Tu-bồ-đề! Sở ngôn nhất thiết pháp giả, tức phi nhất thiết pháp, thị cố danh nhất thiết pháp."

Bản dịch nghĩa:

Bấy giờ, Tu-bồ-đề lại bạch cùng Đức Phật rằng: "Bạch Thế Tôn! Người thiện nam, người thiện nữ khi phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, thì nên an trụ tâm như thế nào, và nên hàng phục tâm vọng tưởng ấy như thế nào?"

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề: "Người thiện nam, thiện nữ phát tâm Bồ-đề, nên sinh khởi tâm như thế này: Ta nên cứu độ tất cả chúng sinh, cứu độ tất cả chúng sinh xong rồi, mà thật ra không hề có một chúng sinh nào được diệt độ cả! Vì cớ sao? Nếu Bồ-tát còn có tướng Ta, tướng Người, tướng Chúng sinh, tướng Tuổi thọ, thì chẳng phải là Bồ-tát! Vì nguyên do gì vậy? Này Tu-bồ-đề! Thật không có pháp nào cố định để phát tâm Bồ-đề cả!

Này Tu-bồ-đề, ý ông nghĩ sao? Thuở xưa khi Như Lai ở nơi Phật Nhiên Đăng, đối với giáo pháp có sở đắc gì chăng?"

— "Bạch Thế Tôn, không! Theo như con hiểu nghĩa lý Phật nói, thì Phật ở nơi Phật Nhiên Đăng, đối với giáo pháp thực sự không có sở đắc gì cả!"

Đức Phật dạy: "Đúng thế, đúng thế! Này Tu-bồ-đề! Thật không có pháp nào mà Như Lai đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác cả. Nếu có một pháp cố định nào mà Như Lai chứng đắc, thì Đức Phật Nhiên Đăng đã chẳng thọ ký cho Ta rằng: 'Ở đời sau, ngươi sẽ thành Phật, hiệu là Thích Ca Mâu Ni'. Chính vì thật không có pháp nào chứng đắc, cho nên Phật Nhiên Đăng mới thọ

ký cho Ta lời ấy! Vì cớ sao? Như Lai nghĩa là 'Như' với nghĩa của tất cả các pháp! Nếu có người nói rằng: 'Như Lai đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác', này Tu-bồ-đề, thật ra không có pháp nào mà Phật đắc cả! Chánh giác mà Như Lai chứng đắc, ở trong đó **không thật mà cũng chẳng hư**! Bởi thế cho nên Như Lai mới nói: **Tất cả mọi pháp đều là Phật pháp!** Này Tu-bồ-đề, cái gọi là tất cả pháp ấy, tức chẳng phải tất cả pháp, thế nên mới gọi là tất cả pháp!"

17.1 Bình Giảng Toàn Văn Của Cụ Nam Hoài Cẩn

17.1.1 Câu Hỏi Cũ Lặp Lại: Tầng Bát-Nhã Sâu Hơn

Đọc đến phẩm mười bảy này, nhiều độc giả sẽ ngạc nhiên: Tại sao Trưởng lão Tu-bồ-đề lại lặp lại y nguyên hai câu hỏi cốt lõi từ phẩm thứ hai: *"Ưng vân hà trụ? Vân hà hàng phục kỳ tâm?"*.

Cụ Nam Hoài Cẩn giải thích: Đây là nghệ thuật giáo dục xoắn ốc của Phật giáo Đại thừa. Ở phẩm hai, câu hỏi được đặt ra dưới góc độ của một người sơ cơ mới bước vào cửa đạo; còn ở phẩm mười bảy này, câu hỏi được nâng lên ở tầm vóc của một bậc đại Bồ-tát chuẩn bị bước vào cảnh giới **Cứu Cánh Vô Ngã** (vô ngã triệt để, rốt ráo tuyệt đối).

Đức Phật khẳng định lại:

> *"Thực vô hữu pháp Như Lai đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề!"*
> (Thực sự không hề có một pháp môn cố định nào mà Như Lai chứng đắc cả!).

Nếu thành Phật là có một cái gì đó để "được" (hữu đắc), nắm vào tay như viên ngọc quý thì Đức Phật Nhiên Đăng đã chẳng bao giờ thọ ký cho Ngài thành đạo! Chính vì tâm Ngài hoàn toàn rỗng rang vô trụ, không dính mắc mảy may vào bất kỳ cảnh giới sở đắc nào, nên mới được thọ ký làm Đạo sư cõi Ta-bà.

17.1.2 Tâm Lượng Bao La: Tất Cả Mọi Pháp Đều Là Phật Pháp

Đức Phật đúc kết một chân lý rúng động ngàn đời:

一切法皆是佛法。

Nhất thiết pháp giai thị Phật pháp!

(Tất cả mọi pháp nơi thế gian này đều chính là Phật pháp!).

Cụ Nam Hoài Cẩn chia sẻ góc nhìn cởi mở, phá tan óc bè phái hẹp hòi của những kẻ tự xưng là người học Phật:

> Nhiều người sau khi quy y Tam Bảo xong bỗng trở nên vô cùng hẹp hòi, kiêu căng: đi đâu cũng vỗ ngực ta đây là đệ tử Phật, coi tất cả các tôn giáo, tín ngưỡng khác là tà ma ngoại đạo, khinh khỉnh không thèm chào hỏi ai!
>
> Cụ Nam kể: Có lần cụ về vùng quê, thấy một ngôi miếu Thổ Địa nhỏ xíu ven đường, tượng ông Địa nặn bằng đất bùn mộc mạc, cụ cũng cung kính dừng bước chắp tay cúi đầu chào một cái thật trang nghiêm. Mấy người đi cùng ngạc nhiên hỏi: "Thưa thầy, thầy là bậc đại học giả Phật học uyên thâm, cớ sao lại đi cúi đầu trước một pho tượng thổ địa bằng bùn đất của thế tục?".
>
> Cụ cười đáp: "Tôi chẳng bận tâm phân biệt! Ông Thổ Địa lúc còn sống ắt hẳn là người ăn ở hiền lành phúc hậu nên

> sau khi chết mới được dân làng lập miếu tôn làm thần cai quản một vùng. Tôi nay sống giữa đời chưa chắc đã tu dưỡng tốt bằng người ta, mai sau nhắm mắt xuôi tay khéo còn bị ông Thổ Địa cai quản ấy chứ! Nay sống khiêm cung kết duyên lành với ngài thì có gì sai? Các người quy y Tam Bảo xong tự biến mình thành 'báu vật sống' (hoạt bảo) đi khinh khi thiên hạ, đó mới là điều xấu hổ!".

Cụ Nam nói tiếp: Cụ bước vào nhà thờ Thiên Chúa giáo cũng hết lòng kính cẩn nghiêng mình trước Chúa Jesus: Chúa Jesus là bậc đại nhân từ ái, dạy con người ăn ở hiền lành, yêu thương đùm bọc lẫn nhau, tuổi đời lại hơn chúng ta hàng ngàn năm, cớ sao ta lại không tôn kính? Bậc học Phật chân chính phải có tâm lượng bao la như trời đất, bụng dạ rộng mở bao dung vạn tượng (*đại đỗ năng dung*), nụ cười từ bi ban rải khắp muôn loài. Thấy việc thiện ở đâu cũng hoan hỷ tán thán, đó mới chính là tinh thần **Nhất thiết pháp giai thị Phật pháp**!

17.1.3 Bồ-Tát Không Có Gì Cả và Cõi Tịnh Độ Tâm Linh

Đức Phật dạy: Bồ-tát thực chất chẳng có một thứ gì trong tay cả (*thực vô hữu pháp danh vi Bồ-tát*). Người phát tâm Đại thừa cứu độ muôn dân mà trong lòng không một mảy may tự cao tự đại, xem việc giúp đời chỉ là bổn phận tự nhiên như hơi thở.

Nếu có người khởi tâm: "Mai này tôi thành Phật, tôi sẽ xây dựng một cõi tịnh độ nguy nga lộng lẫy bằng vàng bạc châu báu, hoành tráng sang trọng hơn cả khách sạn năm sao của cõi Ta-bà để khoe mẽ so bì với cõi Phật A Di Đà!", thì cụ Nam bảo: Kẻ đó hoàn toàn mang tâm địa con buôn phàm phu, chẳng dính dáng gì đến Bồ-tát đạo!

Cõi Tịnh độ chân thật của chư Phật là **Tâm trang nghiêm**: tâm thanh tịnh, vô ngã, dứt sạch tham sân si, rỗng rang như hư không bao

la. Đó mới là vẻ đẹp trang nghiêm vĩnh hằng tuyệt mỹ nhất!

17.1.4 Xóa Bỏ Thân Kiến: Hai Tầng Vô Ngã

Đức Phật kết luận:

> **"Tu-bồ-đề! Nhược Bồ-tát thông đạt vô ngã pháp giả, Như Lai thuyết danh chân Bồ-tát!"**
> (Nếu Bồ-tát thông đạt rốt ráo pháp vô ngã, thì Như Lai mới gọi đó là Bồ-tát chân chính!).

Cụ Nam chỉ rõ: Chướng ngại lớn nhất ngăn cản con người bước vào đại định là **Thân kiến** (sự chấp chặt vào cảm giác của thể xác). Ngồi thiền mà cứ bận tâm theo dõi luồng khí chạy lên chạy xuống, nhâm đốc nhị mạch, đan điền nóng lạnh... thì rốt cuộc vẫn chỉ là quẩn quanh nơi cái xác thịt tứ đại hôi tanh!

Đại thi hào Bạch Cư Dị đời Đường học Phật từng viết hai câu thơ trác tuyệt:

饱暖饥寒何足道，此身长短是虚空。

Bão noãn cơ hàn hà túc đạo,
Thử thân trường đoản thị hư không.

(No ấm hay đói rét nơi xác thân này có đáng gì để bận lòng; thân xác này dẫu sống thọ trăm tuổi hay chết yểu thì rốt cuộc cũng tan thành cát bụi hư không!).

Người tu học phải trải qua hai tầng vô ngã:

1. **Nhân vô ngã**: Quên bỏ cái Tôi thân xác cá nhân, dứt sạch phiền não tham sân si (quả vị của hàng A-la-hán).

2. **Pháp vô ngã**: Xả bỏ luôn cả những định kiến về các giáo pháp, không chấp vào Không, không chấp vào Chứng Đắc (quả vị Phật quả viên mãn).

17.1.5 Bài Kệ Tụng Phẩm Thứ Mười Bảy Của Cụ Nam Hoài Cẩn

Vào đêm đông thanh vắng trên đỉnh Nga Mi năm xưa, cụ Nam đã làm bài thơ tứ tuyệt đúc kết phẩm thứ mười bảy:

拶空为块块非真，粉块为空空亦尘。
罔象玄珠踪迹杳，故留色相幻人人。

Bác không vi khối khối phi chân,
Phấn khối vi không không diệc trần.
Võng tượng huyền châu tung tích diểu,
Cố lưu sắc tướng huyễn nhân nhân.

Dịch thơ:
Gom không thành khối khối đâu chân,
Đập khối thành không không hóa trần.
Hạt ngọc huyền sâu mờ dấu tích,
Đành lưu sắc tướng huyễn muôn dân.

Bình giải: Câu đầu dẫn triết lý sâu sắc của Đàm Tiêu trong Đạo gia: Gom hư không lại xây thành một ngôi nhà thì người ta chỉ thấy khối vật chất của ngôi nhà mà quên mất hư không (*bác không vi khối*); đập vỡ ngôi nhà ra thì thấy hư không trở lại mà không thấy khối nhà đâu nữa (*phấn khối vi không*). Nếu chấp vào khối vật chất là sai lầm; nhưng nếu bám chặt vào một trạng thái trống rỗng chết cứng thì chính cái Không ấy lại biến thành lớp bụi trần chướng ngại (*không diệc trần*)!

Câu ba dẫn điển cố trong sách *Trang Tử*: Hoàng Đế đánh rơi hạt ngọc huyền vi diệu (*huyền châu*) nơi bờ biển Bắc, sai Trí Tuệ, Thị Giác đi tìm đều không thấy, cuối cùng chỉ có kẻ vô tâm vô niệm tên là Võng Tượng mới tìm lại được ngọc quý! Muốn tìm lại bản lai diện mục của tự tánh, phải buông xả cả Có lẫn Không. Thế nhưng chư Phật Bồ-tát vì thương xót chúng sinh mê muội, đành mượn các phương tiện sắc tướng tạm bợ nơi cõi trần để làm cầu nối dẫn dắt người đời quay về bến giác (*cố lưu sắc tướng huyễn nhân nhân*)!

Kệ Tụng Phẩm Thứ Mười Bảy — Nam Sư Đúc Kết

Tất cả muôn pháp vốn Phật tâm,
Bao dung trời đất chớ phân vân.

Hạt ngọc huyền không không dấu vết,
Trăng rọi đầu cành tỏ ngộ chân.

CHƯƠNG 18

Nhất Thể Đồng Quán Phân (一体同观分第十八)

Kinh Văn Gốc & Dịch Nghĩa

"须菩提！于意云何？如来有肉眼不？""如是，世尊！如来有肉眼。""须菩提！于意云何？如来有天眼不？""如是，世尊！如来有天眼。""须菩提！于意云何？如来有慧眼不？""如是，世尊！如来有慧眼。""须菩提！于意云何？如来有法眼不？""如是，世尊！如来有法眼。""须菩提！于意云何？如来有佛眼不？""如是，世尊！如来有佛眼。""须菩提！于意云何？恒河中所有沙，佛说是沙不？""如是，世尊！如来说是沙。""须菩提！于意云何？如一恒河中所有沙，有如是等恒河，是诸恒河所有沙数，佛世界如是，宁为多不？""甚多，世尊！"佛告须菩提："尔所国土中，所有众生，若干种心，如来悉知。何以故？如来说：诸心皆为非心，是名为心。所以者何？须菩提！过去心不可得，现在心不可得，未来心不可得。"

Phiên âm Hán – Việt:

Tu-bồ-đề! Ư ý vân hà? Như Lai hữu nhục nhãn phủ? "Như thị, Thế Tôn! Như Lai hữu nhục nhãn." Tu-bồ-đề! Ư ý vân hà? Như Lai hữu thiên nhãn phủ? "Như thị, Thế Tôn! Như Lai hữu thiên

nhãn.” Tu-bồ-đề! Ư ý vân hà? Như Lai hữu tuệ nhãn phủ? ”Như thị, Thế Tôn! Như Lai hữu tuệ nhãn.” Tu-bồ-đề! Ư ý vân hà? Như Lai hữu pháp nhãn phủ? ”Như thị, Thế Tôn! Như Lai hữu pháp nhãn.” Tu-bồ-đề! Ư ý vân hà? Như Lai hữu Phật nhãn phủ? ”Như thị, Thế Tôn! Như Lai hữu Phật nhãn.” Tu-bồ-đề! Ư ý vân hà? Hằng hà trung sở hữu sa, Phật thuyết thị sa phủ? ”Như thị, Thế Tôn! Như Lai thuyết thị sa.” Tu-bồ-đề! Ư ý vân hà? Như nhất Hằng hà trung sở hữu sa, hữu như thị đẳng Hằng hà, thị chư Hằng hà sở hữu sa số Phật thế giới như thị, ninh vi đa phủ? ”Thậm đa, Thế Tôn!” Phật cáo Tu-bồ-đề: ”Nhĩ sở quốc thổ trung, sở hữu chúng sinh, nhược can chủng tâm, Như Lai tất tri. Hà dĩ cố? Như Lai thuyết: Chư tâm giai vi phi tâm, thị danh vi tâm. Sở dĩ giả hà? Tu-bồ-đề! Quá khứ tâm bất khả đắc, hiện tại tâm bất khả đắc, vị lai tâm bất khả đắc.”

Bản dịch nghĩa:

“Này Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? Đức Như Lai có nhục nhãn chăng?”

— “Bạch Thế Tôn, đúng thế! Như Lai có nhục nhãn.”

“Này Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? Đức Như Lai có thiên nhãn chăng?”

— “Bạch Thế Tôn, đúng thế! Như Lai có thiên nhãn.”

“Này Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? Đức Như Lai có tuệ nhãn chăng?”

— “Bạch Thế Tôn, đúng thế! Như Lai có tuệ nhãn.”

“Này Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? Đức Như Lai có pháp nhãn chăng?”

— "Bạch Thế Tôn, đúng thế! Như Lai có pháp nhãn."

"Này Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? Đức Như Lai có Phật nhãn chăng?"

— "Bạch Thế Tôn, đúng thế! Như Lai có Phật nhãn."

"Này Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? Cát có trong sông Hằng, Phật có nói đó là cát chăng?"

— "Bạch Thế Tôn, đúng thế! Như Lai nói đó là cát."

"Này Tu-bồ-đề! Nếu như số cát có trong một dòng sông Hằng, lại có bấy nhiêu dòng sông Hằng, rồi tất cả số cát của các dòng sông Hằng ấy biến thành ngần ấy thế giới chư Phật, thì những thế giới ấy có nhiều chăng?"

— "Bạch Thế Tôn, rất nhiều!"

Đức Phật liền bảo Tu-bồ-đề: "Trong tất cả các cõi nước ấy, có bao nhiêu loài chúng sinh với muôn ngàn thứ tâm niệm sai khác, Đức Như Lai đều thấy biết hết thảy! Vì cớ sao? Như Lai nói: Muôn vàn thứ tâm ấy thảy đều chẳng phải là tâm chân thật, thế nên mới gọi là tâm! Vì nguyên do gì vậy? Này Tu-bồ-đề! **Tâm quá khứ không thể nắm bắt được! Tâm hiện tại không thể nắm bắt được! Tâm tương lai không thể nắm bắt được!**"

18.1 Bình Giảng Toàn Văn Của Cụ Nam Hoài Cẩn

18.1.1 Nhãn Giả Tâm Chi Cơ: Năm Con Mắt Của Đấng Giác Ngộ

Phẩm thứ mười tám mang tên **Nhất Thể Đồng Quán Phân** (cùng nhìn vạn hữu trong một thể tánh bình đẳng). Cổ đức phương Đông có câu: *"Nhãn giả tâm chi cơ"* (Đôi mắt chính là cửa ngõ phát lộ cơ mật của tâm hồn).

Trong phẩm này, Đức Phật rà soát lại năm tầng bậc thị giác tâm linh của vũ trụ:

1. **Nhục nhãn (肉眼)**: Đôi mắt thịt sinh học của con người và loài vật, bị giới hạn bởi không gian và vật cản; có ánh sáng mới thấy, vào phòng tối thì mù tịt.

2. **Thiên nhãn (天眼)**: Con mắt của chư thiên hoặc người tu thiền định khai mở luân xa, nhìn xuyên tường vách, thấy xa nghìn dặm, thấy được các dạng năng lượng và sinh linh vô hình ở cõi trung giới.

3. **Tuệ nhãn (慧眼)**: Con mắt của các bậc A-la-hán, nhìn thấu suốt tánh Không duyên khởi của muôn pháp, đập tan mọi ảo ảnh danh tướng hữu vi.

4. **Pháp nhãn (法眼)**: Con mắt của hàng đại Bồ-tát, không chỉ thấu tánh Không mà còn thấy rõ rành rọt căn cơ sai biệt, tâm tư nguyện vọng của từng chúng sinh để tùy duyên bốc thuốc cứu độ.

5. **Phật nhãn (佛眼)**: Đỉnh cao viên mãn tột cùng, tổng hòa trọn vẹn cả bốn con mắt trên trong một thể tánh bình đẳng như như.

Điều kỳ diệu là Đức Phật hỏi Tu-bồ-đề: *"Như Lai có nhục nhãn chăng?"*, Tu-bồ-đề đáp: *"Có!"*. Ngài hỏi: *"Cát trong sông Hằng, Như Lai có nói đó là cát chăng?"*, Tu-bồ-đề đáp: *"Có!"*.

Cụ Nam Hoài Cẩn giảng: Đấng giác ngộ nhìn đời vô cùng bình dị, thực tế, bình thường! Thấy núi là núi, thấy sông là sông, thấy cát biết là cát, chứ không phải nói năng lảm nhảm, thấy người hóa ma, thấy ma hóa Phật như kẻ thần kinh phân liệt! Ngài kéo toàn bộ sự giác ngộ về chốn đời thường bình đẳng, sống động giữa nhân gian.

18.1.2 Muôn Vàn Tâm Niệm Đều Chẳng Phải Là Tâm

Đức Phật khẳng định một năng lực siêu phàm: Trong hằng hà sa số thế giới vũ trụ mênh mông, có hàng tỷ tỷ chúng sinh với muôn ngàn thứ tâm niệm biến ảo khôn lường, Đức Như Lai đều thấu suốt tận chân tơ kẽ tóc (*Như Lai tất tri*)!

Tại sao Ngài biết hết? Ngài đưa ra một câu trả lời khiến tất cả chúng ta phải giật mình:

> **"Như Lai thuyết chư tâm giai vi phi tâm, thị danh vi tâm!"**
> (Như Lai nói muôn ngàn thứ tâm niệm ấy thảy đều chẳng phải là tâm chân thật, thế nên mới gọi là tâm!).

Cụ Nam cười bảo: Nói trắng ra là Đức Phật đang vạch trần một sự thật phũ phàng: Cái thứ mà phàm phu chúng ta ngày đêm ôm ấp, nâng niu, gọi là "tâm của tôi", "tình cảm của tôi", "tư tưởng của tôi"... thực chất chẳng phải là cái gì chân thật cả! Nó chỉ là mớ bọt bèo sinh diệt, những phản ứng thần kinh biến đổi theo ngoại cảnh: sáng vui, chiều buồn, tối giận, đêm lo. Chúng ta suốt đời làm nô lệ cho những làn sóng cảm xúc giả tạm ấy mà lầm tưởng đó là chính mình! Chân tâm bất sinh

bất diệt vốn phẳng lặng như biển sâu, vắng bóng mọi sóng bợn phiền não.

18.1.3 Tuyên Ngôn Bát-Nhã Vĩ Đại: Ba Tâm Bất Khả Đắc

Đức Phật buông nhát kiếm Kim Cang chém đứt gốc rễ của dòng thời gian tâm lý:

过去心不可得，现在心不可得，未来心不可得。

Quá khứ tâm bất khả đắc!
Hiện tại tâm bất khả đắc!
Vị lai tâm bất khả đắc!

- **Quá khứ tâm bất khả đắc**: Chuyện vừa xảy ra một giây trước đã vĩnh viễn trôi tuột vào quá khứ như dòng nước chảy qua chân cầu, dẫu có dùng máy bay phản lực hay phi thuyền vũ trụ cũng không tài nào kéo nó trở lại được! Thế mà người đời cứ ngồi gặm nhấm, dằn vặt, tiếc nuối chuyện cũ mười năm trước, há chẳng phải là tự tìm dây buộc mình sao?
- **Vị lai tâm bất khả đắc**: Chuyện ngày mai chưa tới, biết bao biến chuyển vô thường, bạn ngồi toan tính lo sợ viển vông để làm gì? Vừa khởi một niệm nghĩ về tương lai thì niệm ấy đã tan biến mất rồi.
- **Hiện tại tâm bất khả đắc**: Ngay khoảnh khắc bạn vừa mở miệng thốt lên chữ "Hiện tại", thì cái giây phút hiện tại ấy đã lập tức hóa thành quá khứ mất rồi! Không có một sát-na nào dừng lại để cho bạn nắm bắt.

Cụ Nam Hoài Cẩn nhấn mạnh: **Bất khả đắc không có nghĩa là Không Có (đoạn diệt)!** Dòng tâm thức luôn luôn sinh sôi, biến chuyển

không ngừng nghỉ (*sinh sinh bất dứt*). Đức Phật dạy ba tâm không thể nắm bắt được là để phá tan thói quen bám víu (*chấp thủ*) của tâm thức. Người ngồi thiền mà cứ cố gò ép mình phải "giữ được trạng thái thanh tịnh", thì cái tâm muốn giữ ấy cũng lập tức trôi vào quá khứ rồi, giữ cái gì mà giữ? Ngay nơi chỗ *không thể nắm bắt được ấy*, buông tay thanh thản, sống trọn vẹn tỉnh giác trong từng khoảnh khắc hiện tiền, đó chính là Đạo!

18.1.4 Đại Công Án: Đức Sơn Bán Bánh và Câu Hỏi Của Bà Lão

Để khắc họa sự bế tắc của những học giả chỉ biết bám vào chữ nghĩa kinh viện khi đối diện với chân lý sống động của Bát-nhã, Thiền tông lưu truyền thiên công án bất hủ về **Thiền sư Đức Sơn Tuyên Giám**:

Đức Sơn vốn là một bậc đại giảng sư kinh điển lừng danh đất phương Bắc, tinh thông tường tận bộ kinh Kim Cang. Ngài đã dày công viết một bộ sớ giải khổng lồ đồ sộ tên là *Thanh Long Sớ Sao*. Khi nghe tin ở phương Nam phong trào Thiền tông đang nở rộ, chủ trương *"Bất lập văn tự, giáo ngoại biệt truyền, trực chỉ nhân tâm, kiến tánh thành Phật"*, Đức Sơn nổi giận đùng đùng bảo: "Bọn ma đầu phương Nam dám cả gan coi thường kinh điển của Phật! Phen này ta phải đích thân chống gậy xuống Nam dẹp tan tà thuyết ấy!".

Nói đoạn, ngài gánh hai sọt lớn đựng đầy bộ sách *Thanh Long Sớ Sao* nặng trịch trên vai, lặn lội ngàn dặm xuống phương Nam. Một buổi trưa hè nắng gắt, bụng đói cồn cào, ngài ghé vào một quán nước ven đường của một bà lão nhà quê để mua chút bánh ăn lót dạ (chữ Hán gọi bánh ăn nhẹ lót dạ là **Điểm tâm** - 点心).

Bà lão thấy vị tăng gánh hai sọt sách nặng trĩu bèn tò mò hỏi: — Bạch thầy, hai cái sọt to tướng kia thầy đựng những sách gì mà nặng

thế? Đức Sơn cao ngạo đáp: — Đây là bộ *Thanh Long Sớ Sao* do chính bần tăng trọn đời biên soạn, chú giải rành rọt từng chữ của bộ kinh Kim Cang vô thượng! Bà lão mỉm cười hiền từ bảo: — Ồ, quý hóa quá! Già này mắt mờ chẳng biết chữ, nhưng cũng thường nghe tụng kinh Kim Cang. Nay già có một câu hỏi về kinh này, nếu thầy trả lời thông suốt thì già xin biếu không toàn bộ số bánh điểm tâm này cho thầy ăn miễn phí; còn nếu thầy ú ớ không đáp được thì mời thầy gánh sách đi nơi khác!

Đức Sơn cười thầm trong bụng: Một bà già bán bánh thất học ở xó rừng quê mùa mà dám thách thức một bậc đại pháp sư giảng kinh Kim Cang đệ nhất thiên hạ sao! Ngài liền gật đầu tự tin bảo: — Bà cứ hỏi đi!

Bà lão liền thong thả cất lời:

> **"Kinh Kim Cang dạy: Quá khứ tâm bất khả đắc, hiện tại tâm bất khả đắc, vị lai tâm bất khả đắc! Vậy chẳng hay bây giờ đại đức muốn mua bánh để 'ĐIỂM' vào cái 'TÂM' nào?"**

Chỉ một câu hỏi giản dị ấy như một tia sét xé toạc bầu trời nổ tung ngay trên đỉnh đầu Đức Sơn! Ngài đứng chết lặng như trời trồng, mồ hôi vã ra như tắm, miệng há hốc mà không thốt ra nổi một lời! Ba tâm đều rỗng rang không thể nắm bắt, vậy thì chiếc bánh thế tục này làm sao chạm tới được cái tâm?

Xấu hổ tột cùng trước tuệ giác siêu việt của một bà lão bán bánh vô danh, Đức Sơn câm lặng gánh hai sọt sách đi thẳng lên núi Long Đàm yết kiến Long Đàm Sùng Tín thiền sư. Sau khi được Long Đàm thổi tắt ngọn nến trong đêm tối mà triệt để đại ngộ, sáng hôm sau Đức Sơn liền châm một mồi lửa, **đốt sạch toàn bộ hai sọt sách Thanh Long Sớ Sao** thành tro tàn giữa sân chùa!

18.1.5 Bài Kệ Tụng Phẩm Thứ Mười Tám Của Cụ Nam Hoài Cẩn

Vào đêm đông tuyết phủ trên đỉnh Nga Mi năm xưa, cụ Nam đã làm bài thơ tứ tuyệt đúc kết phẩm thứ mười tám:

形形色色不同观，手眼分明一道看。
宇宙浮沤心起灭，虚空无著为谁安。

Hình hình sắc sắc bất đồng quan,
Thủ nhãn phân minh nhất đạo khán.
Vũ trụ phù âu tâm khởi diệt,
Hư không vô trước vi thùy an.

Dịch thơ:
Muôn hình vạn sắc cảnh trần gian,
Mắt ngọc nghìn tay chiếu rạng ngời.
Vũ trụ bọt bèo tâm khởi diệt,
Hư không vô trụ hỏi an ai?

Bình giải: Cõi vật lý muôn hình vạn trạng sai biệt khác nhau, nhưng dưới cái nhìn tuệ giác của chư Phật chư Bồ-tát (tượng trưng qua hình tượng *Nghìn mắt nghìn tay* của Bồ-tát Quán Thế Âm) thì thảy đều quy về một thể tánh bình đẳng như như (*nhất đạo khán*). Toàn bộ cõi vũ trụ đại thiên thế giới này chẳng qua chỉ là những bọt nước nổi bồng bềnh trên biển lớn của tự tánh chân tâm, chợt sinh chợt diệt (*vũ trụ phù âu tâm khởi diệt*).

Tâm xưa nay vốn rỗng suốt như hư không, không có chỗ bám víu (*vô trước*), thì hỏi thử tìm cái gì để mà an (*vi thùy an*)? Xưa kia Nhị Tổ Huệ Khả quỳ trước Tổ Đạt Ma cầu xin an tâm: *"Tâm con bất an, xin thầy an tâm cho con!"*. Đạt Ma bảo: *"Đưa tâm đây ta an cho!"*. Huệ

Khả tìm mãi không thấy tâm đâu bèn thưa: *"Con tìm tâm trọn không thể được!"*. Đạt Ma mỉm cười bảo: *"Ta đã an tâm cho ngươi rồi đó!"*.

Thấu suốt được ba tâm bất khả đắc thì ngay nơi chốn trần lao này, bước chân đặt xuống đâu cũng chính là cõi tịnh độ hoa sen an lành muôn thuở!

Kệ Tụng Phẩm Thứ Mười Tám — Nam Sư Đúc Kết

Quá khứ không tìm hiện tại trôi,
Tương lai chưa đến bọt bèo rơi.

Bà lão bên đường câu bánh hỏi,
Đốt sạch sớ kinh rạng đỉnh trời.

CHƯƠNG 19

Pháp Giới Thông Hóa Phân (法界通化分第十九)

Kinh Văn Gốc & Dịch Nghĩa

"须菩提！于意云何？若有人满三千大千世界七宝以用布施，是人以是因缘，得福多不？" "如是，世尊！此人以是因缘，得福甚多。" "须菩提！若福德有实，如来不说得福德多；以福德无故，如来说得福德多。"

Phiên âm Hán – Việt:

Tu-bồ-đề! Ư ý vân hà? Nhược hữu nhân mãn tam thiên đại thiên thế giới thất bảo dĩ dụng bố thí, thị nhân dĩ thị nhân duyên, đắc phước đa phủ? "Như thị, Thế Tôn! Thử nhân dĩ thị nhân duyên, đắc phước thậm đa." "Tu-bồ-đề! Nhược phước đức hữu thực, Như Lai bất thuyết đắc phước đức đa; dĩ phước đức vô cố, Như Lai thuyết đắc phước đức đa."

Bản dịch nghĩa:

"Này Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? Nếu có người đem bảy báu chứa đầy khắp cõi tam thiên đại thiên thế giới ra dùng để bố thí, thì người ấy do nhân duyên đó được phước có nhiều chăng?"

— "Bạch Thế Tôn, đúng thế! Người ấy do nhân duyên đó được

phước rất nhiều.”
“Này Tu-bồ-đề! Nếu như phước đức là một thực thể cố định có thật, thì Như Lai đã chẳng nói là được phước đức nhiều; chính vì **phước đức vốn là không (vô)**, cho nên Như Lai mới nói là được phước đức nhiều!”

19.1 Bình Giảng Toàn Văn Của Cụ Nam Hoài Cẩn

19.1.1 Phước Đức Không Thể Nắm Bắt

Phẩm thứ mười chín mang tên **Pháp Giới Thông Hóa Phân** (năng lực giáo hóa thông suốt khắp cả pháp giới). Trong phẩm ngắn gọn này, Đức Phật lại đưa ra một nghịch lý triết học sâu sắc:

”Dĩ phước đức vô cố, Như Lai thuyết đắc phước đức đa!”
(Chính vì phước đức vốn là Không, cho nên Như Lai mới nói là được phước đức nhiều!).

Cụ Nam Hoài Cẩn giảng giải: Nếu phước đức là một khối vật chất rắn chắc có thật nơi trần gian, như một tảng đá hay một khối vàng, thì dù nó to lớn đến đâu, nó cũng bị giới hạn bởi thể tích, hình khối và không gian chứa đựng nó. Cái gì có hình tướng giới hạn thì cái đó có thể đong đếm được, và do đó không thể gọi là “vô lượng vô biên”!

Chính vì bản chất của phước đức chân thật vốn là **vô tướng, rỗng rang như hư không**, không có hình khối nào ràng buộc được nó, nên tâm lượng người bố thí rộng mở bao la đến đâu thì phước đức ấy trùm khắp pháp giới bấy nhiêu!

19.1.2 Thanh Phước: Thứ Phước Báu Không Ai Thèm

Cụ Nam tâm sự một sự thật cười ra nước mắt: Ở đời, người ta chỉ tranh nhau cầu **Hồng phước** (phước giàu sang, nhà lầu, xe hơi, danh vọng ồn ào). Đó là thứ phước hữu hạn, đầy rẫy tranh đoạt và lo toan. Còn **Thanh phước** — sự rảnh rang, an tịnh nơi tâm hồn, không bị tham sân si trói buộc, ngồi nhấp ngụm trà ngắm mây bay hoa nở — thì người đời lại coi như thứ rẻ rúng chẳng ai thèm ngó ngàng!

Chỉ có bậc trí tuệ thấu suốt Bát-nhã mới nhận ra rằng: Thanh phước vô vi mới chính là kho tàng phước đức vĩnh cửu không bao giờ hao mòn của cõi trời người.

19.1.3 Bài Kệ Tụng Phẩm Thứ Mười Chín Của Cụ Nam Hoài Cẩn

Vào đêm đông tuyết phủ trên đỉnh Nga Mi năm xưa, cụ Nam đã làm bài thơ tứ tuyệt đúc kết phẩm thứ mười chín:

飒飒风从万里来，韶华散落尽残颓。
何如受尔般若法，万劫长青绝点埃。

Táp táp phong tòng vạn lý lai,
Thiều hoa sái lạc tận tàn đồi.
Hà như thọ nhĩ Bát-nhã pháp,
Vạn kiếp trường thanh tuyệt điểm ai.

Dịch thơ:
Vù vù gió lộng vạn trùng khơi,
Tuổi trẻ hoa tàn rụng tác tơi.
Sao bằng tiếp nhận kinh Bát-nhã,
Muôn kiếp xanh tươi sạch bụi đời!

Bình giải: Ngọn gió vô thường từ muôn dặm xa xôi thổi tới quét sạch mọi vinh hoa phú quý của tuổi xuân (*thiều hoa sái lạc tận tàn đồi*). Đời người dẫu giàu sang quyền quý đến đâu, cuối cùng cũng tàn tạ theo năm tháng. Chi bằng quay về tiếp nhận giáo pháp Bát-nhã vô thượng, thắp sáng tự tánh thanh tịnh, thì muôn kiếp muôn đời vẫn mãi xanh tươi tự tại, sạch bóng mọi bụi trần ô trọc!

Kệ Tụng Phẩm Thứ Mười Chín — Nam Sư Đúc Kết

Bảy báu đầy trời phước có vơi,
Phước không ngằn mé rạng chân trời.

Gió thu quét sạch hoa tàn rụng,
Bát-nhã trăng trong sáng vạn đời.

CHƯƠNG 20

Ly Sắc Ly Tướng Phân (离色离相分第二十)

Kinh Văn Gốc & Dịch Nghĩa

"须菩提！于意云何？佛可以具足色身见不？""不也，世尊！如来不应以具足色身见。何以故？如来说：具足色身，即非具足色身，是名具足色身。""须菩提！于意云何？如来可以具足诸相见不？""不也，世尊！如来不应以具足诸相见。何以故？如来说：诸相具足，即非具足，是名诸相具足。"

Phiên âm Hán – Việt:

Tu-bồ-đề! Ư ý vân hà? Phật khả dĩ cụ túc sắc thân kiến phủ? "Bất dã, Thế Tôn! Như Lai bất ưng dĩ cụ túc sắc thân kiến. Hà dĩ cố? Như Lai thuyết: Cụ túc sắc thân, tức phi cụ túc sắc thân, thị danh cụ túc sắc thân." "Tu-bồ-đề! Ư ý vân hà? Như Lai khả dĩ cụ túc chư tướng kiến phủ?" "Bất dã, Thế Tôn! Như Lai bất ưng dĩ cụ túc chư tướng kiến. Hà dĩ cố? Như Lai thuyết: Chư tướng cụ túc, tức phi cụ túc, thị danh chư tướng cụ túc."

Bản dịch nghĩa:

"Này Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? Có thể lấy sắc thân viên mãn đầy đủ mà thấy được Phật chăng?"

— “Bạch Thế Tôn, không! Như Lai không nên lấy sắc thân viên mãn đầy đủ mà thấy được. Vì cớ sao? Như Lai nói sắc thân viên mãn đầy đủ, tức chẳng phải sắc thân viên mãn đầy đủ, thế nên mới gọi là sắc thân viên mãn đầy đủ!”
“Này Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? Đức Như Lai có thể lấy các tướng mạo viên mãn đầy đủ mà thấy được chăng?”
— “Bạch Thế Tôn, không! Như Lai không nên lấy các tướng mạo viên mãn đầy đủ mà thấy được. Vì cớ sao? Như Lai nói các tướng mạo viên mãn đầy đủ, tức chẳng phải viên mãn đầy đủ, thế nên mới gọi là các tướng mạo viên mãn đầy đủ!”

20.1 Bình Giảng Toàn Văn Của Cụ Nam Hoài Cẩn

20.1.1 Đại Trượng Phu Tướng và Sắc Thân Huyễn Hóa

Phẩm thứ hai mươi mang tên **Ly Sắc Ly Tướng Phân** (rời xa sắc thân và hình tướng). Trong phẩm này, Đức Phật rà soát lại hai khái niệm tối thượng về diện mạo của đấng Giác Ngộ: **Cụ túc sắc thân** (thân thể tràn đầy sinh khí, tráng kiện, đoan nghiêm của bậc đại trượng phu) và **Cụ túc chư tướng** (ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp).

Người đời tôn kính một vị Phật thường vì chiêm ngưỡng kim thân sáng rực, tướng mạo phi phàm, giọng nói vang rền như chuông đồng ngân. Thế nhưng Đức Phật nhắc đi nhắc lại: **Đừng bao giờ lầm tưởng sắc thân ấy là Như Lai!**

Sắc thân ấy dẫu có hoàn hảo đến đâu thì cũng do tinh cha huyết mẹ, tứ đại đất, nước, gió, lửa hòa hợp mà thành; đến năm tám mươi tuổi,

thân ấy cũng phải nhuốm màu sương gió già nua, cũng đau lưng mỏi gối, cũng phải nhập Niết-bàn xả bỏ nhục thân để lại tro tàn xá-lợi. Nếu bạn bám chặt vào cái thân xác thịt ấy mà coi là Phật chân thật, thì bạn đã bỏ quên Pháp thân vô tướng thường hằng!

20.1.2 Bồ-Tát Nhục Thân Nơi Trần Gian

Cụ Nam Hoài Cẩn giảng: Chúng ta sống giữa cõi đời, ai cũng yêu quý cái thân xác này, chăm chút trang điểm, ăn ngon mặc đẹp. Nhưng thử ngẫm mà xem:

> Năm mươi năm, sáu mươi năm trôi qua như một cái chớp mắt! Thân xác tráng kiện thời thanh niên nay biến đi đâu mất rồi? Tóc xanh hóa bạc, da dẻ nhăn nheo, bước đi run rẩy. Thân này chẳng qua chỉ là một cỗ xe mượn tạm của trời đất để hành đạo mà thôi!

Bậc Bồ-tát nhục thân sống giữa thế gian không ruồng bỏ thân xác, nhưng cũng tuyệt đối không tham luyến si mê nơi thân xác. Mượn thân huyễn giả này để làm những việc thiện ích cho muôn loài, việc xong thì thanh thản xả bỏ như người trút bỏ tấm áo cũ. Đó chính là ý nghĩa: *"Cụ túc sắc thân, tức phi cụ túc sắc thân, thị danh cụ túc sắc thân"*.

20.1.3 Bài Kệ Tụng Phẩm Thứ Hai Mươi Của Cụ Nam Hoài Cẩn

Vào đêm đông tuyết phủ trên đỉnh Nga Mi năm xưa, cụ Nam đã làm bài thơ tứ tuyệt đúc kết phẩm thứ hai mươi:

五十年来自爱身，半生何事惹尘缘。
自从悟得金刚眼，不著尘埃不著禅。

Ngũ thập niên lai tự ái thân,
Bán sinh hà sự nhạ trần duyên.
Tự tùng ngộ đắc kim cang nhãn,
Bất trước trần ai bất trước thiền.

Dịch thơ:
Năm mươi năm ấy tiếc thân mòn,
Nửa kiếp vì đâu vướng bụi non?
Từ thuở ngộ ra tròng mắt thép,
Chẳng vương trần lụy, chẳng vương thiền!

Bình giải: Suốt mấy mươi năm trần thế, con người ta mê muội nuông chiều, yêu quý cái thân xác tạm bợ này (*tự ái thân*), vì nó mà bươn chải tranh đoạt, chuốc lấy muôn vạn trần duyên oan nghiệt. Nhưng kể từ khoảnh khắc bừng mở con mắt tuệ Bát-nhã kim cương (*kim cang nhãn*), nhìn thấu suốt sắc thân chỉ là bọt bèo ảo ảnh, thì tâm hồn thảnh thơi tự tại tuyệt đối: **Bụi trần thế gian không vướng, mà ngay cả cảnh giới Thiền định giải thoát cũng chẳng thèm dính mắc!** Đó mới chính là phong thái tự do tự tại của bậc đại giác ngộ.

Kệ Tụng Phẩm Thứ Hai Mươi — Nam Sư Đúc Kết

Sắc thân ba chục tướng trang nghiêm,
Huyễn hóa nghìn thu chớ bận tìm.
Mở toang tuệ nhãn nhìn vạn pháp,
Chẳng vướng bụi trần, chẳng vướng thiền!

CHƯƠNG 21

Phi Thuyết Sở Thuyết Phân (非说所说分第二十一)

Kinh Văn Gốc & Dịch Nghĩa

"须菩提！汝勿谓如来作是念：'我当有所说法。'莫作是念，何以故？若人言：如来有所说法，即为谤佛，不能解我所说故。须菩提！说法者，无法可说，是名说法。"尔时，慧命须菩提白佛言："世尊！颇有众生，于未来世，闻说是法，生信心不？"佛言："须菩提！彼非众生，非不众生。何以故？须菩提！众生众生者，如来说非众生，是名众生。"

Phiên âm Hán – Việt:

"Tu-bồ-đề! Nhữ vật vị Như Lai tác thị niệm: 'Ngã đương hữu sở thuyết pháp.' Mạc tác thị niệm! Hà dĩ cố? Nhược nhân ngôn: Như Lai hữu sở thuyết pháp, tức vi báng Phật, bất năng giải ngã sở thuyết cố. Tu-bồ-đề! Thuyết pháp giả, vô pháp khả thuyết, thị danh thuyết pháp."

Nhĩ thời, Tuệ Mạng Tu-bồ-đề bạch Phật ngôn: "Thế Tôn! Phả hữu chúng sinh, ư vị lai thế, văn thuyết thị pháp, sinh tín tâm phủ?" Phật ngôn: "Tu-bồ-đề! Bỉ phi chúng sinh, phi bất chúng sinh. Hà dĩ cố? Tu-bồ-đề! Chúng sinh chúng sinh giả, Như Lai thuyết phi chúng sinh, thị danh chúng sinh."

Bản dịch nghĩa:
”Này Tu-bồ-đề! Ông chớ bảo rằng Như Lai khởi nghĩ thế này: ’Ta có thuyết pháp.’ Đừng nghĩ như vậy! Vì cớ sao? Nếu có kẻ bảo rằng Như Lai có thuyết pháp, kẻ ấy tức là **phỉ báng Phật**, vì không hiểu được điều Ta nói! Này Tu-bồ-đề, người thuyết pháp thực chất là **không có pháp nào có thể thuyết được cả**, ấy chỉ tạm gọi là thuyết pháp mà thôi!”
Bấy giờ, ngài Tuệ Mạng Tu-bồ-đề thưa với Phật: ”Bạch Thế Tôn! Liệu trong đời vị lai, có chúng sinh nào nghe được pháp này mà sinh khởi lòng tin chân thật chăng?”
— Đức Phật bảo: ”Này Tu-bồ-đề! Họ chẳng phải là chúng sinh, mà cũng chẳng phải không phải chúng sinh. Vì sao thế? Này Tu-bồ-đề, cái gọi là ’chúng sinh, chúng sinh’ đó, Như Lai nói chẳng phải chúng sinh thật có, ấy chỉ tạm mượn tên gọi là chúng sinh mà thôi.”

21.1 Lời Bình Giảng Của Cụ Nam Hoài Cẩn

21.1.1 Căn Bản Không Nói Gì Hết!

Đoạn kinh này là do chính Đức Phật tự nêu ra, tự nói một mình rồi quay sang căn dặn Tu-bồ-đề. Ngài bảo: Này ông, ngàn vạn lần chớ có khởi lên cái quan niệm này! Quan niệm gì? Ông chớ có nghĩ rằng Phật ở cõi đời này đã từng thuyết pháp!

Trên thực tế lịch sử, Đức Thích Ca tam thập nhất tuế ngộ đạo, ba mươi mốt tuổi giác ngộ dưới cội bồ-đề liền bắt đầu đi hoằng hóa thuyết pháp, đến năm tám mươi tuổi nhập Niết-bàn, suốt bốn mươi chín năm ròng rã nói pháp không ngừng nghỉ. Thế mà ở đây, Ngài một mực phủ

nhận sạch trơn! Ngài bảo: *"Mạc tác thị niệm"* — chớ có mảy may giữ cái ý niệm rằng Ta đã từng nói Phật pháp. *"Hà dĩ cố?"* — Vì lý do gì? *"Nhược nhân ngôn Như Lai hữu sở thuyết pháp, tức vi báng Phật, bất năng giải ngã sở thuyết cố."* Giả sử có kẻ dám bảo rằng Như Lai từng thuyết một thứ pháp cụ thể nào đó, kẻ ấy chính là đang phỉ báng Phật!

Kỳ lạ chưa! Người ta tán thán Phật thuyết pháp thì Ngài lại quy cho tội hủy báng Như Lai! Vì duyên cớ gì? Vì kẻ ấy tuy học Phật, nghe Phật giảng kinh nhưng căn bản chẳng hiểu nổi yếu chỉ Phật pháp là gì, chẳng ngộ được chân tướng giải thoát nên mới bảo rằng Phật có thuyết pháp. Đó là lời nói mê muội sai lầm cùng cực.

Nếu xét trên giác độ giáo dục thế gian, một nhà giáo dục chân chính sẽ vô cùng thấm thía chân lý này của Phật, quả thật chẳng sai một mảy may. Một kẻ đứng trên bục giảng dạy học mấy chục năm như tôi, thú thật cảm thấy đó là một hình thức "thọ tội", vì tội nghiệp sâu nặng kiếp trước nên kiếp này mới phải đi dạy học, thật là đau đớn khổ sở vô cùng! Tại sao lại nói cay đắng như vậy?

Giả sử trong giảng đường có một trăm sinh viên ngồi nghe, cùng một câu nói của ông thầy thốt ra, một trăm cái đầu bên dưới sẽ có một trăm phản ứng và cách lĩnh hội hoàn toàn khác biệt! Đôi khi ông thầy chỉ vào tấm bảng bảo đây là màu trắng, tan học sẽ có ngay năm sáu sinh viên quả quyết với bạn bè rằng: "Thầy vừa dạy màu xám!". Cho nên những ai dấn thân vào nghiệp giáo dục lâu năm đều thấm thía sự bất lực của ngôn ngữ.

Mặt khác, rào cản lớn nhất của tất cả chúng sinh chính là ngôn ngữ văn tự. Ngôn ngữ loài người hoàn toàn bất lực trong việc truyền tải trọn vẹn ý thức và cảnh giới nội tâm. Bởi thế trong học thuật hiện đại mới đẻ ra một bộ môn chuyên sâu gọi là *Ngữ nghĩa học* (Semantics) để nghiên cứu vấn nạn bế tắc này.

Ví như câu hỏi rất đỗi thông thường: *"Anh ăn cơm chưa?"*. Một câu hỏi bâng quơ xã giao mà ném vào xã hội sẽ gặt về đủ thứ phản ứng:

- Người vui tính nghe xong thấy ấm lòng: "Chà, anh ấy quan tâm mình ghê, lo cả chuyện mình đã ăn cơm hay chưa!".
- Kẻ nghèo hèn đang tự ti mặc cảm thì tím mặt giận dữ: "Rõ ràng hắn biết túi mình hôm nay không có xu nào mua cơm hộp, cố tình hỏi để xỏ xiên, nhục mạ mình đây mà, đồ đáng ghét!".
- Kẻ đa nghi nhìn đời bằng nửa con mắt thì nhếch mép: "Gớm, cái gã này khéo vờ vịt, làm bộ quan tâm ân cần để lấy lòng người khác, thật là đạo đức giả!".

Cùng một câu bốn chữ mà bốn phương tám hướng hiểu thành mười phương trời. Cho nên sự trao đổi, tương thông giữa lòng người với lòng người khó khăn đến mức độ ấy! Nhiều khi im lặng không nói một lời lại dễ hiểu nhau, hễ mở miệng thốt ra lời là sinh bao điều thị phi hiểu lầm. Chẳng riêng gì loài người, các loài động vật trong tự nhiên cũng đâu cần dùng miệng lưỡi nói năng. Hai con cá bơi lội dưới nước chỉ cần liếc mắt nhìn nhau một cái là hiểu ý. Đàn dơi bay lượn trong hang tối chỉ cần sóng cánh cảm nhận là tự động tránh nhau mười phân vẹn mười.

Da thịt của chúng ta cũng biết "nói chuyện". Có ai đó vô tình ghé sát lưng, ta tự nhiên cảm thấy bức bối nóng nực muốn né ra xa, ấy là vì tế bào da đang giao tiếp. Đạo lý ngữ nghĩa là như vậy: Hễ cậy vào lời nói nơi cửa miệng là lập tức sinh ngộ nhận.

Thế nên Đức Phật mới giải thích: Bản ý thuyết pháp của Ngài là muốn chúng sinh nghe xong thì ngộ nhập tự tính, tuyệt đối chớ có chấp tướng, đừng bao giờ ôm ghì lấy những danh từ giáo lý của Ngài mà không chịu buông ra! Ngộ đạo, thành Phật là chứng đắc Vô thượng

Chính đẳng Chính giác. Pháp Phật nói ra chỉ như chiếc bè qua sông (thị pháp như phạt dụ giả). Qua được dòng sông mê sang bờ giác bên kia rồi thì phải vứt chiếc bè lại, chứ ai đời lại vác khư khư chiếc bè gỗ trên lưng đi nghênh ngang giữa phố chợ!

Thậm chí nếu anh tự bơi lội qua sông được thì có cần chiếc bè của Phật không? Càng tốt chứ sao! Phật đâu có ép anh nhất định phải ngồi lên chiếc thuyền của Ngài. Thiền tông sau này có rất nhiều thủ pháp giáo dục kỳ tuyệt: Chư Tổ chẳng thèm cho anh chiếc bè nào cả, đạp anh té nhào xuống nước để anh tự vùng vẫy bơi qua biển khổ sinh tử!

Mục đích Phật thuyết pháp là để chúng ta thấu hiểu chân lý rốt ráo ấy. Nào ngờ hậu thế học Phật, tự tâm chẳng chịu minh tâm kiến tính, lại cứ đâm đầu bám chặt vào văn tự giáo điều, coi từng lời Phật dạy là chân lý bất di bất dịch, đúng là cảnh ”cầm lông gà coi thành lệnh tiễn”! Cho nên ở đây Đức Thế Tôn mới một mực phủ nhận, bảo rằng ai nói Ta thuyết pháp tức là phỉ báng Phật, bởi vì kẻ ấy *”bất năng giải ngã sở thuyết cố”* — chẳng hiểu nổi bản hoài trong lời Ta nói!

21.1.2 Tôn Giả Ca-diệp Mỉm Cười

> *”Tu-bồ-đề! Thuyết pháp giả, vô pháp khả thuyết, thị danh thuyết pháp.”*

Phật pháp chân thật rốt ráo, Đức Phật chỉ dùng một câu là gom trọn: **Bất khả tư nghị!** (Không thể nghĩ bàn, vượt ngoài mọi suy lường và lời nói).

Đến thời Thiền tông đời sau, người ta ghi chép câu chuyện kinh điển trên hội Linh Sơn: Một hôm Đức Thế Tôn đăng tòa thuyết pháp, hàng ngàn đệ tử chắp tay cung kính ngồi chờ Ngài mở lời vàng ngọc. Chờ mãi, chờ mãi mà Đức Phật chẳng thốt một lời. Bất thần, Ngài đưa tay nhặt một đóa hoa sen trên bàn pháp, khẽ xoay nhẹ trước đại chúng.

Hàng ngàn đệ tử ngơ ngác nhìn nhau, chẳng ai hiểu Đức Thế Tôn đang làm cái trò gì. Duy chỉ có đại đệ tử Ma-ha Ca-diệp đứng bên cạnh là **phá nhan vi tiếu** (破颜微笑) — nhoẻn miệng mỉm cười!

Cổ nhân dùng chữ **"Phá"** (破) này thật là thần tình tuyệt diệu! Giữa bầu không khí trang nghiêm nghẹt thở, ai nấy đều căng thẳng tột cùng chờ đợi lời giáo huấn, tôn giả Ca-diệp không kìm nén được nữa mà bật ra một nụ cười rạng rỡ!

Ánh mắt Đức Phật chạm phải nụ cười ấy, Ngài liền trang trọng tuyên bố giữa pháp hội:

"吾有正法眼藏，涅盘妙心，实相无相，微妙法门，不立文字，教外别传，付嘱摩诃迦叶。"

"Ngô hữu chính pháp nhãn tạng, Niết-bàn diệu tâm, thực tướng vô tướng, vi diệu pháp môn, bất lập văn tự, giáo ngoại biệt truyền, phó chúc Ma-ha Ca-diệp."

(Ta có mắt sáng chứa chính pháp, tâm mầu nhiệm Niết-bàn, thực tướng không có hình tướng, pháp môn vi diệu sâu xa, không lập văn tự, truyền riêng ngoài giáo điển, nay phó chúc truyền trao cho Ma-ha Ca-diệp!)

Bởi vì Ca-diệp đã ngộ, tâm tâm tương ấn! Đó chính là cội nguồn khai sinh ra dòng chảy Thiền tông Đông độ.

Chúng ta thử tĩnh tâm suy ngẫm xem: Phật nhặt đóa hoa đưa lên khẽ xoay, rốt cuộc mang ý nghĩa gì? Đó chính là minh chứng hùng hồn nhất cho câu: **Người thuyết pháp thực chất không có pháp gì để thuyết cả!** Không có bất kỳ một khuôn mẫu cố định nào để gò ép chân lý. Pháp chân thật đến chỗ tột cùng là bất khả thuyết, bất khả tư nghì. Hễ mở miệng nói ra thì đã rơi vào "đệ nhị nghĩa", chẳng còn là "đệ nhất nghĩa đế" nữa rồi!

Diệu pháp vô thượng xưa nay vốn không thể dùng lời diễn đạt. Cho nên khi Đức Thích Ca đại triệt đại ngộ dưới cội bồ-đề, thoạt tiên Ngài

toan lập tức nhập Niết-bàn, muốn rời bỏ cõi trần ngay. Ngài căn bản chẳng hề có ý định ngồi giảng giải Kinh Kim Cương hay hàng ngàn bộ kinh khác làm chi cho nhọc sức. Kinh văn ghi lại: Bấy giờ trời Đế Thích và chư Thiên vội vã giáng trần quỳ mọp dưới chân Ngài tha thiết cầu khẩn: ”Bạch Thế Tôn, xin Ngài ngàn vạn lần chớ làm như vậy! Vô lượng kiếp qua Ngài đã phát đại thệ nguyện sau khi thành đạo sẽ cứu độ muôn loài, nay Ngài chứng quả bồ-đề lại toan rũ áo ra đi mặc kệ thế gian chìm trong biển khổ hay sao?”.

Khi ấy Đức Phật đã thốt ra câu gì? Cả Kinh Hoa Nghiêm và Kinh Pháp Hoa đều ghi lại lời than của Phật:

“止！止！我法妙难思。”

”Chỉ! Chỉ! Ngã pháp diệu nan tư!”

(Dừng lại! Dừng lại! Pháp của Ta huyền diệu khôn lường nghĩ bàn!)

Chỉ vỏn vẹn một câu ấy thôi đã hàm tàng toàn bộ cốt tủy của Kim Cương Bát-nhã! Ngài lặp lại liên tiếp hai chữ: **”Chỉ! Chỉ!”** (Dừng lại! Hãy dừng bặt đi!). Ý Ngài muốn bảo: Các ngươi hãy dừng bặt mọi suy nghĩ vọng tưởng lại! Thứ pháp mà Ta thân chứng, đem đầu óc phàm phu ra mà nói thì các ngươi làm sao hiểu nổi!

Một chữ **”Chỉ”** (止) ấy cũng chính là mật pháp chỉ thẳng: **Nhất niệm bất sinh, toàn thể hiện!** (Một niệm không dấy khởi, bản tính thanh tịnh hiển lộ tròn đầy). Dừng lại, muôn ngàn vọng niệm bặt dứt, mọi phiền não tiêu tan, vạn pháp quy về Không tịch, an định ngay tại đó, tức khắc ngươi sẽ hiểu được Phật pháp! Cho nên nói: *”Chỉ! Chỉ! Ngã pháp diệu nan tư”*, thấu suốt câu này thì Kinh Kim Cương cũng chẳng cần phải giảng thêm một lời nào nữa!

Thế nhưng trên đời, cái tâm con người ta là khó dừng nhất! Tâm viên ý mã lăng xăng suốt ngày đêm, bảo nó dừng lại một giây cũng

không nổi! Nếu cái tâm này mà chịu dừng (Chỉ), thì giới, định, tuệ, lục độ vạn hạnh tự khắc từ nơi thanh tịnh ấy mà dựng lập, mà sinh khởi.

Thế nên toàn bộ ba tạng mười hai bộ kinh điển mà Đức Phật nói ra suốt 49 năm, xét cho cùng chỉ là phương tiện thiện xảo, là những bài học mang tính ”phương pháp giáo dục”. Đã là phương pháp giáo dục thì chức năng duy nhất của nó là giúp học trò ngộ ra bản thể. Kẻ nào ngu xuẩn ôm chặt lấy phương pháp giáo dục của thầy rồi coi đó là chân lý tuyệt đối của đời mình thì thật là đại nghịch bất đạo!

Bàn về đạo thầy trò dạy học, các đại sư Thiền tông xưa có đúc kết một câu châm ngôn kinh điển:

“见与师齐，减师半德。见过于师，方堪传授。”

”Kiến dữ sư tề, giảm sư bán đức.
Kiến quá ư sư, phương kham truyền thụ.”

(Cái thấy hiểu của trò mà chỉ bằng thầy, tức là đã làm suy giảm một nửa công đức của thầy. Cái thấy hiểu của trò phải vượt trội hơn thầy, mới xứng đáng được truyền thụ y bát!)

Tại sao vậy? Giả sử ông thầy tám mươi tuổi râu tóc bạc phơ mới tích lũy được tầng công phu ấy, chú đệ tử ba mươi tuổi ngộ đạo mà trình độ thấy biết chỉ ngang bằng thầy, thì xét về mặt công phu rèn luyện đệ tử đã thua thầy đến năm mươi năm công lực, há chẳng phải là ”giảm sư bán đức” hay sao! Phải là hạng học trò có cái nhìn sắc bén, đột phá vượt xa cả thầy mình thì mới mong gánh vác nổi đại nghiệp tổ tông.

Rất nhiều bậc cao tăng thạc đức thời xưa thở dài than thở suốt đời không tìm ra người trao truyền y bát, cũng chỉ vì thiên hạ nghe pháp thì nhiều, nhưng toàn là hạng nhai lại bã mía của người đi trước, chứ mấy ai dám nhảy vọt ra ngoài ngôn ngữ để ”kiến quá ư sư”! Lời Phật dạy ở đây chính là muốn đệ tử vượt thoát khỏi chiếc bè phương tiện để tự mình thành Phật, chứ không phải biến thành kẻ nô lệ của chữ nghĩa.

21.1.3 Tại Sao Gọi Là Tuệ Mạng Tu-bồ-đề?

Đến đây, mạch kinh bất thần chuyển hướng. Xin đại chúng hết sức lưu ý! Ở các phẩm trước, kinh văn chỉ gọi đơn giản là *"Tu-bồ-đề, Tu-bồ-đề"*. Nhưng ngay tại đoạn này, ngài Cưu-ma-la-thập khi dịch Phạn văn sang Hán văn đã trân trọng thêm vào hai chữ tối quan trọng: **Tuệ Mạng Tu-bồ-đề** (慧命须菩提).

Phải chăng ngài Cưu-ma-la-thập thừa giấy vẽ voi? Không hề! Đức Phật từ đầu đến giờ đâu có truyền cho ta một pháp môn bí mật nào! Ngài chỉ dặn ba điều:

1. Đừng nhận lầm thân xác máu thịt 32 tướng tốt này là Phật thật.
2. Đừng chấp tướng, đừng bám chấp vào cảnh giới.
3. Ngài tuyên bố suốt đời Ngài chưa từng nói một câu Phật pháp nào!

Chỉ có ba điểm then chốt ấy thôi, chẳng có bùa chú hay bí kíp gì cả! Nhưng dường như trong toàn thể đại hội, có một người đã thực sự thấu suốt gan ruột của Đức Thế Tôn. Người ấy chính là vị đại sư huynh Tu-bồ-đề của chúng ta! Thấu triệt được tính Không rốt ráo ấy tức là đủ tư cách gánh vác mạng mạch trí tuệ của Như Lai trên vai, cho nên mới được tôn xưng là **Tuệ Mạng Tu-bồ-đề**!

Trong hàng đại đệ tử của Phật, nói về chứng ngộ tính Không Bát-nhã thì Tu-bồ-đề đứng hàng đệ nhất. Ngày nay, bất kỳ ai trong chúng ta ngồi đây học Phật, chỉ cần trong một sát-na tâm niệm mà chứng ngộ được tự tính vốn Không tịch, người đó liền lập tức tiếp nhận được tuệ mạng của chư Phật, nối tiếp ngọn đèn trí tuệ Bát-nhã không bao giờ tắt. Đó chính là ý nghĩa đích thực của hai chữ "Truyền Đăng" (nối lửa truyền đèn).

Bậc chứng ngộ Tuệ Mạng Tu-bồ-đề nghe đến đây liền hiểu ngay: Phật pháp là bất khả thuyết, bất khả thuyết, vốn chẳng có thứ gì trên đời này có thể đem ra ba hoa thuyết giảng được cả. Nhưng chính vì ngài đã ngộ, ngài lại khởi lòng từ bi lo lắng cho hậu thế:

> *"Bạch Thế Tôn! Liệu trong đời vị lai, có chúng sinh nào nghe được những lời phá chấp triệt để như thế này mà sinh khởi lòng tin chân thật chăng?"*

Đức Phật đáp lại một câu tuyệt diệu vô song, căn bản chẳng thèm trả lời trực diện vào câu hỏi của ngài:

> *"Phật ngôn: Tu-bồ-đề! Bỉ phi chúng sinh, phi bất chúng sinh."*

Hay chưa! Phật bảo: Chúng sinh nào? Vốn dĩ làm gì có chúng sinh!

Lời nói này nghe qua thật nghiêm túc đến rợn người! Hậu thế chúng ta bỗng chốc bị Đức Thế Tôn phủ nhận sạch bách! Thế nào gọi là chúng sinh? Bản lai diện mục vốn chẳng hề có cái gọi là chúng sinh!

Chiếu theo lời giải thích mỉa mai của học giả Cố Đình Lâm thời nhà Nho, đây chẳng khác nào trò đùa của hai chiếc thùng gỗ: Một thùng chứa đầy nước, một thùng rỗng tuếch; trút qua trút lại rốt cuộc cũng chỉ có ngần ấy nước! Nào là *"Thị pháp giả, tức phi pháp, thị danh vi pháp"*; nào là *"Sắc thân giả, tức phi sắc thân, thị danh sắc thân"*... toàn là cái điệp khúc ấy lặp đi lặp lại!

Nhìn bề ngoài thì tưởng như luẩn quẩn vô nghĩa, nhưng thâm ý của Phật thật là chấn động. Tu-bồ-đề hỏi: Đời sau nghe pháp này liệu có tin nổi không? Phật không bảo tin hay không tin, mà Ngài hỏi ngược lại: Chúng sinh nào ở đây? Chúng sinh vốn chẳng phải chúng sinh, mà cũng chẳng phải không phải chúng sinh!

Nghe Phật nói đến đây, có lẽ chúng ta nên dọn dẹp tập vở rồi mau mau tan học về nhà ngủ cho khỏe! Khỏi cần ngồi đây nghe giảng Kinh Kim Cương làm gì nữa, bởi vì chúng ta căn bản đâu phải là chúng sinh!

21.1.4 Hòn Đá Gật Đầu: Điển Cố Đạo Sinh Pháp Sư

Chẳng phải chúng sinh thì là cái gì? **Mỗi mỗi người đều vốn là Phật!** Hết thảy chúng sinh xưa nay bản lai thanh tịnh, vốn sẵn là Phật! Đó chính là bức màn bí mật tối hậu mà Đức Thế Tôn giật tung ra cho chúng ta thấy. Nói cách khác, Ngài bảo Tu-bồ-đề: Ông việc gì phải lo bò trắng răng! Hết thảy bọn họ tương lai ai nấy đều sẽ thành Phật cả thôi!

Đạo lý kinh thiên động địa này, Đức Phật đã từng tuyên thuyết tường tận trong Kinh Pháp Hoa và Kinh Đại Bát Niết-bàn. Trong văn học cổ điển Trung Hoa có câu ngạn ngữ lừng danh:

"生公说法，顽石点头。"

"Sinh công thuyết pháp, ngoan thạch điểm đầu."

(Thầy Đạo Sinh thuyết pháp, đá trơ trọi cũng phải gật đầu lia lịa!)

Điển cố này bắt nguồn từ chính lịch sử dịch thuật Kinh Niết-bàn vào thời Nam Bắc Triều: Bấy giờ có một vị danh tăng trẻ tuổi tên là Đạo Sinh (tức Sinh công), học vấn uyên bác tài hoa xuất chúng. Lúc bấy giờ, bộ Kinh Đại Bát Niết-bàn đồ sộ từ Thiên Trúc truyền sang Trường An mới chỉ được dịch có một nửa phần đầu. Trong nửa phần kinh văn ấy, có đề cập đến một nghi án giáo lý hóc búa bậc nhất: **Hạng người Nhất-xiển-đề (Icchantika) có thể thành Phật được hay không?**

Nhất-xiển-đề trong kinh điển là tiếng Phạn chỉ cho hạng người tội ác tày trời, đoạn tuyệt mọi căn lành, tàn nhẫn vô đạo, giết cha giết mẹ, phá hòa hợp tăng, làm chảy máu mình Phật, làm đủ mọi việc ác độc trên

thế gian, chắc chắn phải đọa vào địa ngục Vô Gián muôn kiếp không ngày ngẩng đầu lên được. Giống như ngoài đời bị kết án tử hình hoặc chung thân khổ sai, vĩnh viễn không được ân xá. Hạng đại ác ma ấy liệu có Phật tính để thành Phật hay không?

Các bậc tôn túc thời bấy giờ căn cứ vào nửa bộ kinh dịch dở đều đồng thanh khẳng định: Kẻ đại ác tuyệt đối không thể thành Phật! Riêng một mình chàng pháp sư trẻ Đạo Sinh bằng trực giác Bát-nhã siêu phàm đã viết một bản luận văn chấn động: **Hạng Nhất-xiển-đề vẫn có Phật tính, hết thảy chúng sinh cuối cùng đều sẽ thành Phật!**

Luận điểm vừa tung ra, cả giới Phật giáo phương Bắc nổi trận lôi đình! Chư tăng già trẻ khắp nơi phẫn nộ đòi ném đá đánh chết Đạo Sinh. Người ta mắng ngài là ma vương lộng ngôn, vì Phật chưa từng dám nói câu đó trong nửa bộ kinh hiện có! May nhờ nể tình ngài là người xuất gia danh tiếng, người ta coi ngài là đứa trẻ nông nổi cuồng ngôn, liền trục xuất tống khứ ngài xuống phương Nam.

Thời ấy Phật pháp thịnh hành ở phía bắc sông Trường Giang. Đạo Sinh bị xua đuổi qua miền Giang Nam, bèn lầm lũi lên vùng đồi Hổ Khâu ở Tô Châu dựng một túp lều tranh cô độc. Chẳng có lấy một bóng người nào thèm đến nghe ngài giảng kinh, bởi ai cũng sợ vạ lây với kẻ ”tà đạo”.

Đạo Sinh bèn gom những tảng đá hoa cương trơ trọi quanh núi lại, xếp thành từng hàng quanh túp lều, rồi ngày ngày ngài ngồi trên bục cỏ giảng kinh cho bầy đá nghe! Một hôm, giảng đến đoạn Nhất-xiển-đề, ngài dõng dạc lớn tiếng hỏi bầy đá câm lặng: *”Ta nói rằng ngay cả kẻ đại ác cực hung hiểm như Nhất-xiển-đề rốt cuộc vẫn có Phật tính và tương lai chắc chắn sẽ thành Phật! Các ngươi nói xem, lời Ta nói có đúng với bản hoài của chư Phật hay không?”*.

Kỳ diệu thay! Thoát chốc phong vân biến sắc, toàn bộ bầy đá tảng

trơ lì vô tri vô giác trên sườn núi bỗng nhiên lay động, nghiêng mình gật đầu lia lịa trước vị pháp sư cô độc! Đó chính là nguồn gốc câu thành ngữ bất hủ: *"Sinh công thuyết pháp, ngoan thạch điểm đầu"*.

Trước khi bị xua đuổi khỏi phương Bắc, Đạo Sinh từng thề độc trước đại chúng: *"Nếu những điều bần đạo phát biểu khế hợp với chính pháp của Như Lai, thì đến ngày viên tịch, tôi sẽ an nhiên tọa hóa ngay trên tòa sư tử!"*. Về sau quả nhiên, khi toàn bộ phần sau của Kinh Đại Bát Niết-bàn được ngài Đàm-vô-sấm dịch hoàn tất đưa về, mọi người kinh hoàng lật từng trang ra đọc: Đức Phật quả thật đã tuyên bố minh bạch rằng hạng Nhất-xiển-đề vẫn có đầy đủ Phật tính và tương lai đều thành Phật! Cả giới Phật môn lúc bấy giờ mới bàng hoàng sụp lạy khóc ròng vì khâm phục tuệ nhãn siêu phàm của Đạo Sinh. Và đúng như lời thề xưa, ngài viên tịch an nhiên ngay khi đang ngồi thuyết pháp trên pháp tòa sư tử tại chùa Lô Sơn.

Cho nên Kinh Kim Cương ở phẩm này mới bảo với Tuệ Mạng Tu-bồ-đề: Hết thảy chúng sinh tức phi chúng sinh! Chớ có đem con mắt phàm phu hẹp hòi mà khinh thường bất kỳ một ai! Dù là kẻ hạ tiện, tội lỗi hay sinh linh nhỏ bé nhất, tự tính của họ xưa nay vốn sẵn là Phật.

21.1.5 Bản Lai Vốn Là Phật

> *"Hà dĩ cố? Tu-bồ-đề! Chúng sinh chúng sinh giả, Như Lai thuyết phi chúng sinh, thị danh chúng sinh."*

Đạo lý này chỉ rõ: Sự tồn tại sinh mệnh của hết thảy chúng sinh trong cõi trần chỉ là **huyễn hữu**, là tướng huyễn hóa sinh diệt theo duyên. Chúng sinh trong ba cõi sáu đường, hai mươi lăm cõi hữu (nhị thập ngũ hữu), thảy đều do nhân duyên hòa hợp mà tạm sinh, không hề có một tự tính cố định bất biến nào cả. Sinh mệnh pháp thân của ta trôi lăn không ngừng trong vòng luân hồi lục đạo, cũng chỉ là thuận theo

nghiệp quả nhân duyên tương tục mà thành tướng; bởi thế mới nói hết thảy chúng sinh vốn chẳng phải là chúng sinh thật có.

Bản ý sâu xa của câu kinh là muốn thức tỉnh ta: Tự tính của muôn loài xưa nay vốn là Phật! Một khi tự tâm biết soi rọi ngược vào trong (hồi quang phản chiếu) mà minh tâm kiến tính, thì bóng ma ”chúng sinh” lập tức tan biến, mỗi mỗi người đều hiện tiền là Phật.

Đức Thích Ca Mâu Ni là vị Phật thứ tư xuất hiện trong kiếp số của chúng ta. Kiếp này gọi là **Hiền Kiếp** (Bhadrakalpa), sẽ có tổng cộng một ngàn vị Phật lần lượt ra đời hoằng hóa. Vị Phật cuối cùng của Hiền Kiếp sẽ là Phật Lâu Chí (Rucika), hiện nay chính là hóa thân của Bồ-tát Vi Đà! Bởi vì hạnh nguyện đại bi vô tận của ngài Vi Đà là nguyện làm thần Hộ pháp, ngày đêm cầm chày kim cương bảo hộ cho chín trăm chín mươi chín vị Phật trong Hiền Kiếp viên thành Phật đạo, rồi sau cùng ngài mới chịu thành Phật! Đó là cách thức tổ chức vĩ đại của Phật giáo về Hiền Kiếp thiên Phật.

Nói một cách rốt ráo, toàn bộ sinh linh trong vũ trụ này, chẳng riêng gì loài người, mà phàm muôn loài có sinh mạng, có linh tri giác tính, thảy đều có khả năng thành Phật như nhau. Hết thảy chúng sinh bình đẳng tuyệt đối!

Nếu muốn nghiên cứu triệt để đạo lý này, chúng ta phải đi sâu vào giáo lý Pháp tướng Duy thức. Nơi đây Đức Phật chỉ thẳng cho ta thấy cái gọi là ”Kiến địa”. Cõi nhân gian sở dĩ điêu linh chém giết lẫn nhau là vì chúng sinh ôm nặng cái **Ngã kiến** (thấy có cái Ta). Hễ có Ta thì ắt có Người; có Người có Ta thì đẻ ra Thị - Phi (đúng sai hơn thua); có đúng sai thì sinh ra Phiền não; có phiền não thì đầm đìa Thống khổ! Cứ thế một chuỗi xích oan khiên kéo dài vô tận kiếp.

Chúng ta tuy đang mang một cái thân xác thịt này, nhưng thân xác này căn bản đâu phải là tài sản vĩnh cửu của ta! Nó chỉ tạm thời thuộc

về ta trong vài chục năm ngắn ngủi mà thôi. Đó là pháp do nhân duyên đất - nước - gió - lửa (tứ đại) giả hợp tạm thành, không hề cứu cánh, rồi sẽ có ngày tan rã trả về cho cát bụi!

Cái tự tính chân thật bất sinh bất diệt của ta vốn là Không tính. Muốn thể nhập Không tính thì bắt buộc phải đạt đến cảnh giới **Vô Ngã**. Khi công phu tu chứng đạt đến chỗ Vô ngã, người tu sẽ khai mở một tầng trí tuệ viên mãn mà Duy Thức học gọi là **Bình Đẳng Tính Trí** (Trí tuệ thấy muôn loài bình đẳng).

- Đã Vô Ngã thì không còn thấy có Người (Vô Nhân).
- Không Người không Ta thì quét sạch tướng Chúng sinh (Vô Chúng sinh tướng).
- Quét sạch chúng sinh tướng thì phiền não trần lao tự khắc tiêu dung không còn dấu vết!

Duy Thức học dùng phương pháp hiển thị rõ ràng (biểu thuyên) để phân tích tâm lý, còn Bát-nhã Kim Cương thì dùng lưỡi gươm phủ định triệt để (già thuyên) để quét sạch mọi sở chấp, nhưng cùng chung một mục đích đưa hành giả về với bản thể thanh tịnh.

Để đúc kết phẩm thứ hai mươi mốt này, chúng tôi xin tặng bài thi kệ:

Kệ Tụng Phẩm Thứ Hai Mươi Mốt — Nam Sư Đúc Kết

为谁辛苦说菩提，倦卧空山日又西。
遥指海东新月上，夜深忽闻远鸡啼。

Phiên âm Hán – Việt:

Vị thùy tân khổ thuyết Bồ-đề,
Quyện ngọa không sơn nhật hữu tây.

Dao chỉ hải đông tân nguyệt thượng,
Dạ thâm hốt văn viễn kê đề.

Dịch nghĩa thơ thất ngôn:

Vì ai cay đắng thuyết Bồ-đề,
Non vắng nằm nghiêng bóng xế tề.
Xa chỉ biển đông vầng nguyệt mới,
Đêm tàn bỗng vẳng tiếng gà quê!

Bình giải kệ tụng:

"Vị thùy tân khổ thuyết Bồ-đề" (Vì ai mà chịu bao cay đắng nhọc nhằn để thuyết pháp Bồ-đề?). Đức Phật chẳng phải đã tự miệng tuyên bố rằng: Ta suốt bốn mươi chín năm qua chưa từng thốt ra một chữ nào đó sao! Bản thể pháp thân là chỗ ngữ ngôn đạo đoạn, không có chỗ cho miệng lưỡi chen vào. Thế thì bao năm qua Ngài lặn lội mưa nắng nói pháp vì ai? Chính là vì thương xót chúng sinh mê muội!

Cảnh ngộ ấy chẳng khác nào hai câu thơ cảm thán thế thái nhân tình của thi sĩ La Ẩn thời nhà Đường:

"采得百花酿蜜后，为谁辛苦为谁甜。"

"Thải đắc bách hoa nhưỡng mật hậu,
Vị thùy tân khổ vị thùy điềm."

(Hút mật trăm hoa nhọc nhằn gom lại thành mật ngọt, rốt cuộc vì ai mà chịu cay đắng, mật ngọt này để lại cho ai hưởng?). Đời người vốn dĩ hệt như loài ong chăm chỉ, cặm cụi gom góp cả đời rồi nhắm mắt xuôi tay chẳng mang theo được một giọt mật nào! Nhưng Đức Phật thì đâu có dại dột làm việc ấy vì danh lợi

riêng mình. Ngài chịu bao cay đắng nhọc nhằn thuyết pháp là muốn muôn loài tự nhận ra tự tính để thành Phật. Thế nhưng tự tính xưa nay vốn Vô Ngã, vậy thì rốt cuộc là vì ai mà vất vả? *"Quyện ngọa không sơn nhật hữu tây"* (Mệt mỏi nằm nghiêng nơi núi vắng, bóng chiều tà lại ngả về tây). Cho nên trong hàng đệ tử đời sau của Phật, có biết bao bậc cao tăng sau khi đại ngộ đã chọn cách ẩn dật chốn thâm sơn cùng cốc, buông rèm nằm ngủ chẳng thốt một lời khai thị!

Như ngài Tuệ Tư thiền sư, tổ sư tông Thiên Thai, sau khi ngộ đạo trên đỉnh Nam Nhạc thì trọn đời không chịu bước chân xuống núi. Người ta sốt ruột khuyên ngài: "Bạch đại sư, ngài đã ngộ đạo siêu việt như thế, sao không xuống núi cứu độ chúng sinh mà cứ ngồi trơ trọi một mình trên đỉnh núi hoang vắng không bóng người qua lại làm chi?". Ngài cười sảng khoái đáp: *"Ta việc gì phải nhọc công xuống núi! Ta chỉ cần ngồi yên một chỗ trên đỉnh cô phong này là đã một ngụm nuốt trọn mười phương thế giới, cứu độ xong hết thảy chúng sinh rồi!"*.

Sau này có người đem câu chuyện ấy hỏi tôi, tôi bảo: Ngài Tuệ Tư nói câu ấy hoàn toàn có tư cách! Cả đời ngài tuy không xuống núi, nhưng ngài đào tạo ra một người đệ tử xuất chúng là Trí Giả đại sư — bậc danh tăng được tôn xưng là "Đông phương tiểu Thích Ca"! Chỉ cần một người đệ tử như Trí Giả đại sư thôi là đã đủ thay thầy hoằng hóa khắp thiên hạ, thầy cần gì phải xuất đầu lộ diện nữa! Kẻ nào không có phúc báo lớn lao ấy, không đào tạo nổi một bậc long tượng kế thừa, mà cũng bắt chước cao giọng bảo "ngồi yên nuốt trọn mười phương" thì chỉ là đồ cuồng vọng lừa đời!

Nhưng trên thực tế, quả có những bậc thánh tăng cả đời không nói một lời pháp mà độ hóa vô lượng chúng sinh. Điển hình như hình tượng quen thuộc của Bố Đại hòa thượng (hóa thân Bồ-tát Di Lặc): Ngài quanh năm vai mang một chiếc túi vải lang thang khắp chợ đời. Ai đến hỏi Phật pháp là gì, ngài chẳng nói chẳng rằng, liền **đặt chiếc túi vải phịch xuống đất**, rồi đứng thẳng hai tay chắp lại nhìn người đó! Người kia nếu mắt sáng hiểu ý ngộ đạo, ngài liền mỉm cười gật đầu; bằng như người đó trố mắt ngơ ngác không hiểu gì, ngài lại lẳng lặng **nhặt chiếc túi vải vác lên vai rảo bước đi tiếp**!

Cái túi vải của ngài chính là biểu tượng cho thân tâm trần trọc nặng trĩu mà cha mẹ sinh ra ta! Cả đời người ta còng lưng vác nặng, bảo buông xuống mà có ai chịu buông đâu! Bố Đại hòa thượng buông túi vải xuống đất tức là buông xả muôn duyên, đứng thẳng ung dung giữa trời đất, đó chính là Phật pháp hiện tiền! Ngươi buông không nổi thì lại còng lưng vác lên mà đi tiếp trong luân hồi. Đạo lý giản dị tột cùng, không tốn một giọt nước bọt mà đã hiển lộ toàn bộ đại đạo!

"Dao chỉ hải đông tân nguyệt thượng" (Chỉ tay về phía biển đông, mảnh trăng non lấp lánh đã nhô lên). Thiền tông đời sau gom góp các công án ngộ đạo thành bộ sách lừng danh mang tên *Chỉ Nguyệt Lục* (Ghi chép ngón tay chỉ trăng). Kinh Lăng Nghiêm dạy: Có người hỏi mặt trăng ở đâu, ta lấy ngón tay chỉ lên trời bảo trăng ở kia kìa. Ngươi phải nhìn theo hướng ngón tay để thấy mặt trăng, chứ ai đời lại đăm đăm nhìn chằm chằm vào ngón tay rồi bảo ngón tay chính là mặt trăng! Lời Phật dạy chỉ là ngón tay chỉ trăng; người học đạo mê muội toàn túm chặt lấy

ngón tay mà quên khuấy vầng trăng giác ngộ nơi chính mình!

Nhắc đến ngón tay, bên Đạo gia có giai thoại vô cùng thâm thúy về Lữ Thuần Dương (tức Lữ Động Tân). Lữ Thuần Dương sau này nhờ thiền sư Hoàng Long điểm hóa mà ngộ đạo, trở thành đại Hộ pháp của Phật môn. Ngài có một câu than thở để đời: *"Chúng sinh dị độ nhân nan độ, ninh độ chúng sinh bất độ nhân!"* (Chúng sinh loài vật còn dễ độ, giống người là khó độ nhất trần đời; thà đi độ súc sinh còn hơn độ loài người!).

Chuyện kể một hôm Lữ Thuần Dương hóa thành một ông lão rách rưới bần hàn đến một quán hàng rong ở Nam Kinh của một bà lão chuyên bán bánh dày (từ ba). Ngày nào ông lão cũng đến xin ăn bánh dày mà không trả một xu, ăn ròng rã suốt mấy năm trời. Bà lão bán bánh tính tình phúc hậu, ngày nào cũng vui vẻ biếu ông lão ăn no mà tuyệt nhiên không một lời đòi tiền hay xua đuổi.

Một hôm, Lữ Thuần Dương bùi ngùi hỏi bà: "Bà cụ ơi, tôi ăn bánh của bà mấy năm nay không trả tiền, sao bà không hề đòi nợ?". Bà lão cười hiền từ: "Tôi thấy ông già yếu neo đơn không có tiền bạc, manh áo rách rưới, tôi cho ông ăn miếng bánh lót dạ chứ tính toán làm chi!". Lữ Thuần Dương xúc động thầm nghĩ: "Thiên hạ gian tham độc ác, duy chỉ có bà lão này là người tốt thật sự!". Ngài bèn bảo: "Bà tốt bụng như vậy, bà có muốn học đạo thành tiên không?". Bà lão lắc đầu: "Tôi chẳng ham làm tiên, tôi già rồi, ngày ngày bán bánh dày sống an phận thế này là sung sướng lắm rồi!".

Ngài lại hỏi: "Thế bà có muốn phát tài giàu sang phú quý không? Tôi có một bí thuật có thể truyền cho bà, gọi là **điểm thiết thành**

kim (chỉ tay biến sắt thành vàng)". Nói rồi ngài đưa ngón tay trỏ chỉ vào chiếc chảo sắt nấu bánh của bà lão, lập tức cả chiếc chảo sắt đen đúa biến thành một khối vàng ròng chói lọi! Bà lão tròn xoe mắt nhìn rồi thản nhiên lắc đầu: "Chà, cũng lạ mắt đấy, nhưng tôi già rồi, ôm đống vàng này chỉ tổ rước trộm cướp vào nhà, tôi không cần đâu!".

Lữ Thuần Dương mừng rỡ trong bụng: "Trời ơi, trần gian lại có người thanh cao không màng vàng bạc châu báu thế này sao!". Ngài bèn ân cần hỏi câu chót: "Thế rốt cuộc bà muốn cái gì, tôi cũng sẵn lòng giúp bà thỏa nguyện!". Bà lão bèn ghé tai ngài thì thầm: **"Nếu ông tốt bụng thật lòng, thì ông chặt phứt cái ngón tay trỏ kia đưa cho tôi là được rồi!"**.

Lữ Thuần Dương nghe xong chỉ biết ngửa mặt lên trời thở dài ngao ngán, lắc đầu lẩm bẩm: *"Chúng sinh dị độ nhân nan độ!"* rồi biến mất tăm!

Người đời học Phật cũng y hệt như bà lão bán bánh dày của Lữ Thuần Dương vậy: Phật dạy nhìn mặt trăng thì không chịu nhìn, cứ thèm muốn chặt lấy ngón tay của Phật đem về làm của riêng! *"Dạ thâm hốt văn viễn kê đề"* (Đêm khuya thanh vắng, bỗng nghe một tiếng gà gáy từ thôn xa vọng lại). Câu kết này là lời an ủi, dặn dò chúng ta chớ có nản lòng thoái chí! Đừng thấy đêm trường sinh tử mịt mùng tăm tối mà vội tuyệt vọng buông xuôi. Giữa đêm khuya thanh vắng, hãy lắng tai nghe một tiếng gà gáy giòn giã từ thôn xóm xa xôi vọng lại... Bình minh rực rỡ nhất định sẽ bừng sáng nơi chân trời!

CHƯƠNG 22

Vô Pháp Khả Đắc Phân (无法可得分第二十二)

Kinh Văn Gốc & Dịch Nghĩa

须菩提白佛言："世尊！佛得阿耨多罗三藐三菩提，为无所得耶？"佛言："如是，如是！须菩提！我于阿耨多罗三藐三菩提，乃至无有少法可得，是名阿耨多罗三藐三菩提。"

Phiên âm Hán – Việt:

Tu-bồ-đề bạch Phật ngôn: "Thế Tôn! Phật đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, vi vô sở đắc da?" Phật ngôn: "Như thị, như thị! Tu-bồ-đề! Ngã ư A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, nãi chí vô hữu thiểu pháp khả đắc, thị danh A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề."

Bản dịch nghĩa:

Ngài Tu-bồ-đề bạch hỏi Đức Phật: "Bạch Thế Tôn! Đức Phật chứng đắc quả vị Vô Thượng Chính Đẳng Chính Giác, có phải là thật không có chỗ nào sở đắc chăng?"

— Đức Phật dạy: "Đúng thế, đúng thế! Này Tu-bồ-đề! Đối với đạo quả Vô Thượng Chính Giác, **Ta cho đến một chút pháp nhỏ nhoi cũng không thể đắc được**, ấy mới chính là Vô Thượng

Chính Đẳng Chính Giác!”

22.1 Lời Bình Giảng Của Cụ Nam Hoài Cẩn

22.1.1 Như thị, như thị: Công án Nhất Chỉ Thiền

Ở phẩm thứ 21, Phật nói **Vô pháp khả thuyết** (không có pháp nào để nói); sang đến phẩm 22 này, mức độ triệt để lại càng tăng lên gấp bội: **Vô pháp khả đắc** (hoàn toàn không có pháp nào để đắc)!

Khi Tu-bồ-đề hỏi: ”Bạch Thế Tôn, khi Ngài chứng quả Phật dưới cội Bồ-đề, cảnh giới ấy có đắc được một món đồ vật hay trạng thái gì không?”. Phật đáp gọn lỏn hai chữ: **”Như thị, như thị!”** (Đúng như vậy, đúng như vậy!).

Thế nào là ”Như thị”? Cụ Nam bảo: Đây chính là một công án thiền sinh động, hệt như công án **Nhất Chỉ Thiền** (Thiền một ngón tay) của ngài Câu Chi hòa thượng thời Đường:

- Hòa thượng Câu Chi tu ở núi Kim Hoa, khi ngài Thiên Long đến thăm và giơ một ngón tay lên, Câu Chi liền đại ngộ. Từ đó về sau, ai đến hỏi đạo, Câu Chi chỉ giơ một ngón tay lên mà không nói nửa lời, thế mà bao nhiêu người nhìn thấy ngón tay ấy liền bừng sáng ngộ đạo!

- Chú tiểu thị giả theo hầu nhiều năm thấy sư phụ cứ giơ một ngón tay, tưởng là trò đùa đơn giản. Một hôm sư phụ vắng nhà, có thí chủ đến hỏi đạo, chú tiểu cũng bắt chước giơ một ngón tay lên. Người thí chủ kia cũng hoát nhiên đại ngộ! Chú tiểu mừng rỡ khoe với sư phụ. Câu Chi bảo: ”Con làm lại cho ta xem nào!”. Khi chú vừa giơ ngón tay ra, Câu Chi liền rút con dao giấu sẵn

> trong tay áo xẻo đứt phăng ngón tay của chú! Chú tiểu đau đớn vừa ôm bàn tay rỉ máu la khóc chạy ra cửa, Câu Chi quát lớn: ”Cái gì đó?”. Chú tiểu quay đầu lại, giơ bàn tay cụt lên... ngay lúc ấy chú liền đại ngộ triệt để!

Chặt đứt sự bắt chước hình thức bên ngoài thì bản thể chân thật mới hiện tiền. Chữ ”Như thị, như thị” của Phật cũng y như ngón tay của Câu Chi, chỉ thẳng vào tâm người mà không qua chữ nghĩa.

22.1.2 Bản lai vô nhất vật: Có chút sở đắc là có chấp trước

Đức Phật khẳng định: Lúc thành đạo dưới cội Bồ-đề, Ngài không đắc thêm bất kỳ thứ gì mới lạ. Phật tính vốn sẵn có từ vô lượng kiếp, chỉ vì mây mù vô minh che lấp nên không thấy; nay gió thổi mây tan thì mặt trăng tự sáng rỡ.

Điều này hoàn toàn tương đồng với câu kệ đốn ngộ của Lục Tổ Huệ Năng:

本来无一物，何处惹尘埃。

”Bản lai vô nhất vật,
Hà xứ nhạ trần ai.”

(Xưa nay không một vật / Chỗ nào dính bụi trần!)

Cụ Nam cảnh báo người tu hành: Nếu ai ngồi thiền mà bảo rằng mình thấy hào quang rực rỡ, thấy vòng tròn phát sáng, thấy Phật hiện ra xoa đầu, đắc được định này quả nọ... thì hãy cẩn thận! Đó đều là ảo giác của tâm thức, còn bám vào hình tướng. Khi nào đạt đến chỗ **không có một chút pháp nào để nắm bắt (vô hữu thiểu pháp khả đắc)**, tâm rỗng rang tuyệt đối thì lúc ấy mới thật sự bước vào cửa ngõ Vô Thượng Bồ Đề!

22.1.3 Bài học: Mắt tôi vốn sáng, vì thầy mà hóa mù!

Cụ Nam nhắc lại lời cảm thán cay đắng của một vị thiền sư: Cả đời lặn lội đi tìm thầy học đạo, học hết pháp môn này đến phương pháp nọ, đầu óc nhồi nhét cả một bồ chữ nghĩa công phu, cuối cùng tâm trí rối bời như tơ vò. Mãi đến khi buông sạch hết thảy mới ngộ đạo, bèn thốt lên:

"Ngã nhãn bổn minh, nhân sư cố hạt!"

(Mắt tôi xưa nay vốn sáng trưng, chỉ vì theo các ông thầy học quá nhiều phương pháp lý thuyết mà thành ra bị mù dở!)

Đừng để các phương tiện kỹ thuật biến thành bức tường giam hãm tuệ giác của chính mình!

Kệ Tụng Phẩm Thứ Hai Mươi Hai — Nam Sư Đúc Kết

多年行脚觅归途，入室知为道路愚。
检点旧时新衣钵，了无一物可提扶。

Phiên âm Hán – Việt:

Đa niên hành cước mịch quy đồ,
Nhập thất tri vi đạo lộ ngu.
Kiểm điểm cựu thời tân y bát,
Liễu vô nhất vật khả đề phù.

Dịch thơ thất ngôn:

Muôn dặm bôn ba kiếm nẻo về,
Vào nhà mới thấu lối lầm mê.
Soát lại áo bình xưa lẫn mới,
Chẳng còn một vật đỡ nâng bề!

Lời bình thiền vị: Cả một đời lặn lội tha hương đi tìm chân lý, bước

chân đạp nát biết bao nẻo đường sương gió. Đến khi bước vào căn nhà tự tâm của chính mình, mới bật cười nhận ra mình bị những con đường phương tiện đánh lừa bấy lâu nay! Giở gói hành lý kiểm điểm lại chiếc y chiếc bát cũ mới, ngỡ ngàng nhận ra chẳng có lấy một vật nào để mang theo hay tựa nương... Thảnh thơi buông tay, đó chính là lúc về đến bến quê nhà!

CHƯƠNG 23

Tịnh Tâm Hành Thiện Phân (净心行善分 第二十三)

Kinh Văn Gốc & Dịch Nghĩa

"复次，须菩提！是法平等，无有高下，是名阿耨多罗三藐三菩提；以无我、无人、无众生、无寿者，修一切善法，即得阿耨多罗三藐三菩提。须菩提！所言善法者，如来说即非善法，是名善法。"

Phiên âm Hán – Việt:

"Phục thứ, Tu-bồ-đề! Thị pháp bình đẳng, vô hữu cao hạ, thị danh A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề; dĩ vô ngã, vô nhân, vô chúng sinh, vô thọ giả, tu nhất thiết thiện pháp, tức đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Tu-bồ-đề! Sở ngôn thiện pháp giả, Như Lai thuyết tức phi thiện pháp, thị danh thiện pháp."

Bản dịch nghĩa:

"Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Pháp này tuyệt đối bình đẳng, không có cao thấp, ấy mới gọi là Vô Thượng Chính Đẳng Chính Giác. **Lấy tâm không có ngã tướng, không nhân tướng, không chúng sinh tướng, không thọ giả tướng mà thực hành tất cả các việc thiện**, thì lập tức chứng đắc Vô Thượng Chính Đẳng Chính Giác!

> Này Tu-bồ-đề, cái gọi là thiện pháp ấy, Như Lai nói chẳng phải thực chất là thiện pháp, đó chỉ tạm mượn tên gọi là thiện pháp mà thôi.”

23.1 Lời Bình Giảng Của Cụ Nam Hoài Cẩn

23.1.1 Bồ Đề Bao Nhiêu Tiền Một Cân?

Nói theo văn bạch thoại ngày nay, chữ **”Phục thứ”** có nghĩa là: Bây giờ bàn tiếp đến một vấn đề tiếp theo, một chuyển biến mới.

Các vị thử nhìn lại xem: Suốt từ đầu kinh cho đến những phẩm trước, Đức Phật đã ra sức phủ định sạch trơn! Nào là Phật cũng không phải, thân tướng 32 nét đẹp cũng không phải, có pháp để thuyết cũng chẳng phải, có đạo quả bồ-đề để đắc cũng gạt phăng... Tất cả đều bị Ngài quét sạch sành sanh!

Thế nhưng đến ngay phẩm này, Ngài lại bất thần giáng lên một hồi chuông cảnh tỉnh nghiêm khắc: **Muốn thành Phật thì bắt buộc phải tu hành tất cả các việc thiện!** *”Chư ác mạc tác, chúng thiện phụng hành”* — không làm các việc ác, vâng làm các việc lành, nếu không có sự tích lũy thành tựu của thiện pháp thì đừng hòng mơ tưởng đến chuyện chứng đạo bồ-đề!

Chứ đâu phải chỉ đọc lướt vài cuốn sách Phật, ngồi uống trà bàn luận dăm ba công án thiền tông, leo lên bồ đoàn khoanh chân xếp bằng lim dim hai con mắt là có thể thành Phật được đâu! Gây tạo nghiệp chướng suốt cả một đời, lừa thầy phản bạn, bon chen danh lợi, đến lúc già yếu chạy vội vào chùa khoanh chân ngồi thiền, ăn chay hai bữa rằm mồng một là đòi chứng quả bồ-đề... Thử hỏi quả bồ-đề ấy đáng giá bao nhiêu tiền một cân mà rẻ rúng đến thế? Làm gì có chuyện dễ dãi như

thế trên đời!

Rất nhiều thanh niên trí thức ngày nay mắc phải chứng bệnh ảo tưởng này: Đọc được dăm ba trang sách thiền của Nhật Bản, nghe câu chuyện con ếch nhảy tõm xuống ao nước kêu ”bõm” một tiếng thế là tưởng tượng mình đã đại triệt đại ngộ! Ngộ đạo mà dễ dàng thế sao? Nếu vậy thì cứ chạy ra chợ mua một rổ ếch sống về thả cho nó nhảy lủm bủm tha hồ mà đốn ngộ!

Cho nên Đức Phật mới dạy rành rọt từng chữ: **”Dĩ vô ngã, vô nhân, vô chúng sinh, vô thọ giả, tu nhất thiết thiện pháp, tức đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề”**. Phải dùng tâm ly tướng thanh tịnh mà thực hành tất cả việc thiện thì mới mong thành tựu giác ngộ.

Thử tự vắt tay lên trán kiểm điểm lại hành vi mỗi ngày của mình xem: Khẩu hiệu ”mỗi ngày làm một việc thiện” chúng ta có làm nổi không? Soi kỹ lại xem, mỗi ngày làm một việc ác, khởi lên năm bảy niệm đố kỵ ghen ghét, bực bội mắng chửi người khác thì có thừa, chứ mấy ai một ngày làm trọn vẹn được một việc chí thiện xuất phát từ đáy lòng? Bản thân không chịu tu thiện tích đức, hở miệng ra là khoe mình đã đạt đến cảnh giới vô tướng, vô ngã... Đó chẳng qua chỉ là trò tự lừa dối mình rồi đi gạt gẫm thiên hạ mà thôi!

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề: **”Thị pháp bình đẳng, vô hữu cao hạ”**. Phật pháp chân thật là bình đẳng tuyệt đối, không có trên dưới cao thấp. Tám vạn bốn ngàn pháp môn: Niệm Phật cũng tốt, tu Mật tông trì chú cũng tốt, tham thiền quán chiếu cũng tốt, tu chỉ quán định tâm cũng tốt, thậm chí nhìn dưới cảnh giới Hoa Nghiêm viên dung vô ngại thì mọi pháp môn phương tiện thế gian đều có thể đưa con người đến bờ giải thoát viên mãn. Phật pháp xưa nay vốn bình đẳng không sai biệt; như ở phẩm trước Phật đã bảo: Hết thảy bậc hiền thánh đều nương nơi pháp vô vi mà có sai biệt, kỳ thực bản thể chẳng hề có sai biệt nào.

23.1.2 Núi Nam Cao, Núi Bắc Thấp: Công Án Bình Đẳng

Chốn Thiền tông đời sau có lưu truyền một công án rất hóc búa: Một hôm có vị pháp sư đăng đàn giảng Kinh Kim Cương, thao thao bất tuyệt giảng giải câu *"Thị pháp bình đẳng, vô hữu cao hạ"*. Trong đại chúng có một vị thiền sư đứng dậy cất tiếng hỏi:

> *"Bạch Thầy! Kinh Kim Cương dạy các pháp bình đẳng không có cao thấp. Vậy xin Thầy giải thích giùm: Tại sao ngọn núi Nam kia lại cao chót vót chạm mây, mà ngọn núi Bắc này lại thấp tè lè sát đất?"*.

Vị pháp sư giảng kinh đứng trơ như phỗng đá, mồ hôi ướt đẫm lưng áo, hoàn toàn nghẹn lời không sao đối đáp nổi!

Đúng vậy! Rõ ràng kinh văn viết sờ sờ ra đó: Các pháp bình đẳng, không có cao thấp. Thế tại sao ngọn núi phía Nam lại cao vút, mà ngọn núi phía Bắc lại thấp lè tè? Vạn pháp trong thế giới hiện tượng rõ ràng muôn hình vạn trạng, có cao có thấp, có người thông minh kẻ đần độn, có đại dương sâu thẳm gò đống mấp mô, cớ sao dám bảo là không có cao thấp? Đây chính là một "thoại đầu" đòi hỏi người tu phải dùng tuệ nhãn mà tham thấu!

Chúng ta cần hiểu rằng, cảnh giới **Bình Đẳng Tính Trí** trong Duy Thức học phải là bậc đại Bồ-tát tu chứng đến Đệ Bát Địa (Bất Động Địa) mới có thể thực sự chứng đắc!

- Đánh tan sự chấp trước của thức thứ sáu (Ý thức phân biệt), đạt đến Không tịch, thì chứng đắc **Diệu Quan Sát Trí**.
- Tiếp tục phá tan ngã chấp thâm căn cố đế của thức thứ bảy (Mạt-na thức), thì mới chuyển hóa thành **Bình Đẳng Tính Trí** — lúc ấy mới thật sự thấy hết thảy chúng sinh, vạn vật và chính mình bình đẳng không hai!

Sở dĩ chúng ta trôi lăn trong phiền não khổ đau, sinh tâm phân biệt người nọ kẻ kia, là vì ta còn ôm nặng cái Ngã tướng. Một khi phá tan được ngã kiến, ngã tướng, thì Bình Đẳng Tính Trí tự nhiên bừng sáng, nhìn muôn loài chúng sinh thảy đều bình đẳng như chính Phật thân. Nhưng muốn phá ngã kiến để chứng ngộ tính Không, thì nền tảng bắt buộc phải là **tu nhất thiết thiện pháp**! Không có muôn ngàn công đức thiện hạnh bồi đắp thì chiếc thuyền giác ngộ làm sao đủ sức vượt qua sóng gió trần ai?

> *"Tu-bồ-đề! Sở ngôn thiện pháp giả, Như Lai thuyết tức phi thiện pháp, thị danh thiện pháp."*

Nếu một người làm việc thiện mà trong lòng ôm ấp mục đích vị kỷ: Làm thiện để cầu Phật ban phước, làm từ thiện để kiếp sau được giàu sang phú quý, sinh lên cõi trời hưởng lạc... thì đó chỉ là quả báo hữu lậu của cõi trời người (nhân thiên phúc báo), là cách hành thiện phàm phu tầm thường.

Người tu bồ-đề đạo quả làm tất cả các việc thiện cứu giúp cõi đời mà tâm hồn thanh tịnh không hề vướng bận một mảy may ý niệm rằng "Ta đang làm việc thiện, Ta là ân nhân của kẻ khác". Không mong cầu phước đức danh vọng cho riêng mình, đó mới chính là Thiện Pháp chân thật rốt ráo!

Để đúc kết phẩm thứ hai mươi ba, chúng tôi có bài kệ:

Kệ Tụng Phẩm Thứ Hai Mươi Ba — Nam Sư Đúc Kết

镜花水月梦中尘，无著方知尘亦珍。
画出牡丹终是幻，若无根土复何春。

Phiên âm Hán – Việt:

Kính hoa thủy nguyệt mộng trung trần,
Vô trước phương tri trần diệc trân.
Họa xuất mẫu đơn chung thị huyễn,
Nhược vô căn thổ phục hà xuân.

Dịch nghĩa thơ thất ngôn:

Hoa gương trăng nước bụi trong mơ,
Không vướng mới hay bụi ngọc ngà.
Tranh vẽ mẫu đơn dẫu huyễn ảo,
Thiếu bùn đất cội nở mùa hoa?

Bình giải kệ tụng:

"Kính hoa thủy nguyệt mộng trung trần" (Hoa trong gương, trăng dưới nước, hạt bụi trong giấc mộng dài). Kinh Phật thường dùng những hình tượng này để ví von hiện tượng vạn hữu trong đời người. Nhưng quý vị chớ có hiểu lầm rằng hoa trong gương là hoàn toàn không có! Rõ ràng có đó chứ, chỉ có điều ta thò tay vào sờ nắn thì không nắm bắt được mà thôi. Trăng dưới đáy nước cũng đâu phải tự nhiên mà sinh ra, nó có đấy chứ, bởi vì trên bầu trời kia có một vầng trăng thật soi bóng xuống! Cảnh giới trong mộng dù không có thực chất, nhưng nếu không có thân tâm của ta thì làm sao có mộng mị sinh khởi?

Cho nên nghiên cứu Phật học phải hết sức tỉnh táo: Nói hoa gương trăng nước không có nghĩa là "hư vô đoạn diệt", mà là chỉ ra rằng chúng là sự tồn tại huyễn hóa tạm thời theo duyên, vô thường biến ảo không thể nắm giữ vĩnh cửu.

"Vô trước phương tri trần diệc trân" (Đạt đến chỗ không còn vướng mắc chấp trước, mới thấu hiểu rằng hạt bụi trần gian cũng

vô cùng quý báu trân trọng). Thấu suốt đạo lý hoa gương trăng nước thì mới hiểu được giữa **Chân Không** và **Diệu Hữu**, pháp nào cũng bình đẳng không cao không thấp! Không cũng là Phật pháp, mà Hữu cũng là Phật pháp!

Cốt lõi tu hành của Kinh Kim Cương là **Vô Trụ, Vô Trước** (không bám chấp). Đừng tưởng rằng không bám chấp có nghĩa là trốn chui trốn lủi vào cái Không rỗng tuếch! Hễ ôm chặt lấy cái Không thì cái Không ấy đã biến thành một chướng ngại, một thứ trần lao trói buộc mới!

Bậc đạt đến cảnh giới Vô Trước chân thật thì ngay cả cái Không cũng chẳng thèm dính mắc! Chính vì không dính mắc nơi Không, nên các ngài mới can đảm dấn thân vào cõi đời gió bụi (nhập thế) để hành đạo cứu đời. Chúng sinh phàm phu không dám nhập thế vì sợ danh lợi thế gian cám dỗ trói buộc mình. Còn bậc giác ngộ thì thấu hiểu sâu sắc rằng cát bụi trần ai cũng là đạo tràng quý giá, dám xông pha cõi trần để độ sinh, bởi vì Hữu và Không vốn bình đẳng không hai!

Cổ nhân có câu ngạn ngữ tuyệt đẹp: *"Mẫu đơn tuy hảo, hoàn tu lục diệp phù trì"* (Hoa mẫu đơn dẫu đẹp đẽ kiêu sa đến mấy, cũng phải nhờ những chiếc lá xanh nâng đỡ chở che). Người tu học Phật pháp ngồi thiền niệm Phật, một niệm buông xả muôn duyên thì thanh tịnh thật đấy! Nhưng nếu hàng ngày không chịu tu hành thiện pháp, không tích lũy phúc đức, thì đừng hòng có cái phúc báo để buông xả!

Bao nhiêu bạn bè thường nói với tôi: "Bây giờ tôi nghỉ hưu rồi, tuổi già sức yếu, chuẩn bị từ ngày mai bắt đầu gác bỏ hết việc đời để chuyên tâm tu hành!". Nào ngờ vừa rạng sáng mai, trong

nhà bỗng xảy ra chuyện lục đục, hoặc đùng một cái lăn đùng ra cảm sốt ốm đau! Quý vị chớ tưởng buông xả là chuyện dễ dàng! Muốn được buông xả thảnh thơi, muốn có được tâm hồn thanh tịnh thì phải có **đại phúc đức, đại phúc báo** của muôn kiếp tích lũy mới được hưởng đấy!

"Họa xuất mẫu đơn chung thị huyễn" (Đóa hoa mẫu đơn vẽ trên giấy rốt cuộc chỉ là hình bóng huyễn ảo). Muốn chứng quả Vô thượng Bồ-đề thì bắt buộc phải gieo trồng tất cả thiện pháp.

"Nhược vô căn thổ phục hà xuân" (Nếu hoa mẫu đơn không có bộ rễ cắm sâu vào lòng đất mẹ màu mỡ, thì làm sao đón được ánh xuân ấm áp để khoe sắc rực rỡ?). Hoa mẫu đơn tượng trưng cho sự phú quý tôn nghiêm của đạo quả bồ-đề. Nhưng muốn trổ hoa thì phải có cội rễ cắm sâu vào bùn đất thế gian. Căn bản sơ khởi của mọi tôn giáo xưa nay đều là: **Chư ác mạc tác, chúng thiện phụng hành**. Nếu không chịu tu thiện tích đức, chỉ mơ tưởng ngồi một chỗ đòi khai ngộ thành Phật, thì chẳng khác nào chú ếch nhảy tõm xuống ao bèo kêu "bõm" một tiếng! Đó không phải là ngộ đạo, mà là "tự lầm" (tự ngộ thành tự ngộ nhận), thông minh quá lại bị sự lanh lợi dại dột làm hại một đời!

CHƯƠNG 24

Phước Trí Vô Tỷ Phân (福智无比分第二十四)

Kinh Văn Gốc & Dịch Nghĩa

"须菩提！若三千大千世界中所有诸须弥山王，如是等七宝聚，有人持用布施；若人以此《般若波罗蜜经》，乃至四句偈等，受持、读诵、为他人说，于前福德百分不及一，百千万亿分，乃至算数譬喻所不能及。"

Phiên âm Hán – Việt:

"Tu-bồ-đề! Nhược tam thiên đại thiên thế giới trung sở hữu chư Tu-di sơn vương, như thị đẳng thất bảo tụ, hữu nhân trì dụng bố thí; nhược nhân dĩ thử Bát-nhã Ba-la-mật kinh, nãi chí tứ cú kệ đẳng, thọ trì, độc tụng, vị tha nhân thuyết, ư tiền phước đức bách phân bất cập nhất, bách thiên vạn ức phân, nãi chí toán số thí dụ sở bất năng cập."

Bản dịch nghĩa:

"Này Tu-bồ-đề! Nếu trong cõi tam thiên đại thiên thế giới có bao nhiêu chúa núi Tu-di, có người gom bảy báu chất cao ngập ngút bằng ngần ấy dãy núi Tu-di đem ra bố thí; nhưng nếu có người đem kinh Bát-nhã Ba-la-mật này, cho đến chỉ một bài kệ bốn câu,

thọ trì, đọc tụng và giảng giải cho người khác nghe, thì phước đức bố thí cả núi vàng ngọc trước kia so với phước đức này **không bằng một phần trăm, một phần trăm ngàn muôn ức, cho đến mọi con số và tỷ dụ đều không thể nào sánh kịp**!"

24.1 Lời Bình Giảng Của Cụ Nam Hoài Cẩn

24.1.1 Hai Thứ Vốn Liếng Để Thành Phật: Tu Tư Lương

Phẩm thứ hai mươi tư này nối tiếp ngay sau phẩm hai mươi ba, đóng vai trò như một bản kết luận mang tính gạch nối ở chặng giữa của toàn bộ Kinh Kim Cương. Tiêu đề phẩm được cổ nhân đặt là **Phước Trí Vô Tỷ** (Phước báo và Trí tuệ thù thắng khôn xiết, không gì sánh bằng).

Muốn chứng đắc quả vị Bồ-đề, muốn viên thành Phật đạo, hành giả bắt buộc phải chuẩn bị đầy đủ hai thứ vốn liếng căn bản. Thuật ngữ nhà Phật gọi đó là **Tư Lương** (资粮). Chữ "Tư" là tư bản, vốn liếng; chữ "Lương" là lương thực mang theo đi đường. Hai thứ lương thảo và vốn liếng ấy chính là: **Phước Đức Tư Lương** và **Trí Tuệ Tư Lương**.

Tại sao cùng một vấn đề so sánh phước đức này, Đức Phật lại cứ phải lặp đi lặp lại nhiều lần suốt từ đầu kinh đến giờ? Bởi vì ở phẩm hai mươi ba vừa qua, Phật vừa dạy: *Tu nhất thiết thiện pháp, tức đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*. Muốn ngộ đạo giải thoát không thể chỉ ngồi khoanh chân nói chuyện thiền huyền hoặc, mà bắt buộc phải tích lũy thiện hạnh. Ngăn ngừa điều ác (chư ác mạc tác) là tiêu cực, còn thực hành điều thiện (chúng thiện phụng hành) mới là tích cực. Bắt buộc phải có sự dấn thân tích cực tu tập muôn ngàn thiện pháp thì chiếc thuyền Bát-nhã mới đủ sức cập bến đại ngộ.

Và để ngăn ngừa người học Phật rơi vào bệnh chấp trước công đức,

phẩm hai mươi ba đã dùng bản thể thực tướng Bát-nhã để quét sạch: Cái gọi là thiện pháp, Như Lai nói chẳng phải thiện pháp, ấy mới gọi là thiện pháp. Làm tất cả việc lành cứu nhân độ thế mà trong tâm không vướng bận một mảy may ý niệm kể công; coi việc giúp đời là bổn phận tự nhiên của một con người bình thường, đó mới là Bồ-tát đạo!

Bây giờ, sang phẩm thứ hai mươi tư, Đức Phật tự mình đưa ra một sự đối chiếu vĩ đại:

> *"Tu-bồ-đề! Nhược tam thiên đại thiên thế giới trung sở hữu chư Tu-di sơn vương, như thị đẳng thất bảo tụ, hữu nhân trì dụng bố thí..."*

Ngài bảo Tu-bồ-đề: Trong thế giới Nam Thiệm Bộ Châu của cõi Ta-bà này, ở vị trí trung tâm có một ngọn núi khổng lồ gọi là núi Tu-di (Sumeru). Mấy mươi năm gần đây, một số nhà nghiên cứu Phật học cận đại hay gán ghép, giả định rằng núi Tu-di chính là dãy Hy Mã Lạp Sơn (Himalaya). Nói thật lòng, giả định ấy còn rất nhiều vấn đề chưa thể chứng minh xác thực, không thể vội vàng tin bừa được!

Ở đây Phật dùng hình ảnh ẩn dụ: Cứ cho là trong cõi đời này có một ngọn núi lớn nhất gọi là núi Tu-di, và trong ba ngàn đại thiên thế giới có vô số các tiểu thế giới, mỗi thế giới lại có một ngọn chúa núi Tu-di như thế. Gom góp toàn bộ vàng bạc, ngọc ngà, kim cương, châu báu (thất bảo) chất đống cao ngập ngút bằng ngần ấy dãy núi Tu-di rồi đem toàn bộ ra bố thí cho muôn loài!

Đem ngần ấy của cải vật chất khổng lồ đi làm từ thiện, thử hỏi phước báo hữu lậu của người đó lớn đến mức độ nào? Lớn đến vô cùng vô tận! Thế nhưng, người đời hướng về tôn giáo thường mang nặng tâm lý vụ lợi (công lợi): Muốn bỏ ra chút ít vốn liếng cúng dường mà cầu mong thu về món hời phước báo khổng lồ! Nếu anh thực sự muốn

thu lợi lớn nhất, thì đây, Đức Phật chỉ thẳng con đường: Đem cả núi châu báu Tu-di ra bố thí cũng không bằng đem bộ Kinh Bát-nhã này, cho dù chỉ bốn câu kệ ngắn ngủi, mà **thọ trì, đọc tụng, giảng giải cho người khác nghe**!

24.1.2 Bốn Tầng Ý Nghĩa: Thọ – Trì – Độc – Tụng

Ở đây, chúng tôi xin đặc biệt nhắc nhở quý vị lưu ý: Bốn chữ **Thọ Trì Độc Tụng** (受持读诵) hàm chứa bốn tầng ý nghĩa công phu cực kỳ sâu sắc, tuyệt đối không được đọc lướt qua như nước đổ lá khoai!

1. **Thọ (受):** Là tiếp nhận, nhưng tiếp nhận bằng tai bằng mắt chưa đủ, mà phải **lãnh thọ khắc sâu vào tâm khảm**! Pháp ngữ của kinh phải thực sự trở thành chất liệu chuyển hóa, phát huy tác dụng sống động trong từng hành vi tâm lý thường nhật của mình.

   Bình thường chúng ta ngồi đây uống trà đàm đạo, tâm hồn thư thái, ai nấy đều vỗ ngực bảo rằng: ”Tôi hiểu chữ Không của Bát-nhã rồi!”. Ấy là vì các vị chưa đụng chuyện đấy thôi! Thử bước chân ra ngõ bị một kẻ vô cớ tát thẳng vào mặt một báng tai nảy lửa, thử bị kẻ khác chỉ mặt chửi bới thậm tệ, thử bị trộm khoắng sạch toàn bộ số tiền tiết kiệm cả đời... Hay nghiệt ngã hơn, ngay chiều nay bác sĩ bệnh viện bắt các vị lên bàn mổ cấp cứu, một tiếng đồng hồ nữa chưa biết còn sống hay đã chết! Lúc nằm trên băng ca nhìn trần nhà quay cuồng, thử hỏi các vị có ”Không” nổi hay không? Nếu ngay lúc sinh tử ngàn cân treo sợi tóc ấy mà tâm hồn vẫn an nhiên thanh thản buông xả, thì đó mới là kim cương chân thật, các vị mới thật sự được **Thọ dụng** Phật pháp!

2. **Trì (持):** Thọ được rồi nhưng chưa đủ, phải biết nắm giữ, duy trì liên tục không để rơi rụng mất mát. Chữ ”Trì” này giống như

một người già yếu cầm một cây gậy chống (quải trượng), lúc nào cũng nắm chặt lấy nó để bước đi vững chãi trên đường đời gập ghềnh. Giữ vững định lực và tuệ giác ấy mọi lúc mọi nơi, dù bước vào phòng phẫu thuật thuốc mê chưa tan, tâm niệm giác chiếu vẫn sáng ngời không lay chuyển, đó mới gọi là **Tu trì**!

3. **Độc (读):** Là mở cuốn kinh ra đọc bằng mắt, hoặc lẩm nhẩm đọc nhỏ giọng để nghiền ngẫm nghĩa lý sâu xa.

4. **Tụng (诵):** Là phải cất cao giọng, thành kính đọc to, ngâm vang từng câu từng chữ kinh văn! Giới trẻ ngày nay học hành chỉ thích đọc lướt bằng mắt, cho nên sách đọc xong là quên sạch, chữ nghĩa không ngấm sâu vào máu thịt. Nền giáo dục cổ điển phương Đông ngày xưa bắt học trò phải đọc tụng lớn tiếng, đọc vang rền như hát khúc ca dao. Đọc tụng như thế thì âm thanh chữ nghĩa sẽ đi thẳng vào tạng thức A-lại-da, biến thành hạt giống trí tuệ vĩnh cửu, không cần vận dụng đầu óc suy nghĩ mà bất cứ lúc nào cần cũng có thể tuôn trào ra trôi chảy.

Cho nên đối với Kinh Kim Cương, chẳng những phải đọc bằng mắt, mà thỉnh thoảng phải ngồi ngay ngắn tụng lớn tiếng lên, để từng âm thanh Bát-nhã chấn động cả thân tâm, đó mới trọn vẹn ý nghĩa của bốn chữ **Thọ Trì Độc Tụng**!

24.1.3 Công Đức Giáo Hóa Chân Thật: Cứu Giúp Tuệ Mạng

Đức Phật dạy: Nếu có người không cần nói toàn bộ bộ kinh đồ sộ, chỉ cần đem bốn câu kệ Kim Cương thực hành trọn vẹn bốn chữ thọ trì đọc tụng, hiểu thấu chân lý vô ngã rồi đem ra chỉ dẫn, giáo hóa cho người khác, giúp họ cởi bỏ những gút thắt phiền não đau khổ trong lòng... Dạy người ở đây không phải với thái độ kiêu ngạo của một ông thầy

đứng trên đầu kẻ khác, mà là một lòng sẻ chia chân thành để người đời cùng được thọ dụng sự giải thoát an lạc.

Nếu làm được như vậy, thì phước đức mà người này gặt hái được so với người gom ngọc báu bằng cả núi Tu-di đem đi bố thí, còn vĩ đại hơn gấp trăm ngàn muôn ức lần!

Bố thí vàng bạc châu báu dù nhiều đến đâu cũng chỉ là **Tài bố thí** (bố thí vật chất), là cái có hình tướng hữu hạn. Còn đem chân lý Bát-nhã khai sáng tâm trí con người thì thuộc về **Pháp bố thí**. Theo quan điểm văn hóa truyền thống phương Đông, đó chính là công đức của Giáo hóa! Giáo hóa là giúp tha nhân tháo gỡ nỗi thống khổ cùng cực nơi tâm can, giúp họ tự hoàn thiện nhân cách và giác ngộ sinh mệnh của chính mình.

Công đức của sự nghiệp giáo dục tâm linh, thắp sáng ngọn đèn trí tuệ (huệ mạng) cứu vớt tinh thần của muôn loài, vĩ đại đến mức độ không một con số nào của thế gian có thể đo đếm nổi. Dù có dùng siêu máy tính hiện đại nhất ngày nay để tính toán cũng đành bất lực chào thua! Kinh văn dùng câu chữ tuyệt mỹ để diễn đạt sự bất khả tư nghì ấy: **"Nãi chí toán số thí dụ sở bất năng cập"**. Khi những con số đếm lớn nhất của vũ trụ đều bất lực, người ta chỉ còn cách mượn những hình ảnh ví von không bờ bến như cát sông Hằng hay hư không bao la để hình dung mà thôi.

Để đúc kết phẩm thứ hai mươi tư, chúng tôi xin gửi tặng bài thi kệ:

Kệ Tụng Phẩm Thứ Hai Mươi Bốn — Nam Sư Đúc Kết

富嫌千口犹伶仃，贫恨身存似绁刑。
何事庄生齐物了，一声青磬万缘醒。

Phiên âm Hán – Việt:

Phú hiềm thiên khẩu do linh đinh,
Bần hận thân tồn tự xiết hình.
Hà sự Trang sinh Tề Vật liễu,
Nhất thanh thanh khánh vạn duyên tỉnh.

Dịch nghĩa thơ thất ngôn:
Giàu hiềm ngàn miệng vẫn bơ vơ,
Nghèo hận thân này chịu ngục tù.
Học Trang Tề Vật san bằng mối,
Tiếng khánh xanh rền dứt mộng du!

Bình giải kệ tụng:

"Phú hiềm thiên khẩu do linh đinh" (Kẻ giàu có ngàn nhân khẩu trong nhà vẫn chê là quá ít ỏi, vẫn cảm thấy cô đơn lạnh lẽo). Trong chốn Thiền môn có câu ngạn ngữ đối ngẫu trác tuyệt: **"Phú hiềm thiên khẩu thiểu, bần hận nhất thân đa"** (Kẻ giàu chê ngàn miệng ăn là ít, người nghèo giận một tấm thân là nhiều).

Một gia đình đại phú hào sinh được cả trăm người con, mỗi người con lại đẻ ra hàng chục đứa cháu, kẻ hầu người hạ nườm nượp cả ngàn miệng ăn trong dinh cơ. Của cải nhiều như nước, người đông đúc như nêm, thế mà ông chủ giàu có ấy lúc nào cũng thấy thiếu thốn người làm, thấy cuộc đời cô đơn trống vắng lạ lùng!

"Bần hận thân tồn tự xiết hình" (Người nghèo khổ cùng cực thì hận cái thân xác này còn tồn tại trên đời hệt như đang chịu án khổ sai tra tấn!). Kẻ nghèo đến mức trong túi không có nổi một xu mua bát mì chay lót dạ, bụng đói cồn cào rét mướt giữa mùa

đông, lúc ấy nhìn lại tấm thân máu thịt này mà cay đắng căm hận: Giá như không có cái thân xác này thì đâu phải chịu đựng nỗi nhục nhã đọa đày đến nhường này!

Hai hình ảnh tương phản dữ dội ấy lột tả trần trụi bộ mặt thế thái nhân tình: Người có phước báo lớn thì tiền bạc ngập tràn, công danh quyền lực tột đỉnh; nhưng ngày nào cũng bị công việc bủa vây, họp hành tiếp khách mệt lả người, muốn chợp mắt nghỉ ngơi năm phút cũng là điều xa xỉ! Kẻ chưa từng nếm trải cảnh ngộ giàu sang quyền thế thì thèm muốn, bảo rằng thà bớt ngủ năm phút để được hưởng mùi vị phú quý. Nhưng những ai đã từng nếm đủ cái mùi vị cay đắng của quyền lực danh vọng thì chỉ muốn trốn chạy, bởi ngày ngày phải sống vì bộ mặt của thiên hạ, lúc không muốn cười cũng phải nhe răng cười gượng gạo, khổ sở khó chịu không sao kể xiết! Người đời coi đó là phước báo, nhưng thực chất đó là thứ phước báo trần tục: **Càng lắm phước lắm thọ thì càng lắm nỗi khó chịu giằng xé!**

Ngược lại, hãy nhìn cảnh ngộ của người nghèo tu đạo: Xưa có một vị thiền sư ẩn tu một mình trong túp lều tranh rách nát trên núi cao. Có người bạn lên thăm hỏi ngài dạo này tu hành ra sao, ngài ung dung cười đọc hai câu kệ:

"去年贫，犹有立锥之地；今年贫，连锥也无。"

"Khứ niên bần, do hữu lập chùy chi địa;
Kim niên bần, liên chùy dã vô."

(Năm ngoái nghèo, vẫn còn có mảnh đất nhỏ bằng mũi dùi để cắm chân; năm nay nghèo rớt mồng tơi, đến cả cái mũi dùi để cắm cũng biến mất tăm!).

Nghe qua tưởng ngài than nghèo kể khổ, nhưng kỳ thực đó là ngài đang miêu tả công phu thâm nhập cảnh giới **Tuyệt Đối Không**! Năm ngoái tâm ngài tuy đã Không, nhưng vẫn còn bám vào một ý niệm cảnh giới "Không" (vẫn còn chỗ cắm dùi). Sang đến năm nay, ngay cả cái khái niệm "Không" ấy cũng bị quét sạch sành sanh không còn một mảy may dấu vết (liên chùy dã vô)! Đó mới là chân nghèo, chân không tột đỉnh của bậc giải thoát!

Cho nên giàu và nghèo chỉ là hai hiện tượng đối đãi tương đối của thế gian. Còn ôm thân xác là còn thấy bị giam hãm. Thế gian pháp hễ có đẹp thì có xấu, có béo có gầy, có nghèo thì có giàu. Một người nghèo kiết xác bỗng dưng nhặt được năm mươi đồng bạc, sự sung sướng hoan hỷ của anh ta còn vượt xa một đại gia vừa trúng số độc đắc bạc triệu!

"Hà sự Trang sinh Tề Vật liễu" (Cớ sao không học theo Trang Tử viết thiên Tề Vật Luận để thấy muôn loài vốn bình đẳng như nhau?). Chiếu theo bản thể chân như thì vạn vật xưa nay vốn dĩ bình đẳng tuyệt đối. Giàu sang phú quý đến ngày nhắm mắt xuôi tay cũng hóa thành tro bụi; nghèo hèn bần tiện chết đi cũng trở về với cát bụi; mùi vị cái chết của ai mà chẳng như nhau?

Tất cả chúng ta ngồi đây: Già trẻ, trai gái, béo gầy, thông minh hay vụng về... nhìn bề ngoài có vẻ rất bất bình đẳng. Nhưng có một thời khắc bình đẳng tuyệt đối mà không ai nhận ra: Nửa đêm từ bốn giờ đến sáu giờ sáng, khi tất cả mọi người đều chìm sâu vào giấc ngủ say không mộng mị, lúc ấy cái tâm thức hồ đồ mê mẩn của ông thủ tướng quyền uy với chú bé đánh giày đầu đường xó chợ là **hoàn toàn bình đẳng giống hệt như nhau**! Kẻ

lắm tiền cũng ngủ mê man, người không xu dính túi cũng ngủ say sưa; kẻ thông thái uyên bác cũng ngáy khò khò, đứa dốt nát cũng nằm ngay đơ... Bản thể của giấc ngủ không hề phân biệt giai cấp giàu nghèo! Đó chính là ý nghĩa vi diệu của hai chữ **Tề Vật**.

Năm ngón tay trên bàn tay tuy dài ngắn không đều nhau, nhưng khi nắm lại thành một nắm đấm thì ngón nào cũng là bàn tay! Bàn tay và bàn chân tuy khác biệt, nhưng khi thân xác này tan rã không còn ngã chấp thì mọi sự đối đãi đều quy về bình đẳng. Hiểu thấu đạo lý này thì phước báo thế gian đâu còn đáng để ta bận tâm so đo lớn nhỏ!

"Nhất thanh thanh khánh vạn duyên tỉnh" (Một tiếng chuông khánh xanh ngân vang giữa chốn thiền môn tĩnh mịch, lập tức đánh thức muôn ngàn duyên nợ trần ai!).

Thế nào mới là phước báo chân thật tối thượng của đời người? Đó chính là **Thanh Phước** (cái phước thanh tịnh vô vi của cõi lòng). Khi ta lâm vào cảnh ngộ đau đớn bế tắc tột cùng nơi cõi trần, trăm mối tơ vò không lối thoát, một buổi chiều thanh vắng một mình cất bước lên ngôi chùa cổ trên đỉnh núi cao hoang vắng... Bất chợt, một hồi chuông ngân vang, một tiếng gõ *"Đing..."* lanh lảnh của chiếc khánh đồng xanh cất lên xé toang không gian tĩnh mịch! Giây phút ấy, cả vạn duyên trần lụy bỗng chốc rụng rơi sạch trơn! Toàn bộ mộng mị bon chen bỗng chốc tan biến như mây khói, tâm hồn bừng tỉnh nhẹ tênh như cánh hạc giữa trời xanh...

Đó mới chính là **Đại Phước Báo** chân thật của kiếp người! Cho nên Kinh Kim Cương mới khẳng định: Mọi thứ phước báo vàng

ngọc trên đời chẳng thể nào sánh bằng tuệ giác Bát-nhã. Một tiếng khánh xanh đánh thức muôn duyên, đưa hành giả trở về với cội nguồn tự tính thanh tịnh ngàn đời!

CHƯƠNG 25

Hóa Vô Sở Hóa Phân (化无所化分第二十五)

Kinh Văn Gốc & Dịch Nghĩa

"须菩提！于意云何？汝等勿谓如来作是念：'我当度众生。'须菩提！莫作是念。何以故？实无有众生如来度者。若有众生如来度者，如来则有我、人、众生、寿者。须菩提！如来说：'有我者，则非有我，而凡夫之人以为有我。'须菩提！凡夫者，如来说则非凡夫，是名凡夫。"

Phiên âm Hán – Việt:

"Tu-bồ-đề! Ư ý vân hà? Nhữ đẳng vật vị Như Lai tác thị niệm: 'Ngã đương độ chúng sinh.' Tu-bồ-đề! Mạc tác thị niệm. Hà dĩ cố? Thật vô hữu chúng sinh Như Lai độ giả. Nhược hữu chúng sinh Như Lai độ giả, Như Lai tắc hữu ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả. Tu-bồ-đề! Như Lai thuyết: 'Hữu ngã giả, tức phi hữu ngã, nhi phàm phu chi nhân dĩ vi hữu ngã.' Tu-bồ-đề! Phàm phu giả, Như Lai thuyết tắc phi phàm phu, thị danh phàm phu."

Bản dịch nghĩa:

"Này Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? Các ông chớ bảo rằng Như Lai khởi nghĩ thế này: 'Ta phải độ chúng sinh.' Này Tu-bồ-đề, đừng

có ý nghĩ ấy! Vì cớ sao? **Thực sự không có bất kỳ một chúng sinh nào để Như Lai độ cả!** Nếu có chúng sinh mà Như Lai độ, thì Như Lai ắt đã dính mắc vào ngã tướng, nhân tướng, chúng sinh tướng, thọ giả tướng.
Này Tu-bồ-đề! Như Lai nói 'có cái ta' (hữu ngã), tức chẳng phải thật có cái ta, mà kẻ phàm phu lại tưởng lầm là thật có cái ta. Này Tu-bồ-đề, kẻ phàm phu ấy, Như Lai nói chẳng phải phàm phu thật, ấy chỉ tạm gọi là phàm phu mà thôi!"

25.1 Lời Bình Giảng Của Cụ Nam Hoài Cẩn

25.1.1 Hữu Giáo Vô Loại: Hóa Hay Là Độ?

Kinh Kim Cương đã bắt đầu bước vào những phẩm đúc kết đại kết luận của toàn bộ tác phẩm. Tiêu đề phẩm thứ hai mươi lăm là **Hóa Vô Sở Hóa** (Giáo hóa cảm hóa mà không thấy có đối tượng được giáo hóa).

Thế nào gọi là **"Hóa"** (化)? Trước thời nhà Đường, hầu hết kinh điển dịch từ tiếng Phạn đều dùng chữ "Hóa" này. Từ thời Đường, Tống trở về sau, người ta mới hay dùng chữ **"Độ nhân"** (度人 - cứu độ con người). Thực ra, nói "Độ" cũng được mà nói "Hóa" cũng xong, bởi trên thực tế độ cũng khó mà độ nổi, hóa cũng chẳng dễ gì cảm hóa! Đến thời Nguyên, Minh, cổ nhân bèn ghép hai chữ lại làm một gọi là **"Độ Hóa"**. Độ hóa bản chất chính là Giáo dục — dùng lòng từ bi và trí tuệ để cảm hóa, chuyển biến tâm tính con người.

Đức Phật ân cần hỏi Tu-bồ-đề: *"Ư ý vân hà? Nhữ đẳng vật vị Như Lai tác thị niệm: Ngã đương độ chúng sinh"*. Ý ông nghĩ sao? Các ông ngàn vạn lần chớ có bảo rằng Phật đã từng phát biểu câu: "Ta phải cứu

độ tất cả chúng sinh"!

Quý vị thấy Đức Phật có kỳ diệu không? Càng đọc sâu vào Kinh Kim Cương, ta càng thấy Ngài phủ nhận sạch trơn toàn bộ hành trạng cả một đời của chính mình! Thuyết pháp suốt bốn mươi chín năm, Ngài tuyên bố Ta chưa từng thốt ra một chữ. Từng phát đại nguyện cứu vớt muôn loài trầm luân, đến đây Ngài lại xua tay gạt phăng: "Này, các ông chớ có hiểu lầm, chớ có nghĩ rằng Ta độ chúng sinh nhé!".

Ngài nhấn mạnh liên tiếp hai lần: *"Mạc tác thị niệm!"* — Tuyệt đối không được giữ ý nghĩ ấy trong đầu! Bây giờ chúng ta hãy ghi nhớ thật kỹ lời căn dặn này: Từ nay về sau chớ có chạy vào chùa quỳ mọp sát đất van lạy: "Lạy Phật từ bi mau mau cứu độ con!". Ngài căn bản không thừa nhận chuyện ấy đâu! Ngài bảo Ngài đang rất bận rộn an nghỉ nơi tịch diệt Niết-bàn, các ông đừng có khởi cái ý niệm hão huyền ấy nữa!

Vì nguyên cớ gì? **"Thật vô hữu chúng sinh Như Lai độ giả"**. Lời tuyên bố này nghiêm túc đến mức làm chấn động cả pháp giới! Mới thoạt nghe tưởng như lời nói đùa thoái thác, nhưng kỳ thực là đạo lý sâu xa đến rợn ngợp: **Trên cõi đời này, thực chất không có bất kỳ một chúng sinh nào cần đến Phật cứu độ cả!** Xin quý vị hãy đặc biệt chú ý điểm này: Không có một ai cần Phật độ, đó là lời chính miệng Phật thốt ra!

> *"Nhược hữu chúng sinh Như Lai độ giả, Như Lai tức hữu ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả."*

Mượn lời châm biếm sâu cay của các thiền sư Thiền tông đời sau, nếu có chuyện Phật độ chúng sinh thì chẳng khác nào **"Một cỗ quan tài nhét hai xác chết"** (nhất cá quan tài lưỡng cá tử hán): Một bên thì tự phụ vỗ ngực: "Ngươi là kẻ được Ta ban ơn cứu độ!", còn một bên

thì quỳ gối khóc lóc: ”Con là kẻ yếu đuối cần được Phật cứu rỗi!”. Chư đại thiền sư sẽ bảo ngay: Cả hai kẻ ấy đều là hạng chưa từng mở mắt ngộ đạo!

Đức Phật nói rất minh bạch: Nếu Ta mang cái ý niệm rằng có chúng sinh nhờ Ta cứu vớt mà được thành Phật, thì Ta căn bản không phải là Phật nữa, mà chỉ là một kẻ phàm phu tầm thường đầy ắp bốn tướng ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả!

Bởi thế, cả đời tôi thường khuyên răn các bạn học: Đừng có bày đặt đảnh lễ, dập đầu quỳ lạy tôi làm gì cho thêm rắc rối! Đời tôi sợ nhất là cái trò ấy. Hễ thấy ai chắp tay cúi lạy là tôi toát cả mồ hôi hột, lại phải lúng túng đáp lễ. Chi bằng thời nay cứ đứng thẳng lưng, nhìn nhau bằng ánh mắt chân thành mỉm cười chào một cái, thế chẳng văn minh và ấm áp hơn sao!

Nếu một người đứng trên bục giảng mà trong bụng nghĩ rằng: ”Ta là thầy thiên hạ, ta xứng đáng được lũ học trò này quỳ mọp dưới chân đảnh lễ!”, thì người đó xin thưa: Mười tám tầng địa ngục cũng chưa đủ chỗ giam nhốt, mà phải tống thẳng xuống... tầng hầm (basement) của địa ngục! Kẻ nào tự thấy mình có đạo đức cao siêu đủ làm thầy thiên hạ, chỉ cần dấy khởi một niệm tự mãn ấy thôi thì đạo hạnh của anh ta đã vứt xuống sông xuống biển, chẳng còn đáng giá một xu! Bậc chân chính đủ tư cách giáo hóa độ người ắt đã chứng nhập cảnh giới Không vô ngã; đã Vô Ngã thì làm sao còn tồn tại cái ý niệm tự cao tự đại ban ơn cho kẻ khác?

Nếu Đức Phật khởi lên cái tâm nghĩ rằng: Ta là Giáo chủ, Ta là Đấng Cứu Thế cao quý, còn các ngươi chỉ là bầy chiên bầy cừu thấp hèn ngoan ngoãn phục tùng... thì Ngài tuyệt đối không phải là Phật!

Nhân đây cũng xin bàn thêm về hai chữ **”Tín đồ”**: Danh từ này nghe rất chướng tai. Trong Phật giáo nguyên thủy xưa nay không hề

có khái niệm tín đồ, mà chỉ có **Tín chúng** hoặc **Cư sĩ**. Chữ ”Đồ” (徒) vốn bắt nguồn từ các mục sư tôn giáo phương Tây. Chữ ”Mục” (牧) là người chăn nuôi, cầm roi lùa bầy cừu, bầy bò, bầy ngựa; coi đám quần chúng bên dưới như đàn súc vật dưới quyền cai quản của mình. Phật pháp tuyệt đối bình đẳng, không bao giờ được phép mang tư tưởng chăn dắt thống trị ấy!

Xưa kia khi tôi lên núi Nga Mi, các vị hòa thượng già đức độ thấy bầy khỉ hoang trong rừng nhảy ra kiếm ăn, các ngài chắp tay cung kính bảo: *”Hầu cư sĩ (bác khỉ) ra chơi kìa!”*. Thấy con rắn bò ngang qua sân chùa, ngài cũng bảo: *”Xà cư sĩ (bác rắn) đến đấy à!”*. Các ngài không bao giờ dùng chữ ”bầy khỉ, đàn rắn”. Tiếng gọi ”Hầu cư sĩ”, ”Xà cư sĩ” thốt lên khiến người nghe phải rùng mình kính phục tinh thần bình đẳng sinh mệnh tột cùng của đạo Phật!

Nếu Phật pháp còn vướng bận tư tưởng giai cấp thống trị, còn coi chúng sinh là ”đệ tử, tín đồ” phải cung phụng quỳ lạy mình, thì cái đó tuyệt đối không phải là tinh thần giải thoát của Đức Thích Ca!

25.1.2 Sự Tự Giải Thoát Của Bản Thân: Tự Tính Tự Độ

Đến đây, có người sẽ thắc mắc: ”Bạch Đức Thế Tôn, chúng con hiểu rồi! Ngài là bậc đại thánh khiêm tốn nên không nhận mình độ người; còn chúng con thực tế vẫn thọ ơn Ngài khai sáng. Ngài khiêm tốn là việc của Ngài, chúng con cung kính đền ơn là việc của chúng con, có sao đâu? Nhưng vấn đề hóc búa nhất là: Tại sao Ngài lại bảo trên đời này **không có một chúng sinh nào cần Phật độ**?”.

Đức Phật liền giải đáp rốt ráo ngay sau đó:

> *”Tu-bồ-đề! Như Lai thuyết hữu ngã giả, tức phi hữu ngã, nhi phàm phu chi nhân dĩ vi hữu ngã. Tu-bồ-đề! Phàm phu giả, Như Lai thuyết tức phi phàm phu, thị danh phàm phu.”*

Tám vạn bốn ngàn pháp môn của Phật giáo, quy tụ lại rốt cuộc chỉ dạy cho chúng ta đúng một bài học duy nhất: **Làm thế nào để thân chứng được cảnh giới Vô Ngã chân thật!** Chỉ cần thực chứng Vô Ngã là xong việc, là thành Phật!

Đã là Vô Ngã thì cái gì cần Phật độ nữa đây? Bản tính chân thật của ta xưa nay vốn sẵn là Phật rồi mà! Nếu Phật còn thấy có người để Ngài ra tay cứu độ, tức là Phật dính mắc vào ngã tướng và nhân tướng. Còn nếu ta thực sự ngộ đạo, thấu triệt bản ngã vốn Không, thì ta với Phật cùng chung một thể tính thanh tịnh, lấy đâu ra một cái ”ta” riêng biệt để cho Phật độ?

Cho nên lời Phật nói là sự thật trần trụi trăm phần trăm! Ngài thuyết pháp suốt 49 năm, đem toàn bộ kinh nghiệm và phương pháp tu chứng của chính mình truyền trao hết cho hậu thế. Nếu chúng ta y theo con đường ấy mà tự mình cất bước tu tập, ta cũng sẽ thành Phật y như Ngài. Đức Phật không thể nào ”tu giùm” hay ”thành Phật thay” cho bất kỳ ai được cả!

Muốn giải thoát thì bắt buộc phải là **Tự tính tự độ**! Bản thân mình phải tự thắp đuốc lên mà đi, tự cứu lấy chính mình, không một ai trên cõi đời này, kể cả mười phương chư Phật, có thể cứu rỗi thay cho anh được!

Cầu xin trời cao che chở, van vái Bồ-tát gia hộ phù hộ... Đừng có mê tín dị đoan như thế! Chỉ có **Tự lực thì mới có tha lực**, tự mình giúp mình thì trời đất mới giúp mình! Muốn được Bồ-tát gia hộ, trước hết mình phải tự gia hộ lấy mình. Gia hộ bằng cách nào? Bằng cách *tu nhất thiết thiện pháp*, hành thiện tích đức không ngừng nghỉ. Khi anh làm việc thiện với tâm trong sáng, thì tự nhiên ”đường dây dẫn điện”, làn sóng từ trường giữa anh và chư Phật Bồ-tát mới tự khắc kết nối tương thông! Chứ tối ngày đi lừa đảo cướp bóc, giết người phóng hỏa, rồi

ngày rằm mang nải chuối gói bánh vào chùa xì xụp khấn vái xin Bồ-tát phù hộ trót lọt... thì chính lương tâm anh cũng thừa biết chuyện đó là trò lố bịch hoang đường!

Phật bảo: Kẻ phàm phu chấp chặt vào thân xác thịt này, tưởng lầm đây là cái Ta chân thật. Thân thể con người theo kinh điển phân tích là do ba mươi sáu thứ nhơ nhớp (tóc, lông, móng, răng, da, thịt, gân, xương, máu, mủ...) tạm bợ ráp nối lại mà thành, không có một thứ nào là cái Ta vĩnh cửu!

Khoa học sinh học hiện đại ngày nay còn chứng minh rõ ràng hơn: Mỗi tế bào trên cơ thể ta sinh ra rồi chết đi liên tục từng giây từng phút. Hàng triệu tế bào đều là ta, mà chẳng có một tế bào đơn lẻ nào đại diện cho ta. Vậy cái Ta nằm ở đâu? Khi thân xác này chết đi mục rữa, ta trôi về đâu? Bảo rằng linh hồn là Ta, nhưng có ai nhìn thấy linh hồn bao giờ chưa? Linh hồn cũng chỉ là trạng thái biến hiện hư ảo của thức ấm mà thôi.

Người đời sợ hãi chữ Vô Ngã, vì ai cũng tham lam bám chặt vào cái Tôi vị kỷ. Ngồi thiền mà trong bụng cứ lăng xăng tính toán, đếm hơi thở một hai ba bốn hệt như ngồi đếm tiền trong túi! Hơi thở đầu tiên vừa hít vào đã tan biến mất tăm từ kiếp nào, đếm đến một ngàn thì hơi thở cũng chẳng giữ lại được một mẩu, rốt cuộc chỉ là cái trò đùa nghịch với bản ngã lăng xăng, làm sao chứng ngộ được đạo quả giải thoát?

Người học Phật ngày nay rất đáng thương: Không dám nhận mình là thánh nhân, nhưng bảo mình là phàm phu thì trong bụng ấm ức không chịu phục! Cứ như đứa trẻ chơi xích đu trong công viên, đu qua đu lại lơ lửng giữa trời, không cách nào bước xuống đất được!

Đức Phật phá tan nỗi băn khoăn ấy: **Phàm phu tức phi phàm phu, thị danh phàm phu**. Cái tên phàm phu chỉ là danh từ giả lập tạm mượn

mà thôi. Ngộ đạo thì tâm này tức là Phật; mê muội thì Phật cũng hóa thành phàm phu. Tâm, Phật và Chúng sinh — cả ba không hề có một mảy may sai biệt!

25.1.3 Ý Nghĩa Chân Thật Của Thường – Lạc – Ngã – Tịnh

Đến năm tám mươi tuổi, khi sắp sửa "xin nghỉ phép dài hạn" để nhập Niết-bàn, Đức Thế Tôn mới tuyên thuyết bộ Kinh Đại Bát Niết-bàn. Ở đó, Ngài bất thần đưa ra bốn chữ hoàn toàn trái ngược với giáo lý Vô thường, Khổ, Không, Vô ngã mà Ngài đã giảng dạy suốt đời. Bốn chữ tối hậu ấy chính là: **Thường – Lạc – Ngã – Tịnh**!

Nhiều người học Phật nông cạn liền rơi vào hoang mang: Tại sao cả đời Phật dạy Vô ngã, đến phút chót lại dạy có Ngã? Cụ Nam Hoài Cẩn giải mã:

- **Thường (常):** Không phải là một vật thể trường tồn cứng đờ như quan niệm của thuyết Chân thường duy tâm hay tà giáo ngoại đạo. Chữ Thường ở đây là để đối đãi với cái Vô thường biến ảo của cõi trần; bản thể chân như xưa nay bất sinh bất diệt nên gọi là Thường.

- **Lạc (乐):** Không phải là trạng thái vui vẻ hớn hở, nhảy múa cười đùa suốt ngày của thế gian! Nếu một người lúc nào cũng cười toe toét sướng rơn, thì chưa đầy ba ngày kẻ ấy chắc chắn phải tống vào bệnh viện tâm thần! Đời người khổ và vui là hiện tượng đối đãi: **Hết khổ tức là Lạc!** Đó là cái Vui của sự tịch tịnh thanh khiết tuyệt đối, vượt ngoài mọi cảm thọ trần ai.

- **Ngã (我):** Sau khi đã quét sạch bốn tướng nhân ngã bỉ thử, buông xả đến tận cùng không còn gì để buông, ta tìm lại được bản lai diện mục của sinh mệnh nguyên thủy. Mượn tạm danh từ thế gian

để gọi thì đó chính là **Chân Ngã** bất sinh bất diệt, hoàn toàn sạch bong không một vết bụi trần.

- **Tịnh (净):** Không phải là nền nhà quét sạch hay khoảng trời xanh lơ. Khoa học vật lý biết rõ trong bầu khí quyển chứa đầy bụi bặm và năng lượng chuyển động. Chân Tịnh là cảnh giới vượt lên trên cả thiện và ác, không khổ không vui, thanh tịnh trùm khắp mười phương pháp giới.

Để đúc kết phẩm thứ hai mươi lăm, chúng tôi xin tặng bài thi kệ:

Kệ Tụng Phẩm Thứ Hai Mươi Lăm — Nam Sư Đúc Kết

同为物化到娑婆，忧乐无端且放歌。
钟鼓歇时魔舞散，悠然一曲定风波。

Phiên âm Hán – Việt:

Đồng vi vật hóa đáo Ta-bà,
Ưu lạc vô đoan thả phóng ca.
Chung cổ hiết thời ma vũ tán,
Du nhiên nhất khúc Định Phong Ba.

Dịch nghĩa thơ thất ngôn:

Cùng kiếp nhân duyên đến cõi đời,
Buồn vui vô cớ hát rong chơi.
Trống chuông ngưng bặt ma tan múa,
Khúc hát tiêu dao dứt bụi bời!

Bình giải kệ tụng:

"Đồng vi vật hóa đáo Ta-bà" (Tất cả chúng ta đều do lò hóa dục biến hiện mà cùng tụ hội về cõi Ta-bà này). Theo triết lý

Lão Trang, vũ trụ này là một lò luyện hóa học khổng lồ; cây cỏ, loài sâu kiến, muông thú và con người chúng ta chỉ là những hợp chất vật chất biến hóa trong chiếc nồi lớn ấy mà thôi. Văn hóa truyền thống gọi cái chết là "Vật hóa" — xương thịt tan thành tro bụi nước non, nhưng năng lượng bản thể thì vĩnh viễn tồn tại tuần hoàn. Muôn loài chúng sinh dắt díu nhau đến cõi trần này, thực chất chỉ là cùng nhau lên sân khấu đóng một vở tuồng nhân gian!

"Ưu lạc vô đoan thả phóng ca" (Mọi nỗi buồn vui sướng khổ nơi cõi đời vốn chẳng có căn nguyên lý do gì, chi bằng hãy buông thả lòng mình mà cất cao tiếng hát tiêu dao!). Khổ nỗi con người ta bước lên sân khấu diễn kịch, tự biên tự diễn rồi lại quên mất mình đang đóng kịch! Đóng đến đoạn bi thương thì nước mắt ngắn nước mắt dài đầm đìa gối; diễn đến khúc đắc chí thì cười nghiêng ngả ôm bụng khoái trá! Tự mình lừa dối chính mình mấy mươi năm cuộc đời mà không hề hay biết. Hiểu thấu được vở kịch trần gian rồi thì hãy sống thong dong tự tại, muốn hát thì hát, muốn cười thì cười, xem mọi thăng trầm vinh nhục nhẹ tựa lông hồng.

"Chung cổ hiết thời ma vũ tán" (Đến khi chuông trống chốn thiền môn ngưng bặt, thì vũ điệu cuồng loạn của bầy ma cũng tan rã rủ nhau ra về). Ở trên tầng mười một của ngôi giảng đường này, chúng ta ngồi đây tụng Kinh Kim Cương thanh tịnh vô vi; cách đó vài con phố, nơi vũ trường quán bar người ta cũng đang bật nhạc xập xình nhảy múa điên cuồng. Họ với chúng ta xét cho cùng cũng chẳng khác gì nhau, mỗi người đều đang đắm chìm trong một cảnh giới của riêng mình! Nhưng rồi đến nửa đêm

canh ba, tiếng chuông trống tụng kinh cũng phải dứt, sàn nhảy quán bar cũng phải đóng cửa tắt đèn; cuối cùng ai nấy đều phải lủi thủi quay trở về căn phòng tối om của chính mình để chìm vào giấc ngủ! Thiện và ác, thanh tịnh và náo nhiệt, rốt cuộc đều liễu bất khả đắc!

"Du nhiên nhất khúc Định Phong Ba" (An nhiên thổi một khúc tiêu Định Phong Ba, trả cõi lòng về với bến bờ tịch lặng muôn đời!). "Định Phong Ba" vốn là tên một khúc nhạc cổ, cũng là tên bài từ lừng danh của thi hào Tô Đông Pha khi đi trong mưa gió trần gian: *"Hồi thủ hướng lai tiêu sắt xứ, quy khứ, dã vô phong vũ dã vô tình"* (Ngoảnh đầu nhìn lại chốn mưa gió gầm rú vừa qua, thong thả quay về, chẳng có mưa gió mà cũng chẳng có nắng ấm!).

Thấu suốt muôn pháp xưa nay đều không thể nắm bắt, không bám chấp vào bất kỳ hình tướng nào, sóng gió trần ai tự khắc lặng yên phẳng lặng như gương. Đó chính là lúc người hành giả Bát-nhã an nhiên về đến ngôi nhà thanh tịnh của chính mình!

CHƯƠNG 26

Pháp Thân Phi Tướng Phân (法身非相分第二十六)

Kinh Văn Gốc & Dịch Nghĩa

“须菩提！于意云何？可以三十二相观如来不？”须菩提言：“如是，如是！以三十二相观如来。”佛言：“须菩提！若以三十二相观如来者，转轮圣王则是如来。”须菩提白佛言：“世尊！如我解佛所说义，不应以三十二相观如来。”尔时，世尊而说偈言：

若以色见我，以音声求我
是人行邪道，不能见如来！

Phiên âm Hán – Việt:

”Tu-bồ-đề! Ư ý vân hà? Khả dĩ tam thập nhị tướng quán Như Lai phủ?” Tu-bồ-đề ngôn: ”Như thị, như thị! Dĩ tam thập nhị tướng quán Như Lai.” Phật ngôn: ”Tu-bồ-đề! Nhược dĩ tam thập nhị tướng quán Như Lai giả, Chuyển Luân Thánh Vương tức thị Như Lai.” Tu-bồ-đề bạch Phật ngôn: ”Thế Tôn! Như ngã giải Phật sở thuyết nghĩa, bất ưng dĩ tam thập nhị tướng quán Như Lai.” Nhĩ thời, Thế Tôn nhi thuyết kệ ngôn:

Nhược dĩ sắc kiến ngã,

Dĩ âm thanh cầu ngã,
Thị nhân hành tà đạo,
Bất năng kiến Như Lai!

Bản dịch nghĩa:

”Này Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? Có thể lấy ba mươi hai tướng tốt để quán sát nhận ra Như Lai chăng?”

— Tu-bồ-đề thưa: ”Dạ đúng thế, đúng thế! Phải lấy ba mươi hai tướng tốt để quán sát Như Lai.”

— Đức Phật dạy: ”Này Tu-bồ-đề! Nếu lấy ba mươi hai tướng tốt để nhận ra Như Lai, thì ông vua Chuyển Luân Thánh Vương (vua cõi thế gian cũng đủ 32 tướng tốt) ắt chính là Như Lai rồi sao?”

— Tu-bồ-đề vội thưa: ”Bạch Thế Tôn, theo như con hiểu nghĩa lý Phật dạy, không nên lấy ba mươi hai tướng tốt để nhận biết Như Lai.”

Khi ấy, Đức Thế Tôn liền nói bài kệ rằng:

Nếu dùng sắc thấy Ta,
Dùng âm thanh cầu Ta,
Người ấy đi đường tà,
Không thể thấy Như Lai!

26.1 Lời Bình Giảng Của Cụ Nam Hoài Cẩn

26.1.1 Nghệ Thuật Sư Phạm: ”Thấy Phật” Và ”Quán Phật”

Trọng tâm cốt tủy của toàn bộ Kinh Kim Cương chính là nằm ở phẩm thứ hai mươi sáu này! Đức Phật lại một lần nữa nêu lên câu hỏi then chốt mà Ngài đã gạn hỏi không biết bao nhiêu lần ở các phẩm trước.

Tu-bồ-đề bị Đức Phật dẫn dắt một hồi, đầu óc bỗng nhiên quay cuồng choáng váng! Nếu chúng ta xem kinh điển của Phật như một bộ giáo trình sư phạm cao cấp, quý vị sẽ thấy phương pháp giáo dục của vị Đại Giáo Sư Thích Ca Mâu Ni thời xưa quả thật là lợi hại khôn lường! Tu-bồ-đề rõ ràng trả lời rất đúng, Phật liền xoay sang hướng khác thử thách, khiến ngài mất hết cả tự tin, câu trả lời bỗng hóa thành sai! Ngài vừa lúng túng sửa sai, Phật lại quay ngoắt một vòng gõ cho một gậy, biến câu trả lời trở lại thành đúng!

Bởi thế đệ tử của Phật thời xưa mới gọi là hàng **Thanh Văn Chúng** — tức là hàng đệ tử lắng nghe âm thanh dạy dỗ của Phật mà ngộ đạo. Nhưng trong ngôn ngữ sắc bén của Thiền tông, các thiền sư hay châm biếm bằng câu: *”Cái mũi bị người ta xỏ dây dắt đi nghênh ngang!”*. Các tổ sư Thiền tông có nghệ thuật mắng người rất thâm thúy: Ngài không thèm mắng anh ngu dốt, ngài chỉ bảo cái mũi của anh đang nằm gọn trong tay kẻ khác dắt đi. Mà trên đời này, chỉ có giống trâu bò mới bị xỏ mũi dắt đi như thế mà thôi!

Quý vị hãy nhìn lại thủ pháp sư phạm kỳ tuyệt của Phật trong Kim Cương: Ở phẩm thứ mười ba, Phật hỏi: *”Khả dĩ tam thập nhị tướng kiến Như Lai phủ?”* (Có thể đem 32 tướng tốt ra để THẤY Như Lai chăng?). Tu-bồ-đề đã rành rẽ thưa: *”Bất dã, Thế Tôn! Bất ưng dĩ tam thập nhị tướng kiến Như Lai”* (Bạch Thế Tôn, không thể! Không được lấy hình tướng sắc thân để thấy Phật). Rõ ràng ngài đã trả lời trúng phóc

như in!

Đến ngay phẩm này, mạch kinh đang trôi êm ả, Đức Phật bất thần đổi chữ: *"Ư ý vân hà? Khả dĩ tam thập nhị tướng **QUÁN** Như Lai phủ?"*. Xin đại chúng hết sức chú ý chữ **"QUÁN"** (观) này! Tu-bồ-đề nghe hỏi chữ Quán, liền giật mình nhớ đến các pháp môn thiền định, quán tưởng, bèn vội vã đáp: *"Như thị, như thị! Dĩ tam thập nhị tướng quán Như Lai"* (Dạ đúng thế, đúng thế! Phải lấy 32 tướng tốt để quán tưởng Như Lai chứ ạ!).

"Phật ngôn: Tu-bồ-đề! Nhược dĩ tam thập nhị tướng quán Như Lai giả, Chuyển Luân Thánh Vương tức thị Như Lai."

Đức Phật nghe xong có lẽ đã khẽ "hừ" một tiếng nơi cánh mũi! Trong kinh văn người ta không tiện ghi tiếng "hừ" ấy vào, nhưng ý Ngài mắng: "Ông thật là hồ đồ! Nếu bảo lấy 32 tướng tốt để quán thấy Phật, thế thì các vị Chuyển Luân Thánh Vương thống trị cõi trần cũng có đủ 32 tướng tốt hệt như Ta, chẳng lẽ các ông vua ấy đều là Như Lai cả hay sao?".

Tội nghiệp cho đại đệ tử Tu-bồ-đề của chúng ta! Ngài bị Phật xoay cho một vòng tối tăm mặt mũi, liền vội vàng lùi bước phân trần: "Bạch Thế Tôn, thế thì con hiểu rồi! Chiếu theo thâm ý Ngài vừa dạy, tuyệt đối không nên lấy 32 tướng tốt để quán Như Lai nữa!".

Đọc Kinh Kim Cương đến đây mà thấu hiểu được nghệ thuật văn chương và hoạt cảnh đối đáp sống động giữa hai thầy trò, ta mới thấy thú vị và rúng động vô cùng! Chứ ai đời lại cứ cầm dùi gõ mõ "cốc cốc cốc" tụng lướt qua như ru ngủ, tự gõ cho đầu óc mình mê muội mụ mẫm đi thì uổng phí biết bao!

26.1.2 Tiếng Nổ Hiroshima: Bài Kệ Tứ Cú Kinh Điển

Ngay khi Tu-bồ-đề vừa thốt lời thừa nhận sai lầm, Đức Thế Tôn không để cho ngài kịp thở phào, liền chộp đúng thời khắc vàng ngọc ấy giáng xuống một bài kệ tứ cú sấm sét:

若以色见我，以音声求我
是人行邪道，不能见如来！

Phiên âm Hán – Việt:
Nhược dĩ sắc kiến ngã,
Dĩ âm thanh cầu ngã,
Thị nhân hành tà đạo,
Bất năng kiến Như Lai!

Dịch thơ:
Nếu dùng sắc thấy Ta,
Dùng âm thanh cầu Ta,
Người ấy đi đường tà,
Không thể thấy Như Lai!

Bốn câu kệ này nổ tung giữa pháp hội còn khủng khiếp hơn cả quả bom nguyên tử ném xuống Hiroshima! Cả vũ trụ dường như vỡ vụn! Kinh văn dùng hai chữ **"Nhĩ thời"** (bấy giờ) để nhấn mạnh: Đức Phật đã nắm bắt chính xác điểm rơi tâm lý của Tu-bồ-đề! Ngài vung thanh hương bản huơ qua bên này một cái, lắc qua bên kia một cái, làm cho đầu óc chú đệ tử choáng váng cùng cực, rồi bất thần hét lên một tiếng: **"ĐỨNG LẠI! CHÍNH LÀ NÓ!"**. Ngay khoảnh khắc ấy, Tu-bồ-đề triệt ngộ!

Bây giờ chúng ta hãy cùng nhau mổ xẻ bốn câu kinh điển chấn động này: Người đời học Phật xưa nay hầu hết đều rơi vào cái bẫy **"Dĩ sắc**

kiến ngã" (lấy sắc tướng để mong thấy Phật). Chữ "Ngã" ở đây vừa là Phật, mà cũng vừa là cái Chân Ngã của chính ta. Ngồi thiền, lạy Phật, ai cũng mong sao thấy Phật hiện ra trước mặt phóng hào quang xoa đầu thọ ký. Nếu ngồi thiền mà thấy Phật hiện ra bằng xương bằng thịt thật, thì tôi xin thành thật khuyên quý vị hai điều:

1. Hệ thống thần kinh của quý vị đã bắt đầu có vấn đề nghiêm trọng, sắp loạn trí phát điên!

2. Huyết áp của quý vị đang tăng vọt lên quá cao, quả tim sắp sửa trụy mạch!

Đó hoàn toàn là ảo ảnh của tâm thức bệnh hoạn! Kinh Bát Nhã Ba La Mật Đa đã dạy vanh vách: *Sắc tức thị Không, Không tức thị Sắc*. Chân Phật không bao giờ có hình sắc! Hễ có sắc tướng hữu hình hiện ra trước mắt thì đó chắc chắn là Ma cảnh, chứ tuyệt đối không phải là Phật!

Lại có những kẻ **"Dĩ âm thanh cầu ngã"** (dùng âm thanh để cầu Phật). Tối ngày ngồi lẩm bẩm tụng niệm thần chú, có người bỏ ra năm ngàn đô-la để mua một câu chú bí truyền! Nếu mỗi câu chú bán được ngần ấy tiền thì tôi đây giàu to, bởi trong đầu tôi tích lũy hơn một ngàn bốn trăm câu chú khác nhau! Tụng niệm một hồi rồi hốt hoảng khoe: "Ôi thầy ơi, con vừa nghe thấy một âm thanh kỳ lạ vang lên bên tai!". Tôi bảo: Mau mau đến bác sĩ tai mũi họng khám gấp đi! Đó là ảo thính của màng nhĩ, là sự biến hiện lừa bịp của tiềm thức hạ tầng.

Muốn nghe âm thanh lạ trong cơ thể thì dễ ợt: Lấy hai ngón tay bịt chặt hai lỗ tai lại là nghe thấy ngay! Tiếng tim đập thình thịch, tiếng máu chảy rần rần trong huyết quản, kết hợp với ý niệm ám thị thì sẽ nghe thấy tiếng niệm chú "úm ba ni hồng" vang rền! Người ngu muội không hiểu sinh lý học lại tưởng mình đắc đạo thần thông, mê đắm vào

thanh sắc. Đức Phật dõng dạc tuyên bố: **Thị nhân hành tà đạo!** Kẻ ấy đang cất bước đi thẳng vào con đường tà ma ngoại đạo, muôn kiếp không bao giờ chạm tới bản thể Như Lai!

Lại nữa, xét trên góc độ thân tâm: Nhiều người ngồi thiền lâu, bỗng nhiên thấy có một "cái Ta thứ hai" tách rời khỏi thể xác, bay bổng lơ lửng trên trần nhà nhìn xuống thấy cái xác của mình đang ngồi khoanh chân đầu vẹo qua một bên, thậm chí thấy mình đang ngáy khò khò! Họ mừng rỡ tưởng mình đã luyện thành phép "xuất âm thần"! Xin ngàn vạn lần cảnh giác! Kinh Lăng Nghiêm gọi đó là hiện tượng **Tinh thần phi việt** (tinh thần vượt thoát do tâm quá tĩnh trong khi các hoạt động tuần hoàn máu và hơi thở sinh lý vẫn tiếp diễn cọ xát tạo ra ảo ảnh phân thân). Nhận lầm cái bóng ma ý thức thứ hai ấy là đạo, tức là đang "dĩ sắc kiến ngã", lạc vào ma đạo mà không hay!

26.1.3 Hồ Sơ Bí Mật: Chuyển Luân Thánh Vương

Ở đây có một vấn đề học thuật vĩ đại mà giới nghiên cứu Phật học xưa nay hầu như bỏ sót, nay nhân giảng Kinh Kim Cương tôi xin khai mở rành rẽ: **Thế nào là Chuyển Luân Thánh Vương (Cakravartin)?**

Kinh điển Phật giáo ghi chép: Vào thời kỳ thái bình thịnh trị tột đỉnh của nhân loại, sẽ xuất hiện một vị chân mạng đế vương cai quản toàn thế giới, gọi là Chuyển Luân Thánh Vương. Có bốn bậc Chuyển Luân Vương: Kim luân, Ngân luân, Đồng luân và Thiết luân vương. Vị thánh vương này có đầy đủ bảy báu trang nghiêm: Có người hoàng hậu đức hạnh đệ nhất, có vị tể tướng tài chính thao lược, có thần tướng quân bảo vệ, và có phương tiện giao thông thần tốc.

Lịch sử Trung Hoa cổ đại có vua Chu Mục Vương thời nhà Chu, đức độ sánh ngang Thiết Luân Thánh Vương. Sử sách chép ngài từng ngự giá sang tận phương Tây gặp Tây Vương Mẫu bên hồ Dao Trì; ngài

có cỗ xe thắng tám con tuấn mã thần kỳ đi vạn dặm một ngày, tạo nên bức họa *Bát Tuấn Đồ* bất hủ:

"八骏日行三万里，穆王何时不重来。"

"Bát tuấn nhật hành tam vạn lý,
Mục vương hà thời bất trùng lai."

Thời đại Chuyển Luân Thánh Vương là thời đại toàn thể nhân dân ấm no, hạnh phúc, đạo đức thuần hậu, thiên hạ thái bình không hề có chiến tranh trộm cướp. Đặc biệt nhất: **Tướng mạo của Chuyển Luân Thánh Vương có đầy đủ ba mươi hai tướng tốt, trang nghiêm giống hệt như Đức Phật!** Cho nên khi Đức Thích Ca vừa đản sinh, vua cha Tịnh Phạn mời các đạo sĩ tướng số lừng danh đến xem tướng, các vị đạo sĩ đều đồng thanh khẳng định: Vị thái tử này nếu ở đời sẽ làm Chuyển Luân Thánh Vương thống nhất bốn biển; nếu xuất gia tu hành sẽ đắc quả vị Phật cứu độ muôn loài!

Đức Phật nhiều lần ca ngợi công đức phước báo của Chuyển Luân Thánh Vương là vĩ đại ngang hàng với Phật! Muốn làm một vị Chuyển Luân Thánh Vương kiến tạo thái bình cho thiên hạ, kinh Hoa Nghiêm chỉ rõ: Phải là bậc **Bồ-tát Đệ Thập Địa** (Pháp Vân Địa) tái sinh vào cõi trần mới đủ tư cách đảm đương!

Phật giáo xưa nay vốn cực kỳ coi trọng thế gian pháp! Muốn đưa thời đại nhân loại thoát khỏi cảnh binh đao hỗn loạn để tiến vào kỷ nguyên thái bình thịnh trị, vị thánh vương ấy phải cứu vớt không biết bao nhiêu triệu sinh linh. Công đức ấy vĩ đại đến nhường nào! Người ấy chỉ khác Phật đúng một điểm duy nhất: Chưa triệt để đại ngộ tính Không Bát-nhã mà thôi; còn về mặt phúc đức, thiện hạnh và từ bi thì ngang bằng với Phật.

Thời trẻ tôi có phần cuồng ngạo, khi bạn bè hỏi tại sao tôi không xuất gia đi tu, tôi đã làm một bài thơ tạ từ, trong đó có hai câu kết:

"此身不上如来座，收拾河山亦要人。"

"Thử thân bất thượng Như Lai tọa,
Thu thập hà sơn diệc yếu nhân!"

(Thân này dẫu không bước lên tòa sen của Như Lai / Thì việc dọn dẹp quét tước giang sơn cho sạch bụi trần há lại chẳng cần người gánh vác hay sao!)

Thế giới này ô uế nhơ nhớp quá, cũng cần phải có những bậc đại trượng phu xắn tay áo cầm chổi quét dọn cho cõi đời trong sạch thanh bình chứ! Chuyển Luân Thánh Vương chính là hiện thân Bồ-tát nhập thế dọn dẹp cõi đời vậy.

26.1.4 Huyền Nhai Tát Thủ: Buông Tay Bên Vách Đá

Kệ Tụng Phẩm Thứ Hai Mươi Sáu — Nam Sư Đúc Kết

粉墨登场笙管浓，谁知槛外雪花重。
推窗窥见清凉界，明月芦花不定踪。

Phiên âm Hán – Việt:
Phấn mặc đăng trường sanh quản nồng,
Thùy tri hạm ngoại tuyết hoa trọng.
Thôi song khuy kiến thanh lương giới,
Minh nguyệt lô hoa bất định tung.

Dịch nghĩa thơ thất ngôn:
Son phấn lên sân kèn trống vang,
Ai hay ngoài cửa tuyết đông tràn.
Đẩy song trông lại miền thanh khiết,
Trăng tỏ lau ngàn ngọn gió lan!

Bình giải kệ tụng:

"Phấn mặc đăng trường sanh quản nồng" (Son phấn bôi mặt bước lên sân khấu, tiếng sáo kèn rộn rã tưng bừng). Đời người sống trong cõi trần, cả vũ trụ này là một rạp hát khổng lồ; chúng ta chỉ là những kẻ chạy cờ đóng vai phụ la hét trên sân khấu cuộc đời mà thôi! Tiền đài thì đèn hoa rực rỡ vàng son, nhưng bước lùi vào hậu trường, tẩy sạch lớp phấn son, cởi bỏ bộ y phục lộng lẫy, ta lại hoàn về với cái Ta trơ trọi nguyên thủy.

"Thùy tri hạm ngoại tuyết hoa trọng" (Ai hay biết rằng bên ngoài khung cửa sổ kia, tuyết trắng mùa đông đang rơi đầy lạnh buốt!). Đây chính là cảnh giới thực tế mà tôi đã từng trải nghiệm những năm tháng ẩn tu trên đỉnh núi Nga Mi tuyết phủ trắng xóa. Khi ta chán ngấy vở kịch trần gian bon chen danh lợi, ta đi tìm đạo, ngồi thiền nhập định thấy tâm hồn thanh tịnh mát mẻ rỗng rang, ta tưởng rằng mình đã đại ngộ thành Phật! Xin chớ vội lầm! Cảnh giới thanh tịnh tịch lặng ấy thực chất cũng chỉ là... **một màn kịch mới** mà thôi! Đó là vở kịch đóng vai người xuất gia, màn kịch của tuyết rơi ngoài khung cửa sổ! Nếu người tu mê đắm bám chặt vào cảnh giới thanh tịnh này thì vĩnh viễn không bao giờ thành đạo!

Bởi thế, Hám Sơn đại sư thời nhà Minh mới có hai câu kệ răn đe người tu hành:

"荆棘丛中下脚易，月明帘下转身难。"

"Kinh cức tùng trung hạ cước dị,
Nguyệt minh liêm hạ chuyển thân nan."

(Bước chân dẫm vào bụi gai góc rậm rạp thế gian thì còn dễ;

nhưng dưới bức rèm trăng sáng vằng vặc thanh tịnh mà chịu xoay mình bước ra thì muôn vàn khó khăn!).

Người ta trốn chạy cõi đời tìm vào chốn thiền định thanh tịnh, đắm chìm trong cái định Không tịch của hàng A-la-hán, ngàn kiếp không chịu xuất định để dấn thân cứu độ chúng sinh. Trong giới luật Đại thừa, đó là tội phạm giới, là sự chấp định làm thui chột hạt giống bồ-đề!

"Thôi song khuy kiến thanh lương giới, Minh nguyệt lô hoa bất định tung". Muốn viên mãn Bồ-đề, hành giả phải dám **đẩy toang cánh cửa sổ thanh tịnh** ấy ra, bước thẳng vào cõi hồng trần sóng gió! Lúc ấy, dưới ánh trăng Bát-nhã soi rọi, lau sậy trắng xóa ven sông đung đưa theo ngọn gió mà không để lại một chút dấu vết. Nhận ra Chân Không Diệu Hữu viên dung, thì địa ngục dầu sôi cũng biến thành tịnh độ thanh lương; ngay nơi phiền não trần lao chính là bồ-đề giải thoát!

Và để kết thúc phẩm này, chúng tôi xin nhắc lại khẩu quyết tối thượng của chư tổ Thiền tông khi tham cứu Kinh Kim Cương:

"悬崖撒手，自肯承当。绝后再苏，欺君不得!"

"Huyền nhai tát thủ, tự khẳng thừa đương.
Tuyệt hậu tái tô, khi quân bất đắc!"

(Đứng trên đỉnh vách đá muôn trượng buông tay nhảy xuống, tự mình cam chịu lãnh nhận! Chết đi một phen rồi sống lại, tuyệt đối không thể lừa dối người!)

Tu học Kim Cương không phải là chuyện ngồi tán hươu tán vượn lý thuyết suông! Hành giả phải có khí phách của bậc đại trượng phu: Đứng trên đỉnh núi cao vạn trượng, dám **buông**

tay nhảy xuống vực thẳm! Buông sạch toàn bộ danh lợi, thân mạng, và buông sạch luôn cả Phật pháp! Đại tử một phen (chết đi hoàn toàn nơi vọng niệm), để rồi từ trong tro tàn tịch diệt bừng sáng sống lại (tuyệt hậu tái tô). Lúc ấy Pháp thân Như Lai hiện tiền sáng ngời rực rỡ, chân thật nghìn phần nghìn, không một ai có thể lừa dối được ta nữa!

CHƯƠNG 27

Vô Đoạn Vô Diệt Phân (无断无灭分第二十七)

Kinh Văn Gốc & Dịch Nghĩa

"须菩提！汝若作是念：'如来不以具足相故，得阿耨多罗三藐三菩提。'须菩提！莫作是念：'如来不以具足相故，得阿耨多罗三藐三菩提。'须菩提！汝若作是念，发阿耨多罗三藐三菩提心者，说诸法断灭。莫作是念！何以故？**发阿耨多罗三藐三菩提心者，于法不说断灭相。**"

Phiên âm Hán – Việt:

*"Tu-bồ-đề! Nhữ nhược tác thị niệm: 'Như Lai bất dĩ cụ túc tướng cố, đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.' Tu-bồ-đề! Mạc tác thị niệm: 'Như Lai bất dĩ cụ túc tướng cố, đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.' Tu-bồ-đề! Nhữ nhược tác thị niệm, phát A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề tâm giả, thuyết chư pháp đoạn diệt. Mạc tác thị niệm! Hà dĩ cố? **Phát A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề tâm giả, ư pháp bất thuyết đoạn diệt tướng.**"*

Bản dịch nghĩa:

"Này Tu-bồ-đề! Nếu ông nghĩ rằng: 'Như Lai không dùng các tướng đầy đủ mà chứng đắc Vô Thượng Chính Đẳng Chính

Giác.' Này Tu-bồ-đề, chớ nghĩ như thế! Đừng nghĩ rằng Như Lai không nhờ các tướng viên mãn mà đắc đạo Bồ-đề.
Này Tu-bồ-đề! Nếu ông nghĩ như thế, tức là bảo người phát tâm Vô Thượng Chính Giác chủ trương các pháp rơi vào **đoạn diệt (hư vô, chết là hết)**. Đừng bao giờ nghĩ như thế! Vì cớ sao? **Người phát tâm Vô Thượng Bồ Đề, đối với các pháp tuyệt đối không nói tướng đoạn diệt!**"

27.1 Lời Bình Giảng Của Cụ Nam Hoài Cẩn

27.1.1 Bên Ngoài Ba Cõi Sáu Đường: Nhảy Đi Đâu?

Đức Phật cất tiếng gọi Tu-bồ-đề: *"Nhữ nhược tác thị niệm: Như Lai bất dĩ cụ túc tướng cố, đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề..."* (Nếu ông khởi cái ý niệm cho rằng Như Lai không cần đầy đủ tướng mạo công đức mà có thể chứng ngộ Bồ-đề)... thì này Tu-bồ-đề, ông ngàn vạn lần chớ có nghĩ như vậy! Đừng bao giờ cho rằng không cần tích lũy công đức phúc báo viên mãn mà cũng có thể đại triệt đại ngộ thành Phật! Mang cái quan niệm ấy là sai lầm chết người!

Ở các phẩm trước, chúng ta rõ ràng vừa nghe Phật dạy: Không được lấy 32 tướng để thấy Phật, nếu dùng sắc thấy Ta dùng âm thanh cầu Ta là đi đường tà. Thế nhưng đến ngay phẩm này, Phật lại vội vã nhắc nhở: Các ông chớ có hiểu lầm! Nếu các ông cho rằng chẳng cần tu hành công đức phước báo gì cả, cứ ngồi một chỗ tưởng tượng là ngộ đạo, thì nguy to!

Đặc biệt nghiêm trọng hơn, Phật dặn tiếp:

"Tu-bồ-đề! Nhữ nhược tác thị niệm, phát A-nậu-đa-la Tam-

miệu Tam-bồ-đề tâm giả, thuyết chư pháp đoạn diệt. Mạc tác thị niệm!"

Nếu ông nghĩ rằng con người ta một khi ngộ đạo rồi là xong xuôi hết thảy, cái gì cũng thành Không rỗng tuếch, chết đi là tan biến vĩnh viễn không còn dấu vết... thì cái quan niệm ấy là một đại họa sai lầm khủng khiếp!

Bàn về điểm này, bản thân tôi thời trẻ từng có kinh nghiệm đối thoại thực tế rất sâu sắc: Mấy mươi năm trước tại tỉnh Vân Nam (Đại Lục), tôi có dịp đến Côn Minh diện kiến một vị đại lão thiền sư vô cùng danh tiếng, xưng hiệu là Bát Chỉ Đầu Đà. Trong lúc đàm đạo, tôi bèn hỏi thẳng:

"Bạch đại sư! Con nghe thiên hạ đồn rằng ngài sau khi ngộ đạo có tuyên bố một quan điểm: Người tu sau khi chứng đắc Niết-bàn, sinh tử đã liễu dứt thì vĩnh viễn không bao giờ trở lại cõi trần này nữa. Có đúng ngài nói như vậy không?".

Vị lão pháp sư gật đầu thừa nhận. Tôi bèn cung kính thưa:

*"Bạch ngài! Trong Kinh Lăng Già, Đức Phật từng tuyên bố đanh thép: **'Vô hữu Niết-bàn Phật, vô hữu Phật Niết-bàn'** (Không hề có một vị Phật nào nằm lì trong Niết-bàn, và cũng chẳng có cái Niết-bàn chết cứng nào để nhốt Phật cả!). Nếu ngài bảo ngài không trở lại cõi trần, thế thì ngài đi đâu? Người đời hay nói 'nhảy ra ngoài ba cõi', xin hỏi ngài nhảy đi đâu? Trong vũ trụ này Đức Phật có bao giờ nói có cõi thứ tư đâu mà nhảy? Bảo là 'không ở trong ngũ hành', thế thì ngài chui vào cái hành nào? Liễu thoát sinh*

tử rồi là trốn biệt tích không thèm cứu độ chúng sinh, đó đâu phải là bản hoài của Phật pháp!".

Vì câu hỏi ấy mà hai chúng tôi đã tranh luận kịch liệt suốt mấy ngày đêm!

Rất nhiều người học Phật ngày nay mắc phải căn bệnh ngộ nhận ấu trĩ này: Cứ đinh ninh rằng học Phật ngộ đạo là để hai chân khoanh tròn trên bồ đoàn, liễu thoát sinh tử rồi vĩnh viễn không bao giờ phải quay trở lại cõi trần gian này chịu khổ chịu cực nữa! Coi Niết-bàn như một hầm trú ẩn an toàn để trốn tránh trách nhiệm thế gian! Đó là sai lầm lớn nhất, ươn hèn nhất trên con đường tu đạo!

Thiên hạ thường kể cho tôi nghe rất nhiều câu chuyện kỳ lạ ở nhà tang lễ, minh chứng cho hiện tượng sinh tử của người tu: Cách đây ít lâu, có một vị học viên kể rằng ở nhà tang lễ tiếp nhận xác một cô gái mới mười mấy tuổi đầu. Vì cha mẹ ép duyên gả chồng gấp gáp, cô gái không chịu, bèn vào phòng đóng cửa xếp bằng hai chân ngồi kiết già... thế là an nhiên tọa hóa thị tịch! Khi đưa đến nhà tang lễ, người ta không tài nào đưa xác vào quan tài được, vì hai chân cô gái xếp bằng cứng đờ như bàn thạch, gỡ không ra! Cuối cùng đành phải đóng riêng một chiếc thùng gỗ vuông đặc biệt để an táng cô.

Tôi nghe xong bảo: *"Đó là bậc Tái lai nhân đấy!"*. Trong kinh điển giải thích, người tu có căn cơ nhiều đời chưa chứng quả A-la-hán, sau khi chết tùy theo công hạnh mà có các bậc: Thất hoàn nhân gian (bảy lần trở lại cõi người), Ngũ hoàn, Tam hoàn, hoặc Nhất hoàn nhân gian để tiếp tục tu hành và độ hóa thân bằng quyến thuộc. Lại có bà cụ bốn mươi tuổi mới xuất gia, thọ gần chín mươi tuổi viên tịch hỏa táng, toàn bộ xương sọ đỉnh đầu không hề cháy, kết thành xá-lợi óng ánh. Sinh mệnh và năng lượng tu hành là những dữ liệu có thật của tự nhiên, không thể xem thường.

27.1.2 Hố Sâu Đoạn Diệt Kiến: Bạt Vô Nhân Quả

Quan niệm cho rằng ngộ đạo rồi là chết sạch không còn trở lại, trong Phật học gọi là **Sai lầm về Kiến địa** (Kiến hoặc).

Một người tu hành chứng quả hay không, điều tiên quyết là phải đoạn trừ hai thứ: **Kiến hoặc** (sai lầm nơi nhận thức tri kiến) và **Tư hoặc** (phiền não tham, sân, si, mạn, nghi nơi tâm thức). Trong đó có năm thứ tà kiến nguy hiểm: Thân kiến, Biên kiến, Tà kiến, Kiến thủ kiến, và Giới cấm thủ kiến.

Học thuyết triết học duy vật thô thiển thời nay rơi đúng vào cái bẫy **Đoạn Diệt Kiến** (nghĩ rằng chết là như ngọn đèn tắt phụt, không có kiếp trước kiếp sau, không có luân hồi nghiệp báo, chết là hết nợ).

Ở phẩm trước, Đức Phật vừa nghiêm khắc răn đe không được chấp tướng để thấy Phật; thì sang ngay phẩm này, Ngài lại lập tức vung roi chặn đứng đầu bên kia: **Tuyệt đối không được rơi vào cái bẫy không chấp tướng!**

- Chấp vào Tướng (Chấp Có) là sai lầm;
- Nhưng chấp vào Không Tướng (Chấp Không) lại càng nguy hiểm gấp vạn lần!

Nếu rơi vào cái Không tiêu cực, người ta sẽ tự nhủ: ”Ồ, mọi sự xưa nay đều là Không, thế thì việc gì phải làm việc thiện tích đức? Phật cũng là Không, thiện cũng là Không! Đã Không cả rồi thì ta đi giết người, cướp của, lừa đảo trộm cắp có sao đâu, bởi vì giết chóc hay tội lỗi rốt cuộc cũng về với Không mà thôi!”.

Lối suy nghĩ điên đảo ấy trong Phật giáo gọi là **Bạt Vô Nhân Quả** (gạt phăng luật nhân quả, phủ nhận nghiệp báo). Đây là nọc độc tà kiến khủng khiếp nhất trong lịch sử tư tưởng nhân loại! Sai lầm của Không kiến cũng nguy hại hệt như chủ nghĩa duy vật cực đoan. Một số dòng

Phật giáo Nam truyền ở Đông Nam Á có thời kỳ rơi vào thiên kiến chấp Không tiêu cực này, để rồi cuối cùng bị làn sóng tư tưởng duy vật nuốt chửng sạch trơn!

Đức Phật sợ nhất đệ tử của Ngài rơi vào cái bẫy này, cho nên Ngài mới liên tục cảnh báo Tu-bồ-đề: *"Mạc tác thị niệm!"* — Ngàn vạn lần chớ có hiểu lầm lời Ta mà rơi vào hố sâu đoạn diệt!

27.1.3 Tuyệt Đối Không Nói Tướng Đoạn Diệt

> *"Hà dĩ cố? Phát A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề tâm giả, ư pháp bất thuyết đoạn diệt tướng."*

Người phát tâm cầu đạo Vô thượng Bồ-đề, đối với vạn pháp trong vũ trụ tuyệt đối không bao giờ được mở miệng nói hai chữ **"Đoạn Diệt"**!

Một câu kinh Kim Cương sắp kết thúc rồi, quý vị thử lật lại từng trang từ đầu đến cuối xem: Có chỗ nào Đức Phật bảo vạn pháp là "Không" không? Hoàn toàn không có một chữ "Không" nào cả! Người đời sau viết sách chú giải, cứ khăng khăng bảo Kim Cương là kinh nói về chữ Không, đó là do quý vị tự gán ghép vào đầu Phật đấy chứ!

Đức Phật chỉ dạy: Tâm quá khứ bất khả đắc, tâm hiện tại bất khả đắc, tâm vị lai bất khả đắc; Ngài dạy không được dùng sắc thấy Ta, không được dùng âm thanh cầu Ta... Đó là phương pháp giáo dục sư phạm chặn đứng mọi lối rẽ sai lầm của tâm thức. Ngài chỉ nói cho anh biết *cái gì không phải*, chứ Ngài không hề khẳng định bản thể là một cái Không chết cứng rỗng tuếch!

Ngay cả Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh cũng chỉ dạy: *Chiếu kiến ngũ uẩn giai không* (soi thấy năm uẩn sắc, thọ, tưởng, hành, thức là duyên sinh giả hợp), rồi đoạn kết Ngài khẳng định chân lý giải thoát

là: *Chân thật bất hư* (chân thật rõ ràng không hề hư dối)! Ngài đâu có nói toàn bộ bản thể Bát-nhã là đoạn diệt hư vô!

Nhiều người học Phật hay vỗ ngực tự hào khoe khoang: ”Tôi bây giờ nhìn đời thấu suốt rồi, coi mọi chuyện trên đời đều là Không rỗng tuếch!”. Xin thưa, tâm lý học chỉ rõ: Đó căn bản không phải là ngộ Không, mà là vì anh đang **thất chí ngã lòng**, hoặc do hoàn cảnh thất bại ê chề, số phận quá đỗi đen đủi, hoặc tuổi già bất lực không làm gì được nữa nên đành buông xuôi nói câu an ủi mình rằng ”tất cả là Không”!

Bên dưới cái câu ”nhìn thấu là Không” ấy vẫn còn nguyên một khối tro tàn ấm ức, chán chường cay đắng, làm sao gọi là giải thoát được! Mở miệng ra là than thở cuộc đời là phù du, là hư không... Than thở tức là trong lòng đang còn vướng bận nặng trĩu! Chẳng khác nào không ăn quả dưa hấu thì lại ôm một quả bí đao to tướng vào lòng, rốt cuộc cũng chỉ là một... gã ngốc ôm quả bí mà thôi!

Cho nên chữ ”Không” trong nhà Phật chỉ là một danh từ tạm mượn, một phương tiện ví von để diễn tả trạng thái không bám chấp. Tuyệt đối không phải là sự biến mất không còn gì. Năng lượng và bản thể sinh mệnh chưa từng bị tiêu diệt một giây phút nào, hệt như định luật bảo toàn năng lượng của vật lý học hiện đại.

Để đúc kết phẩm thứ hai mươi bảy, chúng tôi có bài thi kệ:

Kệ Tụng Phẩm Thứ Hai Mươi Bảy — Nam Sư Đúc Kết

翻云覆雨雨成云，点滴如丝乱不分。
冻作冰河冰化水，漫从光影捉斜曛。

Phiên âm Hán – Việt:

Phiên vân phúc vũ vũ thành vân,

Điểm tích như ti loạn bất phân.
Đống tác băng hà băng hóa thủy,
Mạn tùng quang ảnh tróc tà huân.

Dịch nghĩa thơ thất ngôn:

Mây hóa thành mưa mưa lại mây,
Hạt buông như sợi rối vơi đầy.
Đông thành sông tuyết băng tan nước,
Đuổi bóng chiều hôm ảo ảnh bay!

Bình giải kệ tụng:

"Phiên vân phúc vũ vũ thành vân" (Mây hóa thành mưa, rồi mưa bốc hơi lại thành mây). Hãy ngắm nhìn vũ trụ vạn vật biến chuyển không ngừng: Hôm nay trời đổ mưa rào, ngày mai ánh nắng bừng sáng; mưa đọng thành nước, hơi nước bốc lên tầng khí quyển ngưng tụ thành mây, rồi mây gặp lạnh lại tan thành những hạt mưa rơi xuống đất. Bản chất của toàn bộ quá trình biến ảo ấy thực chất chỉ là sự chuyển động của các phân tử hơi nước mà thôi!

"Điểm tích như ti loạn bất phân" (Mưa buông từng hạt như muôn ngàn sợi tơ rối rắm khó lòng phân biệt). Khi các hạt mưa rơi xuống, mỗi hạt mưa tạo thành một phạm vi độc lập, rơi vào một chiếc lá hay một mái nhà riêng biệt. Cũng hệt như toàn thể chúng sinh chúng ta trong cõi Ta-bà này: Cùng chung một thể tính sinh mệnh nguyên thủy, nhưng khi duyên hợp sinh ra mỗi cá thể thì cái Tôi của anh và cái Tôi của tôi lại rạch ròi khác biệt, vướng mắc ân oán muôn vàn như sợi tơ vương. Thế nhưng ngọn nguồn cội rễ của muôn loài xưa nay vốn cùng chung một

bản thể chân như!

"Đống tác băng hà băng hóa thủy" (Mùa đông lạnh giá nước đóng thành sông băng tuyết trắng, mùa xuân ấm áp băng tuyết lại tan chảy thành dòng nước trong xanh). Vạn tượng trong vũ trụ biến hóa muôn hình vạn trạng. Nhưng hiện tượng dù có biến thiên vạn nẻo thì Bản Thể xưa nay vẫn sừng sững bất biến! Nói bản thể là "Không" cũng trật, nói bản thể là "Thường còn" cũng sai, bảo bản thể là "Đoạn diệt" lại càng đại nghịch bất đạo!

"Mạn tùng quang ảnh tróc tà huân" (Kẻ mê muội mải miết chạy theo bóng tà dương chiều tà mà không biết rằng ánh sáng chân thật vốn chưa từng tắt lặn!).

Muốn nhận ra công năng của Pháp thân bản thể thì tìm ở đâu? **Tìm ngay nơi mọi hiện tượng và tác dụng thường nhật trước mắt!**

- Bản thể (Thể) nằm ngay trong Hình tướng (Tướng) và Công dụng (Dụng).
- Không bám chấp vào tướng và dụng, thì ngay nơi đó bản thể hiển lộ trọn vẹn!

Đó chính là thủ pháp sư phạm tối hậu của Kinh Kim Cương mà Đức Phật muốn trao truyền cho muôn đời hậu thế!

CHƯƠNG 28

Bất Thọ Bất Tham Phân (不受不贪分第二十八)

Kinh Văn Gốc & Dịch Nghĩa

"须菩提！若菩萨以满恒河沙等世界七宝持用布施；若复有人知一切法无我，得成于忍，此菩萨胜前菩萨所得功德。何以故？须菩提！以诸菩萨不受福德故。"须菩提白佛言："世尊！云何菩萨不受福德？""须菩提！菩萨所作福德，不应贪著，是故说不受福德。"

Phiên âm Hán – Việt:

"Tu-bồ-đề! Nhược Bồ-tát dĩ mãn Hằng hà sa đẳng thế giới thất bảo, trì dụng bố thí; nhược phục hữu nhân, tri nhất thiết pháp vô ngã, đắc thành ư nhẫn, thử Bồ-tát thắng tiền Bồ-tát sở đắc công đức. Hà dĩ cố? Tu-bồ-đề! Dĩ chư Bồ-tát bất thọ phước đức cố." Tu-bồ-đề bạch Phật ngôn: "Thế Tôn! Vân hà Bồ-tát bất thọ phước đức?"

"Tu-bồ-đề! Bồ-tát sở tác phước đức, bất ưng tham trước, thị cố thuyết bất thọ phước đức."

Bản dịch nghĩa:

"Này Tu-bồ-đề! Nếu có vị Bồ-tát đem bảy báu chứa đầy khắp

các thế giới nhiều như cát sông Hằng ra bố thí; lại có người thấu triệt **tất cả các pháp đều vô ngã, thành tựu trọn vẹn nơi đức Nhẫn (Vô Sinh Pháp Nhẫn)**, thì vị Bồ-tát này có công đức vượt trội hơn hẳn vị Bồ-tát bố thí bảy báu ở trước! Vì cớ sao? Này Tu-bồ-đề, vì các bậc Bồ-tát **không nhận phước đức**!"

Ngài Tu-bồ-đề liền thưa hỏi: "Bạch Thế Tôn! Vì sao lại nói Bồ-tát không nhận phước đức?"

— Đức Phật dạy: "Này Tu-bồ-đề! **Bồ-tát làm ra muôn ngàn phước đức, nhưng tuyệt đối không tham lam bám trước vào phước đức ấy**, vì lẽ đó nên mới gọi là không nhận phước đức!"

28.1 Lời Bình Giảng Của Cụ Nam Hoài Cẩn

28.1.1 Phong Cách "Bán Kẹo Mạch Nha" Của Đức Phật

Kinh Kim Cương có một đặc điểm vô cùng thú vị: Bên cạnh phương pháp sư phạm biến hóa kỳ ảo, Đức Thế Tôn còn là một bậc thầy "tiếp thị" đại tài! Ngài giới thiệu giáo pháp giống hệt như các nhân viên bán hàng tài ba trong các trung tâm thương mại lớn ở phố Tây Môn Đinh (Đài Bắc) ngày nay, hoặc như những người bán kẹo mạch nha dạo ở Thượng Hải, Hàng Châu, Thanh Đảo thời xưa:

Tay kéo chiếc đàn dương cầm con con, miệng cất giọng hát ngọt như mía lùi: *"Trẻ con ăn kẹo của tôi thì thông minh thi đỗ trạng nguyên; người già ăn kẹo của tôi thì trường thọ sống lâu trăm tuổi; phụ nữ ăn kẹo của tôi thì da dẻ hồng hào mãi mãi tuổi thanh xuân..."*. Đọc Kinh Kim Cương, ta cũng có cảm giác Phật đang "bán kẹo mạch nha" như thế! Cứ nói được dăm ba câu, Ngài lại cất giọng tán thán: Công đức

này lớn bằng sông Hằng, công đức kia vĩ đại hơn chúa núi Tu-di! Đến khi người nghe say sưa tin chắc vào cái khối phước đức ngút trời ấy, thì bất thần Ngài quay ngoắt lại gạt phăng sạch trơn, bảo rằng phước đức vốn là không! Đó chính là thủ pháp sư phạm tuyệt đỉnh dẫn dụ tâm thức rời khỏi mọi bám chấp.

Đến phẩm thứ hai mươi tám này, Đức Phật lại đem hạnh nguyện bố thí của hàng đại Bồ-tát ra so sánh. Ngài bảo: Bố thí chứa đầy châu báu khắp các thế giới cát sông Hằng đã là vĩ đại khôn cùng; nhưng có một vị Bồ-tát làm việc còn vĩ đại hơn gấp bội: Đó là người **thấu triệt tất cả pháp đều Vô Ngã, thành tựu trọn vẹn nơi đức Nhẫn (Đắc thành ư nhẫn)**!

Tất cả chúng ta ngồi đây, phàm là con người có linh tri giác tính, thảy đều là **Bồ-tát Nhân Địa**! Giống như hiến pháp quy định công dân đủ mười tám tuổi đều có quyền công dân và tư cách ứng cử vậy. Khi tu hành viên mãn thành Phật thì gọi là **Bồ-tát Quả Địa**. Bởi thế, quý vị hãy dũng cảm tự thừa nhận: Chính mình đang là một vị Bồ-tát!

Đã mang thân Bồ-tát thì trong giới luật Đại thừa nghiêm cấm tuyệt đối hành vi tự sát! Thậm chí tự ý hủy hoại, rạch da rạch thịt làm tổn thương thân thể của chính mình cũng phạm vào giới Bồ-tát, tương đương với tội làm chảy máu thân Phật! Thân xác này cha mẹ sinh ra, trong Hiếu Kinh ngài Tăng Tử từng dạy: *"Thân thể phát phu, thụ chi phụ mẫu, bất cảm hủy thương, hiếu chi thủy dã"* (Thân thể da tóc nhận từ cha mẹ, không dám làm tổn hại, ấy là khởi đầu của chữ Hiếu). Khổng Tử cũng răn: *"Quân tử bất lập ư nguy tường chi hạ"* (Bậc quân tử không bao giờ dại dột đứng tựa lưng dưới chân bức tường xiêu vẹo sắp đổ). Đem thân thể Bồ-tát đi làm trò liều lĩnh dại dột là bất hiếu với mẹ cha và phạm giới với Phật!

Nhiều người thắc mắc: Bồ-tát đã đắc đạo rồi, sao còn phải lặn lội

đi làm việc thiện, bố thí làm chi cho nhọc sức? Xin thưa, **ngay cả Đức Phật Thích Ca thành đạo rồi mà ngày ngày Ngài vẫn chăm chỉ đi làm việc thiện tích lũy công đức!**

Trong giới luật ghi lại: Một hôm trong tịnh xá có một vị tỳ-kheo bị mù hai mắt đang ngồi lúng túng lần mò muốn xâu sợi chỉ qua lỗ kim để vá lại chiếc áo rách. Đức Phật đi ngang qua thấy vậy liền bước tới nhận lấy chiếc kim, tự tay xâu chỉ giúp thầy tỳ-kheo mù. Thầy tỳ-kheo cảm động rơi nước mắt thưa: ”Bạch Thế Tôn, Ngài là bậc Đại Giác phúc trí vẹn toàn, sao Ngài còn nhọc công làm việc nhỏ mọn này giúp con?”. Đức Phật mỉm cười dạy: **”Ta cũng phải tích lũy công đức chứ! Sự nghiệp làm việc thiện giúp đời là vô cùng vô tận, không bao giờ có điểm dừng!”**. Bậc Chí Tôn vĩ đại như Phật mà còn không ngừng hành thiện tích đức, huống chi là phàm phu chúng ta!

Nhìn lại lịch sử Thiền tông, hãy xem tấm gương ngài **Ngưu Đầu Pháp Dung**: Thuở chưa ngộ đạo, ngài ẩn tu trong hang đá trên núi Ngưu Đầu, ngồi thiền nhập định sâu đến mức mỗi buổi trưa thiên nữ cõi trời bay xuống rải hoa dâng cơm cúng dường; bầy chim rừng ngậm những cành hoa tươi thơm ngát bay đến xếp quanh chỗ ngài ngồi! Cảnh giới thanh cao tuyệt luân!

Thế nhưng sau khi gặp Tứ Tổ Đạo Tín khai thị cho ngộ lý Bát-nhã vô trụ, ngài thấu suốt tự tính thì chim rừng không đến dâng hoa nữa, thiên nữ cõi trời cũng biến mất tăm! Vì sao? Vì tâm ngài đã hòa nhập trọn vẹn vào cõi bình phàm, không còn để lại một mảy may dấu vết kỳ dị để quỷ thần trông thấy! Ngài liền xuống núi mở trường giáo hóa, thâu nhận hơn năm trăm đệ tử theo học đạo. Thời xưa đường sá hiểm trở, ngày ngày ngài Pháp Dung **phải cuốc bộ mấy chục dặm đường rừng, tự mình gánh từng bao gạo nặng trĩu trên vai** mang về núi nấu cơm nuôi năm trăm đệ tử tu học! Đó mới là tinh thần hành đạo của

bậc đại Bồ-tát chân thật, chứ đâu phải trốn chui trốn lủi vào hang sâu ích kỷ hưởng thụ sự thanh tịnh một mình!

28.1.2 Ý Nghĩa Thâm Sâu: Đắc Thành Ư Nhẫn

> *"Tri nhất thiết pháp vô ngã, đắc thành ư nhẫn, thử Bồ-tát thắng tiền Bồ-tát sở đắc công đức."*

Thấu triệt tất cả các pháp đều Vô Ngã, và thành tựu trọn vẹn nơi đức Nhẫn. Trong Duy Thức học có nguyên lý căn bản: **Tất cả các pháp đều không có tự tính** (Nhất thiết pháp vô tự tính). Không có bất kỳ một sự vật hay đạo lý nào có thể tồn tại vĩnh cửu độc lập bất biến. Hạt mưa rơi xuống đất hòa vào bùn lầy rồi bốc hơi tan biến, không có tự tính cố định. Đất, nước, gió, lửa cũng biến dịch khôn lường. Toàn bộ vạn pháp thế gian và xuất thế gian (kể cả Niết-bàn của hàng La-hán hay quả vị Phật) đều không có một cái Tôi tự ngẫu nhiên bất biến.

Thấu suốt được chân lý Vô Ngã ấy rồi thì mới **Đắc thành ư Nhẫn**! Chữ "Nhẫn" ở đây là một cảnh giới tu chứng cực kỳ thâm sâu của Phật giáo Đại thừa.

- Hàng Tiểu thừa tu tập lấy **Định** (Thiền định) làm gốc rễ.
- Nhưng hàng Bồ-tát Đại thừa bắt buộc phải đạt đến **Vô Sinh Pháp Nhẫn** (An nhiên bất động trước thực tướng không sinh không diệt của vạn pháp).

Nhẫn không phải là sự cắn răng chịu đựng tức tối trong lòng! Nếu bị người ta chửi bới mà cố nghiến răng kìm nén cục tức, mặt đỏ tía tai, huyết áp tăng vọt chờ ngày trả thù... thì đó là "nhẫn nhục" kiểu phàm phu, chỉ tổ rước thêm bệnh loét dạ dày!

Nhẫn của Bồ-tát là nhờ thấu suốt lý Vô Ngã: Thấy rõ kẻ chửi, người bị chửi và lời mắng nhiếc thảy đều như bọt nước phù du, không có một

cái Ngã thật nào bị tổn thương cả! Nhờ trí tuệ Bát-nhã soi rọi mà tâm hồn an nhiên vắng lặng, tràn ngập lòng từ bi thương xót. Y hệt như tiền thân Đức Phật làm Nhẫn Nhục Tiên Nhân bị bạo chúa Ca-lợi chặt đứt từng cánh tay, xẻo từng miếng thịt mà tâm hồn ngài tuyệt nhiên không dấy khởi một mảy may sân hận!

Người đời học Phật ngày nay miệng nói Vô Ngã rất hay, nghe tiếng ếch nhảy bờ ao tưởng mình đã ngộ đạo; thử cầm con dao rạch nhẹ vào ngón tay một nhát xem ngài ”đắc thành ư nhẫn” hay là ”đắc thành ư hận”? Đau đớn nhảy dựng lên chửi đổng thì đạo lý đầu môi chót lưỡi ấy vứt đi đâu!

Để làm sáng tỏ cảnh giới này, chúng tôi xin dẫn công án ngộ đạo kinh điển của **Cư sĩ Trương Chuyết** thời Ngũ Đại: Trương Chuyết là một bậc túc nho thông thái. Một hôm đến bái yết một vị thiền sư hỏi đạo. Thiền sư hỏi: ”Học giả tên họ là gì?”. Ông đáp: ”Thưa thầy, đệ tử tên là Trương Chuyết (Chuyết nghĩa là vụng về, ngốc nghếch)”. Vị thiền sư quắc mắt bảo: **”Ta tìm khắp trời đất một cái Khéo (xảo) còn không ra, thì lấy đâu ra cái Vụng (chuyết) cho ngươi ôm giữ!”**.

Ngay câu nói sét đánh ấy, Trương Chuyết đại triệt đại ngộ! Thấu suốt vạn pháp xưa nay vốn Vô Ngã, ông liền chắp tay đọc bài kệ ngộ đạo bất hủ lưu truyền ngàn năm:

光明寂照遍河沙，凡圣含灵共一家。
一念不生全体现，六根才动被云遮。
断除烦恼重增病，趣向真如亦是邪。
随顺世缘无挂碍，涅盘生死等空花。

Phiên âm Hán – Việt:
Quang minh tịch chiếu biến hà sa,
Phàm thánh hàm linh cộng nhất gia.

Nhất niệm bất sinh toàn thể hiện,
Lục căn tài động bị vân già.
Đoạn trừ phiền não trùng tăng bệnh,
Thú hướng chân như diệc thị tà.
Tùy thuận thế duyên vô quải ngại,
Niết-bàn sinh tử đẳng không hoa.

Dịch nghĩa thơ:

Ánh sáng tịch soi khắp cát sông,
Phàm thánh muôn loài một cội chung.
Một niệm không sinh toàn thể hiện,
Sáu căn vừa động khói mây lồng!
Dứt trừ phiền não thêm mang bệnh,
Hướng tới chân như hóa lạc đường.
Thuận theo duyên thế lòng thanh thản,
Sinh tử Niết-bàn tựa đóa hoa!

Bài kệ tám câu này lột tả trọn vẹn yếu chỉ Kim Cương Bát-nhã!

- *"Đoạn trừ phiền não trùng tăng bệnh"*: Ngồi thiền mà suốt ngày nhăm nhăm đòi diệt trừ vọng niệm phiền não, thì chính cái ý niệm muốn diệt trừ ấy lại là một thứ vọng niệm mới, rước thêm bệnh tâm lý vào thân!

- *"Thú hướng chân như diệc thị tà"*: Trong bụng ôm ấp tham vọng mong cầu chứng đắc một cảnh giới Chân Như cố định, thì cái tâm mong cầu ấy chính là tà kiến trói buộc!

- *"Tùy thuận thế duyên vô quải ngại"*: Sống ung dung giữa cõi trần theo hai câu châm ngôn tổ sư: *"Tùy duyên tiêu cựu nghiệp, cánh bất tạo tân ương"* (Thuận theo duyên lành trả nợ cũ thế gian, tuyệt đối không gây thêm nghiệp ác mới).

- *"Niết-bàn sinh tử đẳng không hoa"*: Ngay cả cái quả vị Niết-bàn giải thoát cũng coi như hoa đốm giữa hư không, không một mảy may bám chấp! Đó chính là phong thái đắc thành ư nhẫn của bậc đại ngộ!

28.1.3 Bồ-tát Không Nhận Phước Đức: Hồi Hướng Vô Tự Tư

Đức Phật đúc kết một chân lý lạ lùng: **Dĩ chư Bồ-tát bất thọ phước đức cố** (Bởi vì các bậc Bồ-tát không hề nhận lãnh phước đức).

Tu-bồ-đề nghe xong liền ngạc nhiên hỏi: Bạch Thế Tôn, cớ sao Bồ-tát làm muôn ngàn việc thiện lại không nhận phước đức? Đức Phật ôn tồn đáp: *"Bồ-tát sở tác phước đức, bất ưng tham trước, thị cố thuyết bất thọ phước đức"*. Bồ-tát làm tất cả việc thiện cứu giúp cõi đời, coi đó là bổn phận tự nhiên phải làm, làm xong là buông xả sạch trơn, tuyệt đối không khởi lòng tham lam ôm giữ phước đức ấy cho riêng mình!

Bao nhiêu công đức thiện hạnh làm ra, Bồ-tát đem toàn bộ **Hồi hướng cho muôn loài chúng sinh khắp pháp giới**, nguyện cho tất cả mọi người được an vui hạnh phúc, còn bản thân mình thì không mảy may đòi hỏi một chút tư lợi đền đáp! Đó chính là cảnh giới Đại Bố Thí Ba-la-mật-đa!

Để đúc kết phẩm thứ hai mươi tám, chúng tôi xin tặng bài thi kệ:

Kệ Tụng Phẩm Thứ Hai Mươi Tám — Nam Sư Đúc Kết

默然无语是真闻，情到无心意已薰。
撒手大千无一物，莫凭世味论功勋。

Phiên âm Hán – Việt:

Mặc nhiên vô ngữ thị chân văn,
Tình đáo vô tâm ý dĩ huân.
Tán thủ đại thiên vô nhất vật,
Mạc bằng thế vị luận công huân.

Dịch nghĩa thơ thất ngôn:

Lặng im không tiếng ấy chân văn,
Tình lắng vào không ý đượm nhuần.
Buông cả đại thiên không một vật,
Đừng đem vị thế đếm công huân!

Bình giải kệ tụng:

"Mặc nhiên vô ngữ thị chân văn" (Lặng thinh không một lời nói mới chính là sự lắng nghe Phật pháp chân thật nhất). Đức Phật xưa kia từng có một lần nhập định bế quan suốt ba tháng ròng rã tại nước Ma-kiệt-đà, tuyệt đối không thốt ra nửa lời pháp! Ngài muốn biểu thị rằng: Diệu pháp vô thượng vốn không thể dùng lời lẽ mà diễn đạt, phải tự thân mình lặng lẽ chứng ngộ. Lặng im như sấm sét, đó mới là chân văn!

"Tình đáo vô tâm ý dĩ huân" (Khi tình cảm và tâm thức tu luyện đạt đến chỗ Vô Tâm, thì hương thơm trí tuệ tự nhiên xông ướp ngạt ngào). Thế nào là Vô Tâm? Là tâm quá khứ bất khả đắc, tâm hiện tại bất khả đắc, tâm vị lai bất khả đắc! Chuyển hóa thức thứ sáu thành Diệu Quan Sát Trí, sạch bong mọi toan tính vị kỷ.

"Tán thủ đại thiên vô nhất vật, Mạc bằng thế vị luận công huân". Người học Phật phải có bản lĩnh của bậc đại trượng phu: Đứng giữa cõi tam thiên đại thiên thế giới, dám buông tay xả bỏ toàn bộ danh lợi, chức quyền, của cải, cho đến xả bỏ cả công

đức phước báo của chính mình! Trong lòng rỗng rang thanh tịnh đúng như lời Lục Tổ: *Bản lai vô nhất vật*!
Đừng bao giờ đem thói đời phàm tục buôn thần bán thánh, bỏ một đồng vốn đòi bốn đồng lời ra để đong đếm công lao với Phật! Người học Phật chân chính chỉ cần nắm vững hai tiêu chuẩn sống còn:

1. **Đề đắc khởi (提得起):** Gánh vác lên được! Gánh vác muôn ngàn thiện hạnh, dấn thân vào cõi đời gió bụi cứu nhân độ thế, chư ác mạc tác, chúng thiện phụng hành không mệt mỏi!

2. **Phóng đắc hạ (放得下):** Buông xả xuống được! Làm xong việc thiện vĩ đại dời non lấp bể mà tâm hồn nhẹ tênh như không, buông sạch mọi công lao danh vọng, không một mảy may bám chấp!

Vừa gánh vác lên được, lại vừa buông xả xuống được, người ấy tức khắc viên thành đạo quả Bồ-đề!

CHƯƠNG 29

Uy Nghi Tịch Tĩnh Phân (威仪寂静分第二十九)

Kinh Văn Gốc & Dịch Nghĩa

"须菩提！若有人言：'如来若来若去，若坐若卧'，是人不解我所说义。何以故？**如来者，无所从来，亦无所去，故名如来。**"

Phiên âm Hán – Việt:

*"Tu-bồ-đề! Nhược hữu nhân ngôn: 'Như Lai nhược lai nhược khứ, nhược tọa nhược ngọa', thị nhân bất giải ngã sở thuyết nghĩa. Hà dĩ cố? **Như Lai giả, vô sở tùng lai, diệc vô sở khứ, cố danh Như Lai.**"*

Bản dịch nghĩa:

"Này Tu-bồ-đề! Nếu có người bảo rằng: 'Đức Như Lai hoặc đến hoặc đi, hoặc ngồi hoặc nằm', người ấy hoàn toàn không hiểu nghĩa lý lời Ta nói! Vì cớ sao? **Như Lai nghĩa là: Không từ đâu đến, cũng chẳng đi về đâu, vì thế nên gọi là Như Lai!**"

29.1 Lời Bình Giảng Của Cụ Nam Hoài Cẩn

29.1.1 Không Đến Cũng Không Đi: Bản Lai Diện Mục

Toàn bộ bộ kinh vĩ đại này nói về sự thành tựu của Trí Tuệ Bát-nhã (Bát-nhã Ba-la-mật-đa). Con đường tu chứng thành Phật được Tu-bồ-đề nêu lên hỏi ngay từ đầu kinh, và Đức Thế Tôn đã chỉ dạy một pháp môn nhập đạo cốt lõi duy nhất: **Thiện Hộ Niệm** (Khéo gìn giữ tâm niệm). Toàn bộ công phu tu dưỡng chân chính của người học Phật, bất luận tại gia hay xuất gia, chung quy chỉ gói gọn trong ba chữ vàng ngọc ấy: *Thiện Hộ Niệm*!

Bất kỳ ai khi tu chứng thành đạo quả Bồ-đề viên mãn đều có đầy đủ mười tôn hiệu: Như Lai, Ứng Cúng, Chính Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn. Chữ **"Như Lai"** (Tathāgata) là danh hiệu chung của mười phương chư Phật. Khi đạo Phật truyền sang Trung Hoa, người ta hay ghép lại gọi là "Như Lai Phật". Kỳ thực, Như Lai chính là Phật, Phật chính là Như Lai, chỉ là các danh xưng khác nhau của cùng một bản thể giác ngộ.

Tại sao bậc đắc đạo lại được gọi là Như Lai? Nếu chiết tự theo nghĩa chữ Hán:

- **Như (如):** Là dường như, tựa hồ như, phảng phất như.
- **Lai (来):** Là đến.

Ghép lại: **Như Lai là dường như đến, dường như có đến mà thực chất chẳng hề đến đi!**

Hãy lấy một ví dụ rất gần gũi trong đời sống khoa học: Chiếc quạt máy hay bóng đèn điện trong phòng này. Ta đưa tay bật công tắc tách một cái: Đèn bừng sáng, quạt quay vù vù phả ra làn gió mát rượi. Luồng

điện rõ ràng đã đến! Nhưng có ai nhìn thấy hình dáng của luồng điện không? Không hề! Ta chỉ cảm nhận được ánh sáng và làn gió mát mà thôi. Thế rồi ta với tay tắt công tắc: Đèn tắt ngấm, quạt dừng quay. Luồng điện đã đi mất rồi ư? Nó đi đâu? Nó chẳng đi đâu cả, nó vẫn tiềm tàng đầy ắp trong vũ trụ bao la; lát nữa bật công tắc lên nó lại lập tức hiện tiền! Nó **không đến cũng không đi, không sinh cũng không diệt**!

Tự tính bản thể của muôn loài chúng sinh chúng ta cũng y hệt như luồng điện ấy! Tất cả chúng ta ngồi đây, người ít tuổi nhất cũng có vài chục năm kinh nghiệm cuộc đời, người cao tuổi thì đã kinh qua sáu bảy mươi năm trần thế. Cả một đời người ta đã trải qua biết bao nhiêu sóng gió thăng trầm: Vui, buồn, hờn, giận, yêu, ghét, đắc chí và thất bại, vinh quang và cay đắng tột cùng... Thế nhưng, ngay trong giây phút hiện tại khi ta đang ngồi tĩnh lặng tại giảng đường này, thử hỏi toàn bộ những nỗi thống khổ, vinh nhục của ba mươi năm trước hay ngày hôm qua đang ở đâu?

Chúng biến mất sạch trơn không còn một mẩu tàn tích! Chuyện ngày hôm qua rõ ràng ta đã trải qua như một cuốn phim (dường như đến - nhược lai); thế mà chớp mắt một cái hôm nay nhìn lại chẳng khác nào một giấc chiêm bao vừa tan biến (dường như đi - nhược khứ)! Lại khởi một niệm nhớ về thời thơ ấu, hình ảnh ngày xưa lại hiện mồn một trước mắt!

Tâm tính của con người khởi tác dụng vi diệu đến nhường ấy: Dường như đến mà không đến, dường như đi mà chẳng đi, bản thể xưa nay **Như như bất động**! Chữ ”Bất động” ở đây là một trạng thái sống động linh thông (hoạt bát bát), chứ không phải là khúc gỗ mục hay hòn đá trơ lì vô tri vô giác.

29.1.2 Cảnh Giới Như Lai: Cực Cao Minh Nhi Đạo Trung Dung

Thế nào là chân tướng của Pháp thân Như Lai? Kinh Lăng Nghiêm và Duy Thức học chỉ rõ: Chúng sinh và Phật đều có đầy đủ **Tam Thân**:

1. **Pháp thân:** Bản thể chân như thanh tịnh trùm khắp cõi hư không, không sinh không diệt, không đến không đi, vĩnh hằng bất biến.

2. **Báo thân:** Thân quả báo do công đức tu hành tích lũy mà thành. Người phàm mang thân xác máu thịt do cha mẹ sinh ra; còn bậc đại thánh tu chứng viên mãn báo thân sẽ hóa thành sắc thân trang nghiêm của chư thiên cõi Sắc giới, vĩnh viễn không còn bệnh tật ốm đau.

3. **Hóa thân:** Ứng hiện thiên bá vạn ức thân hình tùy duyên hóa độ muôn loài. Bồ-tát có khi hóa thân thành chim muông, muông thú, thậm chí hóa thành trâu bò để cảm hóa loài súc sinh.

   Bởi thế tôi thường nói đùa mà răn thật: Quý vị ra chợ mua thịt ăn phải hết sức cẩn thận, khéo lại ăn trúng... một vị Bồ-tát đang hóa thân làm kiếp bò, kiếp trâu để chịu nạn giáo hóa chúng sinh đấy nhé!

Người tu hành ngồi thiền, trong đầu khởi lên muôn ngàn vọng tưởng lăng xăng, bèn cuống cuồng tìm cách xua đuổi, đè bẹp vọng niệm xuống! Quý vị làm như vậy có ngốc nghếch không? Ngốc đến mức không sao tả xiết!

Đức Phật đã dạy rành rành: **"Vô sở tùng lai, diệc vô sở khứ, thị danh Như Lai!"**. Vọng niệm của anh từ đâu đến? Nó bỗng dưng vụt đến, rồi lại bỗng dưng vụt đi, có ai giữ nó lại được đâu! Ngày hôm qua anh đau khổ quằn quại, ngày hôm nay ngồi đây anh đâu còn đau khổ

như hôm qua nữa. Nỗi buồn có ở lại mãi mãi được đâu mà phải nhọc công xua đuổi?

Lại có người tu hành khoe: ”Hôm nay con ngồi thiền được một giờ thanh tịnh tuyệt vời, nhưng vừa xả chân bước xuống giường thì than ôi, cảnh giới thanh tịnh nó bay mất tiêu đâu rồi!”. Thanh tịnh làm sao bay mất được? Bản tính thanh tịnh không từ đâu đến cũng chẳng đi về đâu; chỉ vì tri kiến của anh chưa thấu suốt nên mới tưởng lầm là công phu bị rơi rụng mà thôi!

Hãy nhìn hình tượng sóng và nước: Tâm thức lăng xăng của chúng ta hệt như mặt biển nổi sóng cuồn cuộn. Người tu hành dùng đủ mọi phương pháp ngồi thiền, niệm chú, ép tâm... cốt sao cho mặt biển đè bẹp các đợt sóng xuống, bắt nó phải phẳng lặng như gương! Thử hỏi: **Đè cho sóng phẳng lặng rồi thì nó là cái gì? Nó là Nước! Thế lúc nó nổi sóng cuồn cuộn gầm rú thì nó là cái gì? Nó cũng chính là Nước!** Sóng hay nước thì bản chất chất lỏng H_2O vẫn chưa từng suy giảm hay tăng thêm một giọt nào! Cố sống cố chết dùng sức đè bẹp con sóng xuống, há chẳng phải là trò tự mua dây buộc mình, tự chuốc khổ vào thân hay sao! Chỉ cần nhận ra bản chất của sóng chính là Nước, thì ngay nơi sóng ba đào cuộn dâng chính là bản thể tịch tĩnh muôn đời!

Đức Phật dạy: Kẻ nào bảo Phật đến hay đi, ngồi hay nằm, kẻ đó hoàn toàn không hiểu lời Ta nói! Cảnh giới của Như Lai chân thật không phải là điều huyền bí xa xôi trên chín tầng mây! Trái lại, **đó là một cảnh giới vô cùng bình phàm, giản dị ngay trước mắt**! Cảnh giới gì? Chính là trạng thái của quý vị ngay lúc này đây! Ngay lúc này, tâm không toan tính điều xấu, cũng chẳng bận rộn nghĩ điều tốt; không ngồi chấp trước, không nằm mê man; tâm hồn phẳng lặng, bình thản an nhiên, không dấy khởi niệm phân biệt... **Ngay tại giây phút ấy, quý vị đang an trú trọn vẹn trong cảnh giới của Như Lai!**

Sách *Trung Dung* của Nho gia có câu đúc kết trác tuyệt:

"极高明而道中庸。道也者，不可须臾离也，可离非道也。"

"Cực cao minh nhi đạo trung dung.
Đạo dã giả, bất khả tu du ly dã, khả ly phi đạo dã."

(Cảnh giới cao minh tột đỉnh lại nằm ngay nơi những việc bình dị trung dung nhất trần đời. Đạo là thứ chưa từng rời khỏi ta dù chỉ trong chớp mắt; cái gì có thể rời xa ta được thì cái đó dứt khoát không phải là Đạo!).

Đạo không đến cũng không đi, hiện tiền ngay nơi tâm thanh tịnh bình thản của mỗi con người.

29.1.3 Bài Học Lông Mày Đậm Nhạt: Ảo Ảnh Sóng Nước

Để đúc kết phẩm thứ hai mươi chín, chúng tôi xin tặng bài thi kệ:

Kệ Tụng Phẩm Thứ Hai Mươi Chín — Nam Sư Đúc Kết

安排摆布只为他，身外无心不著磨。
若向画眉深浅看，迷人岂止髻堆螺。

Phiên âm Hán – Việt:
An bài bài bố chỉ vi tha,
Thân ngoại vô tâm bất trước ma.
Nhược hướng họa mi thâm thiển khán,
Mê nhân khởi chỉ kế đôi loa.

Dịch nghĩa thơ thất ngôn:
Bày vẽ an bài nhọc bởi ai,
Ngoài thân không chấp dứt chông gai.

Ví nhìn nét vẽ chân mày biếc,
Mê mẩn nào riêng búi tóc cài!

Bình giải kệ tụng:

"An bài bài bố chỉ vi tha" (Bày vẽ sắp đặt đủ mọi mưu mô toan tính, rốt cuộc chỉ nhọc nhằn vì cái thân xác tạm bợ này mà thôi!). Kẻ tu hành thì bày vẽ phương pháp ngồi thiền, ép xác, tạo lập cảnh giới; kẻ phàm phu thì bị danh lợi dục vọng sai khiến xoay vần như chong chóng. Cả đời nhọc nhằn sắp đặt bày bố, rốt cuộc chỉ phục vụ cho một cỗ máy xác thịt mượn tạm của cha mẹ trong vài mươi năm ngắn ngủi!

"Thân ngoại vô tâm bất trước ma" (Thấu hiểu thân này chỉ là cõi trọ, tâm hồn không bám chấp vào cảnh giới trần ai thì ma chướng nào quấy nhiễu nổi?). Đạt đến chỗ Vô Tâm chân thật: Vọng niệm nổi lên như bọt sóng trên mặt nước, ta không thèm đoái hoài xua đuổi, kệ cho nó tự sinh tự diệt. Không vướng bận bám chấp thì tự khắc uy nghi tịch tĩnh, thanh thản bước đi giữa cõi đời vạn biến.

"Nhược hướng họa mi thâm thiển khán, Mê nhân khởi chỉ kế đôi loa". Hai câu thơ này mượn ý từ bài thơ tình nổi tiếng thời Đường của thi sĩ Chu Khánh Dư: *"Trang bãi đê thanh vấn phu tế: Họa mi thâm thiển nhập thời vô?"* (Trang điểm xong xuôi, nàng dâu mới khẽ ngẩng đầu bẽn lẽn hỏi chàng rể: Nét vẽ lông mày của em đậm nhạt thế này đã hợp thời trang tân thời chưa?). Người phụ nữ đời Đường chuộng mốt trang điểm rất kỳ lạ: Thích bôi một vệt màu vàng nghệ lên trán (gọi là ấn hoàng), mắt nhìn vào tưởng mắc bệnh hoàng đản (viêm gan vàng da)! Lại có phụ

nữ chuộng vẽ lông mày đỏ choét mắt xanh lè như dạ xoa La-sát; phụ nữ Ấn Độ thì khoét một lỗ giữa trán đính hạt ngọc lấp lánh... Mái tóc dài thì búi cuộn cao vút lên đỉnh đầu xoắn tít lại như hình vỏ ốc (kế đôi loa) để quyến rũ người đời.

Nhưng thâm ý bài thơ của cổ nhân không phải nói chuyện phấn son phụ nữ, mà là ẩn dụ cho kẻ sĩ trí thức tìm đường tiến thân thời thế! Con người sống ở đời toàn bị những hình tướng giả tạo bên ngoài đánh lừa: Bị nét vẽ lông mày đậm nhạt, bị búi tóc xoắn ốc kiêu sa, bị danh vọng chức quyền phù phiếm mê hoặc làm cho điên đảo tâm thần!

Tại sao lại si mê lầm lạc như thế? Bởi vì ta không chịu nhận ra bản tính Chân Như của chính mình! Cứ mải miết chạy theo từng con sóng nhấp nhô trên mặt biển, bị những bọt sóng khen chê được mất lừa gạt suốt cả một đời! Nhận ra bản chất của sóng chính là Nước, thấy rõ vui buồn được mất không đến không đi, người ấy lập tức bước vào bảo điện Kim Cương Bát-nhã Ba-la-mật!

CHƯƠNG 30

Nhất Hợp Lý Tướng Phân (一合理相分第三十)

Kinh Văn Gốc & Dịch Nghĩa

"须菩提！若善男子、善女人，以三千大千世界碎为微尘，于意云何？是微尘众宁为多不？"须菩提言："甚多，世尊！何以故？若是微尘众实有者，佛则不说是微尘众。所以者何？佛说微尘众，则非微尘众，是名微尘众。世尊！如来所说三千大千世界，则非世界，是名世界。何以故？若世界实有者，则是一合相。如来说一合相，则非一合相，是名一合相。须菩提！一合相者，则是不可说，但凡夫之人贪著其事。"

Phiên âm Hán – Việt:

"Tu-bồ-đề! Nhược thiện nam tử, thiện nữ nhân, dĩ tam thiên đại thiên thế giới toái vi vi trần, ư ý vân hà? Thị vi trần chúng ninh vi đa phủ?" Tu-bồ-đề ngôn: "Thậm đa, Thế Tôn! Hà dĩ cố? Nhược thị vi trần chúng thật hữu giả, Phật tắc bất thuyết thị vi trần chúng. Sở dĩ giả hà? Phật thuyết vi trần chúng, tức phi vi trần chúng, thị danh vi trần chúng. Thế Tôn! Như Lai sở thuyết tam thiên đại thiên thế giới, tức phi thế giới, thị danh thế giới. Hà dĩ cố? Nhược thế giới thật hữu giả, tức thị nhất hợp tướng. Như Lai thuyết nhất hợp tướng, tức phi nhất hợp tướng, thị danh nhất

hợp tướng. Tu-bồ-đề! Nhất hợp tướng giả tức thị bất khả thuyết, đãn phàm phu chi nhân tham trước kỳ sự.”

Bản dịch nghĩa:
”Này Tu-bồ-đề! Nếu có người thiện nam, thiện nữ đem cõi tam thiên đại thiên thế giới đập vỡ vụn thành những hạt bụi li ti, ý ông nghĩ sao? Số lượng các hạt bụi ấy có nhiều chăng?”
— Tu-bồ-đề thưa: ”Bạch Thế Tôn, vô cùng nhiều! Vì cớ sao? Nếu những hạt bụi ấy có tự tính thực thể tồn tại độc lập vĩnh viễn, thì Đức Phật đã không nói là có các hạt bụi. Vì duyên cớ gì? Phật nói các hạt bụi, tức chẳng phải hạt bụi thật, đó chỉ tạm mượn tên gọi là hạt bụi mà thôi.
Bạch Thế Tôn! Cõi tam thiên đại thiên thế giới mà Như Lai nói, cũng chẳng phải là thế giới thật có, ấy chỉ tạm gọi là thế giới. Vì sao vậy? Nếu thế giới là một thực thể chân thật, **thì nó chính là một khối kết hợp thống nhất (Nhất Hợp Tướng)**. Như Lai nói Nhất Hợp Tướng, tức chẳng phải Nhất Hợp Tướng, đó chỉ tạm gọi là Nhất Hợp Tướng mà thôi.
Này Tu-bồ-đề! Nhất Hợp Tướng ấy vốn là điều không thể nghĩ bàn diễn nói được, nhưng kẻ phàm phu lại đắm đuối tham lam bám chặt lấy cảnh tượng ấy!”

30.1 Lời Bình Giảng Của Cụ Nam Hoài Cẩn

30.1.1 Vật Lý Lượng Tử: Đập Vỡ Thế Giới Thành Vi Trần

Đức Phật lại một lần nữa đưa toàn thể pháp hội vào một thí nghiệm tư duy vĩ đại của vật lý học vũ trụ: Ngài bảo Tu-bồ-đề: Giả sử có một

người đem toàn bộ vũ trụ ba ngàn đại thiên thế giới này đập vỡ vụn ra thành từng hạt bụi vi trần li ti, thử hỏi số lượng hạt bụi ấy có nhiều không?

Tu-bồ-đề đáp ngay: Bạch Thế Tôn, nhiều vô lượng vô biên! Nhưng nếu những hạt bụi ấy là một thực thể vật chất vĩnh cửu có tự tính độc lập, thì Ngài đã chẳng nói đó là hạt bụi vi trần! Phật nói hạt bụi, tức chẳng phải hạt bụi, ấy chỉ là tạm mượn danh từ mà gọi đó thôi.

Lời giải thích của Phật đi trước khoa học vật lý hiện đại hàng ngàn năm! Các nhà vật lý lượng tử hàng đầu thế giới ngày nay đem vật chất phân tích, chẻ nhỏ thành phân tử, nguyên tử, rồi đập vỡ hạt nhân thành điện tử (electron), proton, neutron, hạt quark, photon... Cuối cùng các nhà khoa học bàng hoàng nhận ra: **Ở tận cùng của vật chất căn bản không có một hạt vật chất cứng đặc nào cả, mà toàn bộ chỉ là trường năng lượng dao động giữa cõi Hư Không!**

Khoảng không gian rỗng giữa các hạt bên trong một nguyên tử còn mênh mông hơn cả khoảng cách giữa các vì sao trong vũ trụ! Chính năng lượng của Tính Không ngưng kết lại mà tạo thành thế giới vật lý sờ mó được. Khi một quả bom nguyên tử nổ tung, thực chất là nó giải phóng sức mạnh kinh hoàng tiềm ẩn từ Tính Không của lõi hạt nhân vi trần! Đúng như lời kinh: *Vi trần tức phi vi trần, thị danh vi trần*.

Và cõi tam thiên đại thiên thế giới này cũng y như vậy: Nó chỉ là sự kết tụ duyên sinh tạm thời, không có thực thể trường tồn. Giống như căn phòng trên tầng gác này: Người ta dựng tường, kê bàn ghế, lắp máy lạnh, treo bóng đèn, tụ tập người ngồi lại nghe giảng thì tạm gọi đây là ”Giảng đường”. Ngày mai dọn sạch bàn ghế, giăng màn chiếu phim lên thì lập tức biến thành ”Rạp chiếu phim”! Giảng đường hay rạp chiếu phim đều chỉ là cái tên giả lập tạm bợ do nhân duyên ráp nối lại mà thành.

Gia đình, quốc gia, thân xác hay vũ trụ bao la cũng đều là sự chắp vá tạm bợ như thế: *Gia đình giả tức phi gia đình, thị danh gia đình; Nhân sinh giả tức phi nhân sinh, thị danh nhân sinh!* Hiểu thấu đạo lý ấy thì lòng ta thong dong nhẹ nhõm, làm sao còn bị những sợi dây ân ái buộc ràng làm cho quằn quại khổ đau?

30.1.2 Bí Ẩn Của Ba Chữ: Nhất Hợp Tướng

> *"Nhược thế giới thật hữu giả, tức thị nhất hợp tướng. Như Lai thuyết nhất hợp tướng, tức phi nhất hợp tướng, thị danh nhất hợp tướng."*

Ba chữ **"Nhất Hợp Tướng"** (一合相) mà ngài Cưu-ma-la-thập dịch từ Phạn văn ra Hán văn này quả là một đại án trong lịch sử Phật giáo! Nó sâu sắc đến mức khiến cho biết bao kẻ đời sau vì hiểu sai mà làm trò bậy bạ, gượng ép suy diễn: Một số môn phái tà giáo ngoại đạo hay mật tông biến tướng bèn vin vào ba chữ này để chủ trương tà thuật nam nữ song tu, bảo rằng phải "âm dương hòa hợp thành nhất hợp tướng" thì mới tu thành Phật! Thật là bôi nhọ kinh điển đến tột cùng!

Thế nào là Nhất Hợp Tướng chân thật? Quý vị đi vào nhà hàng hải sản, con sò con ngao khép hai mảnh vỏ lại thành một khối, đó là nhất hợp tướng. Hai thanh kim loại nung chảy hàn chặt lại làm một, đó là nhất hợp tướng. Tấm áo ta đang mặc dệt từ ba phần sợi tổng hợp và bảy phần bông vải, đó là nhất hợp tướng. Xương, thịt, gân, máu, tế bào trong thân thể kết hợp lại thành một hình nhân biết đi biết nói, đó cũng là nhất hợp tướng!

Toàn bộ thế giới vật chất đều đang vận hành theo nguyên lý nhất hợp tướng duyên sinh. Ngọn núi sừng sững trông như bất động, nhưng từng hạt bụi gió thổi bồi đắp mỗi ngày khiến ngọn núi cứ lớn dần lên từng ly từng tấc mà mắt phàm không thấy được. Rồi trải qua hàng triệu

năm phong hóa, ngọn núi lại mòn đi và sụp đổ tan tành. Không có bất kỳ một sự kết hợp vật chất nào là trường tồn bất biến!

Có người bảo: Cuộc đời như một giấc mộng, giấc mộng là không có thật! Quan niệm ấy sai lầm. **Giấc mộng có thật chứ!** Nó tồn tại có thật trong khoảnh khắc tạm thời của tâm thức. Khoa học tâm lý học chứng minh: Giấc mơ dài nhất của con người trong giấc ngủ REM chưa bao giờ vượt quá năm giây đồng hồ! Trong giấc ngủ ngắn ngủi ba giây, người ta mơ thấy mình từ thuở bé lớn lên, đi học, lấy vợ, sinh con, làm quan phát tài rồi về già ốm đau qua đời... Trải qua trọn vẹn mấy mươi năm cuộc đời trong mộng, giật mình tỉnh dậy nước mắt ướt đẫm gối, mà đồng hồ chỉ mới trôi qua có ba giây tích tắc!

Thời gian và không gian vốn mang tính tương đối, đúng như thuyết tương đối của Einstein đã khám phá:

- Nửa tháng trên Địa cầu này chỉ bằng một đêm trên Mặt trăng.
- Một năm của loài người chúng ta chỉ bằng một ngày một đêm ở cõi trời Sắc giới.
- Ngược lại, một ngày một đêm của con người lại là muôn vạn kiếp sinh tử luân hồi của các loài vi trùng, vi sinh vật phù du!

30.1.3 Dòng Thác Lũ Tâm Thức: Kinh Giải Thâm Mật

Đức Phật khẳng định:

> *"Tu-bồ-đề! Nhất hợp tướng giả, tức thị bất khả thuyết, đãn phàm phu chi nhân tham trước kỳ sự."*

Nhất hợp tướng chân thật tối hậu của vũ trụ là cảnh giới **Chân Không sinh Diệu Hữu**, là cảnh giới không thể dùng miệng lưỡi phàm tục mà diễn nói được! Nhưng kẻ phàm phu mê muội lại cứ bám chặt

lấy những tướng trạng kết hợp giả tạm bên ngoài mà sinh lòng tham đắm, tranh giành sống chết.

Để hiểu thấu bản chất của Nhất Hợp Tướng, chúng ta bắt buộc phải nghiên cứu Duy Thức học, thấu suốt bản thể của thức thứ tám: **A-lại-da thức** (Alayavijnana). Trong Kinh Giải Thâm Mật, Đức Thế Tôn đã đọc một bài kệ bất hủ miêu tả tạng thức căn bản của sinh mệnh:

阿陀那识甚深细，一切种子如暴流。
我于凡愚不开演，恐彼分别执为我。

Phiên âm Hán – Việt:

A-đà-na thức thậm thâm tế,
Nhất thiết chủng tử như bạo lưu.
Ngã ư phàm ngu bất khai diễn,
Khủng bỉ phân biệt chấp vi ngã.

Dịch thơ:

A-đà-na thức nhiệm màu sâu,
Muôn ngàn hạt giống tựa dòng dâu.
Ta với phàm phu không mở nói,
Sợ đem phân biệt chấp làm Ta!

Tâm thức của con người chứa muôn ngàn hạt giống (chủng tử) nghiệp lực từ vô lượng kiếp, cuồn cuộn chảy trôi liên tục như một dòng thác lũ (nhất thiết chủng tử như bạo lưu)! Giống như dòng nước sông Trường Giang ngàn năm cuồn cuộn chảy về biển đông: Ta nhìn từ xa tưởng như có một dòng sông cố định, nhưng kỳ thực từng ngọn sóng vừa dâng lên đã lập tức tan biến, sóng sau xô sóng trước nối tiếp không ngừng nghỉ!

Tâm niệm của ta cũng y như thế: Từ khi lọt lòng mẹ cất tiếng khóc chào đời đến nay, niệm thứ nhất sinh ra rồi chết đi, niệm thứ hai sinh

ra rồi chết đi... Từng giây từng phút niệm niệm sinh diệt! Dòng thác lũ ấy không bao giờ ngừng chảy. Đức Phật bảo: Ta không dám giảng giáo lý sâu kín này cho kẻ phàm phu trí cạn, bởi vì sợ bọn họ nghe xong sẽ lầm tưởng cái dòng sông tâm thức cuồn cuộn ấy là một ”Linh hồn bất tử”, là một cái ”Ta vĩnh hằng” rồi ôm chặt lấy nó mà đọa lạc trầm luân!

Bậc giác ngộ thấu suốt dòng thác tâm thức vốn Vô Ngã, đem thân tâm chuyển hóa toàn diện, tu trì tất cả thiện pháp, thì lúc ấy mới chứng đắc cảnh giới **Nhất Hợp Tướng chân thật**: Ba thân (Pháp thân, Báo thân, Hóa thân) hòa quyện làm một khối Thể - Tướng - Dụng viên dung vô ngại!

Kẻ phàm phu sinh ra ở đời có một thói quen bẩm sinh: **Luôn muốn vơ vét nắm chặt lấy mọi thứ!** Thuật ngữ Đạo gia gọi hiện tượng trẻ sơ sinh chào đời là **”Ác cố”** (握固) — đứa bé vừa lọt lòng mẹ là hai bàn tay nắm chặt lại thật chặt, ngón cái giấu bên trong! Cả đời người ta lúc nào đôi bàn tay cũng cong queo vơ vét, tranh giành tiền tài danh vọng, cho đến khi trút hơi thở cuối cùng nằm ngay đơ trên giường bệnh, đôi bàn tay mới chịu buông xõa ra! Cả một đời tham lam bám víu vào huyễn tướng, cho nên Phật mới than thở: *Đãn phàm phu chi nhân tham trước kỳ sự!*

Để đúc kết phẩm thứ ba mươi, chúng tôi xin tặng bài thi kệ:

Kệ Tụng Phẩm Thứ Ba Mươi — Nam Sư Đúc Kết

尘沙聚会偶然成，蝶乱蜂忙无限情。
同是劫灰过往客，枉从得失计输赢。

Phiên âm Hán – Việt:

Trần sa tụ hội ngẫu nhiên thành,
Điệp loạn phong mang vô hạn tình.

Đồng thị kiếp hôi quá vãng khách,
Uổng tùng đắc thất kế thâu doanh.

Dịch nghĩa thơ thất ngôn:

Hạt cát duyên gom ngẫu nhĩ thành,
Ong say bướm lượn mộng ba sinh.
Cùng thân lữ thứ trong tro kiếp,
Được mất so đo uổng phận mình!

Bình giải kệ tụng:

"Trần sa tụ hội ngẫu nhiên thành" (Muôn ngàn hạt cát bụi tình cờ duyên hợp mà tạo thành thế giới). Quả địa cầu nguy nga này chỉ là những hạt bụi kết tụ lại; và gia đình của ta cũng vậy: Cha mẹ, vợ chồng, con cái, bạn bè... gặp gỡ gắn bó yêu thương nhau ở kiếp này cũng chỉ là sự tụ hội ngẫu nhiên của những hạt cát nhân duyên trong cõi Ta-bà bao la!

"Điệp loạn phong mang vô hạn tình" (Thế giới hình thành tuyệt đẹp, muôn hoa khoe sắc, khiến bầy ong bướm lăng xăng bay lượn ôm ấp biết bao mối tình nồng nàn tha thiết!). Con người sống ở đời hệt như đàn ong chăm chỉ, suốt ngày nhọc nhằn bay khắp đồng nội hút nhụy hoa làm mật. Đúng như hai câu thơ cảm thán của La Ẩn:

"采得百花成蜜后，为谁辛苦为谁甜。"

"Thải đắc bách hoa thành mật hậu,
Vị thùy tân khổ vị thùy điềm?"

(Hút mật trăm hoa nhọc nhằn làm nên giọt mật ngọt thơm, rốt cuộc cả đời vất vả vì ai, mật ngọt để lại cho ai hưởng?). Cả đời

người ta cày cuốc bon chen, gom góp từng đồng tiền, tậu từng mảnh đất, lo cho con cái... Đến lúc tuổi già mắt nhắm xuôi tay nằm xuống, bỏ lại toàn bộ tài sản cho thiên hạ, hỏi mình vất vả vì ai thì chẳng ai trả lời nổi! Biết cuộc đời là mộng ảo mà lòng trần vẫn dùng dằng vương vấn vô hạn tình! Cả cõi đời này là một sòng bạc lớn, kẻ viết văn đánh bạc bằng ngòi bút, kẻ buôn bán đánh bạc bằng thương trường, kẻ làm quan đánh bạc bằng quyền lực... Rốt cuộc ai thắng ai thua? Tất cả người chơi đều nhẵn túi ra về tay trắng, chỉ có ông chủ càn khôn là thu trọn sòng bài!

"Đồng thị kiếp hôi quá vãng khách, Uổng tùng đắc thất kế thâu doanh". Vũ trụ trải qua thành, trụ, hoại, không; thế giới này kiếp trước bị thiêu rụi thành đống tro tàn (kiếp hôi), kiếp này từ tro tàn tụ lại thành hình hài mới. Tất cả chúng ta dắt díu nhau đến cõi đời này chẳng khác nào những lữ khách tình cờ ghé trọ qua đêm nơi quán trọ nhân gian! Sáng sớm mai trời rạng là mỗi người lại xách hành lý rẽ về một ngả đường sinh tử khác nhau. Đều là khách trọ qua đường trong đống tro tàn của vũ trụ, cớ sao phải nhọc lòng so đo tính toán chuyện được mất hơn thua làm chi cho uổng phí một kiếp người! Thấu suốt Nhất Hợp Tướng vốn là không thể nắm bắt, người hành giả Bát-nhã an nhiên mỉm cười buông tay, tự tại tiêu dao cùng trời đất!

CHƯƠNG 31

Tri Kiến Bất Sinh Phân (知见不生分第三十一)

Kinh Văn Gốc & Dịch Nghĩa

"须菩提！若人言：'佛说我见、人见、众生见、寿者见。'须菩提！于意云何？是人解我所说义不？"“不也，世尊！是人不解如来所说义。何以故？世尊说：我见、人见、众生见、寿者见，即非我见、人见、众生见、寿者见，是名我见、人见、众生见、寿者见。”“须菩提！发阿耨多罗三藐三菩提心者，于一切法，**应如是知，如是见，如是信解，不生法相。**须菩提！所言法相者，如来说即非法相，是名法相。"

Phiên âm Hán – Việt:

"Tu-bồ-đề! Nhược nhân ngôn: 'Phật thuyết ngã kiến, nhân kiến, chúng sinh kiến, thọ giả kiến.' Tu-bồ-đề! Ư ý vân hà? Thị nhân giải ngã sở thuyết nghĩa phủ?" "Bất dã, Thế Tôn! Thị nhân bất giải Như Lai sở thuyết nghĩa. Hà dĩ cố? Thế Tôn thuyết: Ngã kiến, nhân kiến, chúng sinh kiến, thọ giả kiến, tức phi ngã kiến, nhân kiến, chúng sinh kiến, thọ giả kiến, thị danh ngã kiến, nhân kiến, chúng sinh kiến, thọ giả kiến."

"Tu-bồ-đề! Phát A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề tâm giả, ư nhất thiết pháp, ***ưng như thị tri, như thị kiến, như thị tín giải,***

bất sinh pháp tướng. *Tu-bồ-đề! Sở ngôn pháp tướng giả, Như Lai thuyết tức phi pháp tướng, thị danh pháp tướng.”*

Bản dịch nghĩa:
”Này Tu-bồ-đề! Nếu có người nói rằng: ’Đức Phật có nói về ngã kiến, nhân kiến, chúng sinh kiến, thọ giả kiến’, ý ông nghĩ sao? Người ấy có hiểu được nghĩa lý Ta dạy chăng?”
— Tu-bồ-đề thưa: ”Bạch Thế Tôn, không! Người ấy không hiểu được ý chỉ của Như Lai. Vì cớ sao? Thế Tôn nói ngã kiến, nhân kiến, chúng sinh kiến, thọ giả kiến, tức chẳng phải thật có ngã kiến, nhân kiến, chúng sinh kiến, thọ giả kiến, ấy chỉ tạm mượn tên gọi là bốn thứ thấy biết ấy mà thôi.”
— Đức Phật dạy: ”Này Tu-bồ-đề! Bậc phát tâm Vô Thượng Chính Đẳng Chính Giác, đối với tất cả mọi pháp, **nên biết như thế này, nên thấy như thế này, nên tin hiểu như thế này: Tuyệt đối không để sinh khởi các hình tướng của pháp (bất sinh pháp tướng)!** Này Tu-bồ-đề, cái gọi là pháp tướng ấy, Như Lai nói tức chẳng phải pháp tướng, đó chỉ tạm gọi là pháp tướng mà thôi!”

31.1 Lời Bình Giảng Của Cụ Nam Hoài Cẩn

31.1.1 Từ ”Tướng” Bước Sang ”Kiến”: Cái Thấy Vượt Ngoài Cái Thấy

Ở các phẩm trước, kinh điển toàn nói về **TƯỚNG** (hiện tượng bên ngoài): Ngã tướng, nhân tướng, chúng sinh tướng, thọ giả tướng; tướng 32 nét đẹp; tướng vi trần; tướng thế giới... Đến phẩm thứ ba mươi mốt

này, mạch kinh bất thần chuyển hướng ngoạn mục: Phật không nói đến "Tướng" nữa, mà đi thẳng vào **"KIẾN"**!

Tướng là hiện tượng vật chất bên ngoài: Tách trà, tấm khăn, cuốn sách, núi sông, nhà cửa, thân thể... thảy đều là hiện tượng sinh diệt. Còn **"Kiến"** (见) là cái thấy biết, tư tưởng, quan điểm, lập trường, thành kiến sâu thẳm thuộc về lĩnh vực tinh thần. Thiền tông gọi sự giác ngộ là **Kiến Địa** (thấy được bản thể đạo). Nhưng chữ Kiến này tuyệt đối không phải là lấy hai con mắt phàm phu ra mà nhìn thấy!

Kinh Lăng Nghiêm bàn về cái thấy chân thật bằng bốn câu triết học thâm sâu tuyệt đỉnh:

"见见之时，见非是见。见犹离见，见不能及。"

"Kiến kiến chi thời, kiến phi thị kiến.
Kiến do ly kiến, kiến bất năng cập."

(Khi cái Thấy quay ngược lại soi thấy cội nguồn của chính nó, thì cái Thấy năng tri ấy chẳng phải là cái thấy của đôi mắt phàm phu nhìn cảnh vật bên ngoài. Cái Thấy chân thật ấy phải vượt thoát ra ngoài mọi cảnh giới đối đãi; mọi sự thấy biết phàm tình không thể nào với tới được!).

Kinh Lăng Nghiêm lại có câu khẩu quyết tối thượng:

"知见立知，即无明本。知见无见，斯即涅盘。"

"Tri kiến lập tri, tức vô minh bản.
Tri kiến vô kiến, tư tức Niết-bàn."

Thời nhà Tống, tại chùa Thụy Lộc ở Ôn Châu, có vị thiền sư tên là **Ngộ An**. Ngày ngày ngài ngồi tụng Kinh Lăng Nghiêm, đọc đến hai câu này, bỗng nhiên tâm linh phát sáng, ngài liền thay đổi dấu chấm ngắt câu truyền thống thành một cách đọc đảo ngược chấn động:

"知见立，知即无明本。知见无，见斯即涅盘。"

"Tri kiến LẬP, tri tức vô minh bản!
Tri kiến VÔ, kiến tư tức Niết-bàn!"

(Hễ trong tâm vừa THIẾT LẬP một tri kiến sở đắc cho rằng mình hiểu đạo, thì chính cái Biết ngạo mạn ấy là gốc rễ của vô minh phiền não! Khi tri kiến quét sạch KHÔNG CÒN một sở chấp nào nữa, thì cái Thấy hiện tiền thanh tịnh ấy chính là Niết-bàn!).

Nhờ ngắt lại câu kinh như vậy mà thiền sư Ngộ An hoát nhiên đại triệt đại ngộ, tự xưng danh hiệu là "Phá Lăng Nghiêm"!

Bởi thế, người ngồi thiền thấy mình "thanh tịnh quá, rỗng rang quá", vội bám chặt vào cái thanh tịnh ấy thì lập tức rơi vào *tri kiến lập tri*, biến thanh tịnh thành gốc rễ của vô minh mới! Lại có người luyện công phu khoe đả thông nhâm đốc nhị mạch, khí chạy rần rần... Đó toàn là dính mắc vào hình tướng và tri kiến, có liên quan gì đến đại đạo giải thoát đâu!

Đức Phật hỏi Tu-bồ-đề: Nếu có người bảo rằng Phật dạy có ngã kiến, nhân kiến, chúng sinh kiến, thọ giả kiến, kẻ ấy hiểu Ta không? Tu-bồ-đề khẳng định: Bạch Thế Tôn, kẻ ấy hoàn toàn mù tịt! Bốn thứ Kiến ấy chỉ là danh từ phương tiện tạm mượn mà thôi.

31.1.2 Bất Sinh Pháp Tướng: Tại Sao Dùng Chữ "Bất Sinh"?

Đức Thế Tôn đúc kết bài học tối hậu cho người tu học:

> *"Tu-bồ-đề! Phát A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề tâm giả, ư nhất thiết pháp,* ***ưng như thị tri, như thị kiến, như thị tín giải, bất sinh pháp tướng.****"*

Xin đại chúng hãy suy ngẫm cho thật kỹ: Tại sao ở đây Đức Phật không dùng chữ "Bất dụng pháp tướng" (không dùng), "Bất trước pháp

tướng" (không dính), "Bất lạc pháp tướng" (không rơi vào)... mà Ngài lại trịnh trọng dùng chữ **"BẤT SINH PHÁP TƯỚNG"** (不生法相 - Tuyệt đối không để cho pháp tướng sinh khởi trong tâm)?

Thế nào gọi là **Pháp Tướng**? Mỗi con người chúng ta, trong tiềm thức sâu thẳm luôn tự mình nhào nặn ra một cái "khuôn mẫu", một ảo tưởng cố định về chân lý, rồi đem cái khuôn ấy áp đặt lên tất cả mọi người và sự vật chung quanh!

- Kẻ tưởng tượng ngộ đạo là trên đỉnh đầu phóng hào quang sáng rực rỡ, toàn thân phát sáng thay cho trạm phát điện thành phố!

- Kẻ lại tưởng thành Phật là phải trốn biệt tăm vào chốn rừng sâu núi thẳm, ngồi trơ trơ như khúc gỗ mục hay hòn đá tảng, mặc kệ thế sự trầm luân. Thành thứ Phật trơ lì vô cảm như thế thì trong núi sâu có hàng ngàn tảng đá tảng đất đã thành Phật từ thuở khai thiên lập địa rồi! Đó chẳng qua chỉ là sự trốn chạy vị kỷ đội lốt thanh cao!

- Lại có người luyện khí công tưởng thông kinh mạch chuyển hà xa là thành đạo. Tôi thường hỏi: Anh chuyển hà xa đến bao giờ mới chịu dừng? Chuyển thông đi đâu? Thông ra cống rãnh hay thông lên nhà đèn điện lực? Đó toàn là do tâm thức tự nặn ra cái khuôn pháp tướng mà thôi!

Nhìn rộng ra cõi thế gian: Tại sao các tôn giáo trên thế giới lại vẽ cõi Thiên Đường khác nhau một trời một vực?

- Người Trung Hoa vẽ Thiên Đường có Ngọc Hoàng mặc áo long bào, râu dài uy nghiêm, cung điện mái ngói cong vút như Tử Cấm Thành.

- Người phương Tây vẽ Thiên Đường là những ngôi nhà lầu tráng lệ, Thượng Đế là cụ già râu bạc mắt xanh mũi lõ.
- Người Ả Rập lại vẽ Thiên Đường với dòng suối mát và vườn cây ăn trái sum sê giữa sa mạc cát bỏng!

Rõ ràng hình ảnh Thiên Đường không ai có thể chứng minh khách quan ngoài đời thực, mà tất cả đều do **tiềm thức văn hóa của mỗi dân tộc tự sinh khởi pháp tướng** mà nhào nặn ra!

Đức Phật dạy: Muốn chứng ngộ Vô Thượng Bồ Đề thì tâm hồn phải trong veo tuyệt đối: **BẤT SINH PHÁP TƯỚNG!** Trong lòng không được tự ý tạo tác, không được tự nặn ra một ông Phật trong tưởng tượng, không được dán nhãn cho bất kỳ cảnh giới nào!

31.1.3 Công Án Sét Đánh: Ta Muốn Bước Qua, Ngươi Bước Qua Đây!

> *"Tu-bồ-đề! Sở ngôn pháp tướng giả, Như Lai thuyết tức phi pháp tướng, thị danh pháp tướng."*

Ba tạng mười hai bộ kinh điển, lúc Phật nói Không, lúc nói Có, lúc nói Phi Không Phi Hữu... Tất cả chỉ là **chiếc bè qua sông**, là phương tiện giáo dục thiện xảo. Qua sông rồi thì mau mau quẳng chiếc bè lại mà cất bước tự do, cớ sao lại đâm đầu bám chặt vào chữ nghĩa để rồi tự biến mình thành kẻ nô lệ của giáo điều!

Để minh họa cho đạo lý rốt ráo này, chúng tôi xin kể lại một công án Thiền tông tuyệt đỉnh: Xưa có một chàng thanh niên xuất gia từ năm mười hai tuổi, quyết chí tầm sư học đạo để cầu mong khai ngộ. Chàng theo hầu một vị thiền sư nổi tiếng nghiêm khắc suốt mấy mươi năm ròng rã. Chàng chăm chỉ quét nước gánh củi, dâng trà nấu cơm không nề hà gian khổ. Thế nhưng mỗi lần chàng quỳ xuống khẩn cầu thầy chỉ

dạy chân lý Phật pháp tối thượng, vị thiền sư chỉ quắc mắt bảo: **"Tự đi mà tham cứu lấy!"**.

Năm tháng thoi đưa, chàng thanh niên tóc đã hoa râm mà đạo quả vẫn mịt mùng tăm tối. Chàng bực bội ấm ức nghĩ thầm: "Thầy mình là bậc danh tăng thiên hạ kính ngưỡng, thế mà theo thầy suốt ba mươi năm không được truyền cho lấy một câu bí kíp thần chú hay pháp môn nhiệm màu nào! Hôm nay ta phải liều một phen sống chết!".

Hôm ấy trời đổ mưa tầm tã, đường núi trơn trượt lầy lội. Chàng giấu sẵn một con dao nhọn trong tay áo, đứng phục kích tại một khúc đường mòn độc đạo quanh co bên sườn núi hiểm trở — con đường hẹp chỉ vừa vặn cho đúng một người đi qua.

Trông thấy vị sư phụ tay cầm chiếc ô giấy dầu, áo tơi lấm bùn đang lầm lũi cúi đầu bước tới, chàng liền nhảy phắt ra chặn ngay đầu dốc, tuốt con dao sáng loáng kề sát cổ thầy, lớn tiếng hét:

> *"Bạch thầy! Con theo thầy ba mươi năm nay, khổ cực trăm bề mà thầy một chữ bí kíp cũng không chịu truyền! Hôm nay con không cần mạng sống nữa! Nếu thầy không chịu nói ngay chân lý Phật pháp tối thượng cho con, thì con sẽ đâm chết thầy rồi tự sát ngay tại đây!".*

Vị lão thiền sư thần sắc điềm nhiên như không, chiếc ô che mưa trên tay không hề run rẩy. Ngài nhìn thẳng vào mắt đệ tử, giơ bàn tay gầy guộc tóm chặt lấy cổ tay cầm dao của chú, rồi lớn tiếng quát vang rừng núi:

"路很窄，我要过去，你过来！"

"ĐƯỜNG RẤT HẸP! TA MUỐN BƯỚC QUA, NGƯƠI BƯỚC QUA ĐÂY!"

Nói rồi, sư phụ kéo chú đệ tử lùi lại một bước né sang mép vực, còn ngài thong thả bước qua rảo bước đi thẳng về chùa!

Ngay giây phút vị sư phụ hét lên: *"Ta muốn bước qua, ngươi bước qua đây!"*, chú đệ tử đứng sững sờ giữa màn mưa gió mù mịt... và bất thần, **chàng hoát nhiên đại triệt đại ngộ!** Toàn bộ vũ trụ dường như vỡ òa, chàng quỳ sụp xuống bùn lầy lạy theo bóng lưng người thầy vừa khuất sau rặng cây!

Quý vị hãy cùng nhau tham cứu xem: Tại sao chỉ một câu nói bình dị nơi góc đường hẹp: *"Ta muốn bước qua, ngươi bước qua đây!"* mà người đệ tử lại ngộ đạo triệt để? Đó chính là nghệ thuật sư phạm đỉnh cao của Thiền tông! Bao nhiêu năm qua, chú đệ tử ôm nặng cái tâm phân biệt: Cho rằng phiền não ở bên này, bồ-đề ở bên kia; phàm phu ở đầu này, Phật quả ở đầu nọ! Trong đầu tự sinh ra một cái khuôn pháp tướng to lớn ngăn chặn con đường giải thoát!

Vị thầy chỉ thẳng: Con đường xưa nay vốn thông suốt! **Muốn giải thoát thì bước qua một bước là xong!** Phiền não trôi qua tức là Bồ-đề! Đừng có đứng giữa đường độc đạo mà giằng co, loay hoay tìm cách tiêu diệt phiền não để ôm lấy thanh tịnh! Buông xả sự chấp trước, bước qua một bước thì trời quang mây tạnh, khắp chốn trần ai đâu chẳng phải là đạo tràng!

Các thiền sư xưa có đúc kết ba thứ ma cảnh tinh vi nhất của hành giả:

- **Khởi tâm động niệm thị Thiên ma:** Trong lòng vừa khởi một niệm toan tính, mong cầu đắc đạo thành thánh... đó chính là Thiên ma quấy phá!

- **Bất khởi tâm động niệm thị Âm ma:** Ngồi thiền mà cố đè nén cho đầu óc trống rỗng mụ mẫm, rơi vào trạng thái ngu ngơ vô tri của năm uẩn... đó chính là Âm ma hãm hại!

- **Đảo khởi bất khởi thị Phiền não ma:** Cảnh giới lờ mờ nửa tỉnh nửa mê, dở thanh tịnh dở lăng xăng... đó chính là Phiền não ma (vô minh ma)!

Tất cả ma cảnh ấy đều từ đâu ra? Đều do chính tự tâm ta **sinh khởi pháp tướng** mà chuốc lấy! Nhận ra bản tính xưa nay vốn Không, dứt bặt mọi pháp tướng, ma vương tự khắc tiêu tan không còn chỗ dung thân.

31.1.4 Khúc Hát Hoang Thôn: Nỗi Lòng Đức Thích Ca

Để đúc kết phẩm thứ ba mươi mốt, chúng tôi xin tặng bài thi kệ:

Kệ Tụng Phẩm Thứ Ba Mươi Mốt — Nam Sư Đúc Kết

九霄鹤唳响无痕，泣血杜鹃落尽魂。
谱到狮弦声断续，为谁辛苦唱荒村。

Phiên âm Hán – Việt:

Cửu tiêu hạc lệ hưởng vô ngân,
Khấp huyết đỗ quyên lạc tận hồn.
Phổ đáo sư huyền thanh đoạn tục,
Vị thùy tân khổ xướng hoang thôn.

Dịch nghĩa thơ thất ngôn:

Chín tầng hạc hót thoảng mây bay,
Rỏ máu đỗ quyên rụng cánh ngày.
Cung phím sư cầm rơi đứt nối,
Vì ai cay đắng hát thôn gầy!

Bình giải kệ tụng:

"Cửu tiêu hạc lệ hưởng vô ngân" (Tiếng hạc trắng kêu vang dội giữa chín tầng mây xanh rồi tan biến vào cõi hư không không lưu lại một chút dấu vết). Tiếng hạc kêu giữa trời cao thanh thoát lạ thường, hệt như tiếng đại pháp âm của Đức Phật vang rền giữa tam giới, muốn đánh thức toàn thể nhân loại đang chìm đắm trong cơn mê muội ngàn năm.

"Khấp huyết đỗ quyên lạc tận hồn" (Thế nhưng than ôi, nhân gian mấy ai chịu tỉnh ngộ? Người tu học bơ vơ lạc lối có khác chi loài chim đỗ quyên rỏ máu rách họng làm rụng rời hồn phách!). Theo thần thoại cổ xưa, vua Thục Đế tử vì nước mất nhà tan quá đỗi đau thương mà hóa thành chim đỗ quyên (chim tử quy), đêm đêm bay khắp rừng núi khóc than đến mức mắt ứa máu đỏ nhỏ xuống nhuộm thắm những cánh hoa đỗ quyên. Người đời học Phật cũng y như thế: Bỏ nhà bỏ cửa lặn lội tha phương cầu đạo, đến lúc già nua đầu bạc vẫn chưa thấy bóng dáng đạo đâu, bèn than trời trách đất oán giận không gặp được minh sư truyền bí kíp! Đâu biết rằng Phật pháp vốn dĩ vô cùng giản dị, Đức Phật đã giãi bày gan ruột trọn vẹn trong Kim Cương từ ngàn năm trước!

"Phổ đáo sư huyền thanh đoạn tục, Vị thùy tân khổ xướng hoang thôn". "Sư huyền" là cây đàn làm bằng gân chúa sơn lâm sư tử; tiếng đàn sư tử tấu lên uy dũng kinh thiên động địa, muôn loài muông thú nghe thấy đều phải nứt đầu kinh sợ! Giáo lý Kim Cương Bát-nhã chính là khúc nhạc sư tử vô song ấy!

Thế nhưng, Đức Thế Tôn tấu khúc nhạc tuyệt đỉnh của vũ trụ cho ai nghe? Ngài lặn lội suốt bốn mươi chín năm giữa cõi trần gian mê muội, chẳng khác nào một người nghệ sĩ cô đơn cất

cao giọng hát tuyệt mỹ giữa một ngôi làng hoang vắng tiêu điều (hoang thôn)! Người dân trong làng mải mê cày cấy, tranh giành từng củ khoai nhánh cỏ, có ai buồn ngẩng đầu lắng nghe khúc hát thanh tao của Ngài đâu! Giảng đến phẩm ba mươi mốt rồi, sắp hết bộ kinh rồi, mà hỏi mấy ai thực sự hiểu được tấm lòng đại bi của Phật? Vì ai mà Ngài phải chịu bao cay đắng nhọc nhằn cất tiếng hát nơi chốn hoang vu này?

Đọc đến đây, ta không khỏi bùi ngùi rơi một giọt nước mắt đồng cảm sâu sắc với Đức Thích Ca Mâu Ni! Nhưng quý vị hãy quay đầu nhìn lại phẩm mở đầu thứ nhất: Phật thành đạo viên mãn rồi, Ngài làm cái gì? **Ngài mặc áo, ôm bình bát vào thành khất thực, ăn cơm xong, dẹp bát đĩa, rửa sạch chân, trải tọa cụ ngồi kiết già!**

Toàn bộ Kinh Kim Cương chính là sự trở về với **Sự Bình Phàm Chân Thật Tột Cùng**! Không có hào quang lóa mắt, không có thần thông bay lượn trên mây, không có bí kíp huyền bí giấu giếm! Sống chân thật giữa cõi đời bình dị với một tâm hồn hoàn toàn rỗng rang không dính mắc (bất sinh pháp tướng), đó chính là đỉnh cao tối thượng của bậc Giác Ngộ!

CHƯƠNG 32

Ứng Hóa Phi Chân Phân (应化非真分第三十二)

Kinh Văn Gốc & Dịch Nghĩa

须菩提！若有人以满无量阿僧祇世界七宝持用布施；若有善男子、善女人发菩提心者，持于此经，乃至四句偈等，受持读诵，为人演说，其福胜彼。云何为人演说？不取于相，如如不动。何以故？

一切有为法，如梦幻泡影
如露亦如电，应作如是观！

佛说是经已，长老须菩提，及诸比丘、比丘尼、优婆塞、优婆夷、一切世间天、人、阿修罗，闻佛所说，皆大欢喜，信受奉行。

Phiên âm Hán – Việt:

"Tu-bồ-đề! Nhược hữu nhân dĩ mãn vô lượng A-tăng-kỳ thế giới thất bảo trì dụng bố thí; nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân phát Bồ-đề tâm giả, trì ư thử kinh, nãi chí tứ cú kệ đẳng, thọ trì độc tụng, vị nhân diễn thuyết, kỳ phước thắng bỉ.
Vân hà vị nhân diễn thuyết? Bất thủ ư tướng, như như bất động. Hà dĩ cố?

Nhất thiết hữu vi pháp,
Như mộng, huyễn, bào, ảnh,
Như lộ diệc như điện,
Ưng tác như thị quán!
Phật thuyết thị kinh dĩ, Trưởng lão Tu-bồ-đề, cập chư Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, nhất thiết thế gian thiên, nhân, a-tu-la, văn Phật sở thuyết, giai đại hoan hỷ, tín thọ phụng hành."

Bản dịch nghĩa:
"Này Tu-bồ-đề! Nếu có người đem bảy báu chứa đầy khắp vô lượng vô số thế giới ra bố thí; lại có người thiện nam, thiện nữ phát khởi tâm Bồ-đề chân chính, thọ trì kinh điển này, cho đến chỉ một bài kệ bốn câu, ghi nhớ, đọc tụng và vì người khác giảng giải, thì phước đức này vượt trội hơn người bố thí của cải kia gấp bội phần!
Làm thế nào để vì người khác diễn nói kinh này?
— **KHÔNG CHẤP VÀO BẤT KỲ HÌNH TƯỚNG NÀO, TÂM NHƯ NHƯ BẤT ĐỘNG!**
Vì duyên cớ gì vậy?

TẤT CẢ CÁC PHÁP HỮU VI,
NHƯ GIẤC CHIÊM BAO, NHƯ ẢO THUẬT, NHƯ BỌT NƯỚC, NHƯ BÓNG HÌNH,
NHƯ GIỌT SƯƠNG MAI, LẠI NHƯ TIA CHỚP LÓE,
HÃY NÊN QUÁN CHIẾU VẠN VẬT ĐÚNG NHƯ THẾ ẤY!

Đức Phật giảng bộ kinh này xong, Trưởng lão Tu-bồ-đề cùng khắp chúng Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, cư sĩ nam, cư sĩ nữ, cùng toàn thể hàng trời, người, a-tu-la trong khắp thế gian, nghe lời Phật dạy, thảy đều vô cùng hoan hỷ, tin nhận và kính cẩn vâng làm."

32.1 Lời Bình Giảng Của Cụ Nam Hoài Cẩn

32.1.1 Ứng Hóa Phi Chân: Tiếng Hát Giữa Thôn Hoang

Thái tử Chiêu Minh đặt tiêu đề cho phẩm thứ ba mươi hai — phẩm kết thúc của Kinh Kim Cương — là **Ứng Hóa Phi Chân** (Sự ứng hiện hóa thân của Phật nơi cõi trần không phải là chân thân bất biến).

Đức Phật thuyết pháp suốt bốn mươi chín năm, thế mà trong Kim Cương Ngài một mực khẳng định rằng Ngài chưa từng nói một chữ nào! Chân pháp rốt ráo vốn bất khả thuyết; hễ mở miệng thốt ra lời là đã rơi vào "pháp tướng", lời nói không thể nào lột tả trọn vẹn được chân lý nội tâm!

Đạo lý này ai trong chúng ta nhắm mắt tĩnh tâm lại cũng đều cảm nhận được: Trong đầu ta ấp ủ những ý niệm tuyệt đẹp, nhưng khi mở miệng nói ra hay đặt bút viết xuống trang giấy, lập tức nó biến thành một thứ hoàn toàn khác, vụng về và gượng gạo làm sao!

Tốc độ suy nghĩ của bộ não con người nhanh hơn ngòi bút và lời nói hàng trăm lần. Một giây trôi qua, trong đầu một người thông minh đã lóe sáng hàng chục ý niệm; thế mà để diễn đạt lại những ý niệm của một giây ấy, ta phải cặm cụi ngồi viết ròng rã suốt năm mười phút! Trong năm mười phút ấy, lại có biết bao ý niệm mới chen vào làm rối tung tất cả. Bởi thế, Đức Phật mới bảo: Phật pháp chân thật không thể

nói được, mở miệng là sai!

Không nói được thì làm sao truyền đạo? Cho nên trên hội Linh Sơn Ngài mới **nhặt đóa hoa sen giơ lên mỉm cười** (niêm hoa vi tiếu)! Một nụ cười tâm tâm tương ấn ấy còn nhanh và sâu sắc hơn ngàn vạn lời nói đầu môi! Giống như hai người bạn tâm đầu ý hợp, muốn mỉa mai một trò cười thế gian, chỉ cần liếc mắt nhìn nhau một cái là hiểu ý trọn vẹn. Hay đôi trai gái đang yêu nhau tha thiết, đứng trước mặt cha mẹ chẳng dám nói nửa lời, chỉ cần chạm khẽ ánh mắt nhau một giây thôi là toàn bộ tâm can đã thấu suốt!

Đức Thế Tôn từ cõi tịnh độ giáng sinh vào cõi Ta-bà khổ ải này, nhọc nhằn suốt bốn mươi chín năm gảy khúc đàn sư tử giữa cõi hồng trần: *Vì ai cay đắng hát thôn hoang?*

Trải qua hơn hai ngàn năm lịch sử, nhìn lại Phật môn khắp nơi, ta chỉ thấy cảnh: Khói hương lạnh lẽo, chuông mõ đìu hiu, những ngôi chùa cô độc trên đỉnh núi hoang, vài ba vị sư già mặt mày vàng vọt vì kham khổ ngồi gõ mõ tụng kinh đều đặn qua ngày... Nhìn cảnh tượng ấy, người có tâm huyết không khỏi ngậm ngùi buông một tiếng thở dài xót xa: **Thiên cổ anh hùng chỉ hảo đồng thanh nhất khốc!** (Anh hùng muôn thuở chỉ biết cùng cất lên một tiếng khóc nghẹn ngào thương cảm cho tấm lòng cô đơn của Đức Thích Ca!).

32.1.2 Bồ Đề Tâm: Nội Thánh Ngoại Vương

Đức Phật đưa ra lời kết luận so sánh phước đức lần cuối cùng: Đem bảy báu đầy ắp vô lượng vô số cõi thế giới (vô lượng A-tăng-kỳ thế giới) ra bố thí, phước đức ấy vĩ đại ngút ngàn; thế nhưng nếu có người thiện nam thiện nữ nào **phát tâm Bồ-đề**, thọ trì bộ kinh này cho dù chỉ bốn câu kệ ngắn ngủi, rồi đem giảng giải cho người đời cùng thấu hiểu, thì phước đức này vượt trội hơn người bố thí của cải kia gấp bội phần!

Xin quý vị đặc biệt lưu ý điều kiện tiên quyết mà Đức Phật đòi hỏi ở đây: **PHÁT BỒ-ĐỀ TÂM!** Thế nào mới là Bồ-đề tâm chân thật? Bồ-đề (Bodhi) là đại triệt đại ngộ, là trí tuệ Bát-nhã siêu thoát tam giới.

- **Thể của Bồ-đề tâm:** Là Đại Trí Tuệ (kiến tính thành Phật).
- **Tướng và Dụng của Bồ-đề tâm:** Là **Đại Bi Tâm** (tình thương yêu rộng lớn cứu độ muôn loài).

Nhiều người nói với tôi: "Thưa thầy, con cái gì cũng tin, chỉ có mỗi cái tâm Bồ-đề là con phát không nổi!". Lại có người bảo: "Con thấy hoa rơi cũng mủi lòng khóc nức nở, thấy con sâu cái kiến bị thương là tim con đau nhói xót xa, đó là con đã phát tâm Bồ-đề rồi phải không thầy?".

Tôi bảo: Quý vị lầm to rồi! Thấy chuyện bi thương mà rơi nước mắt sụt sùi, đó không phải là Bồ-đề tâm, mà là **"Đề-bồ tâm"** (lộn ngược lại)! Đó là thói đa sầu đa cảm ủy mị của đàn bà con gái, là do hệ thần kinh của anh suy nhược, gan khí không đủ, thận khí suy kém nên dễ sinh tâm lý bi quan tiêu cực khóc lóc đấy thôi!

Người thực sự phát tâm Bồ-đề phải có khí phách kinh thiên động địa:

"Bồ-tát đê mi, Kim Cương nộ mục!"

(Đối với người hiền thiện thì rủ mày từ bi nâng đỡ; đối với lũ bạo tàn độc ác thì trừng mắt Kim Cương dũng mãnh trừng trị!)

Như Chu Vũ Vương nổi một trận lôi đình chính nghĩa đánh đổ bạo chúa Trụ Vương mà đem lại thái bình muôn thuở cho thiên hạ! Dám xông pha gánh vác việc lớn cứu đời, đó mới là Bồ-đề tâm chân thật!

Mượn thuật ngữ Đạo gia và Nho gia: Bồ-đề tâm chính là **Nội Thánh Ngoại Vương**! Bên trong đạt đến cảnh giới thánh nhân giải thoát (Nội

Thánh); bên ngoài có tài năng bản lĩnh kinh bang tế thế đem lại cơm no áo ấm cho muôn dân (Ngoại Vương). Bồ-đề tâm không phải là kẻ trốn tránh việc đời vào chùa ngồi rầu rĩ tự xưng thanh cao!

32.1.3 Căn Bệnh Trầm Kha Của Người Học Phật: Sự Lười Biếng!

Nhân đây, tôi xin thẳng thắn vạch trần một căn bệnh cực kỳ nghiêm trọng của người học Phật ngày nay: **ĐÓ LÀ BỆNH LƯỜI BIẾNG!**

Rất nhiều người học Phật nhìn bề ngoài có vẻ thanh tịnh vô vi, vạn duyên buông xả; nhưng nếu đi sâu vào mổ xẻ hành vi tâm lý, quý vị sẽ giật mình nhận ra: **Họ lười biếng trăm phần trăm!** Sự buông xả của họ là giả dối, còn sự lười biếng trốn việc là có thật!

Họ nằm ườn trên giường hoặc ngồi xếp bằng trơ trơ trên bồ đoàn, trong đầu thì vọng tưởng lăng xăng nghĩ ngợi đủ thứ chuyện trên đời, căn bản chẳng hề thanh tịnh! Bảo họ đứng dậy xắn tay áo quét cái sân, rửa cái chén, nấu bữa cơm giúp đại chúng... thì họ nhăn mặt từ chối: ”Tôi là người tu học giải thoát, không bận tâm những chuyện phàm tục ấy!”.

Bảo họ dấn thân làm việc thiện giúp ích xã hội, thì họ chắp tay niệm: ”A Di Đà Phật, con nghiệp chướng sâu dày, chuyện đó để các bậc đại Bồ-tát làm, con chỉ cầu vãng sinh thanh tịnh!”. Họ đem chữ ”Không” ra làm chiếc bia đỡ đạn cho sự lười biếng, ích kỷ và vô dụng của chính mình!

Theo kinh nghiệm mấy mươi năm quan sát của tôi: Trong giới học Phật tu đạo, **hạng phế vật lười biếng chiếm số lượng rất đông!** Phật dạy tinh tấn dũng mãnh thì không làm nổi; dạy *chư ác mạc tác, chúng thiện phụng hành* thì một việc thiện nhỏ cũng lười không muốn nhấc tay! Người như thế thì cả đời chỉ là kẻ bị kinh điển trói buộc, làm sao

xứng đáng gọi là người thọ trì Kinh Kim Cương!

Đức Phật dạy: Vì người khác diễn nói kinh này thì phước đức lớn hơn bố thí cả vũ trụ châu báu. Thế nào là Phước? Người xưa có câu: **Bình an chính là Phước!** Đạo sĩ Lữ Thuần Dương có bài thơ tuyệt phẩm miêu tả cái Phước thanh nhàn:

一日清闲自在仙，六神和合报平安。
丹田有宝休寻道，对境无心莫问禅。

Phiên âm Hán – Việt:

Nhất nhật thanh nhàn tự tại tiên,
Lục thần hòa hợp báo bình an.
Đan điền hữu bảo hưu tầm đạo,
Đối cảnh vô tâm mạc vấn thiền.

Dịch nghĩa thơ:

Một ngày thanh thản sướng như tiên,
Sáu khiếu an vui trọn vẹn tuyền.
Tâm sẵn ngọc lành thôi kiếm đạo,
Đối cảnh không vướng bận chi thiền!

Một ngày sống trên đời thanh thản, không bệnh tật ốm đau, lục căn hòa hợp bình an, đó chính là cảnh giới thần tiên, là phước đức đệ nhất của kiếp người! Đan điền có ngọc báu tự tính thì cần gì tìm đạo bên ngoài; đứng trước muôn vàn nghịch cảnh trần gian mà lòng trong veo không dính mắc thì đó chính là Thiền hiện tiền!

Muốn vì người diễn nói kinh này thì phải đạt đến hai chuẩn mực: **BẤT THỦ Ư TƯỚNG, NHƯ NHƯ BẤT ĐỘNG!** Không bám chấp vào hình tướng, tâm an định bất biến trước muôn ngàn sóng gió cuộc đời!

32.1.4 Tuyệt Phẩm Kệ Lục Như: Sáu Lăng Kính Quán Chiếu

Làm thế nào để đạt được cảnh giới *Bất thủ ư tướng, như như bất động*? Đức Thế Tôn liền giáng hạ bài kệ bốn câu đúc kết toàn bộ bộ Kinh Kim Cương — bài kệ được coi là viên ngọc quý giá nhất trong kho tàng văn minh tâm linh nhân loại:

一切有为法，如梦幻泡影
如露亦如电，应作如是观！

Phiên âm Hán – Việt:
Nhất thiết hữu vi pháp,
Như mộng, huyễn, bào, ảnh,
Như lộ diệc như điện,
Ưng tác như thị quán!

Dịch thơ bốn câu:
Hết thảy pháp hữu vi,
Như mộng, huyễn, bọt, bóng,
Như sương, như chớp lóe,
Nên khởi quán như vầy!

Bài kệ này đưa ra sáu hình tượng ẩn dụ kinh điển (Lục Như) để quán chiếu toàn bộ thế giới hiện tượng:

1. **Như Mộng (Giấc chiêm bao):** Hai mươi năm trước ta từng đau khổ quằn quại hay sung sướng tột đỉnh vì một mối tình, một chức danh, một món tiền... Bây giờ ngồi đây nhớ lại, có khác chi một giấc mộng dài vừa tan biến? Lúc đang mơ thì thấy cảnh mộng thật trăm phần trăm; giật mình mở mắt ra thì rỗng không chẳng có gì! Hiện tại chúng ta ngồi đây nghe giảng kinh, quý vị có dám quả quyết mình đang thực sự tỉnh táo hay cũng đang cùng nhau

đóng một giấc mộng Kim Cương? Nhắm mắt xuôi tay rời cõi đời, toàn bộ cuộc đời này há chẳng phải là một giấc đại mộng hay sao!

2. **Như Huyễn (Ảo thuật, ảo ảnh):** Thế giới vật chất này cũng chỉ là ảo ảnh trường tồn tạm thời trong vài tỷ năm; so với thời gian vô tận của vũ trụ thì một tỷ năm cũng chỉ là một cái búng tay chớp mắt! Nữ minh tinh màn bạc Lâm Đại đã qua đời mấy mươi năm, nhưng bật phim lên ta vẫn thấy nàng ca hát khiêu vũ sống động như thật; Lý Tiểu Long đã chết từ lâu mà trên màn ảnh vẫn tung đòn đánh võ vù vù! Ảo ảnh khi đang chiếu thì như thật, nhưng bản chất sau lưng màn ảnh chỉ là ánh sáng rọi qua tấm phim nhựa mà thôi!

3. **Như Bào (Bọt nước):** Quả địa cầu xinh đẹp này thực chất chỉ là một bọt nước nổi bồng bềnh giữa đại dương vũ trụ bao la! Đời người lại là bọt nước nhỏ nhoi nổi trên quả địa cầu ấy, tụ họp rồi vỡ tan trong nháy mắt.

4. **Như Ảnh (Chiếc bóng):** Chiếc bóng đi theo thân người, ánh đèn tắt thì bóng tan. Người học Phật thời trẻ thường lấy hình tượng cây chuối (ba tiêu) ra ví von: Cây chuối róc hết bẹ này đến bẹ khác, cuối cùng bên trong rỗng ruột chẳng có lõi gỗ nào (tiếng Hàng Châu gọi là ”không tâm đại lão quan”)!

5. **Như Lộ (Giọt sương mai):** Giọt sương sớm đọng lung linh long lanh trên đầu ngọn cỏ, ánh mặt trời vừa nhô lên là bốc hơi tan biến không còn dấu vết.

6. **Như Điện (Tia chớp lóe):** Tia chớp rạch ngang bầu trời đêm giông bão, lóe sáng chói lòa một sát-na rồi trả bầu trời về lại với

màn đêm tịch mịch.

Quý vị hãy đọc thật kỹ: Đức Phật **không hề bảo vạn pháp là Không**! Ngài chỉ dạy: **ƯNG TÁC NHƯ THỊ QUÁN!** Hãy nên quán chiếu vạn vật như sáu hình tượng mộng, huyễn, bọt, bóng, sương, chớp ấy để tâm hồn không bị dính mắc!

- Khi đang làm quan, đừng bị chiếc ghế quyền lực trói buộc!
- Khi đang làm kinh doanh, đừng bị những tờ giấy bạc làm mờ mắt!
- Khi con cái vây quanh gọi ba gọi mẹ, hãy thương yêu hết lòng nhưng đừng để sợi dây ái luyến làm điên đảo tâm thần!

Sống trọn vẹn giữa cõi đời mộng huyễn mà tâm hồn **không chấp tướng, như như bất động**, đó mới là cảnh giới tối thượng của người thấu suốt Kim Cương!

32.1.5 Khai Thị Viên Mãn: Hoan Hỷ Phụng Hành

> *"Phật thuyết thị kinh dĩ, Trưởng lão Tu-bồ-đề, cập chư Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, nhất thiết thế gian thiên, nhân, a-tu-la, văn Phật sở thuyết, giai đại hoan hỷ, tín thọ phụng hành."*

Trong toàn bộ Kinh Kim Cương, xin quý vị để ý cách gọi tên ngài Tu-bồ-đề:

1. Ở phần đầu kinh, gọi là **Thiện Hiện Tu-bồ-đề** (tướng mạo lành hiện tiền).
2. Ở giữa kinh, khi ngộ được tính Không rốt ráo, gọi là **Tuệ Mạng Tu-bồ-đề** (bậc gánh vác mạng mạch trí tuệ Như Lai).

3. Đến đoạn kết thúc viên mãn này, kinh văn tôn xưng là **Trưởng Lão Tu-bồ-đề** (bậc long tượng thạch trụ đức hạnh vẹn toàn của tăng đoàn).

Toàn thể bốn chúng đệ tử cùng hàng trời, người, a-tu-la khắp tam giới nghe xong diệu pháp, lòng tràn ngập niềm đại hỷ lạc vô biên, cúi đầu kính cẩn tin nhận và phát nguyện trọn đời phụng hành!

Để đúc kết phẩm thứ ba mươi hai và khép lại toàn bộ 32 phẩm Kinh Kim Cương, chúng tôi xin tặng bài thi kệ:

Kệ Tụng Phẩm Thứ Ba Mươi Hai — Nam Sư Đúc Kết

衡阳归雁一声声，圣域贤关几度更。
蓑笠横挑烟雨散，苍茫云水漫闲行。

Phiên âm Hán – Việt:

Hành Dương quy nhạn nhất thanh thanh,
Thánh vực hiền quan kỷ độ canh.
Thoa lạp hoành khiêu yên vũ tán,
Thương mang vân thủy mạn nhàn hành.

Dịch nghĩa thơ thất ngôn:

Hành Dương nhạn vỗ tiếng kêu ngân,
Ải Thánh đài Hiền mấy lượt phân.
Nón lá áo tơi mưa khói tản,
Mênh mang mây nước dạo phong trần!

Bình giải kệ tụng:

"Hành Dương quy nhạn nhất thanh thanh" (Mùa thu sang, bầy chim nhạn từ phương bắc bay về phương nam tránh rét, cất tiếng kêu từng chặp từng hồi ngân vang cho đến khi dừng chân bên

bến Hành Dương). Hình ảnh cánh chim nhạn tìm về phương nam ấm áp tượng trưng cho người tu hành tìm lại bản lai diện mục của chính mình, tìm về cội nguồn thanh tịnh thuở cha mẹ chưa sinh ra ta!

"Thánh vực hiền quan kỷ độ canh" (Cửa ải Thánh Hiền qua bao lần dâu bể thế gian đổi thay). Thánh nhân hay phàm phu, ngộ đạo rồi thì bình đẳng không hai: *Ta muốn bước qua, ngươi bước qua đây!* Con đường xưa nay vốn thênh thang không chướng ngại.

"Thoa lạp hoành khiêu yên vũ tán" (Khoác chiếc áo tơi, đội chiếc nón lá, gậy thiền vắt ngang trên vai mà cất bước ung dung giữa làn mưa khói tan biến). Cây gậy gánh hành lý vắt ngang vai (hoành khiêu) là biểu tượng tuyệt đẹp của bậc đại trượng phu Thiền tông: Đi ngang về dọc tự do tự tại giữa trời đất, không một sợi dây nào của cõi trần có thể trói buộc nổi bước chân người giải thoát! Mưa gió trần gian tan biến, trời quang mây tạnh, tâm hồn trong trẻo như hư không!

"Thương mang vân thủy mạn nhàn hành" (Thong dong cất bước dạo chơi giữa ngút ngàn mây nước thênh thang!). Thành đạo rồi thì làm gì? Ngồi lì một chỗ trong hốc đá hưởng Niết-bàn hay sao? Không! Bậc Bồ-tát quay trở lại cõi đời, **Du Hý Nhân Gian** (dạo chơi giữa cõi trần cứu độ muôn loài)!

Đức Thích Ca Mâu Ni xuất hiện ở cõi Ta-bà này thuyết pháp suốt bốn mươi chín năm, thực chất là Ngài đã ung dung chơi một trò chơi đại bi vĩ đại suốt hơn bốn mươi năm! Chơi xong trò chơi cứu độ, Ngài an nhiên nhắm hai mắt lại mỉm cười nói lời tạm biệt thế gian, thanh thản bước đi về miền tịch diệt!

Đó chính là thông điệp tối hậu và viên mãn nhất của Kinh Kim Cương Bát-nhã Ba-la-mật-đa!

Tổng Kết Luận: Tinh Hoa Toàn Kinh

32.2 Dòng Chảy Nhất Quán Của Ba Mươi Hai Phẩm

Đến đây, chúng tôi xin làm một bản tổng kết luận ngắn gọn mà rốt ráo, xâu chuỗi lại toàn bộ những mạch nguồn tinh hoa cốt tủy của Kinh Kim Cương từ phẩm thứ nhất đến phẩm thứ ba mươi hai, để quý vị cùng nhau chiêm nghiệm:

1. **Khởi đầu từ Thiện Hộ Niệm (Phẩm 2):** Từ thân phận một phàm phu bước lên con đường giác ngộ thành Phật, thánh nhân và phàm phu chỉ cùng chung một phương pháp tu trì duy nhất: **Thiện Hộ Niệm** (khéo gìn giữ tâm niệm). Hộ niệm bằng cách nào? *Ứng vô sở trụ, bất sinh pháp tướng, như như bất động, bất thủ ư tướng!* Giữ gìn cho nội tâm luôn bình thản phẳng lặng như mặt nước hồ thu.

2. **Cứu cánh Niết-bàn và Tự tính tự độ (Phẩm 3):** Mục đích tối hậu của người học Phật là chứng đắc đạo quả Niết-bàn. Niết-bàn không phải là cái chết, mà là sự viên mãn thanh tịnh tuyệt đối: Không sinh không diệt, không đến không đi. Ngay giữa chốn hồng trần phong ba bão táp mà nội tâm vẫn an nhiên tịch tịnh. Và quan trọng nhất: **Không có một phương pháp nào đưa chúng sinh vào Niết-bàn ngoại trừ chính sự tự giác ngộ của bản thân!** Phật và thần tiên chỉ là những người đi trước truyền trao

kinh nghiệm, mỗi người phải tự thắp đuốc lên mà cứu lấy chính mình (Tự tính tự độ).

3. **Quét sạch Thân tướng (Phẩm 5):** Muốn thấy được Pháp thân Như Lai thì chướng ngại lớn nhất của người tu chính là **sự dính mắc vào cái thân xác thịt này**! Mọi công phu thiền định của người đời phần lớn đều luẩn quẩn quanh thân xác, chấp vào hình tướng. Phật dạy: *Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng, nhược kiến chư tướng phi tướng tức kiến Như Lai*. Trước hết phải phá tan Thân tướng (thân kiến); thân tướng tan thì Ngã tướng mới dứt; ngã tướng dứt thì nhân tướng, chúng sinh tướng, thọ giả tướng mới quét sạch.

4. **Quét sạch Tâm tướng và Pháp tướng (Phẩm 6 & Phẩm 9):** Thân tướng bỏ được rồi, phải tiến thêm một bước phá sạch Tâm tướng. Có tâm tướng ắt đẻ ra Pháp tướng. Người tu thiền tối ngày lăng xăng tự nhào nặn ra cảnh giới: Tưởng tượng trong bụng sinh ra đứa hài nhi chui qua đỉnh đầu (như Đạo gia vẽ thai nhi), ngày ngày lo ấp ủ mười tháng mang thai nhọc nhằn; hoặc tưởng tượng trong bụng có viên ngọc đan tròn xoe óng ánh phát sáng... Cụ Nam cười bảo: Viên ngọc phát sáng ấy đưa máy nội soi dạ dày vào khéo lại phát hiện ra khối u ung thư chứ ngọc đan nỗi gì! Đắc đạo là **VÔ SỞ ĐẮC**, không có bất kỳ một thứ gì để nắm giữ.

5. **Đệ Nhất Ba-la-mật là Trí Tuệ Vô Trí (Phẩm 14 & Phẩm 17):** Công cụ duy nhất để thành Phật là Trí Tuệ Bát-nhã (Đệ nhất Ba-la-mật). Nhưng chân trí tuệ thì không có tướng trạng của trí tuệ, đúng như Lão Tử nói: *Đại trí nhược ngu*! Đó là cảnh giới của sách Trung Dung: *Thượng thiên chi tải, vô thanh vô xú* (Trời cao chở che muôn vật mà không một tiếng động, không một mùi

hương). Không âu lo, không phiền não, giác tính thanh tịnh trùm khắp: *Ngôn ngữ đạo đoạn, tâm hành xứ diệt!*

6. **Ba Tâm Bất Khả Đắc (Phẩm 18):** Tâm quá khứ không thể nắm bắt, tâm hiện tại không thể nắm bắt, tâm vị lai không thể nắm bắt. Nhận diện thấu suốt tính chất mộng ảo của ba thời gian thì gánh nặng phiền não tự nhiên rơi rụng.

7. **Vô Pháp Khả Đắc và Sắc Thanh Phi Đạo (Phẩm 22 & Phẩm 26):** Thành Phật không đắc thêm một pháp nào cả. Kẻ nào dùng hình sắc để mong thấy Phật, dùng âm thanh cầu Phật, kẻ ấy đang đi vào đường tà ma ngoại đạo!

8. **Vô Đoạn Vô Diệt và Nhất Hợp Tướng (Phẩm 27 & Phẩm 30):** Không chấp vào Có, nhưng tuyệt đối không được rơi vào cái Không đoạn diệt hư vô (bạt vô nhân quả). Thế giới là sự ngưng kết tạm thời của vi trần nhân duyên (Nhất Hợp Tướng), bản chất là **Tất Cánh Không mà Thắng Nghĩa Hữu**! Chân Không sinh Diệu Hữu, muôn pháp bình đẳng không hai.

9. **Tri Kiến Bất Sinh và Lục Như Tuyệt Phẩm (Phẩm 31 & Phẩm 32):** Không để cho các định kiến, giáo điều mọc rễ trong lòng (Bất sinh pháp tướng). Sống trọn vẹn giữa cõi đời như sáu phép quán: *Nhất thiết hữu vi pháp, như mộng huyễn bào ảnh, như lộ diệc như điện, ưng tác như thị quán!*

32.3 Căn Bệnh Thời Gian: Kẻ Sống Trong Quá Khứ, Kẻ Mơ Tưởng Tương Lai

Tại sao chúng sinh trong cõi Ta-bà này lại trầm luân trong đau khổ triền miên? Cụ Nam Hoài Cẩn chỉ thẳng: **Bởi vì người ta không chịu sống trong HIỆN TẠI!**

32.3.1 Căn bệnh hoài niệm của người già: Quá khứ tâm bất khả đắc

Cụ Nam hóm hỉnh kể: Có lần cụ vào tiệm cắt tóc, thấy hai ông lão bảy mươi mấy tuổi ngồi cạnh nhau. Cả hai ông cứ thao thao bất tuyệt kể lể: *"Ôi, ngày xưa hồi tôi hăm mấy tuổi, tôi oanh liệt phong độ lắm, tôi làm chấn động cả một vùng..."*. Cụ Nam bảo: Tôi sợ nhất là gặp các cụ già ngồi hoài niệm quá khứ! Hôm nay kể một lần, ba ngày sau gặp lại tưởng mình chưa kể, lại đem nguyên xi bộ chuyện cũ ấy ra nhai đi nhai lại từ đầu đến cuối! Người trẻ ngồi nghe mà sốt ruột đến phát ngạt!

Người già sở dĩ chỉ thích sống với quá khứ là vì họ **không dám nghĩ đến ngày mai**! Ngày mai đối với họ gần kề với nấm mồ tăm tối, 靠不住 (không có gì bảo đảm chắc chắn cả). Cho nên họ chỉ còn cách bám víu vào hào quang dĩ vãng để tự an ủi.

Cụ Nam khuyên răn tha thiết: Các cụ già học đạo ơi, hãy khắc sâu câu kinh **Quá khứ tâm bất khả đắc**! Cái thời oanh liệt ấy đã tan thành mây khói mấy mươi năm rồi, lôi nó về làm chi cho thêm sầu não? Người già nếu muốn nghĩ thì hãy nghĩ đến tương lai tươi sáng: Ngày mai ta vãng sinh về thế giới Cực Lạc của Đức A Di Đà, tiêu dao tự tại! Hướng về cõi tịnh độ an vui, buông sạch dĩ vãng, thế chẳng phải là nhẹ nhõm thanh thản hơn sao!

32.3.2 Căn bệnh ảo tưởng của người trẻ: Vị lai tâm bất khả đắc

Ngược lại với người già, lớp thanh niên trẻ tuổi lại mắc chứng bệnh chỉ biết mơ tưởng tương lai! Ngày nào cũng ngồi vẽ ra viễn cảnh: Ngày mai tôi sẽ làm tổng giám đốc, tôi sẽ giàu có tỷ phú, tôi sẽ cưới vợ đẹp nhà lầu xe hơi... Vẽ ra một đống lâu đài trên cát, để rồi khi hiện thực cuộc đời va đập tơi bời thì sụp đổ rơi vào trầm cảm tuyệt vọng!

Đức Phật dạy: **Vị lai tâm bất khả đắc!** Tương lai chưa tới, ngồi đó mà toan tính viển vông làm chi cho mệt xác. Nếu quý vị sống thọ, rồi quý vị cũng sẽ biến thành một ông lão râu tóc bạc phơ lụm khụm như các cụ già hôm nay mà thôi, chạy đâu cho thoát! Đừng để tâm thức bị cuốn trôi theo những ảo ảnh tương lai chưa định hình.

32.3.3 Sống thực tế ngay trong hiện tại

Phật pháp chân thật là đạo lý **thực tế nhất trên cõi đời này**! Quá khứ đã chết, tương lai chưa sinh; vừa mở miệng thốt ra chữ ”hiện tại” thì cái sát-na hiện tại ấy đã lập tức trôi vụt về quá khứ!

Thấu hiểu ba tâm đều không thể nắm giữ, tâm hồn ta tự nhiên an định rỗng rang: Ngồi thiền thì an trú trọn vẹn nơi hai chân khoanh tròn, không màng khí mạch có thông hay không; ăn cơm thì trọn vẹn với từng hạt cơm; làm việc thì dốc hết tâm lực phụng sự nhân sinh. Không tiếc nuối hôm qua, không lo âu ngày mai, lòng thanh thản tự tại ngay trong giây phút hiện tiền. Đó chính là cảnh giới Niết-bàn tại thế gian!

32.4 Lời Nhắn Nhủ Thanh Niên: Làm Người Xong Mới Học Làm Phật!

Cụ Nam Hoài Cẩn dặn dò một bài học xương máu cho các thế hệ học trò:

“人都没有做好，你要学佛，你成了佛，我成什么?”

”LÀM NGƯỜI CHƯA XONG MÀ ĐÒI HỌC LÀM PHẬT, BẠN MÀ THÀNH PHẬT THÌ TÔI THÀNH CÁI GÌ ĐÂY?”

Nhiều thanh niên trẻ tuổi ngày nay vừa bước chân vào cửa đạo, đọc được dăm ba cuốn sách thiền, chưa biết hiếu thảo phụng dưỡng cha mẹ già, đối xử với anh em bạn bè thì tệ bạc gian dối, công việc xã hội thì lười biếng bê trễ... thế mà đã nghênh nghênh tự phụ, mở miệng ra là nói chuyện Tánh Không, Vô Ngã, coi thường thế sự!

Cụ Nam nghiêm khắc cảnh tỉnh: Tu hành hệt như xây một tòa cao ốc chọc trời, nền móng có vững chắc thì tòa nhà mới đứng vững qua giông bão! Nền móng ấy chính là **Đạo Làm Người**!

Hãy học theo khuôn mẫu của Nho gia: Đọc kỹ Tứ Thư Ngũ Kinh, học cách đối nhân xử thế đàng hoàng, trên kính dưới nhường, tận hiếu với song thân, giữ chữ tín với bằng hữu, làm việc có trách nhiệm đến nơi đến chốn.

Nhân đạo viên mãn, tức thị Phật đạo viên thành!

(Đạo làm người mà tu dưỡng trọn vẹn tử tế, thì tự khắc bước lên tòa sen của chư Phật!)

32.5 Bức Tranh Cuối Cùng: Vị Phật Bình Dị Giữa Đời Thường

Và để khép lại pho sách, xin quý vị hãy cùng chúng tôi nhìn lại bức tranh mở đầu ở Phẩm thứ nhất:

Đức Thế Tôn sau khi đại ngộ thành Phật, Ngài sống như thế nào? **Đến giờ ăn, Ngài khoác y mang bình bát lầm lũi đi bộ vào thành khất thực. Khất thực xong, Ngài trở về tịnh xá ngồi ăn cơm. Ăn xong, tự tay Ngài thu dọn bát đĩa, tự tay múc nước rửa sạch đôi chân lấm bùn đất, rồi tự mình cúi xuống vỗ phẳng tấm tọa cụ trên nền đất và ngồi kiết già an nhiên!**

Chẳng có một đệ tử nào hầu hạ trải chiếu cho Ngài, đích thân vị Giáo chủ vĩ đại tự tay làm lấy tất cả mọi việc nhỏ mọn nhất! Ngài vừa mới ăn no xong, toan nhắm mắt nghỉ ngơi một lát thì chú đệ tử Tu-bồ-đề nhảy tót ra hỏi dồn dập! Bụng còn chưa kịp tiêu hóa thức ăn, Ngài đã phải mở lòng từ bi đăng đàn thuyết pháp, nói miệt mài suốt từ buổi trưa hôm ấy cho đến tận đêm khuya hôm nay mới nói xong!

Đó chính là hình ảnh đẹp đẽ và cảm động nhất của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni: **Chân lý tối thượng nằm ngay trong sự bình phàm mộc mạc nhất của cuộc đời!** Ăn cơm, mặc áo, rửa chân, làm việc thiện, sống một đời trong sạch tử tế và buông xả muôn duyên... Toàn bộ pho Kinh Kim Cương viên mãn tròn đầy trong từng bước chân giải thoát ấy!

Hậu Ký: Nhân Duyên Xuất Bản Pho Sách

Có được cơ duyên chỉnh lý toàn bộ bài giảng Kinh Kim Cương của Thầy Nam Hoài Cẩn là một trong những đại hạnh ngộ lớn nhất trong cả cuộc đời tôi. Lợi lạc và sự chuyển hóa tâm thức mà tự thân tôi gặt hái được thực sự sâu rộng đến mức *"bất khả thuyết, bất khả thuyết!"*.

32.6 Nhân Duyên Đặt Tên Sách: Kinh Kim Cương Nói Gì?

Nhiều năm về trước, trong một buổi hội ngộ ấm cúng cùng hơn mười vị nhân sĩ trí thức ngoài xã hội, Thầy Nam cũng từng giảng giải bộ Kinh Kim Cương. Bấy giờ, người bạn đồng môn Lý Thục Quân đã ghi chép lại và cho đăng tải nhiều kỳ trên tạp chí *Nhân Văn Thế Giới*, sau đó gom lại in thành sách dưới nhan đề *"Kinh Kim Cương Biệt Giảng"*.

Sau khi cuốn sách ấy ra mắt, Thầy Nam từng căn dặn người phụ trách nhà xuất bản Lão Cổ tuyệt đối không được tái bản nữa. Thế nhưng vì cuốn sách được đông đảo tầng lớp thanh niên đón nhận nồng nhiệt, nên người ta vẫn cứ liên tục in nối bản nhiều lần. Khi ấy Thầy đang ở nước ngoài, chuyện này cho thấy nỗi bất lực khôn nguôi của người làm thầy trước thị hiếu thế gian.

Nói một cách nghiêm túc, cuốn *Biệt Giảng* trước đây không thể coi là bản ghi chép nguyên vẹn lời Thầy giảng, mà đúng hơn là tập tâm đắc cá nhân của bạn Lý Thục Quân khi nghe Thầy giảng kinh mà thôi. Đổi tên sách và đổi tên tác giả thì mới thực sự chuẩn xác.

Chính vì lý do đó, việc tổ chức nghe lại băng ghi âm và chỉnh lý

lại toàn bộ pho giảng ký Kinh Kim Cương của Thầy đã trở thành một đại kế hoạch được thôi thúc suốt nhiều năm gần đây: Phải ghi lại chính xác từng lời, từng ý, từng câu chuyện của Thầy, tuyệt đối không được pha lẫn ý kiến chủ quan của người biên tập.

Các vị tiền bối như Viên cư sĩ, Vương cư sĩ... đều là những cây bút tài hoa và là những đệ tử theo hầu Thầy suốt hơn hai mươi năm, từng phát tâm muốn chỉnh lý, nhưng rồi vì nhiều duyên cớ bận rộn mà đành gác lại. Khi ấy bạn Cổ Quốc Trị thì đang dốc sức chỉnh lý bộ *Viên Giác Kinh*, bạn Chu Huân Nam thì bận rộn với bộ *Tông Kính Lục* đồ sộ; các huynh đệ khác ai nấy đều trăm công nghìn việc không thể phân thân. Cuối cùng, trách nhiệm nặng nề ấy đành rơi vào tay tôi, coi như kẻ bất tài lấp vào chỗ trống vậy!

Suốt thời gian ấy, vì công việc biên tập của nhà xuất bản Lão Cổ, tôi thường xuyên phải bay đi bay lại giữa hai bờ eo biển Đài Loan và Đại Lục. Hơn một năm trời, trong chiếc túi xách hành lý của tôi lúc nào cũng có tập bản thảo giảng ký này đồng hành, nhờ đó mà những chuyến đi xa dài ngày không hề thấy cô đơn lạnh lẽo. Những đêm khuya thanh vắng nơi đất khách quê người, dưới ngọn đèn bàn lật giở từng trang bản thảo của Thầy, lòng tôi như được uống một liều thuốc thanh lương mầu nhiệm, gột rửa sạch bong mọi bụi bặm phiền toái của những việc thế sự ban ngày. Cảm giác an lạc mầu nhiệm ấy thật khó lòng diễn tả bằng lời, tâm hồn tràn ngập niềm hỷ lạc tán thán vô biên!

Đến tháng Ba năm nay (1992), công việc chỉnh lý rốt cuộc đã hoàn tất viên mãn, gánh nặng trên vai như được trút bỏ, hành lý cũng nhẹ nhõm hơn nhiều. Đầu tháng Tư, nhân chuyến bay sang Bắc Kinh quá cảnh tại Hồng Kông, tôi liền đem toàn bộ tập bản thảo đến đỉnh lễ bái kiến Thầy Nam. Khi ấy, tôi không kìm được niềm xúc động, cứ luyên thuyên thao thao bất tuyệt kể cho Thầy nghe những cảm nhận sâu sắc

của mình trong suốt quá trình biên tập, mình đã được thọ nhận biết bao nhiêu lợi lạc, rồi không ngớt lời trầm trồ khen ngợi: Thầy giảng hay quá! Tuyệt diệu quá! Sâu sắc quá!

Sở dĩ tôi phải liên tục ”lải nhải” nịnh Thầy như vậy là có lý do sâu xa: Bởi vì Thầy Nam đối với việc xuất bản các tập ghi âm bài giảng của mình xưa nay vốn cực kỳ lãnh đạm, thậm chí Thầy còn hay gạt đi, ”đập vỡ chiêng” không cho in ấn! Những người thân cận quanh Thầy đều hiểu rất rõ tính khí này. Thầy thường bảo: *”Ba tạng mười hai bộ kinh điển Đức Phật đã nói hết trơn rồi, mình còn nói cái gì nữa? Tất cả đều là chuyện thừa thãi! Nói xong rồi thì gió thổi mây bay, việc gì mà phải in sách cho chật nhà!”*.

Có lẽ vì thấy tôi cứ bay đi bay lại lải nhải nài nỉ mãi, Thầy động lòng trắc ẩn thương xót đứa học trò kiên trì, bỗng nhiên Thầy buột miệng đặt cho cuốn sách một cái tên hết sức bất ngờ:

《金刚经说什么》

”KINH KIM CƯƠNG NÓI GÌ?”

Trời ơi! Thầy rốt cuộc đã gật đầu đồng ý cho xuất bản rồi! Giây phút ấy, tôi mừng rỡ nhảy cẫng lên, niềm sung sướng không sao tả xiết!

32.7 Trải Nghiệm Thập Tử Nhất Sinh Tại Sân Bay Hồng Kông

Thế rồi, ngay sau đó một biến cố kinh hoàng bất ngờ ập đến, thử thách trực tiếp công phu tu học Kim Cương của chính bản thân tôi:

Chiều ngày 27 tháng Tư, hơn ba giờ chiều, tôi đáp chuyến bay từ Bắc Kinh đến sân bay Khải Đức (Hồng Kông). Sau khi từ bãi đỗ máy bay đi xe buýt vào nhà ga hành khách, tôi bước lên thang cuốn tự động

để chuẩn bị làm thủ tục nhập cảnh. Thang cuốn đang vận hành trơn tru thì bất thần phía trên đỉnh thang có người hốt hoảng la hét thất thanh: *"Đi xuống mau, đi xuống mau, đông quá rồi, kẹt rồi!"*.

Lập tức đám đông phía trước hoảng loạn giẫm đạp lùi lại, trong một tích tắc hỗn loạn, tôi bị dòng người xô ngã nhào xuống các bậc thang sắt sắc nhọn đang chuyển động cuốn xuống!

Khi tôi định thần tỉnh lại, tôi thấy mình đang ngồi bệt trên bậc thang sắt đã được ngắt điện dừng lại. Tôi nhắm nghiền hai mắt, kỳ lạ là toàn thân không hề cảm thấy một chút đau đớn nào. Trong đầu tôi chỉ thản nhiên lóe lên một ý nghĩ: *"Chắc là mình chết rồi! Cũng tốt thôi, chết thì chết, cõi đời này có gì đâu mà bận lòng!"*. Lòng tôi lúc ấy phẳng lặng như tờ, không một mảy may sợ hãi hay tiếc nuối.

Bất chợt, tôi nghe thấy tiếng hành khách chung quanh hốt hoảng kêu lên: *"Trời ơi, cô ấy đang chảy máu đầm đìa kìa!"*. Đồng thời tôi cảm nhận có ai đó đang lấy khăn tay ấn chặt vào trước ngực tôi để thấm máu.

Tôi khẽ hé mắt nhìn xuống, thấy máu tươi từ trên đỉnh đầu và cổ đang tuôn xối xả ướt đẫm cả vạt áo ngực! Tôi lại bình thản nhắm mắt lại, chẳng thèm đoái hoài quan tâm, buông xả sạch trơn toàn bộ thân xác máu thịt này về với cõi Chân Không. Tại sao tôi lại làm được như vậy? Bản thân tôi cũng chẳng hiểu nổi, dường như mọi sự diễn ra hoàn toàn thuận theo tự nhiên mà thôi.

Lúc ấy, tâm trí tôi sáng suốt lạ thường, vô cùng tĩnh lặng. Ba chữ **"THIỆN HỘ NIỆM"** mà Thầy Nam giảng giải bỗng nhiên lóe sáng rực rỡ trong tâm khảm! Cứ thế mà hộ trì tâm niệm thôi, mặc kệ sống hay chết! Tôi vẫn bình tĩnh trả lời rành rọt các câu hỏi của nhân viên sân bay, đọc cho họ số điện thoại của người bạn Tố Mỹ ở Hồng Kông để liên lạc... Người ta đưa tôi lên xe lăn đẩy qua cửa khẩu, lấy hành

lý, đưa vào phòng y tế sân bay băng bó tạm rồi chuyển thẳng đến bệnh viện Queen Elizabeth (Nữ hoàng Elizabeth) cấp cứu...

Suốt cả chặng đường cấp cứu ấy, tôi tùy duyên hộ trì tâm niệm như như bất động, không suy nghĩ vẩn vơ, không buồn rầu mà cũng chẳng mừng rỡ, lòng thanh thản nhẹ tênh...

Vào phòng cấp cứu kiểm tra, chẳng trách máu tuôn xối xả: Da đầu tôi bị toạc một vết rách sâu hoắm, may mà xương sọ không bị nứt vỡ. Bác sĩ bảo vết thương này phải khâu năm mũi, nhưng lại giải thích rằng vết thương trên đỉnh đầu nhiều mạch máu nên không thể tiêm thuốc gây tê, bắt buộc phải khâu sống trực tiếp!

32.8 Mũi Kim Rỉ Sét Và Bài Học Nhẫn Nhục Ba-La-Mật

Bác sĩ cầm cây kim cong luồn sợi chỉ y tế đâm phụt một nhát xuyên qua mép da đầu bị rách! **"Á... Á... BÁC SĨ ƠI!"** — Tôi đau đớn đến mức hét toáng lên, cả người run bắn! Bao nhiêu công phu thanh tịnh nãy giờ bỗng chốc tan biến sạch trơn! Trong tâm tôi bùng lên một trận cuồng phong bão táp giận dữ và đau đớn!

Hóa ra đứng trước lưỡi dao hòn đạn thử thách bằng xương bằng thịt thật, tôi chỉ là một kẻ **phàm phu trăm phần trăm**, không hơn không kém! Miệng nói buông xả vô ngã rất hay, nhưng vừa bị kim đâm một nhát là ngã chấp lồng lộn hiện nguyên hình!

Đau quá không chịu nổi, tôi liền kêu la ầm ĩ: *"Bác sĩ ơi! Cây kim của bác sĩ chắc chắn bị rỉ sét rồi! Làm ơn rút ra mài lại cho sắc giùm tôi với!"*.

Vị bác sĩ đang tập trung khâu vết thương chẳng thèm để ý đến lời tôi kêu ca. Đứng bên cạnh giữ chặt đầu tôi là một anh nam y tá người

Hồng Kông, anh nghe tôi kêu liền bật cười, dùng giọng Quan Thoại pha thổ ngữ Quảng Đông khuyên nhủ:

"Cô này lúc này mà còn đùa được à! Kim khâu của chúng tôi mới tinh bén ngót đấy chứ! Cô bác sĩ phẫu thuật tay nghề cũng siêu đẳng lắm đấy! Cô đừng có nghĩ tới nó nữa thì tự khắc sẽ hết đau thôi mà!".

Một câu nói mộc mạc của anh y tá bỗng nhiên như một tiếng chuông cảnh tỉnh đập thẳng vào tâm thức tôi! Tôi chợt giật mình nhớ lại công án trong Kinh Kim Cương: Thuở xưa tiền thân Đức Phật làm Nhẫn Nhục Tiên Nhân, bị bạo chúa Ca-lợi vương dùng dao xẻo đứt từng cánh tay, cắt từng miếng thịt trên thân thể... Thế mà Ngài không hề khởi một niệm sân hận oán thù, đạt đến chỗ Vô ngã tướng, Vô nhân tướng!

Đức Phật đối với kẻ bạo tàn hãm hại mình mà còn từ bi nhẫn nhục buông xả được như thế; còn người bác sĩ này đang tận tâm khâu vá để cứu sống mạng tôi cơ mà! Người ta cứu mình mà mình lại gào thét trách móc, há chẳng phải là quá đỗi hổ thẹn hay sao? Đây chẳng qua chỉ là mũi kim xuyên qua lớp da giả tạm mà thôi, mau mau buông sạch mọi hình tướng đi!

Tôi nhắm mắt lại, dốc hết tâm lực buông xả mọi cảm giác nơi thân xác. Tôi không biết mình đã buông xả được bao nhiêu phần, nhưng kỳ diệu thay: **Bốn mũi khâu tiếp theo sau đó, tôi hoàn toàn không còn cảm thấy đau đớn dữ dội như mũi đầu tiên nữa!** Có lẽ... mũi kim của cô bác sĩ lúc ấy đã được mài trơn tru sắc bén thật rồi chăng?

32.9 Lời Kết: Không Khổ Tức Là Vui

Biến cố thập tử nhất sinh ấy trôi qua đã hơn một tháng. Đời người vốn dĩ là một chuỗi ngày đại khổ không ngừng dồn dập, tiểu khổ liên miên

tiếp nối. Cái khổ của kiếp nhân sinh, có lẽ chỉ có thể tìm thấy sự giải thoát ngay trong chính sự nếm trải khổ đau mà thôi!

Chư đại thiền sư ngày xưa thường dạy: Muốn ngộ đạo thì bắt buộc phải **đại tử nhất phiên** (chết đi một phen thật sự nơi vọng niệm). Có lẽ chính trong tột cùng của đau đớn và hiểm nguy, con người ta mới thực sự thấu triệt được thế nào là giải thoát. Không nếm trải cay đắng khổ đau thì làm sao thấu hiểu được giá trị của sự vượt thoát khổ đau? Không kinh qua biển khổ thì làm sao tìm thấy bến bờ an lạc chân thật?

Đúng như lời Thầy Nam Hoài Cẩn đã đúc kết sâu sắc trong pho sách này:

“不苦就是乐。”

”HẾT KHỔ, TỨC CHÍNH LÀ VUI!”

Lưu Vũ Hồng kính ghi

Ngày 3 tháng Sáu năm 1992, tại Đài Bắc